

CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT - BIÊN KHẢO

SỐ 42 - XUÂN 2008



CỎ THƠM

ISSN 1089-027



CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM

PHAN KHÂM

NHÓM CHỦ BÚT

NGÔ TĂNG GIAO.

TRẦN BÍCH SAN. BÌNH HUYỀN.

PHẠM VĂN TUẤN.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

www.cothommagazine.com

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (703) 471-1271 - FAX (703) 471-1196

EMAIL: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. QUỲNH ANH. Ý ANH.

TRẦN QUỐC BẢO. VIỆT BẰNG.

HẢI BẰNG H.D.B. NGUYỄN NGỌC BÍCH.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH.

ĐINH CƯỜNG. HOÀNG DUNG.

PHAN ANH DŨNG. VŨ THÁI HÒA.

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG. VŨ HỐI.

PHAN KHÂM. VI KHUÊ. NGUYỄN LÂN.

NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.

CAO MỸ NHÂN. ĐẶNG NGUYỄN.

NGUYỄN VĂN THÀNH. TIỂU THU.

HÔNG THỦY. TRƯƠNG ANH THỤY.

LÊ THƯƠNG. BÙI THANH TIÊN.

THANH TRANG. HÀ BÌNH TRUNG.

TẠ QUANG TRUNG.

NGUYỄN ĐĂNG TUẤN.

NGUYỄN TƯỜNG VÂN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

HÔNG PHÚC: Dallas, TX

NGUYỄN ĐĂNG TUẤN: Riverview, FL

TIỂU THU: Québec, CANADA

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

BÌNH HUYỀN: FRANCE

VŨ NAM: GERMANY



THÁNG 03 NĂM 2008

MỤC LỤC

	TRANG
VŨ THÁI HÒA: tranh Gái Xuân	Bìa
NGUYỄN T. N. DUNG: Lá Thư Xuân	4

BIÊN KHẢO

VŨ QUỐC THÚC:	7
Gió Đưa Cành Trúc La Đà.	
PHẠM THỊ NHUNG:	11
Cô Kiều Với Phạm Quỳnh.	
NGUYỄN VĂN THÀNH:	19
Một Vài Cảm Nghĩ Về Án Tử Hình.	
THẢO NGUYỄN: Dịch “Sơn Cư Mạn Hứng” của Nguyễn Du.	30
THẢO NGUYỄN: Dịch “Sơn Cư Mạn Hứng” của Nguyễn Du.	30
DIỆU TẤN: Hồ Trường An với “Quê Nam Một Cõi”	32
KIM LAM: Các Giải Thưởng Văn Chương Ở Miền Nam Việt Nam Trước 1945.	36
PHẠM VĂN TUẤN: Friedrich Nietzsche	41
TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO: Giới thiệu Thơ Tình Hoàng Trùng Dương	49
TRẦN BÍCH SAN: Giới thiệu <i>Non Nước Đá Vàng</i> , Tình Yêu Không Tuổi, của Nguyễn thị Ngọc Dung.	55
HỒ TRƯỜNG AN: Theo Vết Chân Của Nữ Thần Thi Ca Sapho	57
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Hoa Rụng Trong Thơ Xuân	67
NGUYỄN NGỌC BÍCH: Giới Thiệu Trời Đất của Võ Đình.	77
NGUYỄN PHÚ LONG: Chơi Câu Đối	81

TÁC GIẢ CỔ THƠM

PHẠM VĂN TUẤN: Biên Khảo Gia	48
HOÀNG TRÙNG DƯƠNG: Nhà Thơ	54
VƯƠNG ĐỨC LỆ: Cổ Thi Sĩ	194

THƠ

TUỆ NGA: Thơ Cười Đón Nắng	31
HUỆ THU: Xuân Hy Vọng	34
HOÀNG BẠCH MAI: Hoa Xuân	42
DR. NGUYỄN VĂN BÁ, NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, LÝ HIẾU NGUYỄN PHÚ LONG, NGƯỜI ĐÀ LẠT:	85
Câu Đối Tết Năm Mậu Tý.	
CAO MỸ NHÂN:	87
Nhịp Tim Với Nguồn Thơ	
VÂN NƯƠNG Inc: Chất Sám	
LÝ HIẾU: Hoài Xuân	88
ĐẶNG NGUYỄN: Xuân	
KIỀU ANH: Chờ Xuân	
YÊN VI: Xuân Viễn Xứ	
HỒNG THỦY: Nhớ Anh Vương Đức Lệ	89
HOÀNG DUNG: Rất Thu	
BÌNH HUYỀN:	90
Bài Ca Thần Thánh Biển Đông	
HOÀNG TRÙNG DƯƠNG: Xuân Lạnh	
VIỆT BẰNG: Trên Môi Anh	91
Thiếu Một Vệt Sơn Môi.	
SƯƠNG MAI: Nắng Và Người Ấy	
HOÀNG SONG LIÊM:	92
Lại Một Tháng Tư Đen	
TẠ QUANG TRUNG: Bé Gái Sơn La	93
Ý ANH: Thất Thủ; G	96
TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO ĐƯỜNG HOA (xướng)	
NGUYỄN T. N. DUNG : Đời Hoa (họa)	

NHẠC

TRỊNH HÙNG: Thân Phận (phổ thơ Hoàng trùng Dương)	86
HUY LẮM: Gió Quyện Tình Xuân (phổ thơ Bùi Thanh Tiên)	97
QUỲNH ANH: Mơ Xuân	114
PHAN KHÂM: Chân Trời Xuân Phong	135

PHẠM T. NHUNG: Về Thăm Cố Hương	148
BÙI THANH TIÊN: Xuân Cửa Thiên	157
HÀ BÌNH TRUNG: Lỡ Dỡ	176
HOÀNG TRÙNG DƯƠNG: Tiễn Biệt	194
HỒNG THỦY: Nhớ Anh Vương Đức Lệ	195

HỌA

VŨ THÁI HÒA:	5
ĐÌNH CƯỜNG:	186

VĂN

VÕ ĐÌNH: Hội Kín	79
NGUYỄN TẤN PHƯỚC: Con Người Tị Nạn VN Hải Ngoại Cần Nên Sống Với Triết Thuyết Hiện Hữu Và Hiện Sinh.	99
VĂN QUANG: Tình Ngỡ đã Qua Đi	103
PHẠM THÀNH CHÂU: Buổi Chiều Ở Thị Trấn Sông Pha	111
NGUYỄN THỊ XUÂN NGA: Tình Thầy Trò Quốc Gia Nghĩa Tử	119
LÊ LUYỄN: Thuyền Trôi. Ngày Đợi Sáng	121
HỒ CÔNG TÂM: Gọi Tuổi Trẻ Xuống Đường Làm Lịch Sử	130
NGUYỄN LÂN: Màu Thời Gian	131
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Bước Lạ Đường Quê.	141
ĐỖ PHÚ: Bằng Hữu Gần Xa	150
NGUYỄN KÝ PHONG: Tưởng Niệm Đại Tướng Cao Văn Viên.	155
VŨ NAM: Hương Thơm Ngày Cũ	166
TIỂU THU: Âu Ô... Gió Đưa Bụi Chuối	173
LÊ THƯỜNG: Mua Vui Với Truyện Kiều	180

GIAO ĐIỂM

VI KHUÊ: Sông Hương Có Một	187
T.N.H.: One By The Perfume River	

KENNETH PATCHEN: Fall Of the Evening Star	188
KIM VŨ: Sao Hôm Rơi Rớt	
NGUYỄN LÂN: Xuân Thủy Tiên.	189
DIỄM HOA: Le Magique Printemps de Thuy Tien.	
YÊN VI: Love, Still	191

HÌNH ẢNH SINH HOẠT	190
VĂN HÓA, VĂN HỌC NGHỆ THUẬT	

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

RÌ RÀO SÓNG VỖ: Huy Trâm	196
DỊCH THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN DU: Thảo Nguyên	
HOA TÌNH NỞ MUỘN: Hoàng Bạch Mai	
THƠ TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG	

CƠ SỞ THƯƠNG MẠI

Bìa trong trước: Hà Nguyễn & Associates	
Bìa trong sau: Ivan M. Waldman & Associates	
Phòng Mạch Bác Sĩ Nguyễn T. Kim Dung	197
Buddy Photo	
Sovereign Realty, Inc	198
Phòng Mạch Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân	
Lạc Việt Gallery	199
Phòng Mạch Bác Sĩ Võ Đạm	
Westgate Realty Group, Inc.	200
Harvest Moon Restaurant	201
Danh Sách Mạnh Thường Quân	202
Phiếu Tham Dự Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm	203
Phiếu Mua Báo	
Tủ Sách Hội Viên Cổ Thơm	204



LÁ THƯ XUÂN

Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm là tập báo có khuynh hướng văn học, nghệ thuật, không ở trong địa hạt chính trị, kinh tế, xã hội. Nhưng trước tin tức sôi sục vì Nhà Nước Việt Nam để Trung Cộng chiếm hai Đảo Trường Sa và Hoàng Sa, Cổ Thơm không thể im lặng. Ngoài những phản kháng mãnh liệt bằng cách biểu tình, đình công, bãi thị, còn một cách phản kháng đối phương mà không tốn công, tốn của, già trẻ lớn bé đều có thể làm được là tẩy chay, không thềm mua hàng hóa Trung Cộng, không thềm du lịch Nước Tàu. Hãy để ra một phút suy tư, để ý thức vấn đề lịch sử. Văn nhân, thi, nhạc, nghệ sĩ không thi hành được điều này thì những câu văn thơ thương nhớ quê hương, tổ quốc chẳng còn ý nghĩa gì.

Một chuyện “vô ý... hay vô ý thức” nữa là một tờ báo đã đưa ra một bích chương có cờ đỏ sao vàng, cờ vàng ba sọc đỏ lẫn lộn và mấy cái chậu ngâm chân bằng plastic màu vàng với ba đường viền màu đỏ mà kẻ làm ra nó gọi là tác phẩm nghệ thuật thì chẳng khác nào khinh thường, chà đạp lên nghệ thuật. Ô hô ai tai!

Còn chuyện buồn và thêm tang tóc nữa là thời tiết mùa đông ác nghiệt vừa qua đã tiễn đưa trước sau một ngày, hai danh nhân của chúng ta: Thi Sĩ Vương Đức Lệ và Cố Đại Tướng Cao Văn Viên.

Được Nhà Văn Nguyễn Đức Nam giới thiệu trong nghi lễ tiễn đưa người quá cố, Nguyễn Thị Ngọc Dung thay mặt Tam Cá

Nguyệt San Cổ Thơm, lên máy vi âm ngữ vài lời phân ưu cùng tang quyến và cảm tạ Thi Sĩ Vương Đức Lệ với tinh thần ủng hộ cao cả đã gửi thơ thường xuyên cho Cổ Thơm đăng tải. Và, Ngọc Dung đã đọc bài thơ cuối cùng “Bên Dòng Nại Hà” của Vương Thi Sĩ đăng trong số báo mùa Đông, để tưởng niệm nhà thơ quá cố.

Thưa quý vị, chuyện đau, chuyện buồn, chuyện mất mát trên thế gian còn nhiều, nhiều lắm, báo chí, vô tuyến truyền hình, truyền thông tường thuật từng giây, từng phút. Vườn hoa Cổ Thơm là nơi để quý vị giải khuây, giải độc, quên hết chuyện buồn, chúng tôi không dám làm phiền quý vị nhiều hơn nữa. Sau đây xin kể vài chuyện vui.

Trong mục Giới Thiệu Sách Báo Mới của Tam Cá Nguyệt San số này quý vị sẽ thấy có tập truyện ngắn *Rì Rào Sóng Vỗ* của Văn Thi Nhạc Sĩ Huy Trâm đến từ California. Giới yêu chuộng văn học nghệ thuật và thân hữu vùng Hoa Đô trong số đó có Nguyễn Thị Ngọc Dung đã được tham dự buổi ra mắt *Rì Rào Sóng Vỗ*. Có tới hơn 100 quan khách tham dự buổi ra mắt sách được tổ chức tại tư gia của Luật Sư Nguyễn Hữu Dụng và phu nhân Trúc Mai, một độc giả hội viên Cổ Thơm. Khung cảnh thật trang trọng như một *salon littéraire* lý tưởng. Vì “trong nghề”, thông cảm với tác giả, tiện nữ đã xung phong bán sách, mời chào quan khách thưởng thức *Rì Rào Sóng Vỗ* nên tác

phẩm được chiếu cố rất nhiều. Xin mừng tác giả Huy Trâm.

Trong dịp tất niên qua, Tam Cá Nguyệt San đã theo nhà Xuất Bản Tổ Hợp Cảnh Nam của Học Giả Nguyễn Ngọc Bích, Tiến Sĩ Giáo Sư Đào Thị Hợi, Nữ Sĩ Trương Anh Thụy, đi bán sách báo chợ Tết Cao Niên tại Mclean và chợ Tết Cộng Đồng tại Falls Church, Virginia. Chợ Tết nào cũng giống chợ Tết nào, đông đảo, đủ các mặt hàng quà, bánh kẹo, hoa quả. Tiếng nhạc, tiếng ca tưng bừng náo nức.

Dễ thương nhất là được nhìn thấy các em bé trai gái bé tí teo xúng xinh áo dài gấm xanh vàng hồng đỏ, môi má cũng đỏ hồng như các tiên đồng ngọc nữ.

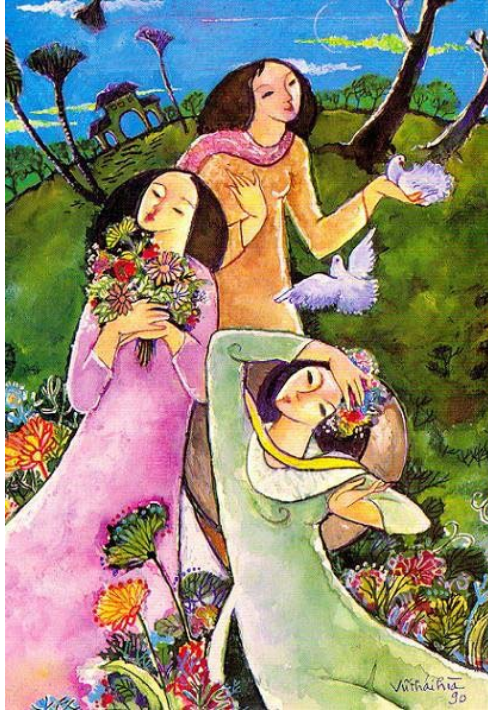
Cả mấy chợ Tết mà chỉ có một bàn sách của Tổ Hợp Cảnh Nam. Tuy bán sách báo chẳng làm giàu nhưng là cái nghiệp phổ biến văn chương, văn học, văn hóa Việt Nam như Nữ Sĩ Trương Anh Thụy nói và thật là vui khi có độc giả khen ngợi sách của ta hoặc của tác giả khác mà ta xuất bản. Phải công nhận các sách của Tổ Hợp Cảnh

Nam đều được chọn lựa, có giá trị cao. Độc giả Cỏ Thơm, chị Lương Thu Thủy đã

mua tất cả sách của Nguyễn Thị Ngọc Dung và của Hồ Trường An mà Tổ Hợp Cảnh Nam và Cỏ Thơm xuất bản. Cô con gái của chị Lương Thu Thủy trả tiền hết cho mẹ và còn nói rằng: “Cháu đọc tất cả các sách của Nhà Văn Hồ Trường An mà cháu mua được.” Họ đã mua một lúc 3 cuốn của Hồ Trường An: *Theo Chân Những Tiếng Hát*, *Giai Thoại Văn Chương Náo Nức Hội Trăng Rằm* và *Non Nước Đá Vàng* mới xuất bản của Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Một độc giả Cỏ Thơm nữa là chị Mai Thị Bầy nói rằng đi

khắp Virginia mà không có tiệm sách nào để mua sách của Nguyễn Thị Ngọc Dung nên đã mua bốn cuốn: *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, *Một thoáng Mây Bay* và *Non Nước Đá Vàng* của tác giả. Xin ghi lại đây lòng tri ơn và cảm phục những vị độc giả yêu chữ nghĩa, thích đọc sách, đã ghé gian hàng sách độc nhất tại Chợ Tết Virginia vừa qua.



Gái Xuân Tranh Vũ Thái Hòa

Ngày Mồng 4 Tết, tại tòa soạn Cỏ Thơm cũng có một buổi họp mặt đầu năm. Dù vài nhân vật khiếm diện vì có họp mặt Tết nhất gia đình, nhưng hơn 36 tác giả và độc giả trong vùng đã tham dự với đầy thức ăn, bánh, trái, rượu, thơ, đàn nhạc, ca hát, chuyện trò vui vẻ. Cỏ Thơm cũng được văn nhân, thi sĩ ưu ái lì xì và cho niên liễm để ngân quỹ báo được hên đầu năm. Xin quý vị độc giả xem mục Hình Ảnh Sinh Hoạt của Cỏ Thơm trong số này.

Trong buổi họp 10 tháng 2 đó, Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung một lần nữa lại mời các vị có mặt đứng ra nhận lãnh chức vụ Chủ Bút Cỏ Thơm. Nhưng cũng như những lần trước kia, không vị nào xung phong. Chủ Nhiệm Cỏ Thơm đã quyết định tự bỏ chức vụ kiêm Chủ Bút tạm thời từ 2 năm nay, thành lập “Nhóm Chủ Bút” và mời được bốn tác giả thường xuyên, nhiệt tình đồng tâm hiệp lực, thực thụ nhận lãnh trách nhiệm đó là: Văn Thi Sĩ Ngô Tăng Giao, Biên Khảo Gia Trần Bích San, Biên Khảo Gia Phạm Văn Tuấn, Đồng Tác Giả Bình Huyền. Và, Nguyễn Thị Ngọc Dung vẫn ở lại trong Nhóm Chủ Bút, làm gạch nối giữa các tác giả khác và các độc giả Cỏ Thơm nếu cần.

Quý vị mở trang đầu của báo Cỏ Thơm số này, sẽ thấy có vài thay đổi về nội bộ và cách trình bày giản dị, gọn gàng hơn. Nhóm Chủ Bút hùng hậu hơn. Ban Biên Tập đông đảo hơn. Chắc chắn Cỏ Thơm càng vững vàng, thăng tiến hơn nữa. Tuy nhiên, vẫn cầu mong sự tiếp tục ủng hộ của quý độc giả, quý tác giả địa phương, nội ngoại Hoa

Kỳ, năm châu, bốn bể mới đạt được mục đích đó.

Thưa quý vị, ngày tư ngày Tết nhộn nhịp của người Việt Hải Ngoại rồi cũng qua đi, mùa Xuân Âu Mỹ hài hòa ấm áp vừa mới bắt đầu. Hoa anh đào, *daffodils, tulips, penses* và hàng trăm thứ hoa khác... đủ màu rực rỡ đang thi nhau đua nở. Cảnh vật khắp nơi đẹp như những bức tranh ấn tượng, trừu tượng tuyệt vời, thơ mộng. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đã bước vào mùa Xuân thứ 13. Tuổi 13 của một cô bé, một cậu bé là tuổi ngơ ngác mắt nai, tuổi đẹp nhất của cuộc đời, chập chững những bước đầu tiên của tuổi vị thành niên non nớt, thơ ngây... Các cô, các cậu cứ tưởng chưa yêu mà thực ra đã biết yêu, cứ tưởng đã biết yêu mà thực ra chưa yêu...

Nhưng tuổi 13 của Cỏ Thơm thì được coi như đã già dặn rồi. Nhìn xung quanh, có báo văn học, nghệ thuật nào đứng độc lập, tự túc, tự cường mà đứng vững với số năm tháng đó trên đường phục vụ văn học bất vụ lợi? Xin quý vị cùng chúng tôi mừng cho Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm!

Một sự trùng hợp, năm nay Cỏ Thơm mừng ngày sinh nhật cũng vào ngày 13 của tháng 4, năm 2008, có dạ tiệc, dạ vũ tại Nhà Hàng Harvest Moon. Phần văn nghệ sẽ do các nghệ sĩ tài năng của Cỏ Thơm giúp vui. Mong được sự ủng hộ, tham dự đông đảo của quý vị.

Kính chúc quý vị một mùa Xuân bình an, hạnh phúc.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

GIÓ ĐƯA CÀNH TRÚC LA ĐÀ

VŨ QUỐC THỨC

Mới đây tôi được đọc trên mạng lưới Internet một bài phiếm luận lý thú về hai câu thơ, thời tiền đô hộ Pháp. Đó là hai câu lục bát:

*Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương*

...

Ngay từ hồi còn học ở Trường Thành Chung Nam Định (1934 - 1937), tôi đã được đọc hai câu thơ này, nhưng không phải là tiếng chuông Thiên Mục mà là tiếng chuông Trấn Vũ. Theo tôi nhớ thì đây là hai câu đầu của một bài thơ tứ tuyệt:

*Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương,
Mịt mù bãi cát màn sương,
Nhịp chày Yên Thái, bóng gương Tây Hồ..*

Thiên Mục là tên một ngôi chùa danh tiếng ở ngoại thành Huế, còn Trấn Vũ là tên một ngôi chùa cũng rất nổi danh ở phía tây thành Thăng Long cũ (tức Hà Nội). Vậy thì địa danh nào mới đáng coi là chính xác? Dĩ nhiên những ai sinh trưởng ở miền Trung, đặc biệt ở vùng Thừa Thiên, có xu hướng chọn địa danh Thiên Mục. Trái lại những người gốc miền Bắc tin rằng địa danh Trấn Vũ mới đúng sự thật.

Bản thân kẻ viết bài này không bao giờ có đầu óc địa phương phi lý như vậy: trái lại chúng tôi rất trân quý đồng bào miền Trung.

Tuy nhiên khi bàn về một đề tài liên can tới văn học sử chúng ta cần phải khách quan và tôn trọng tinh thần khoa học. Tôi tin rằng tiếng chuông trong câu thơ trên là chuông chùa Trấn Vũ vì những lý do sau đây.

Trước hết, địa danh Trấn Vũ không đưa ra một cách đơn lẻ mà đặt trong một tổng thể gồm 4 địa danh: Trấn Vũ, Thọ Xương, Yên Thái, và Tây Hồ. Cả bốn địa danh này đều thuộc một khu vực chung là vùng tây cố đô Thăng Long, tức Hà Nội cũ. Chùa Trấn Vũ là một thắng cảnh nằm trên đường Cổ Ngự, một đường đê ngăn cách Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch. Thọ Xương là tên cũ của một huyện sát thành Thăng Long, trên bờ Hồ Tây, trong đó có những làng danh tiếng như làng Bưởi, làng Thụy Khê, làng Yên Thái, vân vân... Đặc biệt là làng Yên Thái chuyên nghề làm giấy bản: trong làng suốt ngày vang tiếng chày giã bột giấy của nhân dân. Như vậy toàn bài thơ tứ tuyệt liên can tới một vùng nhất định là vùng ngoại thành phía Tây của cố đô Thăng Long. Nếu cho là tiếng chuông của chùa Thiên Mục thì làm sao giải thích được sự hiện diện trong cùng câu thơ của huyện Thọ Xương, một nơi cách xa Huế hàng nghìn dặm?

Đọc bài thơ tứ tuyệt nói trên, ta có thể mừng tượng là tác giả đã sáng tác ở đâu trong hoàn cảnh nào. Rõ ràng là lúc đó ông (hay bà?) ta đang ngụ ở một nơi trông ra Hồ Tây cách chùa Trấn Vũ cũng như làng Yên Thái không xa lắm nên mới nghe được tiếng chuông chùa cũng như tiếng chày giã bột

giấy của dân làm giấy. Trước biến cố ngày 9 tháng 3 năm 1945 kẻ viết bài này từng cư ngụ ở đường Pépinière, một con đường đi từ đường Quan Thánh qua trường Bưởi (tức Lycée du Protectorat sau đổi tên là trường Chu Văn An), tới Vườn Ươm Cây của Thành Phố Hà Nội (vì thế con đường mới mang tên Pépinière) rồi tới các làng Thụy Khê, Yên Thái. Đứng trên gác ngôi nhà tôi cư ngụ, nhìn qua cửa sổ có thể thấy Vườn Ươm Cây và đằng xa là mặt nước Hồ Tây. Như vậy việc tác giả bài thơ thuật rằng mình nhìn thấy mặt nước Hồ Tây sau bãi cát phủ sương mù ở bờ hồ đồng thời nghe thấy tiếng chuông chùa Trấn Vũ và tiếng chày giã bột giấy của dân làng Yên Thái, là việc có thực, không phải bịa đặt để thi vị hóa. Tác giả đã ngẫu hứng vào lúc nào? Theo tôi nghĩ lúc đó là bình minh vì bốn chữ canh gà Thọ Xương. Hồi theo cấp tiểu học, tôi từng thuộc lòng một bài thơ khác khởi đầu như sau:

Trống canh năm gà vừa gáy sáng,

Bình mắt dậy trời đã rạng đông!

Ngắm phong cảnh đẹp vô cùng:

Hỏi ai theo dệt? Ấy Ông Thọ Trời!

Tác giả không nói tới tiếng trống cầm canh của đồn Thọ Xương mà lại nói tiếng gà gáy. Tất nhiên gà gáy vào lúc bình minh chứ không gáy ban đêm: có lẽ tiếng gà gáy đã vang lên cùng lúc với tiếng trống điểm canh năm chẳng? Vì thế tác giả mới nảy ra ý nghĩ ngộ nghĩnh là con gà gáy điểm canh! Đây là một nghệ thuật chơi chữ táo bạo của các nhà thơ, nhà văn, có dụng ý đánh động sự hiếu kỳ của độc giả hay thánh giả. Từ xưa đến nay đã ai thấy gà gáy điểm canh suốt đêm đâu!

Chẳng trách có người đã hiểu lầm và dịch canh gà Thọ Xương là chicken soup of Thọ Xương (bouillon de poulet de Thọ Xương)!

Tiếng chuông chùa cũng như tiếng chuông giáo đường thường có ảnh hưởng gây xúc động trong tâm hồn những người nhạy cảm. Thời Nhà Đường, một thi sĩ Trung Hoa, ngủ trên thuyền ở bến Cô Tô, giữa đêm bỗng nghe thấy hồi chuông từ chùa Hàn San vọng lại. Ông ta ngẫu hứng đã sáng tác một bài thơ trữ danh trong đó có hai câu:

Cô Tô thành ngoại Hàn San Tự

Dạ bán chung thanh nào khách thuyền!

(Thuyền ai đậu bến Cô Tô

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San)

Hồi chuông mà tác giả của chúng ta đã nghe thấy không có tính cách bất thường như hồi chuông giữa đêm khuya của chùa Hàn San: đó chỉ là hồi chuông được giống lên mỗi buổi sáng. Tuy nhiên đối với những người đang có chuyện ưu tư hay phiền não nó nhắc nhở cho họ rằng mọi sự trên cõi đời trần tục này đều là vô thường!

Đánh tan tục niệm hồi chuông sớm!

Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa!

Tác giả của chúng ta có ở trong trạng thái tâm thần đó không? Ta không thể quyết đoán, chỉ biết chắc rằng ông (hay bà) ta đã chú tâm đến hồi chuông này. Có thể thôi!

Dựa trên các chi tiết trong bài thơ, tôi giả thiết như sau: tác giả vừa thức dậy, nhìn ra ngoài vườn thì thấy nhiều cành trúc trong bụi trúc trước nhà la đà trước gió, rồi nghe thấy tiếng chuông ban mai của chùa Trấn Vũ vang dội cùng lúc với tiếng gà gáy từ phía đồn canh của Huyện lỵ Thọ Xương.

Tác giả thâm nghĩ "Thật chẳng khác chi con gà đã thay lính cầm canh báo cho ai nấy biết rằng canh năm tới rồi!". Tác giả nhìn về phía bãi cát ở bờ Hồ Tây, thì thấy sương mù mờ mịt. Mặc dù còn tranh tối tranh sáng như vậy, đã nghe thấy tiếng chày giã bột giấy của dân làng Yên Thái. Rồi qua màn sương, tác giả thấy mặt nước Hồ Tây lóng lánh như một tấm gương vĩ đại... Ngẫu hứng nhà thơ đã sáng tác bốn câu lục bát, còn được truyền tụng cho đến ngày nay.

Rõ ràng đó là một bài thơ tả cảnh, rất hiện thực. Tuyệt nhiên không phải là thơ tả tình vì không có một câu nào, một từ nào, nói lên tình cảm của chủ thể. Điều bất ngờ là do các biến chuyển của thời cuộc, bài thơ đã được dùng như một thông điệp để biểu lộ một thái độ chính trị.

a) Sự biến chuyển thứ nhất là việc nước Pháp chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa (1863) rồi đặt nền bảo hộ trên hai miền Bắc Kỳ và Trung Kỳ (1884). Lợi dụng tình trạng khiếp nhược của Triều đình Huế, nhà cầm quyền Pháp đã dần dần biến chế độ bảo hộ trên giấy tờ thành một chế độ trực trị trong thực tế. Những thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định ở Bắc Kỳ hoàn toàn do các cai trị viên Pháp quản lý. Bộ mặt của những thành phố này thay đổi sâu xa. Trước cảnh tang thương ấy, nhiều sĩ phu cựu học cảm thấy nhớ tiếc thời đất nước còn tự chủ: thời Hà Nội còn gọi là Thăng Long với những hình ảnh, những âm thanh được ghi trong bài thơ tứ tuyệt "Gió Đưa Cành Trúc La Đà"... Các cụ đã ngâm nga bài này để nói lên tâm trạng hoài cổ của mình và gián

tiếp bày tỏ nguyện vọng cần vương phục quốc. Nhưng sau sự thất bại của các nhà kháng chiến như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thiện Thuật... của các phong trào duy tân như Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, sau khi thấy các vị vua có tinh thần đấu tranh như Hàm Nghi, Duy Tân, Thành Thái bị lưu đày ra hải ngoại... nhiều cụ đã chán nản, chua chát ghi nhận những sự thật ngang tai chướng mắt. Thí dụ: Cụ Tú Trần Kế Xương trong mấy câu:

Vợ lăm le ở vú!

Con tấp tễnh đi bồi!

Khách hỏi nhà Ông đến:

Nhà Ông đã bán rồi!

b) Sự biến chuyển thứ hai xảy ra trong những năm đầu của thập kỷ 1930. Sau khi những âm mưu khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng và của Đảng Cộng Sản Đông Dương bị nhà cầm quyền thuộc địa thẳng tay đàn áp, Pháp áp dụng chính sách "lập lờ đánh lộn con đen" với hy vọng ru ngủ nhân dân hai miền Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Vua Bảo Đại được Pháp đưa về hồi loan chấp chính, Triều đình Huế được tân trang với sự bổ nhiệm một số nhân vật tân học vào Viện Cơ Mật nhưng cơ cấu chính trị và hành chính vẫn giữ nguyên vẹn với các định chế lỗi thời như định chế quân chủ thiên mệnh, định chế quan lại, định chế xã thôn tự trị... Nguyện vọng của các tổ chức đấu tranh và những người yêu nước là phải canh tân toàn diện chứ không phải là cải cách nửa vời, giả dối! Bài thơ "Gió Đưa Cành Trúc La Đà" bị coi như tượng trưng xu hướng thủ cựu, một xu hướng chỉ có lợi cho nhà cầm quyền thuộc địa. Sau khi vua Bảo

Đại bổ nhiệm sáu vị thượng thư "tân học" để thay thế lục bộ cũ, tuần báo hài hước Phong Hóa đã đăng một bức hí họa trong đó sáu cụ "Thượng mới", quần tròn áo dài, đeo thẻ bài lủng lẳng, chen chúc nhau trên một con thuyền nhỏ bé lênh đênh trên sông Hương. Dưới bức họa ghi hai câu thơ lục bát:

Gió đưa cành trúc la đà

Một thuyền chật ních bài ngà thượng thư ...

Bài thơ "Gió Đưa Cành Trúc La Đà" trước kia được coi là biểu tượng của thái độ chống thực dân Pháp thì nay đã biến thành biểu tượng của thái độ thù cừ, hợp tác với nhà cầm quyền thuộc địa Pháp!

c) Sự biến chuyển thứ ba xảy ra sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 với sự di cư của hơn một triệu người Việt tị nạn ra ngoài quốc. Nhiều người tị nạn đã mượn bài thơ "Gió Đưa Cành Trúc La Đà" để nói lên nỗi lòng tưởng nhớ quê hương của mình. Tất nhiên những người gốc miền Trung đã sửa lại tiếng chuông Trấn Vũ thành tiếng chuông Thiên Mục.

Ba mươi năm đã trôi qua. Số người tị nạn ở hải ngoại, cộng với con cháu họ và những người Việt không chịu hồi hương sau khi chế độ cộng sản Liên Xô tan rã, đã lên gần ba triệu. Khỏi cần chứng minh là nhiều thanh thiếu niên không biết gì về lịch sử cũng như văn chương Việt Nam. Nhiều người nói tiếng Việt còn không sôi. Do đó, khi họ đọc bài thơ trữ danh "Gió Đưa Cành Trúc La Đà" họ đã không hiểu những từ ngữ dùng trong bốn câu thơ. Nếu tra tự điển để tìm nghĩa từng chữ thì có thể sai lầm thảm hại như tác giả bài phiếm luận nói trên đăng trên internet đã chứng minh một cách rí rỏ. Chẳng hạn người ta có

thể nghĩ rằng "la đà" là một đàn la và lạc đà rồi suy luận rằng cành trúc là cây roi tre của kẻ chặn đàn la và lạc đà này. Rồi Thiên Mục thì được hiểu là Vợ của ông Trời, chuông đồng của chùa giống như chuông điện chỉ cần bấm là kêu leng keng, còn canh gà Thọ Xương có lẽ là canh xương gà trong các tiệm ăn Tàu! Tác giả bài phiếm luận đã dựa trên những sự lầm lẫn đó để làm bài thơ trào phúng sau đây:

Roi tre vun vút vun ra:

Lũ lạc đà với lũ la chạy cuông...

Vợ Trời giáng một hồi chuông

Gọi về ăn bát canh xương gà Tàu!

Nếu dụng ý của tác giả bài phiếm luận là chế giễu các thanh thiếu niên không có đủ kiến thức về ngôn ngữ và văn chương Việt Nam, thì tôi nghĩ rằng cũng tội nghiệp cho họ quá! Họ đâu có được học hỏi về ngôn ngữ và văn chương Việt Nam như ông, cha của họ!

Kẻ đáng trách chính là chúng ta, những người lớn tuổi thuộc thế hệ ông, cha của các thanh thiếu niên ấy. Chúng ta đã không làm hay không làm đủ bổn phận truyền đạt cho con cháu chúng ta những kiến thức về văn hóa dân tộc mà chúng ta đã hấp thụ.

Thiên phiếm luận đăng trên Internet về bài thơ "Gió đưa cành trúc la đà" đã giúp chúng ta ý thức sâu sắc hiểm họa vong bản đang đe dọa con cháu chúng ta. Chúng ta không nên trì hoãn nữa: cần phải làm một cố gắng quyết liệt để chấn chỉnh tình trạng này./.

VŨ QUỐC THỨC
(Paris)

CÔ KIỀU VỚI PHẠM QUỲNH

PHẠM THỊ NHUNG

Thay Lời Giới Thiệu:

*Thúy-Kiều vì Hiếu long đong,
Còn Phan Thanh Giản đau lòng vì Trung.
Phạm Quỳnh sự nghiệp bão bùng:
Đời nay có Phạm Thị Nhung giải bày,
Dày công khổ cứu đêm ngày,
Hiến đời đại tác phẩm này thiên thu,...*
(Bình Huyền)

*

Năm 1992, tính ra đúng một trăm năm ngày sinh cụ Phạm Quỳnh, một học giả uyên bác, xuất sắc Pháp văn, tinh thông Hán tự. Gần hai mươi năm hoạt động trên trường văn trận bút, cùng trên diễn đàn ngôn luận, cụ đã nuôi được một tinh thần quốc gia cho dân tộc, và có công lớn trong việc đắp xây nền tảng cho văn học mới nước nhà hồi đầu thế kỷ XX.

Để tưởng niệm cụ Phạm Quỳnh, ngày 20 tháng 12 năm 1992 tại vùng Paris, một số rất đông thân hữu cùng gia quyến đã long trọng tổ chức Lễ Kỷ Niệm Đệ Nhất Bách Chu Niên Ngày Sinh Học Giả Phạm Quỳnh.

Tôi rất hân hạnh được mời tham dự với một bài thuyết trình. Tôi đã nhận lời ngay, vì tự coi đó là bổn phận của một nhà giáo, đã từng dạy Việt văn nhiều năm tại quê nhà; mặc dầu sau biến cố 1975, tôi đã tự ý về hưu non, đến năm 1992 là đã trên mười bảy năm. Tôi cũng phải thú thực rằng, sau

khi nhận lời rồi thì lòng không khỏi bồn chồn lo lắng, vì biết nói gì đây trong một ngày lễ kỷ niệm đầy ý nghĩa này: trăm năm mới có một lần!

Rất may một hôm, tôi được một bà bạn sốt sắng dẫn đi Yerres, tới thăm thư viện của bà Phạm thị Ngoạn, tức nữ sĩ Liên-Trang, con gái của cố học giả Phạm Quỳnh, xem có cần tài liệu gì về ông cụ để bà Ngoạn cung cấp, vì tủ sách của bà có đầy đủ bộ Nam-Phong, từ số đầu đến số chót, cùng nhiều tài liệu quan trọng khác.

Hôm đó tôi đã được bà Ngoạn giới thiệu một cuốn sổ tay nhỏ ghi năm 1922 của cụ Phạm Quỳnh. Trong đó, khoảng thời gian cụ Quỳnh du thuyết ở Paris, tôi đọc được mấy hàng chữ ghi vắn tắt những cuộc gặp gỡ giữa cụ với một số nhân vật cách mạng Việt Nam đang hoạt động tại Pháp, như:

Juillet – 13 Jeudi : ăn cơm an-nam với Phan văn Trường và Nguyễn Ai Quốc ở nhà Trường (6 Villa des Gobelins)

Một trang khác:

Juillet – 16 Dimanche: ở nhà Trường, Ái Quốc và Truyền đến chơi.

Ngoài ra, trong sổ tay còn ghi những cuộc tiếp xúc của cụ Phạm Quỳnh với một số chính khách và nhà báo. Tôi đoán, họ là những người mà cụ Phạm Quỳnh đã nhờ vận động cho các buổi diễn thuyết dự tính được thành tựu.

Sau đó, bà Ngoạn còn giới thiệu tập di cảo của cụ Phạm Quỳnh, đây bốn mươi tám trang vở học trò, ngoài bìa có hai dòng chữ lớn:

Kiến Văn Cảm Tưởng

Hoa-Đường Tuy Bút

Cả hai quyển này mâu giấy đã vàng úa (gần nửa thế kỷ rồi còn gì!). Tôi gỡ xem, đến gần trang cuối, thấy đề tựa "**Cô Kiều với tôi**" thì thâm nghĩ, bài này chắc ông cụ giốc hết bầu tâm sự đây. Tôi vội vàng đọc một mạch...mới có ba trang giấy đã hết...bài viết còn dang dở, tôi ngẩn ngơ tiếc nuối.

Bà Ngoạn kể: "*Trong tình cảnh gia biến bối rối, cha và chồng bị bắt đem đi vì lý do mời lên họp ở toà Khâm rồi không thấy về, lành dữ chưa biết ra sao. Nhà cửa bị lục soát, sau đó các phòng ốc của toà nhà chính đều bị niêm phong, cả đại gia đình bị dồn vào ở trong ba gian nhà nhỏ thuộc khu phụ cận... Chẳng còn nhớ khi nào và trong hoàn cảnh nào, tôi đã tìm thấy được hai kỷ vật quý báu này của ông cụ; ở trang chót có cái bút Waterman còn chặn ngang trên trang giấy viết dở.*" (Xin đọc ba trang thủ bút của Phạm Quỳnh kèm theo bài này)

"Tâm sự thầy tôi khi trẻ giữ để bụng, lúc về chiều lại muốn thoát ra cho nhẹ, thì oan nghiệt của số phận đã bắt thác phải mang theo!"

(**Thấy tôi**, bài của Phạm thị Hoàn, con gái thứ của học giả Phạm Quỳnh, đăng trong Ai-Hữu số 115, tháng 6 năm 1992, xuất bản tại Paris).

Đây là lý do đã đưa tôi đến quyết định chọn đề tài "**Cô Kiều với Phạm Quỳnh**", để thuyết trình trong buổi đại lễ này.

Tôi muốn lật lại chồng sách báo cũ, tìm vào chính những bài viết, những lá thư hay những câu trả lời trong các cuộc phỏng vấn của học giả Phạm Quỳnh, cùng dựa vào những lời phê bình của một số giáo sư, một số phê bình gia, tiểu thuyết gia và một số độc giả về cả hai phương diện hoạt động văn hoá lẫn chính trị của họ Phạm, đặc biệt

là những lời khen chê quanh vụ án truyện Kiều, cộng thêm với sự nhận xét của riêng mình, tôi thử giải thích xem đâu là những cảnh ngộ trở trêu, đâu là nỗi lòng ưu uất của học giả Phạm Quỳnh, trong suốt cuộc đời hoạt động không ngừng, từ thời tráng niên đến lúc về ở ẩn tại biệt thự Hoa-đường, khiến họ Phạm đã có ý xem mình là kẻ "một hội một thuyền" với cô Kiều.

I. "**Cô Kiều với tôi**"

Mở đầu cho bài nói chuyện "Cô Kiều với Phạm Quỳnh", tôi xin được giới thiệu và phân tích bài tản văn "**Cô Kiều với tôi**" của học giả Phạm Quỳnh.

Đây là bài tùy bút thứ mười-một trong tập di cảo **Kiến Văn Cảm Tưởng – Hoa Đường Tuy Bút** mà Phạm Quỳnh – cựu Thượng thư Bộ Lại, kiêm Ngự tiền văn phòng Đồng lý của vua Bảo Đại – đã thực hiện sau biến cố Nhật đảo chánh Pháp (tháng 3 năm 1945), khi ông đã rút lui khỏi chính trường về ở ẩn tại biệt thự Hoa-Đường, bên bờ con sông đào Phú-Cam, thuộc vùng An-Cựu, sát ngay thành phố Huế.

Đặc biệt đây là bài văn cuối cùng của học giả Phạm Quỳnh, bài viết còn dang dở trước khi ông bị một nhóm người, mang danh cách mạng, bắt đi ngày 23-8-1945, rồi hạ sát tại khu rừng Hắc-Thu, thuộc tỉnh Quảng Trị, sau đó vài tuần. (Tài liệu **Introduction au Nam Phong**, Phạm thị Ngoạn, Extrait du Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, Nouvelle série, Tome XLVIII, Nos 2 et 3, 2ème et 3ème trimestres 1973, page 209).

Bài tùy bút "**Cô Kiều với Tôi**" của học giả Phạm Quỳnh có thể chia ra làm 3 đoạn chính:

Đoạn I, từ câu: "*Nàng từ lánh gót vườn hoa*"

tới câu: "...càng ngâm càng như văng vẳng bên đầu"

Phạm Quỳnh ca ngợi sức diễn tả được tiếng lòng của con người ta đến kỳ diệu của những câu thơ Kiều, nếu ngẫu nhiên cảnh ngộ thích hợp.

Đoạn II, từ: "*Tôi đối với chuyện Kiều, truyện Kiều đối với tôi... cảm đến thế tưởng cũng ít có*".

Phạm Quỳnh nói đến cái thanh khí, cái duyên nợ gắn bó lạ lùng giữa ông và cô Kiều.

Đoạn III, từ: "*Nhân cảm cô Kiều...qua mấy mươi đời bị người Á-rập đờ hộ...*".

Phạm Quỳnh cho biết, đối với truyện Kiều, ông đã có cái tâm lý của một người cùng cảnh ngộ với tác giả và người trong truyện.

Đoạn tùy bút trên cho ta thấy được những gì?

1) Phạm Quỳnh muốn xác nhận bốn câu thơ mào đầu, nói về tình cảnh của cô Kiều khi ra tu ở Quan-Âm Các, đã phản ảnh tâm sự của chính ông từ khi rời khỏi chính phủ lui về cuộc sống ẩn dật. Phạm Quỳnh viết:

*"Nàng từ lánh gót vườn hoa
Dường gần rừng tiá, dường xa bụi hồng.
Nhân duyên đâu nữa mà mong
Khởi điều thẹn phận tử hồng thời thôi ..."
"Sao mà truyện Kiều có lắm câu thiết tha, thấm thía như vậy! ... Tưởng giá tự mình than thở cũng than thở như thế mà thôi. Mà bất cứ câu nào đoạn nào; hễ ngẫu nhiên thích hợp là có cái âm hưởng lạ lùng như vậy..."*

2) Phạm Quỳnh là người có một bản ngã nghệ sĩ, một tâm hồn lãng mạn, và một trái tim đa cảm, rất dễ xúc động.

Ta hãy nghe ông kể:

"Hồi tưởng từ thuở nhỏ, mỗi khi nghe đọc một câu thơ Kiều, dù chưa hiểu nghĩa, đã thấy cái âm hưởng lạ lùng, nó vang động

trong lòng. Rồi từ đó cứ văng vẳng luôn bên tai, càng ngày càng tha thiết, thấm thía, có khi âm thầm náo nức như tiếng gọi xa xăm của một âm hồn tri kỷ tự chín suối đưa lên."

Làm sao một cậu bé chưa hiểu được gì về ý nghĩa của câu thơ Kiều mà đã bị cái âm hưởng, cái nhạc điệu của câu thơ quyến rũ, ám ảnh đến thế? Nếu tìm hiểu tiểu sử Phạm Quỳnh ta sẽ bất ngạc nhiên.

Cậu bé Phạm Quỳnh chào đời được chín tháng thì mẹ khuất bóng, được chín tuổi thì cha cũng qua đời.

Ta hẳn biết trong cuộc sống của đứa trẻ, không gì bất hạnh hơn là thiếu vắng tình âu yếm ngọt ngào, thiếu bàn tay nâng giắc vỗ về của người mẹ, ca dao chẳng đã có câu:

Con ở với bà, bà không có vú,

Con ở với chú, chú là đàn ông.

đủ biết không ai có thể thay mẹ được.

Đã vậy, nếu lại mất cả cha thì dù có được sống đầy đủ vật chất, đứa bé vẫn cảm thấy hụt hẫng, mất nơi nương tựa về tinh thần, làm sao có thể sống hồn nhiên vô tư lự, hay yêu đời như những đứa trẻ bình thường khác? Ca dao cũng đã có câu tả cảnh ngộ đáng thương này như sau:

Có cha có mẹ thì hơn,

Không cha không mẹ như đờn đứt dây.

Đờn đã đứt dây thì làm sao còn lên tiếng ca hát được nữa!

Trong thời thơ ấu, Phạm Quỳnh đã bị mồ côi cả mẹ lẫn cha, lại không anh chị em, nên dù được bà nội thương yêu, cậu bé nhiều khi vẫn cảm thấy buồn tủi, cô đơn. Giữa lúc đó, vô tình nghe đọc một câu thơ Kiều (bà nội đọc Kiều, hay tiếng một bà mẹ trẻ đang hát Kiều ru con từ hàng xóm văng sang ?), bản tính vốn đa cảm, dễ xúc động, nên cái âm hưởng đặc biệt "véo von,

réo rất mà nhịp nhàng" đến lạ lùng, kỳ diệu của câu thơ lục bát Kiều kia, đã có sức tác động mãnh liệt vào tâm hồn Phạm Quỳnh, nó vượt ve, vô về, an ủi được cõi lòng bơ vơ buồn tủi của cậu.

Rồi từ đó, những câu thơ Kiều trở thành nhu cầu cho đời sống tâm linh của Phạm Quỳnh, nó "cứ văng vẳng bên tai, càng ngày càng thiết tha, thấm thía", "như tiếng gọi xa xăm của một âm hồn tri kỷ tự chín suối đưa lên."

Theo với thời gian, Phạm Quỳnh càng trưởng thành, vào đời càng gặp nhiều éo le, oan trái, ông càng hiểu rõ ý nghĩa thâm trầm, thấm thiết của những câu thơ Kiều hơn; để rồi cũng từ đó, cô Kiều, nhân vật chính trong kiệt tác văn chương của Nguyễn Du, linh hồn của những câu thơ Kiều, càng trở nên gắn bó, bất ly phân với ông. Phạm Quỳnh cảm cô Kiều đến tưởng như cô "sống luôn luôn bên mình, hầu như chi phối cả đời tình cảm của mình, đoán định cả cuộc thân thế của mình."

Như thế, vô hình trung, Phạm Quỳnh đã xem định mệnh cô Kiều như định mệnh của chính ông.

3) Ngoài ra, Phạm Quỳnh còn cho ta biết, ông là người thứ nhất đem đối chiếu thân thế cô Kiều với thân thế Nguyễn Du, mà nhận ra rằng: "*Đoạn trường tân thanh là lời than vô cùng cảm động, vô hạn thiết tha của một văn sĩ có tà, i đau lòng vì cuộc đời ngang ngửa.*"

4) Còn đối với truyện Kiều, Phạm Quỳnh vì có cái tâm lý là người *cùng cảnh ngộ với tác giả và người trong truyện*, nên ông đã phổ hết tình cảm vào đấy, cùng để nó bay bổng theo với tâm hồn lãng mạn của ông.

Ông viết: "*Lãng mạn cho đến đem cả chủ nghĩa quốc gia căn cứ vào truyện Kiều! Cho tiếng là nước, có tiếng mới có nước, có quốc văn mới có quốc gia. Quốc văn ta thời tuyệt phẩm là truyện Kiều, trước sau chỉ có truyện Kiều, may có truyện Kiều, đáng quý báu vô cùng. Cho nên năm 1924, lần đầu tiên kỷ niệm cụ Tiên-Điền, trước hai ngàn người họp ở sân Hội Khai Trí, tôi trình trọng tuyên bố một câu:*

"Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, có điều chi nữa mà ngờ..."

Và theo Phạm Quỳnh, câu đó chẳng phải là một lời vọng ngôn. Ông dẫn chứng: "*Năm 1933, một văn sĩ Pháp nói về nước Ba-Tu làm lễ kỷ niệm thập bách chu niên thi hào Firdousi, tác giả sách Shahnameh (Đế-vương-lục), là một kiệt tác bằng tiếng Ba-Tu, nhờ sách đó mà tiếng Ba-Tu còn lưu truyền vang qua mấy mươi đời bị Ả-Rập đô hộ..."*

Có điều nên nói thêm, trong bản ngã của Phạm Quỳnh, khuynh hướng nghệ sĩ lãng mạn, đa cảm như đã được giới thiệu ở trên, chỉ là một khía cạnh của cuộc sống, vì ngoài nó, còn có một khuynh hướng thứ hai, chủ về lý trí, mãnh liệt hơn, sẽ được nói ở phần sau.

Tóm lại, qua mấy đoạn trong bài tùy bút "**Cô Kiều với tôi**" của học giả Phạm Quỳnh, chúng ta hẳn thấy, đây mới chỉ là những câu mở đầu của họ Phạm, nói tới các lẽ về tâm lý, về tình cảm đã đưa đến sự gắn bó giữa ông và cô Kiều; Còn vì những lý do nào khiến Phạm Quỳnh có ý xem ông là kẻ "một hội một thuyền" với cô Kiều, thì ông ta chẳng bao giờ còn cơ hội để biện giải.

Đây chính là phần mà tôi sẽ cố gắng thử trình bày trong bài thuyết trình này.

*Vùng trời Á sừng thù trống giục
Xé Đông Kinh Nghĩa Thục nát tan.
Thiếu thời đã vội sẩy đàn,
Trau giồi Pháp, Hán đầy tràn trí trai
Dùng xây dựng nổi dài quốc ngữ
Thay gươm đao gìn giữ giống nòi,
Lấy gương tiên bối cùng soi
Quyết không tranh đấu lẻ loi giữa dòng..*

(Binh Huyền)

II. Những Lý Do Nào Đã Khiến Học Giả Phạm Quỳnh Có Ý Xem Ông Là Kẻ "Một Hội Một Thuyền" Với Cô Kiều?

Muốn cho vấn đề được sáng tỏ, chúng ta phải ngược dòng thời gian, đi lại từ đầu, nghĩa là phải tìm hiểu hoàn cảnh lịch sử xã hội Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX; sau đó, tìm hiểu thân thế, chí hướng, hành trạng và sự nghiệp của học giả Phạm Quỳnh, để có thể rút ra được phần nào những nét tương đồng về tình cảnh giữa Phạm Quỳnh và cô Kiều, đã khiến họ Phạm muốn mượn cảnh ngộ éo le cùng tâm sự bi thiết của nhân vật này, để giải bày nỗi niềm ưu uất của ông.

1) Hoàn cảnh lịch sử xã hội Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

Năm 1856, thực dân Pháp bắt đầu bắn phá các đồn lũy ở cửa bể Đà Nẵng, sau liên tiếp đánh chiếm ba tỉnh miền đông (1862), rồi ba tỉnh miền tây Nam Kỳ (1867). Gần hai mươi năm sau, Pháp lại công phá thành Hà Nội (1882), tiến chiếm các tỉnh Bắc Việt và Trung Việt (1883-1884), rồi uy hiếp triều đình Huế. Để bảo vệ quê hương xứ sở, quan quân của ta ở khắp các chiến tuyến đã chống giặc quyết liệt. Biết bao anh hùng

nghĩa sĩ đã vì quốc vong thân mà nước vẫn không giữ được. Cuối cùng, triều đình đã phải chấp thuận nhượng hẳn đất Nam Kỳ cho Pháp (Hoà ước 1874), và công nhận quyền bảo hộ của họ trên toàn cõi Việt Nam (Hoà ước 1884).

"Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu."

(Văn tế Tướng quân Trương Định của Nguyễn Đình Chiểu)

nên các cuộc nổi dậy, tự động lập chiến khu võ trang chống Pháp của quân dân ta vẫn liên tiếp xảy ra. Nhưng vì tương quan lực lượng giữa ta và địch chênh lệch quá, nên nửa sau cuối thế kỷ XIX, các tổ chức kháng chiến đã đi dần đến chỗ suy tàn.

Các vị vua tham gia kháng chiến đã bị đi đày biệt xứ, các nhà ái quốc thì người trốn ra hải ngoại, kẻ tuẫn tiết, người bị chém bêu đầu, kẻ bị sát hại hay bị tù đầy hết cả.

Sau khi đã đè bẹp ta bằng võ lực, Pháp bắt đầu tính chuyện bình định, đặt nền móng cho cuộc đô hộ lâu dài. Hoà ước 1884 đã mất hết ý nghĩa vì thực quyền Pháp đã nắm hết, vua tôi triều đình Huế chỉ còn hư vị.

Trước thảm trạng ấy, những ai là kẻ quốc sĩ tất không đành lòng chỉ biết thờ than hay tính chuyện lui về ở ẩn để giữ tiết tháo cho riêng mình, mà ngày đêm đã lao tâm khổ trí, cố tìm cho ra một giải pháp để cứu nước.

Giữa lúc đó, tiếng vang về cuộc chính biến 1897 ở Trung Quốc, tiếp theo là cuộc nổi dậy của Nhật sau vụ chiến thắng Nga (1905), nhất là các tân thư của Nhật, Trung Hoa được lén lút truyền vào nước ta (truyền bá những tư tưởng dân chủ, cách mạng của Tây phương), đã làm cho kẻ sĩ nước ta giật mình thức tỉnh, tự hiểu ra rằng, ta chưa thể

đương đầu với Pháp bằng vũ lực được, mà muốn dân tộc sớm thoát khỏi cảnh nô vong thì từ nay ta phải cương quyết từ bỏ cái học u mê, từ chương cũ, và cấp thiết phải canh tân xã hội và học thuật theo Tây phương. Do đó phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu và Duy Tân của nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời.

Phong trào của các cụ được dân chúng khắp ba kỳ hưởng ứng nồng nhiệt; nhiều tỉnh đã lập chi nhánh hoạt động. Chính phủ bảo hộ nhận thấy Đ.K.N.T. đã trở thành một phong trào ái quốc và cách mạng, nên vội rút giấy phép 1908, và khủng bố nhân viên nhà trường.

Nhân vụ lính Pháp bị đầu độc ở Hà Nội (27-6-1908), và dân chúng nổi lên biểu tình kháng sưu thuế tại nhiều nơi ở miền Trung, Pháp lấy cớ các cụ xúi giục nên bắt hết các nhà lãnh đạo, làm án rồi đầy đi Côn đảo, như cụ Lương Văn Can, người khởi xướng Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội...hay các cụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế ở miền Trung...

Chính trong hoàn cảnh lịch sử đen tối ấy của dân tộc, Phạm Quỳnh đã sinh ra và lớn lên.

2) Thân Thế, Chí Hướng, Hành Trạng và Sự Nghiệp của Học Giả Phạm Quỳnh

2.1 Thuở Học Trò (1892-1908)

Phạm Quỳnh, bút hiệu Thượng Chi, Hồng Nhân, Hoa Đường, Lương Ngọc; sinh năm 1892; người làng Lương Ngọc, phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương; thuộc dòng dõi Nho gia khí tiết, đạo hạnh. Cha, ông, và kể cả tổ tiên nữa, đã mấy đời đều là những người văn học, chỉ theo nghề giáo, sống cuộc đời cần cù, thanh bạch.

Phạm Quỳnh mồ côi sớm, may nhờ được bà nội nuôi dạy và cho ăn học ở Hà Nội. Hết bậc tiểu học (12 tuổi), Phạm Quỳnh vào học trường Trung học Bảo hộ. Ngay từ thuở học trò trung học ấy, Phạm Quỳnh đã tỏ ra là người chín chắn, có nghị lực và có ý thức về bốn phận của mình – Làm người An-nam là phải tập làm văn An-nam. "*Tôi thuở nhỏ ham mê chữ tây lắm, khi ở nhà trường ra đã "tuy toe" làm thơ, làm văn tây rồi...nhưng đương ham mê như thế mà phần nhiên miễn cưỡng lại được, chợt tỉnh lại được mà tự nghĩ rằng văn mình nếu mình không tập thời có ngày lụn bại...Tôi ví như người nghiện văn tây mà tự mình bắt buộc...chỉ vì một chút khốn tâm, khốn tâm về văn quốc ngữ, chỉ vì một chút hi vọng, hi vọng có ngày mình cũng làm văn được như người."* (**Làm Văn**, Nam Phong số 67, tháng 1-1923).

2.2 Thời Làm Việc Tại Trường Pháp Quốc Viễn Đông Bắc Cực (Ecole Francaise d'Extrême-Orient) (1908-1917)

Lớn khôn đôi chút, Phạm Quỳnh đã biết coi sự học là một nghĩa vụ mà đặt cho nó một mục đích chính đáng, cao thượng. Ông kể: "*Từ khi khôn lớn biết nghĩ đến giờ chỉ nuôi một cái chí trong lòng, là đối với nhà làm thế nào nổi được nghiệp ông cha, đắp được cái nền "sĩ phong" cho xứng đáng...đối với nước làm thế nào giúp cho quốc hồn được tỉnh táo, để mong cho quốc văn được sáng sửa...không dám đem cái chí nguyện mà hi sinh cho sự giàu sang."* (**Pháp Du Hành Trình Nhật Ký**, Nam Phong số 90, 12-1924).

Nhưng muốn thực hiện cái chí ấy thì phải vươn lên, "*học cho rộng, biết cho*

nhiều", "tham bác cả đông tây kim cổ", và "học không ngừng", vì "*có học có biết mới làm nên*". Còn cái học của nhà trường bấy giờ chỉ đủ cho người ta giựt được mảnh bằng kiếm sống, hay giành được chút địa vị trong xã hội mà thôi.

Thấu triệt được cái lẽ cao quý của sự học như thế, Phạm Quỳnh quyết tâm lo trau dồi thêm kiến thức.

Rất may, sau khi tốt nghiệp trường Bảo hộ (1908), Phạm Quỳnh xin được vào làm việc tại thư viện trường Pháp Quốc Viễn Đông Bác Cổ, liên tiếp gần mười năm trời (1908-1917). Sống giữa một rừng sách, Phạm Quỳnh tha hồ mà đọc, mà học hỏi.

Nhưng khi đọc sách thì một vấn đề khó khăn lại xảy ra:

Đọc sách viết bằng chữ Pháp, đối với Phạm Quỳnh tất nhiên là dễ dàng rồi, vì đó là sở trường của ông; chẳng vì tài Pháp văn ông đã giựt được chức "thủ khoa tây" trong kỳ thi *Diplôme* đầu tiên mở tại Bắc Kỳ đó sao? Nhưng còn những sách viết bằng Hán-tự không lẽ lại bó tay, vì vốn liếng chữ Hán của Phạm Quỳnh lúc ấy bất quá "chỉ viết nổi hai chữ tên, còn thời mù mịt cả...Kỳ thi có một bài Hán-tự dịch ra chữ tây, dịch "giỏi" đến nỗi chấm được nửa điểm (1/2). Đáng thì phải "0", hỏng "toẹt" không được đố..." (*Pháp Du Hành-Trình Nhật-Ký*).

Đây là thử thách thứ hai mà họ Phạm sẽ phải vượt qua. Nhờ vào trí thông minh hiếm có, lại nhờ ở sự quyết tâm gắng gỏi gia công học tập trong mấy năm liền, cuối cùng Phạm Quỳnh đã sở đắc được một vốn Hán-học vững vàng. Nó giúp cho ông không những tham khảo học hỏi thêm được nhiều điều về học thuật, cùng những tư tưởng, triết lý thâm sâu hay cao thượng của Á-đông; nó

còn giúp ông thấu rõ những cái hay, cái đẹp của tổ tiên mà hướng về nguồn cội.

Trong thời gian này, khi Đông Dương tạp chí ra đời (1913), Phạm Quỳnh đã tìm thấy ở ông Nguyễn văn Vĩnh một "đồng chí" trong tôn chỉ: – phổ biến quốc ngữ – xây dựng quốc văn – và mở mang dân trí để phụng sự dân tộc.

Do đó, Phạm Quỳnh đã hợp tác chặt chẽ với Đông Dương tạp chí, bằng những bài biên dịch thiên về đường tư tưởng. "*Ngay trong mấy số đầu Đông Dương Tạp Chí, ông (Phạm Quỳnh) đã dịch những đoạn văn của Renan, Bossuet, Pascal...là những nhà văn lớn về tư tưởng và lý thuyết. Ngay từ bấy giờ (1913) giọng văn ông đã chín chắn khác thường*" (Vũ Ngọc Phan, ***Nhà Văn Hiện Đại***, Thăng Long tái bản, Sài Gòn 1960). Như thế đủ rõ, lúc này Phạm Quỳnh viết văn đã nhằm đến mục đích nâng cao dân trí, và cố luyện cho quốc văn được vững vàng, tinh xảo.

Ngoài ra, Phạm Quỳnh còn viết cho Đông Kinh Nghĩa Thục "*những bài biên khảo có tính cách thuần văn chương, bộc lộ cái bản khoả của một nhà văn hoá trẻ tuổi trước sự xung đột, kinh dịch giữa hai thế hệ già với trẻ...*" (Thanh Lãng, ***Trường hợp Phạm Quỳnh***, Văn Học, 1963).

Lại cũng trong thời gian làm việc tại trường Bác Cổ, nhiều lúc có dịp nói chuyện với ông Tuyết Trang Trần Văn Ngoạn, Phạm Quỳnh thường đem những vấn đề liên quan đến việc nước, việc nhà, việc quan, việc học ra nghị luận sôi nổi. "*Ông biết tôi là người nhiệt thành, và cũng có bụng yêu: mỗi lần nói đến sự tương lai nước nhà, ông có ý muốn nghe hơn chuyện khác. Tôi vốn ít tuổi hơn ông, trong lời nghị luận không khởi*

đường đột mạnh bạo, mỗi lần ông cứ để cho nói, mà xem ra lắm khi cũng cảm cái lòng thành của người bạn trẻ. Ông không cười sự nóng nảy, mà thường ông lại khen cái bụng ngay." (Viễn ông Tuyết Trang, Thượng Chi Văn Tập III).

Những điều này chứng tỏ, ngay từ thuở làm việc tại trường Viễn Đông Bác Cổ, chàng thanh niên mới lớn Phạm Quỳnh đã rõ ra là một kẻ sĩ có tâm huyết với vận mệnh quốc gia, dân tộc ; đã từng thao thức nhiều đến những vấn đề thời sự nóng bỏng của đất nước. Nhưng thay vì bi quan, yếm thế, Phạm Quỳnh như đã dự kiến được những giải pháp có thể canh cải, giải quyết được hoàn cảnh bế tắc về chính trị, cùng những xung đột tư tưởng về học thuật, luân lý Âu Á, mới cũ, đang làm xáo trộn xã hội nước nhà bấy giờ, mà lòng háo hức nên biện luận sôi nổi, thuyết phục hăng say; đã gây được niềm tin yêu, hứng thú khi nghe chuyện nơi người bạn cùng sở.

Như đã được giới thiệu ở phần trên, trong bản ngã Phạm Quỳnh, ngoài khuynh hướng lãng mạn chủ về tình cảm, còn có một khuynh hướng thứ hai chủ về lý trí rất mãnh liệt. Nó được tạo nên do sự giáo dục theo luân lý Nho-gia, truyền thống của gia đình (bà nội là đại diện) ; nó cũng là truyền thống văn hoá xã hội ta từ bao nhiêu thế kỷ nay, lấy trung, hiếu, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín làm phương châm cho cuộc sống, mà thời đại Phạm Quỳnh vẫn còn được nhiều người xem trọng và duy trì.

Thêm vào đó, đến tuổi đi học, Phạm Quỳnh được theo Tây học, ông lại chịu ảnh hưởng bao nhiêu tư tưởng cao thượng và cũng rất thực tiễn của Tây phương, như tinh

thần tự do, bình đẳng, quan niệm về danh dự, về nghĩa vụ làm người...; cùng thái độ được bao nhiêu kiến thức về khoa học, văn chương, học thuật của Pháp quốc. Sau nữa, hoàn cảnh vong quốc hiện tại cũng làm nảy nở, kích động thêm ý thức về bổn phận đối với dân tộc của Phạm Quỳnh. Tất cả, vâng tất cả đó đã tạo cho bản ngã Phạm Quỳnh một khuynh hướng vững vàng thứ hai, chủ về lý trí. Chính khuynh hướng chủ về lý trí này đã lấn lướt khuynh hướng chủ về tình cảm, giành quyền chi phối, điều khiển những suy tư, những hoạt động của Phạm Quỳnh trong cuộc sống.

Hiểu như vậy, ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy Phạm Quỳnh còn là một cậu học sinh trung học đã có ý thức về trách nhiệm của mình, khi vừa ra trường đã biết đặt sự học thành một nghĩa vụ, và mong có ngày đem sự học của mình ra giúp nước, giúp đời.

(Còn tiếp)

(Bài thuyết trình ngày 20-12-1992)

GS PHẠM THỊ NHUNG

(Paris)

XIN ĐÓN ĐỌC KỲ TỚI:

- Những tháng năm làm báo Nam Phong
- Lý do và mục đích thành lập báo N.P.
- Kiều và Phạm Quỳnh "bán mình" ra sao?
- Chính quyền bảo hộ với báo N.P.
- Hoạt động văn hoá và gây dựng một nền học mới của Phạm Quỳnh;
- Phạm Quỳnh hô hào những gì?
- Ông phản đối những gì?

MỘT VÀI CẢM NGHĨ VỀ ÁN TỬ HÌNH

NGUYỄN VĂN THÀNH

(Tiếp theo Cỏ Thơm số 41)

Một Thời Tai Tiếng và Một Thời Hạnh Phúc

Dược Đại Sứ Áo Mercy d'Argenteau tại Pháp phúc trình về lối sống phù

phẩm của Antoinette, Mẫu Hậu Marie Thérèse gửi thư tới tấp cảnh giác Antoinette phải tu tỉnh thay đổi cuộc sống. “Con đang dẫn dắt đời con đến chỗ tan nát”, bà mẹ xỉ vả vào năm 1775. “*Mẹ mong rằng mẹ sẽ không còn sống để nhìn thấy thảm họa chắc sẽ xảy ra sau này.*”

Antoinette ngày càng ít viết thư, nếu có, chỉ viết sơ sài, có khi quên cả chúc tụng ngày sinh

nhật của mẹ, và chống đỡ yếu ớt những điều

Mẫu Hậu quở trách. Cảm thấy sức khỏe ngày càng yếu kém, Marie Thérèse phái người con trai trưởng sang Pháp thi hành nhiệm vụ được ủy thác.

Hoàng Đế Joseph II Đến Thăm

Marie Thérèse phối hợp quyền hành với người con trai trưởng được phong Hoàng Đế Joseph II sẽ nối ngôi cai trị một đất nước rộng lớn Áo-Hung-Bohême (miền Tây Tiệp Khắc) và Galicie (Miền Bắc Ba Lan). Joseph sang Pháp vào mùa hạ năm 1777 có nhiệm vụ nhắc nhở Antoinette những lý do cần phải siết chặt tình hữu nghị giữa hai nước Pháp và Áo, tu tỉnh từ bỏ cuộc sống buông thả và giúp Louis chữa tật nguyên sinh lý học (phimosis) để có con khỏi bị

mang tiếng là ông Vua “bất lực” hay “con người gỗ” bị những sách pamphlet khai thác suốt bảy năm trời.

Uy quyền, nghiêm nghị và đứng đắn, Joseph đối xử với 14 em cũng như với tất cả mọi người đều được cảm tình và sự quý mến khi tiếp xúc. Antoinette rất nể trọng ông anh cả, dù đôi khi bị anh chỉ trích nặng nề ở Lâu Đài Schobrunn tại Vienne hay ngay cả ở Điện Versailles cũng chỉ biết ôm mặt khóc không dám cãi lại.



(Từ trái: Hoàng Hậu Antoinette, Vua Louis 16 và Hoàng Đế Joseph II)

Hoàng Đế Joseph II đến thăm em lần này là lần thứ hai (lần đầu vào năm 1774) với trọng trách rõ rệt được Mẫu Hậu giao phó phải hoàn thành nhiệm vụ như trình bày trên, kéo dài bao lâu cũng được, rồi mới được trở về thành Vienne. Ra đi, Joseph rất lo ngại nhóm bạn phóng túng ở Trianon đã xô đẩy em mình rơi vào con đường tội lỗi. Nhưng khi gặp Antoinette trong cuộc họp mặt riêng thân mật giữa tình anh em, bao nhiêu băn khoăn và lo lắng đều tiêu tan.

“Đức hạnh em vẫn vẹn toàn. Em thật dễ thương, trẻ đẹp, dịu hiền và duyên dáng. Nếu anh gặp người nào có sắc đẹp và phẩm hạnh như em thì nhất định anh sẽ lấy người đó làm vợ.” Joseph khen em. Sau đó, Hoàng Đế cho em một bài học khá dài kêu gọi em phải xa lánh bọn truy lạc trong đó có cả nữ giới và kẻ lạ mặt, xé bỏ hết các sách báo khiêu dâm, từ bỏ ngay ham mê cờ bạc, không tham dự những trò chơi cuồng nhiệt ban đêm tại Nhạc Kịch Opera Paris, cần trọng chi tiêu về trang phục và trang sức... Tiếp theo, Joseph gần giọng chỉ trích gay gắt Antoinette chơi bài vào đầu năm 1777 thua 487.272 bảng Anh, không có tiền trả nợ phải cầu cứu Louis trả giúp. Antoinette lại nợ nhà vẽ kiểu áo thời trang nổi tiếng Rose Bertin 160.000 bảng Anh lại cầu cứu Louis. Nhà Vua đã lấy tiền để dành ra trả nợ cho Antoinette không hề dính líu tới công quỹ. Thông thường mỗi năm, Antoinette mua 170 bộ áo thời trang của Rose Bertin dùng vào buổi sáng, trưa, chiều và tối. Trong khi đó, ngân khoản cấp cho Hoàng Hậu mỗi năm về trang phục là 40.000 bảng Anh. Cuối cùng Hoàng Đế Joseph khuyên Antoinette phải từ

bỏ ngay tất cả chuyện tầm phào trên để trở về hãn Điện Versailles hiến dâng trọn vẹn thì giờ và cuộc đời làm tròn nhiệm vụ của người vợ và Hoàng Hậu.

Thấy Antoinette ngồi ôm mặt khóc, Joseph dịu giọng ôn tồn khuyên “ Em hãy xét mình, tự biết mình và nên nhớ rằng chỉ một câu ban ra là Louis có thể quyết định ngay số phận của em. Em đừng quên điều đó, đừng quên điều đó”

Antoinette bật khóc đứng lên ôm Joseph nghẹn ngào nói: “Anh tới đây hai lần cũng chỉ vì hạnh phúc của chúng em. Em xin hứa sẽ thực hành những điều anh khuyên bảo.”

Sau khi khuyên bảo cô em xong, Hoàng Đế Joseph bắt đầu tìm cách thuyết phục người em rời chữa bệnh phimosis. Tuy không thích đi săn bắn mà cũng chẳng thấy thú vị gì làm thủ công cả, Joseph sốt sắng hưởng ứng và chia sẻ thú giải trí đó với Louis. Ngoài ra, vào buổi chiều, hai anh em thường đi tản bộ trong Hoa Viên Đại Lâu Đài Trianon, nơi tiếp các vị quốc khách, thân tình trao đổi ý kiến riêng tư. Louis cảm thấy thoải mái, tự tin và thân mật với người anh vợ rất tử tế lúc nào cũng quan tâm tới hạnh phúc của hai em.

Louis nói thao thao bất tuyệt, khen ngợi Antoinette hết lời rất xứng đáng đóng giữ vai trò Hoàng Hậu mà Louis vô cùng hãnh diện. Antoinette không có con không phải là lỗi của Marie mà là lỗi của Louis. Hoàng Đế Joseph chăm chú nghe Louis thổ lộ tâm tình rồi ân cần khuyên “cần phải cắt cái giây” là giải quyết mọi chuyện một cách êm đẹp. Nói xong, Hoàng Đế cũng kể cho Louis

rõ căn bệnh sinh lý của Hoàng Đế còn khó chữa hơn Louis rất nhiều. Đó là bệnh “fixer” cần phải chữa trị bằng tâm sinh lý học mà cho đến nay vẫn chưa chữa khỏi bệnh.

Louis cảm ơn ông anh vợ về sự khuyến khích đó và đồng ý để cho bác sĩ riêng của Antoinette, Dr. Lassone, giải phẫu trong sự bí mật tại Paris.

Thiên Chức Làm Mẹ

Cuộc giải phẫu tiến hành hai lần, lần đầu có sự trục trặc nhưng lần thứ hai, sau khi trặc nghiệm, thật hoàn hảo. Antoinette vội viết thư riêng cấp tốc trình Mẫu Hậu Thérèse “Sau bảy năm trời, bây giờ con mới thực sự được hưởng hạnh phúc trọn vẹn. Con chưa dám chắc đã có thai nhưng con tin tưởng, ngày một ngày hai, sẽ có tin vui để trọng báo Mẫu Hậu.” Trong khi đó, Louis cũng viết thư cho người cô tả nỗi vui mừng khôn xiết đã làm đầy đủ bổn phận của người chồng đúng vào ngày sinh nhật Louis 23 tuổi.

Lưu lại Paris ba tuần, Hoàng Đế Joseph II trở về thành Vienne ân cần nhắn nhủ hai em “Cứ tiếp tục cuộc sống như vậy.”

Trải qua những ngày lo âu, Vua Louis và Hoàng Hậu cảm thấy lúc hi vọng khi ngã lòng, nhưng cuối cùng Antoinette hạ sinh vào sáng ngày 19 tháng 12 năm 1778 bé gái với tên Maria Theresa Charlotte danh xưng Madame Royale, người con duy nhất sống sót trong dòng họ Bourbon Louis 16, qua bao nỗi oan khiên. Khi Madame Royale ra đời, Bá Tước Artois, em trai là người sẽ nối ngôi Louis 16, nêu vấn đề tìm phụ hệ vì

ghen tị. Cần phải biết cha đứa bé đó là ai? Trong khi đó các sách pamphlets đua nhau đưa tin với ẩn ý bôi nhọ, dám xác nhận cha của đứa bé đó là Bá Tước Thụy Điển Axel Ferson vì ông vua người gổ đó làm sao mà có con được.

Hội hè yến tiệc được tổ chức tưng bừng tại kinh thành Ba Lê và thành Vienne làm lu mờ tất cả các tin đồn đại bất lợi nhưng cũng làm cho Hoàng Hậu lo sợ khi nghĩ tới nếu có thai lần nữa. Tuy nhiên, dân tộc Pháp và trên hết Triều Đình Vienne đòi hỏi phải có một dauphin để kế ngai vàng. Vua Louis trấn an và bảo đảm sẽ có Hoàng Thái Tử chào đời trong một tương lai không xa.

Vào năm 1779, nhân danh nước Pháp hỗ trợ cuộc Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ, có lẽ cũng vì một phần tránh xa sự mê say ngày càng mạnh của Hoàng Hậu Antoinette, Axel Ferson ký và tình nguyện, với phương tiện riêng cũng giống như Hầu Tước Lafayette, sang Hoa Kỳ chiến đấu cạnh các chiến sĩ cách mạng cho đến ngày toàn thắng. Sau bốn năm, Ferson trở về Cung Điện Versailles, vào tháng 6 năm 1783, viết thư cho người em gái, thể sẽ không bao giờ lập gia đình nữa bởi lẽ: “Anh đã không thể lấy được người thật lòng yêu anh thì anh không còn thiết gì chung sống với ai khác nữa”. Vào mùa hạ năm đó, Ferson đến thăm Antoinette gần như hàng ngày.

Bấy giờ, Hoàng Hậu vừa tròn 27 tuổi, mẹ của người con gái đầu lòng, 4 tuổi rưỡi Marie Thérèse Charlotte, và người con trai, Dauphin Louis Joseph Xavier Francois gần 2 tuổi, đang độ tươi đẹp như hoa, với đôi

mắt sáng lạng đầy vẻ tự tin, và dáng dấp có người coi là trang nghiêm, kẻ khác nói cao ngạo, đã khóc vì bị Đại Sứ Áo Mercy ép buộc phải tham gia hoạt động chính trị điều khiển đất nước thay nhà Vua. Ông Đại Sứ này có thiên kiến với Louis vì nghĩ rằng nhà Vua bất lực để cho các Tổng Bộ Trưởng quyết định hết công việc triều chính. Bắt tay vào việc, Antoinette khiển trách Tổng Trưởng Ngoại Giao đã gạt Joseph II ra khỏi cuộc thảo luận hòa bình với Anh Quốc nhưng rồi cũng chẳng đạt được kết quả nào đáng kể cả.



Hoàng Hậu Antoinette và các con (Từ trái: Madame Royale, Hoàng Hậu Antoinette ôm Thái Tử Louis Charles và Hoàng Thái Tử Louis Joseph Xavier Francois chỉ cái nôi trống không hình dung Sophie chết non)

Khoảng hai năm sau, vào thời gian đưa con trai thứ hai Louis Charles ra đời, Antoinette trở thành nạn nhân của vụ lừa đảo lớn nhất trong lịch sử. Người đi tìm các ông hoàng bà chúa để đào mỏ với tên Jeanne de Lamotte Valois thuyết phục Đức Hồng Y cả tin De Rohan mục ta là bạn thân của Hoàng Hậu Antoinette – mặc dầu Hoàng Hậu chưa bao giờ nghe nói đến tên của bà ta cả. Người tình của Lamotte, Rétaux de Villette viết những bức thư giả mạo chữ của Hoàng Hậu Antoinette cầu khẩn Đức Hồng Y mua chiếc vòng hạt xoàn đeo cổ với 647 hạt kim cương trị giá 1 triệu rưỡi quan (nay trị giá 4 triệu 7). De Villette “diễn tả” Hoàng Hậu vô cùng bối rối nếu đòi Vua Louis mua món quà quá đắt và hết lòng trông mong vào sự giúp đỡ của Đức Hồng Y lịch lãm mua hộ. Dĩ nhiên, Hoàng Hậu sẽ hoàn trả lại số tiền ứng trước.

Qua cuộc gặp bí mật tại vườn Điện Versailles với người đàn bà do Lamotte thuê đóng vai Hoàng Hậu, Rohan bị mắc bẫy. Khi người chủ kim hoàn Charles Bohmer trao tay chiếc vòng hạt xoàn đeo cổ cho Đức Hồng Y, Rohan nhận rồi trao lại cho Rétaux, trá hình y như người hầu của Hoàng Hậu Antoinette. Chồng của Lamotte đem lên vào Luân Đôn chiếc vòng đó rồi gỡ ra từng hạt kim cương để bán. Đúng kỳ hạn trả tiền, chủ kim hoàn đến nhận tiền vào tháng 8 năm 1785, bị từ chối vì thư và con dấu đều giả mạo. Hoàng Hậu Antoinette giận điên người và Vua Louis ra lệnh bắt giam Rohan để đưa ra Tòa.

Tiếp đến phiên Tòa gồm các đại biểu thuộc giới quý tộc được tuyển chọn trong Quốc Hội xét xử vụ lừa đảo gây ra một sự xúc động mạnh mẽ tại Paris, Vatican và Vienne. Vua Louis 16 yêu cầu Tòa phải phạt Rohan nhưng thành phần xét xử bất chấp mệnh lệnh của nhà Vua, đã tha bổng Rohan. Riêng bị can Lomotte bị kết án và bị tống giam.

Mặc dầu Hoàng Hậu Antoinette được đặt ra ngoài vụ án nhưng, theo một số sử gia, dư luận quần chúng đều nghi ngờ Hoàng Hậu đứng sau vụ lừa đảo để lấy tiền gửi về Áo. Các nhà viết sách pamphlet và các nhà báo lại có dịp tận tình khai thác tai tiếng về vụ chiếc vòng đeo cổ hạt xoàn đề lên án Hoàng Hậu gian tham và tham nhũng. Và cũng bắt đầu từ vụ đó trở đi, đa số dân chúng đều cho rằng Hoàng Hậu Antoinette không còn có thể làm điều gì cho đúng được nữa.

May mắn thay, biết bao tai tiếng xảy ra xúc phạm tới nhà Vua và Hoàng Hậu dần dần chìm xuống nhường chỗ cho các biến cố trọng đại ảnh hưởng khá tốt đẹp trong Triều đình diễn ra từ khi Madame Royale chào đời vào năm 1778 cho đến đầu năm 1789. Đó là Hoàng Thái Tử Louis Joseph Xavier Francois ra đời năm 1781 rồi tiếp đến Thái Tử Louis

Charles sinh năm 1785. Thời tiết thuận hòa giúp dân quê được mùa liên tiếp nhiều năm lại nhằm vào thời gian xảy ra cuộc Chiến Tranh Độc Lập Hoa Kỳ thu hút mạnh mẽ sự chú ý của nhiều tầng lớp xã hội Pháp. Vì yêu chuộng tự do và bình đẳng, dân chúng Pháp ủng hộ nhiệt liệt cuộc Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ. Trong khi đó, Vua Louis 16 cũng muốn làm suy yếu hải quân Anh đang ngự trị trên biển cả nên đã dốc toàn lực ra hỗ trợ cuộc Chiến Tranh trên cho đến ngày chiến thắng.



Lafayette
French Soldier & Statesman

Cộng trạng đáng kể nhất là Hầu Tước De Lafayette (tên thật là Marie Joseph Gilbert Motier) đã thuyết phục được chính quyền Louis 16 ký các Thỏa Ước đồng minh với các thuộc địa Bắc Mỹ vào năm 1778 vì nếu không có Thỏa Ước này, xứ Hoa Kỳ chưa chắc đã giành được Độc Lập.

Hầu Tước De Lafayette thuộc một trong các gia đình quý phái cổ kính của nước Pháp, kết hôn với một thiếu nữ thuộc một trong các gia đình danh giá nhất nước Pháp. Năm 1776 khi được 19 tuổi và trở nên Đại Úy trong quân đội Pháp, De Lafayette đã bỏ tiền túi ra mua tàu biển cùng các phương tiện khác qua Bắc Mỹ vào năm 1777 để phục vụ cho xứ sở này không nhận lương bổng. Quốc Hội

Bắc Mỹ đã phong cho ông cấp bậc Thiếu Tướng (major general) và ông George Washington đã trở nên vừa là người bạn, vừa là một người cha đỡ đầu cho Hầu Tước De Lafayette.

Hầu Tước De Lafayette là một sĩ quan tài giỏi, một cố vấn khôn ngoan, một chính khách tài ba suốt đời yêu chuộng Tự Do và đã đóng góp vào 3 cuộc Cách Mạng quan trọng của nhân loại. Ông đã bị thương nhẹ trong trận đánh tại giòng sông Brandywine và dự nhiều trận đánh như tại Saratoga, Mammouth Court House tại Rhode Island vào năm 1777.

Ngay từ đầu cuộc chiến, ông George Washington đã nhận ra sức mạnh của Hải Quân Anh. Các tàu chiến Anh có thể chở quân lính tới bất cứ nơi nào trên miền duyên hải Bắc Mỹ, trong khi quân đội Anh lại di chuyển rất chậm chạp trên bộ. Từ kinh nghiệm trong cuộc chiến tranh với người Pháp và dân Da Đỏ, ông George Washington cho rằng ông có thể đánh bại quân đội Anh nếu Hạm Đội Pháp tới giúp, ngăn chặn không cho các lực lượng hải quân Anh bỏ chạy. Cách tính toán này đã đến ngày 28 tháng 9 năm 1781, khi Tướng George Washington hạ lệnh tấn công đội quân của Lord Charles Cornwallis và Hạm Đội Pháp đã bao vây ngoài biển. Kết quả là Tướng Cornwallis và 8.000 binh lính đã phải đầu hàng ngày 19 tháng 10 năm đó tại thành phố Yorktown, Virginia.

Theo sử gia Vincent Cronin và Saul K. Padover, Hạm Đội Pháp gồm 24 tàu chiến đã tiến trước tiên vào Vịnh Chesapeake Bay với 8.000 quân do Tướng Francois de Grasse

chỉ huy ngăn chặn 19 tàu chiến Anh do Tướng Graves điều khiển tới tiếp viện cho 8.000 quân Anh đang bị 16.000 quân nổi dậy bao vây tại Yorktown.

Cuối cùng Tướng Hải Quân Pháp Grasse với hỏa lực rất mạnh đã thành công đẩy lui lực lượng Hải Quân Anh phải rút về New York sửa chữa để lại cho Hải Quân Pháp kiểm soát miền duyên hải.

Vào tháng 11 năm 1783, Hiệp Ước Hòa Bình được ký kết tại Paris và các binh lính Anh cuối cùng xuống tàu tại thành phố New York để về xứ vào ngày 25 tháng 11 năm đó.

Hầu Tước De Lafayette trở về Pháp được Vua Louis 16 vinh danh và dân tộc Pháp nhiệt liệt hoan nghênh đón tiếp coi như một vị anh hùng người Pháp trong cuộc Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ. Quả vậy, tên tuổi ông lừng danh vào thời đó chỉ đứng sau người cha Lập Quốc Hoa Kỳ, Tướng George Washington và Lafayette cũng là một chính khách lỗi lạc người Pháp đọc diễn văn đầu tiên tại Lưỡng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ.

Đề cập các biến cố quan trọng trên, người viết thiết nghĩ cũng cần trình bày thêm Phái đoàn Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh sang Pháp cầu viện lại đúng vào thời gian thịnh trị đó dưới Triều Đại Louis 16. Kính mời quý vị độc giả theo dõi một số sự kiện đáng ghi nhớ liên quan tới giai đoạn lịch sử của nước nhà dưới triều đại Hoàng Đế Gia Long.

Pháp Hoàng Louis Thứ 16 Và Hoàng Tử Cảnh

Như người viết đã trình bày trong phần dẫn nhập một số sự kiện liên quan đến bài

viết về chủ đề luật pháp đăng nhiều kỳ cũng được đề cập thêm với mục đích giải trí và thông tin.

Xin quý vị độc giả theo dõi cuộc Tây Du của Hoàng Tử Cảnh.

Cựu Hoàng Bảo Đại, vị Hoàng Đế thứ 13 và cũng là cuối cùng của Nhà Nguyễn có cho biết về chuyến đi của Hoàng Tử như sau:

“Khi cha tôi bảo cho tôi biết là sẽ sang Pháp, Người đã lưu ý tôi rằng tôi là hoàng tử thứ hai của triều đại đã đi xa như vậy. Bởi vì vào năm 1787, Hoàng Tử Cảnh mới lên 7 tuổi và là con của Hoàng Đế Gia Long là vị Vua sáng lập ra triều đại, đã tới cung điện Versailles cùng với Đức Cha Bá Đa Lộc (Mgr. Pigneau de Béhaine). Vua Gia Long khi ấy đang bị mất đất, muốn tìm một đồng minh cường mạnh ở phương tây, để liên kết chứ không phải phụ thuộc làm chư hầu. Vì thế, Ngài cử Đức Cha

này sang Pháp để ký với quốc vương nước ấy một hiệp ước hữu lấy viện trợ. Với sứ mạng ấy, Ngài phong cho Đức Cha được toàn quyền và để chứng minh sự tấn phong này, Ngài đã giao cả quốc tử cho ông để làm bằng. Hơn thế nữa, Ngài muốn cho sứ bộ này tính chất quan trọng tuyệt đối và sự tín nhiệm vô biên của Ngài, nên đã trao con

Ngài là Hoàng Tử Cảnh cho Đức Cha mang đi.

“Sứ bộ đã đạt kết quả. Ở triều đình Versailles, ông Hoàng Tử tí hon Nam Kỳ đã chinh phục được tất cả mọi cảm tình, kể cả Hoàng Thái Tử, con trai của Vua Louis XVI và Hoàng Hậu Marie Antoinette, vốn cùng tuổi với Hoàng Tử. Trong một xã hội chán



Chân dung Hoàng Tử Cảnh (do họa sĩ Maupérin vẽ năm 1787)

ngán của hậu bán thế kỷ thứ 18, Hoàng Tử Cảnh đã mang lại điều bí mật của phương Đông. Quả là một kỳ quan cần phải cho nổ tung ra. Thế là chàng Léonard bất hủ, thợ làm tóc cho Hoàng Hậu Marie Antoinette liền tung ra một “khăn quấn đầu kiểu ông Hoàng Nam Kỳ” cho quý khách nam và “búi tóc kiểu Trung Hoa” cho quý khách nữ. Người ta say mê đi mua sắm những đồ sứ, đồ sơn của Viễn Đông. Đức Cha Bá Đa Lộc ký được hiệp ước tương trợ cả về công lẫn thủ và những lời

hứa hẹn viện trợ. Sau bốn năm vắng mặt, Hoàng Tử Cảnh về nước năm 1789 và chết năm 1801, và chuta được lên ngôi ngày nào. Hoàng Tử Louis Joseph Xavier Francois, người bạn nhỏ xa xôi từng đùa giỡn với nhau trong vườn Điện Versailles cũng chết về bệnh tim, mắc từ năm 1789”.

(Bảo Đại: “Con Rồng Việt Nam”, Le Dragon d’Annam, nguyên bản bằng tiếng Pháp - Nguyễn Phước Tộc xuất bản, California, 1990, trang 30-31)

Theo sử liệu Việt Nam thì Hoàng Tử Cảnh ra đời năm 1780, được Chúa Nguyễn Phúc Ánh gửi đi theo Đức Cha Bá Đa Lộc sang Pháp cầu viện vào năm 1784, lúc đó mới có bốn tuổi. Rồi xứ đàng trong hay Nam Hà (Cochin- chine) vào tháng 2 năm 1785 mới đến tháng 2 năm 1787 mới đến hải cảng Lorient của Pháp. Ba năm sau rời khỏi Việt Nam, Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh được Pháp Hoàng Louis thứ 16 tiếp kiến tại Điện Versailles ngày 5 tháng 5 năm 1787, lúc này Hoàng Tử Cảnh mới được 7 tuổi.

Riêng Hoàng Hậu Marie Antoinette thì tỏ ra vô cùng sùng ái cậu bé Hoàng Tử (Le Petit Prince), bỏ cái khăn lính của người Việt Nam và thay vào đó bằng một cái khăn màu đỏ có thắt nơ do chính Léonard vẽ kiểu. Ngoài ra lại còn may cho Hoàng Tử một bộ y phục kiểu Pháp pha trộn Á Đông, thay vì mặc áo dài quần dài như người Việt Nam thì mặc áo bào, quần ống chèn và mang giầy ống (bottes).

Một họa sĩ nổi danh thời đó là ông Maupérin đã vẽ lại chân dung của Hoàng Tử Cảnh trong bộ y phục này và sau đó vào năm 1791, bức tranh này đã được trưng bày tại Académie Royale de Peinture et Sculpture (Viện Hàn Lâm Hoàng Gia về Hội họa và Điêu khắc) và hiện nay vẫn còn được trưng bày tại Hội Truyền Giáo Hải Ngoại tại Pháp.

Theo Cụ Hoàng Cơ Thụy thì “, trong 10 tháng ở Pháp, cậu Hoàng Tử Cảnh mới lên tám đã được chơi đùa với cậu Thái Tử Louis mới lên 2 (sinh năm 1785), con của Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Marie Antoinette, có họa sĩ Maupérin của Hoàng Gia Pháp vẽ tranh chân dung. Các ông hoàng bà chúa Pháp tranh nhau mời cậu đến chơi. Họ làm một bài thơ phổ nhạc, đoạn chót như sau:

*“ Que son sort est intéressant!
Fait pour porter le diadème,
On le voit assis parmi nous!
Royal enfant, consolez-vous,
Vous régnerez: Andran vous aime.”*

Trong một bài biên khảo tên là “ Đông Cung Nhứt Trình” được đăng trên tạp chí Chim Việt Cành Nam, số tháng 8 năm 2006, tác giả Nguyễn Thị Chân Quỳnh cho biết và chi tiết sau:

5-5-1787: Vào triều kiến ở Versailles, Hoàng Tử Cảnh khô ngô, rất được chú ý. Dân Pháp nồng nhiệt đón chào, nhiều người làm thơ về Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh.. xin trích mấy câu trong bài thơ được đọc giữa bữa tiệc ở Versailles, đăng trên một tờ báo ở Paris:

*“Ta hãy bắt đầu bằng hài đồng nổi tiếng
Mà số phận đáng cho ta lưu ý:
Sinh ra để đội mũ miện
Nay lại ngồi chung với chúng ta.
Hoàng tử bé bỗng ời, hãy vui lên
Một ngày kia Hoàng tử sẽ lên ngôi,
Bá Đa Lộc rất thương yêu hoàng tử.”*

Ngày 28/11/1787, Bộ Trưởng Ngoại Giao Pháp là De Mommorin, đại diện cho Vua Louis XVI và Giám mục Bá Đa Lộc, đại diện cho Vua nước Nam Hà (Chúa Nguyễn Phúc Ánh) ký kết một hiệp ước gồm 10 điều khoản gọi là Hiệp ước Versailles, tuy nhiên về sau gặp phải nhiều khó khăn về tài chánh, nước Pháp không thi hành hiệp ước này và chỉ hai năm sau, Vua Louis XVI bị cách mạng Pháp lật đổ vào năm 1789 và cả hai vợ chồng vị vua này đã bị đưa lên máy chém vào năm 1793. Bá Đa

Lộc cùng Hoàng Tử Cảnh về đến Việt Nam vào ngày 24 tháng 6 năm 1789 với bản hiệp ước không bao giờ được thi hành cùng một số người Pháp tình nguyện do

Bá Đa Lộc tuyển mộ và cũng có mang về được một vài món quà do Vua Louis tặng cho Chúa Nguyễn Phúc Ánh. Chiếc Kiệu do Pháp Hoàng Louis thứ 16 gửi tặng Hoàng Đế Gia Long

Trong cuốn hồi ký “*Con Rồng Việt Nam*”, Cựu Hoàng Bảo Đại có nói đến một trong những tặng phẩm của Vua Louis gửi cho Nguyễn Phúc Ánh hồi thế kỷ thứ 18 khi kể lại buổi lễ ông được tấn phong làm Đông

Cung Thái Tử vào ngày 22 tháng Giêng năm 1922 như sau:

“Vào 8 giờ sáng, Hoàng Đế (Vua Khải Định) được xa giá ra ngự triều. Xa giá của Ngài là chiếc kiệu có lính khênh. Chiếc kiệu này có một lịch sử khá dài. Quốc Vương Louis XVI của nước Pháp đã gửi tặng tổ tiên tôi là Hoàng Đế Gia Long, khi ký hòa ước Versailles năm 1787, giao kết giữa hai nước, và do Đức Cha Bá Đa Lộc, lúc ấy là sứ thần của Chúa Nguyễn, khi đưa Hoàng Tử Cảnh sang Pháp cầu viện. Từ đó, chiếc kiệu được

dùng làm vật di chuyển cho các vị tiên đế để đi lại trong thành nội. “

24 năm sau, dưới thời Vua Louis XVIII (1814-1824), có một chiến thuyền của

Pháp tên Cybèle đến Đà Nẵng và thuyền trưởng là Bá tước De Kergarison đã thông báo với triều đình Huế là Pháp Hoàng sai ông sang đòi Việt Nam phải thi hành bản Hiệp ước Versailles mà Giám mục Bá Đa Lộc đã ký kết với Pháp vào năm 1787 tại Paris. Vua Gia Long sai quan trả lời rằng những điều ký kết trong bản Hiệp ước Versailles đã không hề được nước Pháp thi hành nay bỏ đi không nói đến làm gì nữa.



Vua Bảo Đại ngự kiệu do Vua Louis XVI tặng Nguyễn Phúc Ánh năm 1787

Hoàng Tử Cảnh Hứa Hẹn Tặng Lúa Giống cho Thomas Jefferson

Theo biên khảo gia Trần Đông Phong, Thomas Jefferson đến Pháp nhận chức Sứ Thần Toàn Quyền của Hoa Kỳ vào năm 1784 và ông đã được vị tiền nhiệm là Benjamin Franklin đưa đi giới thiệu khắp mọi giới tại Paris. Nhờ đó, Jefferson đã được biết những nhà trí thức hàng đầu cũng như những nghệ sĩ, những người trong giới chính trị của Pháp, điều đặc biệt là ông rất được Hoàng Hậu Marie Antoinette có cảm tình. Ngoài ra, Jefferson cũng là bạn thân của Hầu Tước Lafayette, vị anh hùng người Pháp trong Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ và Lafayette đã giới thiệu ông với giới quý tộc và một trong những người ái mộ Jefferson lại chính là Hoàng Hậu Antoinette.

Trong tập Thư Tín của Thomas Jefferson có nhắc đã gặp gỡ "the young prince of that country" tức là Hoàng Tử Cảnh, không nói rõ gặp Hoàng Tử Cảnh trong trường hợp nào, trong thời gian nào, và gặp bao nhiêu lần. Tuy nhiên chúng ta có thể đoán được rằng ông đã gặp cậu bé Le Petit Prince này vào những buổi tiệc tùng lễ lạc mà Hoàng Hậu Marie Antoinette tổ chức hằng đêm hoặc là tại các salons về chính trị hay văn nghệ tại Paris mà Sứ Thần Thomas Jefferson vẫn thường tham dự. Ông không bỏ lỡ cơ hội làm quen với hoàng tử xứ Cochinchina để xin một ít hạt giống của loại lúa giống trên cạn đem về giống tại Carolina.

Đối với người Việt Nam như Hoàng Tử Cảnh và một người Pháp đang sống ở Việt

Nam như Giám mục Bá Đa Lộc thì chuyện tặng vài bao lúa giống cũng chẳng lấy gì làm quan trọng cho lắm, cho nên dĩ nhiên là cả Hoàng Tử Cảnh cũng như Giám Mục Bá Đa Lộc đều hứa hẹn tặng lúa giống cho Thomas Jefferson.

Sau gần hai năm chờ đợi vẫn không nhận được tin gì từ phía Le Petit Prince, vào ngày 11 tháng 3 năm 1789, Jefferson viết thư cho ông Malesherbes, một nhà sinh vật học người Pháp nhờ ông này giúp cho Jefferson mua loại lúa giống cạn từ xứ Cochinchina. Trong khi đó, Hoàng Tử Cảnh xuống tàu về nước cuối tháng 12 năm 1787. Phái đoàn Hoàng Tử Cảnh và Bá Đa Lộc phải mất gần hai năm trời mới về đến Việt Nam vào tháng 6 năm 1789, tức chỉ một tháng trước ngày Cách Mạng Pháp xảy ra vào ngày 14 tháng 7 năm 1789. Lúc đó vị hoàng tử bé con này mới được chín tuổi và chắc là vì còn là một đứa trẻ con cho nên cậu ta cũng quên mất lời hứa hẹn này dù rằng Hoàng Tử Cảnh mãi đến năm 1801 mới qua đời vì bệnh đậu mùa. Về phần Giám Mục Bá Đa Lộc thì ông vốn là người Pháp cho nên dĩ nhiên là ông ta chỉ muốn dành ảnh hưởng tại Việt Nam cho người Pháp và do đó mà chẳng có bận tâm gì trong việc nhắc lại với Chúa Nguyễn Phúc Ánh lời yêu cầu của Thomas Jefferson, một điều chỉ có lợi cho nước Mỹ.

Như vậy, có thể nói rằng Hoàng Tử Cảnh là người Việt Nam đầu tiên đã gặp gỡ người Mỹ đầu tiên là ông Thomas Jefferson tại Paris vào năm 1787. Khoảng bảy năm sau, hoàng tử được phong Đông Cung Thái

Tử vào năm 1794 rồi qua đời vào năm 1801 vì bệnh đậu mùa và ông Thomas Jefferson cũng đắc cử vào chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ vào năm 1801. Ông là vị Tổng Thống thứ ba của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Vào tháng 5 năm 1803, chiếc thương thuyền đầu tiên của Hoa Kỳ mang tên là Fame đã đến viếng thăm Việt Nam, bỏ neo tại Vịnh Turon (Đà Nẵng) và Thuyền Trưởng Jeremah Briggs đã đi ra thăm Huế trong ba ngày. Trong cuốn Nhật ký hải hành của tàu Fame vẫn còn được lưu giữ, Thuyền Trưởng Briggs ghi lại rằng Vua Gia Long có gửi một vị cố đạo người Pháp đến hỏi thăm ông về nước Hoa Kỳ, như vậy thì có lẽ lúc đó nhà Vua không biết nhiều về quốc gia này.

Thật là một điều vô cùng đáng tiếc lúc đó Tổng Thống Hoa Kỳ Thomas Jefferson không được biết về chuyến đi này của Thuyền Trưởng Briggs, vì nếu biết thì có lẽ ông đã nghĩ đến việc nối lại sự liên lạc với người bạn mà ông đã gặp gỡ khoảng 15 năm về trước mà nếu còn sống thì đã trở thành Đông Cung Thái Tử của nước Cochinchina...

Đó cũng là một điều thật đáng tiếc cho Vua Gia Long vì nếu nhà vua biết rằng vị Tổng Thống của nước Hoa Kỳ vào thời gian đó lại có quen biết với con trai của ông hồi mới bảy tuổi tại Paris thì có lẽ ông đã nhân dịp này mà làm một vài cử chỉ thân thiện, chẳng hạn như đích thân mời Thuyền Trưởng Jeremah Briggs vào cung thăm hỏi về nước Mỹ thay vì nhờ một ông linh mục người Pháp, chẳng hạn như viết thư bày tỏ

tình hữu nghị với một người có quen biết con trai của ông bây giờ là vị nguyên thủ quốc gia Hoa Kỳ v...v....

Nếu lúc đó, Vua Gia Long và vị Tổng Thống thứ ba của Hoa Kỳ là Thomas Jefferson có liên lạc với nhau thì có lẽ mối bang giao giữa hai nước Hoa kỳ và Việt Nam có thể đã có nhiều thay đổi ngay từ đầu thế kỷ thứ 19 chứ không cần phải đợi đến một thế kỷ rưỡi. Về sau, vào năm 1950, khi chính phủ của vị Tổng Thống thứ 33 của Hoa Kỳ là Harry S. Truman lần đầu tiên chính thức thừa nhận Quốc Gia Việt Nam lúc bấy giờ là hậu duệ của Vua Gia Long là Cựu Hoàng Bảo Đại làm Quốc Trưởng.

(Trích bài viết về “ Hứa Hẹn Tặng Lúa Giống” của Biên Khảo Gia Trần Đông Phong)

NGUYỄN VĂN THÀNH

Arlington, Virginia USA, Xuân 2008

(Còn tiếp)

Tham khảo và trích các tài liệu sau:

- 1- The Queen's Happiness-Louis and Antoinette by Vincent Cronin
- 2- The Brother's visit - Marie Antoinette The Last Queen of France-by Evelyne Lever
- 3- Danh Nhân và Sự Nghiệp Tập I và III của nhà văn Phạm Văn Tuấn
- 4- Bài viết Thomas Jefferson và Hoàng Tử Cảnh của Biên Khảo Gia Trần Đông Phong đăng ở Tạp Chí Thế Kỷ 21 số 231 và số 232 tháng chín và mười năm 2007

SƠN CƯ MẠN HỨNG

Thơ Chữ Hán Của
NGUYỄN DU

THẢO NGUYÊN dịch

山居漫興

南去長安千里餘

柴門晝靜山雲閉

一片鄉心蟾影下

故鄉弟妹音耗絕

群峰深處野人居

藥圃春寒隴竹疏

經年別淚雁聲初

不見平安一紙書

Sơn Cư Mạn Hứng

Nam khứ Trường An* thiên lý dư
Quần phong thâm xứ dã nhân cư**
Sài môn trú tĩnh sơn vân bế
Dược phổ xuân hàn lũng trúc sơ
Nhất phiến hương tâm thiềm ảnh hạ
Kinh niên biệt lệ nhạn thanh sơ
Cố hương đệ muội âm hao tuyệt
Bất kiến bình an nhất chỉ thư.

Sống Trong Núi Cẩn Hứng

Nam hướng kinh thành ngàn dặm dư
Rừng sâu núi thẳm sống quê mùa
Ngày yên cửa liếp mây ngàn phủ
Xuân lạnh dậu tre vườn thuốc thừa
Một mảnh tình quê, trăng đôi bóng
Muôn năm lệ nhớ, nhạn kêu sơ
Các em quê cũ không tin tức
Chẳng biết bình an chẳng được thư.

Bình Chú:

* Trường An xưa là kinh đô nhà Hán, về sau được dùng như danh từ chung chỉ kinh đô.

Ta không được biết đích xác năm tháng nhà thơ viết bài này, nên chỉ có thể phỏng đoán Trường An chỉ Thăng Long.

Tuy nhiên, rõ ràng là ngay sau những ngày tao loạn ở Kinh Thành Thăng Long từ 1786, Nguyễn Du đã chạy loạn một mình, sống trong núi sâu chưa về trú ẩn ở Quỳnh Côi, thuộc đồng bằng Sông Hồng gần bờ biển. Ta thấy nhà thơ đang lập vườn thuốc, tính chuyện lâu dài ở đây.

** Dã nhân: Người nhà quê.

THƠ CƯỜI ĐÓN NẮNG

Bài Thơ hạt bụi vô thường
Vô thường nên chẳng đẹp chường hòa hài
Đọc xong, có người chê bai
Thơ này mà cũng họa, oi lạ kỳ!

Người nghe xong chẳng kể gì
Họa vắn, thư gửi, nhận ghi ân Người
Dăm vắn thơ thẩn rụng rơi
Hạt sương vườn sớm, gió trời khuya đêm.

Thơ tôi như đám cỏ hèn
Viết ra cho vợi ưu phiền, thế thôi
Chân thành, tôi cảm tạ đời
Ban danh thi sĩ làm tôi ngại ngùng.

Sầu vụn cổ mối sầu chung
Trăm năm rồi cũng hư không đường về
Cho nên nhận lời khen chê
Là duyên là nghiệp, không nề người ơi

Dù sao vẫn cảm ơn người
Dăm vắn thơ mọn được người đọc qua
Ngoài vườn nắng sớm tươi hoa
Thơ cười đón nắng và Hoa cũng cười..

TUỆ NGA

(Washington State)

Câu 2: Nguyễn Du như có ý chế nhạo mình: Chàng công tử phong nhã, nổi tiếng văn học nhất nước, con em quan đại thần đầu triều, nay sống trốn chui trốn lủi trong một xóm núi như một người nhà quê chân đất nghèo khổ quê mùa. Mà hơn nữa, để được yên thân ẩn dật, không ai để ý tới mình, nhà thơ phải sống cho ra một bác nhà quê, chân quê ngờ nghệch.

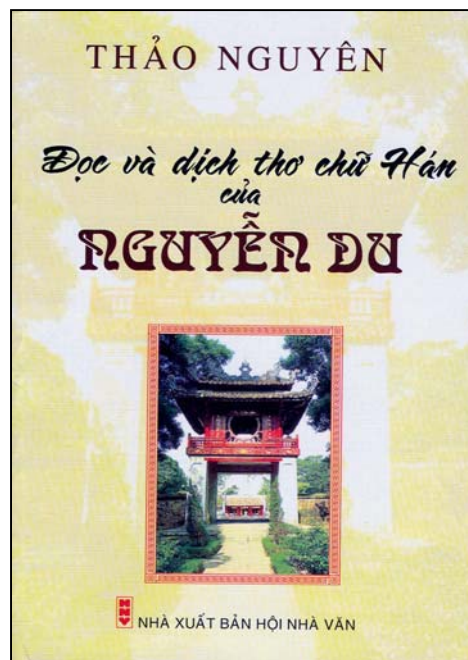
Trong bài U Cư I, được viết cùng thời kỳ, Nguyễn Du giải thích ý tưởng này:

Dị hương dưỡng chuyết sơ phòng tục

Khác quê nuôi dưỡng cái vụng về để đề phòng thói đời.

(Trích trong cuốn *Đọc Và Dịch Thơ Chữ Hán Của Nguyễn Du*, Thảo Nguyên, 2007.

Cuốn sách này có bán tại tiệm sách Khai Trí, New York City; tiệm sách Thanh Bình Jeune, Paris, France)



HỒ TRƯỜNG AN

với “QUÊ NAM MỘT CÔI”

DIỆU TÂN

1. Cuốn “Quê Nam một côi” dày 556 trang, gọi là bút khảo mang tính phê bình và giới thiệu thơ văn của 14 nhà văn, nhà thơ. Có lẽ tác giả chưa có thì giờ để viết một bộ sách phê bình theo ý hướng của ông, nên ông tạm chọn một số tác giả thời tiền chiến 45 cho ngồi chung chỗ với những cây viết thời chiến, thời hậu chiến 75. Đặc biệt là ông chọn - đúng như tên sách - toàn những nhà văn nhà thơ gốc miền Nam, tạm tính từ Bà Rịa, qua Bình Phước, Tây Ninh đổ xuống. Hồ Trường An thật sự là một con dao pha đa tài, ông viết đủ thể loại và có một số tác phẩm đáng nể là 54 cuốn gồm truyện dài, tập truyện ngắn, thơ, ký sự, biên khảo. Hôm nay tôi chỉ đưa ra vài ý kiến với tác giả Hồ Trường An. Tôi sẽ không có nhận định nào về văn chương của 14 tác giả trong cuốn sách này, một công việc Hồ Trường An đã làm.

2. Suốt từ Hồ Biểu Chánh cho đến Vũ Nam, một tác giả trẻ nhất, trên một trăm năm chỉ mới chọn được 14 người Nam Kỳ (chữ của tác giả) chắc chắn là chưa thể đủ, chưa hết và không theo thú tự nhiên đại. Cách viết phê bình và giới thiệu của Hồ Trường An khác với nhiều

nhà phê bình khác, chẳng hạn khác với Trương Tửu, Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan thời tiền chiến. Ông thường chọn một tác phẩm điển hình để đi sâu vào chi tiết, ngoài phần lướt qua những tác phẩm khác. Hồ Trường An là một nhà phê bình trực tính. Ông khen và khen rất nhiều, nhưng ông cũng không hài lòng với những thiếu sót của các tác giả. Ông mạnh dạn nhắc đến những nhược điểm, ngay cả sơ hở của những cây cổ thụ, những vai vế trong làng.

3. Khi giới thiệu một tác giả, ông quen dùng cách tỷ giảo, so sánh với những tác giả khác. Do đó đương nhiên ông không chỉ giới thiệu phê bình 14 người cầm bút có tên trong sách, ông phê bình tiện dịp có đến hàng trăm tác giả khác. Không những ông kể tên, kể tác phẩm của tác giả Việt, ông dẫn ra hàng vài chục tên các tác giả nổi danh Trung Hoa, Pháp, Anh, Mỹ, Nga từ xưa tới nay. Điều đó chứng tỏ ông đọc nhiều tác phẩm Việt và các tác phẩm nước ngoài nổi tiếng. Cách so sánh này nên có, tuy nhiên đôi chỗ mãi mê khen tặng văn phong, bút pháp, cách diễn tả của tác giả này, ông chê tác giả khác, sự khen chê đôi lúc có những mâu thuẫn nhỏ. Hồ Trường An nói và nhắc nhiều lần đến văn phong, ngôn ngữ “Nam Kỳ”.. Nhiều nhà ngôn ngữ đã nói Việt Nam chỉ có một ngôn ngữ và có nhiều phương ngữ và giọng nói. Chữ Nam Kỳ,

Bắc Kỳ có lẽ không nên nhắc lại nữa vì nó lại tàn dư thời bị làm thuộc địa, bị bảo hộ.

4. Hồ Biểu Chánh được chọn là người tiên phong viết chuyện miền Nam, với những ngôn từ miền Nam, bộc trực, chân thành. Thời phôi thai đó cụ viết được 64 tác phẩm thật đáng phục. Ông gọi cụ cụ đốc phủ sứ là “ánh hoàng hôn cụ trào” có văn dĩ tại đạo, kết cấu có hậu, nhưng cũng nhận xét là cụ tác giả “chết cứng hóa thạch trong luân lý Khổng Mạnh”. Chính ông Nguyễn Viết Quang cho biết đã chọn bút hiệu họ Hồ vì nể trọng cụ Hồ Biểu Chánh. Nhà văn tiền chiến khác là Phi Vân được mệnh danh là “người mở rộng dải đất tân bồi” là cây viết tiếp hơi văn phong của Hồ Biểu Chánh. Phi Vân có chừng bốn năm tập truyện, có một truyện ngắn có thể làm cho chế độ xốn xang, trái lại có truyện khác để bị chế độ lợi dụng tuyên truyền qua chuyện địa chủ bóc lột tá điền.

5. Nhận xét của Hồ Trường An về Sơn Nam là viết “sâu sắc và ý tình”. Ông cũng chê là sau này Sơn Nam viết chuyện phiêu lưu theo kiểu “mượn đầu cá vá đầu tôm”. Sơn Nam khai thác vùng Hậu Giang có giá trị nhất và dẫn truyện mới năm 1993 của Sơn Nam để đánh dấu hỏi là tác giả bị lâm vào thế kẹt, có phải viết lời trần tình hay biện hộ chi đây! Độc giả hải ngoại ít đọc, không ưa đọc tác phẩm của các nhà văn của chế độ, hay cộng tác với chế độ, nên không hiểu hết những điều nhận xét về cuốn “ Một mảnh tình

riêng” này. Riêng lớp độc giả lớn tuổi, từ năm 1945 cho đến 1953 còn là học sinh chỉ ưa thích đọc Thẩm Thệ Hà, Vũ Anh Khanh, Lý Văn Sâm,...với tinh thần kháng chiến chống Pháp sôi nổi thời đó thôi.

6. Có lẽ để giữ tính văn chương Hồ Trường An không trích dẫn những tác phẩm phản kháng chế độ của Xuân Vũ, chỉ giới thiệu một tác phẩm mới Xuân Vũ viết ở Mỹ. Cuốn “Đường đi không đến” đoạt giải thưởng cao nhất miền Nam đã được tái bản nhiều lần, tuy nhiên vẫn có rất nhiều độc giả trẻ chưa được biết đến, cũng cần nhắc lại. Xuân Vũ là một tác giả viết mạnh nhất, có tới 80 tác phẩm nổi tiếng, nhưng trích dẫn lại tác phẩm lớn đầu tay khi ông quay đầu trở về miền nam tự do năm Mậu Thân 68 không phải là thừa. Đó là động lực mạnh mẽ nhất khi tìm về với lẽ phải, công bằng và kích động ông viết nên một tác phẩm để đời mang tính thời đại và lịch sử. “ Cô Ba Trà” hay những cuốn sách viết về đồng quê Nam Kỳ cũng chỉ là cái bóng theo sau “ Đường đi không đến”. Không có tác phẩm để đời đó sẽ không có 178 tác phẩm tiếp theo.

7. Nguyễn Thị Thụy Vũ là chị ruột của tác giả, bà là một trong các nhà văn miền Nam trước 75 còn tiếp tục viết được cũng như nhà văn nhà báo Văn Quang. Tác giả gọi bà chị là “ngồi bút nữ lưu lao vào văn chương nam giới”. Văn chương không phân chia giới tính, có lẽ ý ông muốn nói đến văn chương tình dục. Ông đánh giá Thụy Vũ viết văn hiện thực xã hội, những tác phẩm của Thụy Vũ sau này đã nghiêng về phía tâm linh. Song

Thi một nữ ký giả còn viết truyện ngắn , làm thơ, viết có nét sáng tạo, không cầu kỳ, làm thơ như con én đưa thoi, như con cá vẩy vùng thoải mái. Thơ Song Thi chống cái ác, nói lên tình quê hương đất nước. Về văn thì thiết tha, đầm đậm. Nhà văn Tiểu Thu đến từ Canada đã có hai tác phẩm. Bà chuyên viết kỷ niệm về Cao Lãnh, Kontum và Ngã Năm Bình Hòa. Tác giả đặt tên bà là “nhà văn đi vào khu vườn kỷ niệm”, có những đối thoại bình dân, thắm thiết, rất miền Nam.

8. Anh Vân là nhà báo, chủ bút, chủ nhiệm tạp chí, đã có 6 tập truyện ngắn và truyện dài. Hồ Trường An gọi ông là một “chứng nhân ưu tư lịch sử”. Anh Vân nhiệt tình với thời cuộc, với các biến động lịch sử, đặc biệt qua cuốn “Ác mộng đêm dài”. Ông cho rằng Anh Vân không ghi sử bình thường mà đã đem tâm tình viết lịch sử, viết bằng con tim và nước mắt. Phương Triều đã là nhà giáo, nhà báo và sĩ quan báo chí, có 8 tập truyện và thơ. Tác giả gọi Phương Triều là người lữ hành đi vào bí nhiệm cuộc sống. . Xương rồng thì có màu xanh, đất có màu nâu, nhưng với Phương Triều thì xương rồng đen, đất có sữa trắng. Thơ Phương Triều có tư tưởng về ảo ảnh cuộc thế, là thơ tâm linh và triết học. Nhà thơ có gửi cho tôi mấy cuốn thơ, tôi rất quý thơ ông.

9. Nhà thơ Hoàng Xuyên Anh, một khuôn mặt quen thuộc Bắc Cali, được gọi là “ người cô phụ rơi dòng dư lệ”. Bà đã

XUÂN HY VỌNG

Bỗng nghe đài nói Mất Trường Sa
Lòng nhớ quê hương nhớ thiết tha
Ngõ lối Xóm Chùa đêm gió Bắc
Mái tranh khói xám buổi chiều tà
Tóc mây dạo ấy vờn bên phố
Vạt áo xanh nào mới bước qua
Ông lớn ngồi trên sao chẳng biết ?
Núi sông công sức của ông cha !

HUỆ THU

01 01 2008

có 1 tập thơ với 1 băng thơ cùng tên, có 2 CD thơ phổ nhạc. Nhà văn Chu Tấn đã nhận xét là bà đã “Vịn thơ đứng dậy” được sau những dai đờn mất mát người thân và bị hư hại dung nhan. Cũng như nhà thơ Ngọc An người làm thơ quen thuộc ở San Jose là Ngọc An với độc giả, thánh giả. Ngọc An đã có 6 tập thơ văn và 3 CD nhạc truyện. Theo Hồ Trường An, bà là người “làm thơ trữ tình khi cuộc đời đi vào mùa thu diễm ảo”. Độc giả vùng bắc Cali đã đọc thơ của hai tác giả này và sẽ đọc trong cuốn sách này hiểu rõ hơn và tự đánh giá lấy. Nhà văn Dư Thị Diễm Buồn có 6 thi tập, 7 truyện dài, 3 CD, 1 cát xét thơ Riêng tôi cũng nhận được mấy cuốn truyện của bà gửi cho. Tác giả gọi bà là “ người đi tìm dư ảnh quê xưa”, viết văn có tải đạo. Tác phẩm của Dư Thị Diễm

Buồn rất hiếm nhân vật ác, nêu lên cái Thiện, ăn hiền ở lành, kết cấu có hậu.

10. Nhà văn Vũ Nam đến từ Đức, được gọi với tên “kẻ lữ hành tìm kỷ niệm trên vùng đất lạ”cần mẫn, miệt mài và chân thành. Riêng tôi đã gặp ông ở đây cách đây hai năm và viết bài giới thiệu cuốn “Một đêm ở Genève” . Vũ Nam đã có 6 tập truyện và là cây viết có vốn liếng ‘đi và sống’ rất phong phú. Để kết thúc cuốn sách tác giả nói đến Lê Xuyên. Cách đây một năm “Chú Tư Cầu” của nhà văn, nhà báo Lê Xuyên đã được độc giả bắc Cali chiếu cố nồng nhiệt. Tác giả khen đối thoại của Lê Xuyên nhưng vẫn chê Lê Xuyên là viết khơi khơi, không cần viết văn, không thích kể chuyện nhiều, chỉ thích cho nhân vật đối thoại ngon ơ, tuần tuột. Sau đó ông so sánh Bình Nguyên Lộc với Lê Xuyên, ở điểm này riêng tôi chưa đồng ý với tác giả. Bình Nguyên Lộc – không được giới thiệu trong cuốn này - là một nhà văn lớn miền Nam, là một nhà ngôn ngữ học sáng giá, ngồi ở vị trí khác. Còn Lê Xuyên kiêm nhà báo viết phối-ơ-tông có tài hấp dẫn độc giả.

11. Tại Pháp, Hồ Trường An là một tác giả nổi tiếng, giàu kinh nghiệm trong trường văn trận bút. Ông viết rất xông xáo, mạnh mẽ, đọc nhiều, thường giới thiệu, đánh giá, nhận xét, phê bình các nhà văn khác. Ông thường đề cao văn chương miệt vườn là chân chất, thẳng tuột như ống tre, bình dân, tuy văn chương của chính ông lại dùng nhiều câu, chữ Hán-

Việt rất hoa gấm. chải chuốt, thêu thùa rất mỹ thuật. Như thế văn chương miền Lục tỉnh vẫn có nét cao sang, lịch thiệp riêng. Những bài ký sự và tập thơ của Đông Hồ ở trình độ cao, trí thức. Thơ mới của Tô Thùy Yên đâu phải là thơ bình dân, một nhà thơ miền Nam được các nhà thơ lão luyện gốc Bắc, gốc Trung nể phục?. Người ta thường nói nhiều đến văn hóa, văn chương của một quốc gia mà trong đó ngôn từ đặc thù, hoặc phương ngữ, ngọn từ riêng nên bảo tồn cái chính gốc, thuần túy. Điều cốt lõi là ngôn ngữ, văn chương của một quốc gia là chan hòa, chính thống và có dân tộc tính cần có sự tổng hợp, thống nhất, không phân chia.

12. Tôi cũng mạn phép góp ý với ông, đề nghị nên xem lại vài nhận xét về nhà văn lớn và rất khiêm nhường Dõan Quốc Sỹ. Độc giả mong ông sẽ viết tiếp về các tác giả Lục Tỉnh như ông nói cũng như mong đọc sách phê bình văn học của các nhà phê bình khác qua tất cả tác giả Trung Nam Bắc, chứ không riêng gì miền Tiền Giang, Hậu Giang. Mới đây qua một bức thư, ông có phân biệt viết văn và kể chuyện. Kể chuyện bằng chữ viết là ký sự, là hồi ức, nên cũng là làm văn chương, cũng là viết văn. Hai ông Nguyễn Bá Cẩn và Huỳnh Văn Lang trước đây có khi nào viết văn, nay hai ông viết văn bằng lối kể chuyện, kể lại sự thật quá khứ, được chiếu cố nồng nhiệt. Sách của ông Cẩn tái bản lần hai bán hết. Ông Huỳnh Văn Lang mới điện thoại cho tôi biết cuốn ký sự “Đã hơn ba mươi năm rồi”của ông tái bản lần thứ ba bán hết, vẫn còn được độc giả bên Pháp đòi mua.

DIỆU TÂN (California)

CÁC GIẢI VĂN CHƯƠNG Ở MIỀN NAM VIỆT NAM TRƯỚC 1945

KIM LAM

Trong các thập niên của đầu thế kỷ 20, một số các tư nhân và các Hội học ở miền Nam Việt-nam đã có sáng kiến tổ chức các giải thưởng sau:

1. GIẢI NGÔ TÂM THÔNG

Năm 1924, Ông Ngô Tâm Thông, một điền chủ ở làng Tân-giai, tổng Bình-an, tỉnh Vĩnh-long, đề xướng cuộc thi thơ văn quốc âm qua sự tổ chức của quan đốc phủ sứ tỉnh Bà-ri-a Lê Quang Liêm, tức Bảy. Hội đồng giám khảo gồm các quan lại của Nam-kỳ.

Qua giải thưởng này, ông Ngô Tam Thông muốn khích lệ các nhà thơ văn trong cả 3 kỳ. Điều lệ, giải thưởng bằng tiền, hạn nộp của giải này được công bố trên tạp chí Nam Phong, số 87, tháng IX 1924 như sau: Hạng 1: 300 đồng - Hạng nhì: 200 đồng - Hạng ba: 100 đồng

Hình thức dự thi là một bộ tiểu thuyết bằng văn xuôi hoặc bằng văn vần theo 3 thể:

- a- Tiểu thuyết về sự tích nước nhà
- b- Tiểu thuyết về truyện phiêu lưu
- c- Tiểu thuyết về thế tục.

Nếu làm bằng văn xuôi, quyển viết phải có ít nhất 300 trang giấy học trò.

Nếu bằng văn vần, quyển viết phải có ít nhất 200 trang. Hạn nộp bài là 01-6-1925. Ngày chấm xong sẽ là 10-11-1925 và tháng 12-1925 giải thưởng sẽ được phát.

Cuộc thi này có lẽ không có người dự vì sau đó không một báo chí nào nhắc đến nó, ngay cả tờ Nam Phong, nhưng nó đánh dấu sự suy tàn của nền Hán học và bước đầu trong việc chú trọng đến việc phát triển nền văn học chữ quốc ngữ.

2. GIẢI PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

Tuần báo «Phụ-Nữ Tân-Văn» xuất bản ở Nam-kỳ tổ chức cuộc thi với đề tài dưới hình thức một câu hỏi «Nàng Thúy Kiều nên khen hay nên chê?». Bài dự thi không dài quá 20 trang giấy lớn. Giám khảo sẽ là độc giả của tờ tuần báo. Những bài trả lời sẽ lần lượt đăng báo. Nếu bài nào được phần nhiều độc giả chấm thì sẽ chiếm giải thưởng.

- Giải nhất: một cái máy hát lớn hiệu Pathé, và một năm báo Phụ Nữ Tân Văn.

- Giải nhì: một cái áo mưa Æng-lê hiệu The Dragon, và một năm báo Phụ Nữ Tân Văn.

Có 18 bài được tuyển lên báo. Tuy nhiên theo Phụ Nữ Tân Văn số 19 (05/9/1929), kết quả cuộc thi không được mỹ mãn vì số người chấm thi ít hơn số người dự thi. Trong các bài dự thi, không có bài nào có số thăm thật cao. Do đó giải không được phát.

3. GIẢI KHUYẾN HỌC NAM KỲ

Hội Khuyến học Nam kỳ (Société d'Enseignement mutuel de la Cochinchine) được thành lập năm 1907. Hoạt động của Hội không gây được nhiều tiếng vang trong giới trí thức. Nhưng từ năm 1941, dưới sự điều khiển của Hội trưởng Đoàn Quang Tấn, ban Trị sự của Hội quy tụ những nhân vật nổi tiếng như Cung Giũ Nguyên (viết tiểu thuyết Việt và Pháp), họa sĩ kiêm văn sĩ Nguyễn Phi Hoanh, nhà văn Chim Hải Yến, học giả Nguyễn Xuân Quang, nhà ngôn ngữ học Lê Ngọc Trụ v.v. Họ tích cực hoạt động về văn học khiến Hội có uy tín từ Nam, rồi lần ra Trung và ra Bắc. Do đó giải Văn chương của Hội được giới trí thức thời đó trên toàn quốc chú ý đến.

Giải Văn chương năm 1941 của Hội dành cho một tác phẩm xuất bản từ 01-01-1941. Tác giả quyển sách được trúng giải sẽ không phải là một nhà văn thuộc nhóm «Tự Lực Văn Đoàn» (vì họ đã nổi tiếng rồi) mà cũng không phải là một nhà văn đã được giải văn chương nào rồi.

Cuốn tiểu thuyết «Chồng con» của Trần Tiêu đoạt giải thưởng Văn chương của hội Khuyến-học Nam kỳ năm 1941 với số tiền là 250 đồng.

Năm 1942, Hội đồng Giám khảo tặng giải cho 3 tác phẩm:

- «Tôn Thọ Tường» của Khuông Việt Lý Vĩnh Khôn

- «Triết học Bergson» của Lê Chí Thiệp

-«Sông Bạch Đằng», nhạc của Lưu Hữu Phước, lời của Mai Văn Bộ và Nguyễn Thành Nguyên.

Năm 1943, giải được trao cho Hoàng Xuân Hãn (ở Bắc) với cuốn «Danh từ khoa-học» và Lê Văn Ngôn (ở Nam) với cuốn «Bệnh ho lao». Đây là hai cuốn biên khảo rất công phu.

Năm 1944, giải thưởng được trao cho Phan Văn Hùm với cuốn «Vương Dương Minh»

Từ năm 1945, không khí chính trị bùng nổ và sau đó hội Khuyến-học, tuy có hoạt động trở lại nhưng không còn đầy đủ phương tiện để hoạt động như trước nữa.

4. GIẢI ĐỒ CHIỂU

Năm 1943, nhân dịp lễ truy điệu nhà thơ ái quốc Nguyễn Đình Chiểu, được sự Trần Kim Quan đặt ra giải văn chương hàng năm với tên là «Giải Đồ Chiểu». Tiền giải thưởng là 500 đồng. Hội Khuyến-học Nam-kỳ được giao quyền khảo sát và ra đầu đề.

Đề thi: «Khảo cứu và luận về Đồ Chiểu với Lục Vân Tiên».

Hạn nộp bản thảo: trước ngày 01-02-1944 (sau ngày ra thông báo (22-7-1943) là 6 tháng 9 ngày).

Hạn trang: ít nhất 100 trang, nhiều nhất 300 trang.

Giải chỉ dành riêng cho người Việt sinh trưởng ở Nam-kỳ và sẽ được phát vào ngày giỗ Đồ Chiểu.

Ban Giám khảo chỉ nhận được 2 tác phẩm dự thi của 2 nhà giáo là ông Lục Y Lang (ở Gia-định) và ông Từ Quang (tức Lư Khê ở Sài-gòn). Vì số người tham dự quá ít, ban Giám khảo quyết định không phát giải thưởng và họ (với sự có mặt của ông Trần Kim Quan) thảo luận là trút phân nửa tiền giải thưởng để tặng khuyến khích hai người dự thi: ông

Lục Y Lang được 150 đồng, ông Từ Quang được 100 đồng.

Năm 1944, đề thi giải Đồ Chiểu là cuốn tiểu thuyết có ý nghĩa vịnh theo hai câu thơ của Nguyễn Đình Chiểu trong «Lục Vân Tiên» là:

«Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình»

Kỳ này cũng chỉ có hai người dự giải. Không có ai đoạt giải mà cũng chẳng có ai được giải khuyến khích.

Năm 1945, đề thi là «Một gương nghĩa sĩ». Không có một ai dự thí mặc dù tiền giải lên đến 1.250 đồng, giải lớn nhất thời tiền chiến, có lẽ là do tình hình xã hội với cuộc giải phóng đất nước (1945).

5. GIẢI «THỦ KHOA NGHĨA» CỦA HỘI KHUYẾN-HỌC CẦN-THƠ

Mới đầu Hội chỉ là một hội học. Từ khi bác sĩ Lê Văn Ngôn làm hội trưởng, số hội viên từ 20 tăng đến 123. Hội quy tụ được một số tài năng như Tố Phang, Trúc Thân, Tây Đô Cát Sĩ, Lê Đăng Côn, họa sĩ Nguyễn Văn Mười v.v. Năm 1943, Hội cho ra tập Kỷ yếu với tên gọi «Xuân Tây đô», nhân dịp Tết Giáp Thân. Cũng cùng năm này, Hội đặt ra giải thưởng «Thủ Khoa Nghĩa». Giải sẽ phát vào năm 1944. Mục đích của Giải là khuyến khích các tài năng mới và góp phần vào việc phát triển nền văn nghệ miền Nam trong thời kỳ còn phôi thai. Hội chỉ chấm các tác phẩm nào chưa in của các nhà văn miền Nam. Kết quả Hội nhận được 1 tập vận văn, 2 quyển tiểu thuyết, 5 tập truyện ngắn, 1 quyển ký sự, 3 quyển nghị luận

và 2 quyển khảo cứu. Hai cuốn tiểu thuyết được giải là:

- «Đồng quê» (giải nhất) của Phi Vân. Tác phẩm được in lại bốn lần và được dịch ra Hoa văn với tựa đề «Nguyên dã».

- «Truyện năm người thanh niên» (giải nhì) của Nguyễn Ngọc Tân. Sau này tác giả có sửa chữa lại tác phẩm, lấy bút hiệu là Phạm Thái và giao lại cho nhà Tự Quyết xuất bản năm 1955.

Giải «Thủ Khoa Nghĩa» chỉ ra được một lần. Vì tình hình thời cuộc nên Hội tạm ngưng việc tổ chức giải.

6. GIẢI NAM XUYỀN

Năm 1944, ông Lê Tràng Kiều, chủ nhà xuất bản Nam Xuyên ở Sài-gòn, tổ chức giải văn chương hàng năm dưới sự bảo trợ về tài chính của nhà kinh doanh Võ Tuấn Khanh.

Mục đích của giải Nam Xuyên là khuyến khích các nhà văn toàn quốc và giúp các nhà văn trúng giải xuất bản tác phẩm của họ (tác giả giữ bản quyền).

Kết quả của giải được công bố vào tháng 8 năm 1944 như sau:

1. Giải nhất (500 đồng) : «Mùa hoa mới» của Minh Dân, một giáo học ở Vụ-bản, Nam-định.

2. Giải nhì (350 đồng) : «Cây đàn Chiêu Quân» của Th. Q. Hoàng Đức Tấn ở Hà-nội.

3. Giải ba (200 đồng) : chia làm hai cho:
*«Cơn ác mộng» của Nguyễn Văn Xuân ở Sài-gòn

*«Thạch sương bồ» của Nam Phổ ở Sài-gòn

4. Giải tư (50 đồng), có bốn giải cho :

*«Tuổi trẻ» của Pucho Nguyễn Hữu Phước ở Thủ-dầu-Một

*«Bình học» của Dương Tử Giang ở Hà-tiên

*«Gánh giang san» của Mễ Nhân ở Hà-nội

*«Bộ bài nhân sự» của Vũ Duy Hanh ở Sài-gòn

Cũng như các giải khác, giải Nam Xuyên chỉ phát được một lần. Tình hình chiến tranh làm cho việc tổ chức giải phải ngưng lại.

Các giải văn chương trên, mặc dù không sống lâu, cho phép ta rút ra một số nhận xét sau :

- Làm sống lại các nhân vật lịch sử của miền Nam qua giải Đồ Chiểu và giải Thủ Khoa Nghĩa và từ đó nung nấu tinh thần ái quốc của dân chúng.

- Khuyến khích các tài năng mới ở miền Nam nói riêng và cả nước nói chung tham gia vào việc xây dựng và phát triển nền văn học chữ quốc ngữ.

- Làm nổi bật nét độc đáo của văn nghệ miền Nam trong thời kỳ phôi thai.

- Đề cao tâm huyết của các văn gia, học giả, thi sĩ, giáo giới v.v. đối với nền quốc học.

- Cập nhật hóa các giá trị truyền thống đồng thời tiếp thu có chọn lọc các kiến thức và các giá trị mới được du nhập từ các nền văn hóa và văn minh khác.

*

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Ngu Í, «Các giải văn chương trên đất Việt thời tiền chiến», revue Bách Khoa Numéros 137

(15/9/1962), 139 (15/10/1962) và 140 (01/11/1962)

2- Nguyễn Ngu Í, «Các giải văn chương ở miền Nam nước Việt», revue Bách Khoa Numéro 152 (01/5/1963)

*

Vài nét về KIM LAM

Kim Lam tên thật là Phạm Thị Kim Dung, một nữ biên khảo gia thuộc thế hệ thứ 2. Phu quân của Kim Lam là một nhà trí thức tây phương mang cái tên thật lãng mạn "Yves LAMOUREUX" mà tiếng Việt dịch nôm na là "kẻ tình si". Với sự say mê nền văn hóa cổ truyền Việt-nam, nam tử này dự tính đến xứ sở ấy để thực hiện các giấc mơ của mình. Hai tháng trước khi phi cơ cất cánh, chàng đã không hẹn mà gặp Phạm Thị Kim Dung ở viện bảo tàng Orsay (musée d'Orsay) trước một bức danh họa của Renoir. Từ đó mối tình Pháp-Việt được nuôi dưỡng càng ngày càng mãnh liệt trong vòng tay của văn học và nghệ thuật. Kim Dung vô cùng kinh ngạc khi thấy người yêu mình ngưỡng mộ với tất cả tâm hồn và trái tim hai danh nhân Việt Nam: Nguyễn Trãi, vị tướng tài ba và cũng là nhà thơ lỗi lạc; Nguyễn Du, đại thi hào qua danh tác "Kim Vân Kiều". Thế rồi Kim Dung và Yves xây dựng gia đình với nhau. Dòng sông Cửu Long và dòng sông Loire đã hòa hợp và quyen lấy nhau, đưa hai người đến bến bờ hạnh phúc. Đó cũng là ý nghĩa bút hiệu KIM LAM lấy từ một phần tên của cả hai vợ chồng.

Ngày xưa Kim Lam xuất thân từ trường "Áo tím" Gia Long. Trường đã đào tạo cho bao thế hệ nữ sinh nền văn hóa truyền thống hòa nhịp với văn chương thế giới phong phú bởi các luồng tư tưởng khác nhau. Thêm vào đó Kim Lam say mê văn học Pháp qua Stendhal,

Flaubert và Proust. Sau khi hoàn thành bậc đại học, Kim Lam trở thành giáo sư giảng dạy tiếng Pháp ở Trường Cao Đẳng Sư Phạm và Viện Trao đổi Văn-hóa với Pháp tại Việt Nam.

Năm 1991, Kim Lam sang Pháp để thực hiện các kế hoạch nghiên cứu của mình vì ở Pháp có nguồn tài liệu phong phú và vô tận.

Năm 2002 Kim Lam đã trình bày thành công ở Viện Quốc-gia Ngôn-ngữ và Văn-minh Đông-phương tại Paris luận án Tiến sĩ với tựa đề: «*Les mutations de la République du Vietnam: l'apport de la revue Bách-Khoa (Sài-gòn, 1957-1975)*» nhằm giới thiệu các hoạt động văn-hóa và trí thức của miền Nam Việt-nam trước tháng 4 năm 1975 qua việc phân tích tạp chí Bách-Khoa xuất bản ở Sài-gòn. Đồng thời tác giả làm nổi bật các lo âu cùng mâu thuẫn của miền Nam trên con đường canh tân xứ sở và trong cuộc xây dựng nền văn hóa dân tộc. Chính tinh thần tự do sáng tạo đã giúp cho miền Nam duy trì được bản sắc dân tộc của mình và đánh dấu một giai đoạn trong lịch sử tiến hóa của nước Việt-nam.

Hiện nay Kim Lam vẫn tiếp tục các kế hoạch nói trên, với một công trình nghiên cứu rất ích lợi cho các nhà biên khảo sau này về các hoạt động văn hóa và trí thức của miền Nam trước 1975. Công việc này vừa mới hoàn thành xong và đang chờ xuất bản. Tác phẩm nghiên cứu dày hơn 220 trang trong đó tác giả giới thiệu tạp

chí Bách-Khoa, đường lối hoạt động cùng sự đóng góp của tạp chí này vào việc xây dựng con người Việt-Nam mới ở thế kỷ 20 bước qua thế kỷ 21, con người tiến bộ nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc (phần giới thiệu viết bằng Pháp ngữ dài bốn trang). Tác phẩm có kèm theo đầy đủ tài liệu tham khảo: Các bài báo mà tạp chí đã đăng tải trong suốt 18 năm 4 tháng ở Sài-gòn (viết bằng Việt ngữ), danh mục các tác giả bài báo và các cộng tác viên của tạp chí, cùng ngày tháng của các số báo để tiện cho mọi nghiên cứu sau này.

Ngoài ra, Kim Lam còn hoàn thành bốn bài biên khảo viết bằng Pháp ngữ chưa kịp cho phổ biến, mang tựa đề «*Le conte, lieu de rencontre de l'Orient et l'Occident*», «*La poésie des vers de 6-8 pieds face à la traduction en français à partir d'un extrait de Kim Vân Kiều*», «*Les femmes sud-vietnamiennes et leur représentation dans la littérature de 1955 à 1975*» et «*Bách Khoa et la culture nationale de l'an 2000*».

Vốn là phiên dịch viên hữu thệ toà thượng thẩm Paris, tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Việt học (Viện Quốc Gia Ngôn Ngữ và Văn Minh Đông Phương), hiện nay Kim Lam nhận dịch các tài liệu Pháp-Việt và Việt-Pháp. Địa chỉ:

Madame LAMOUREUX Thi Kim Dung
20-22 Avenue de Choisy
75013 PARIS (FRANCE)
Téléphone(tại Pháp): 01 45 82 25 87
E-mail: lamykim@wanadoo.fr

(Người giới thiệu: Bình Huyền)

FRIEDRICH NIETZSCHE

(1844 – 1900)

Nhà Triết Học Đức Danh Tiếng

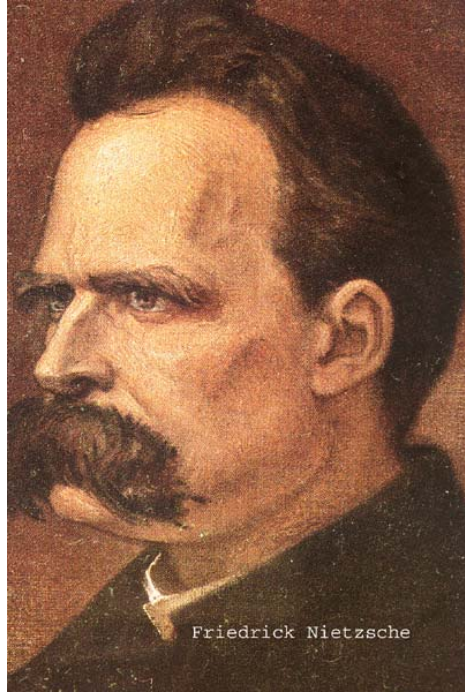
PHẠM VĂN TUẤN

Friedrich Nietzsche là nhà triết học người Đức, sinh sống trong hậu bán thế kỷ 19, là nhân vật đã làm lung lay các nền móng của nền luân lý theo truyền thống và nền luân lý của đạo Thiên Chúa.

Nền triết học của Friedrich Nietzsche đặt trọng tâm vào ý tưởng "xác nhận về đời sống" (life-affirmation) qua đó đặt câu hỏi liên quan tới mọi chủ thuyết (doctrines), và các chủ thuyết này đã lấy đi các năng lực của đời người, bởi vì nhà triết học Nietzsche tin tưởng vào đời sống, sức khỏe, sự sáng tạo, vào các hiện thực (realities) của thế giới mà chúng ta đang sống, hơn là vào một thế giới "bên kia".

Mọi người đã coi Friedrich Nietzsche là một trong các nhà triết học hiện sinh (existentialist philosophers) đầu tiên, bởi

vì ông đã gây ảnh hưởng tới các nhân vật hàng đầu trong mọi lãnh vực, gồm các nhà thơ, nhà văn, họa sĩ, triết gia, tâm lý gia, nhà xã hội học... và tới cả các vũ sư (dancers).



1/ Cuộc đời của Friedrich Nietzsche (1844-1900).

Friedrich Wilhelm Nietzsche chào đời ngày 15/10/1844 tại Rocken bei Lutzen, một tỉnh nhỏ nằm về phía tây nam của thành phố Leipzig, nước Đức. Bởi vì ngày sinh này trùng với sinh nhật thứ 49 của Vua Friedrich Wilhelm IV của nước Phổ (Prussia) nên cậu bé này được đặt tên như vậy. Cha của cậu bé là ông Karl Ludwig Nietzsche (1813-1849) đã được Vua Phổ bổ nhiệm làm mục sư của tỉnh Rocken. Ông nội của cậu bé là một học giả Tin Lành (a Protestant scholar) mà trong một cuốn sách xuất bản năm 1796, ông cụ đã xác nhận "đạo Thiên Chúa sẽ mãi mãi trường tồn".

Khi cậu bé Friedrich lên 4 tuổi, người cha qua đời vì bệnh não rồi người anh Joseph lớn hơn 2 tuổi cũng chết 6 tháng sau đó. Gia đình

này đã sống trong một căn nhà dành cho ông mục sư, rất gần nhà thờ Rocken, nhưng khi ông Karl mất đi, bà mẹ Franziska (1826-1897) đã đưa các con về bên ngoài, sống gần Naumburg am der Saale. Tại nơi này có bà ngoại Erdmuthe, 2 bà cô Auguste, Rosalie và Therese Elisabeth Alexandra (1846-1935) là em gái của Friedrich.

Vào tuổi từ 14 tới 19, Friedrich theo học trường trung học hạng nhất Schulpforta, không xa Naumburg, và chính tại nơi này, Friedrich đã quen thân với Paul Deussen, người mà về sau trở nên một nhà sử học của triết học (historian of philosophy), một nhà Đông Phương học rồi tới năm 1911, là nhà sáng lập của Hội Schopenhauer (the Schopenhauer Society). Cho tới tuổi 18, Friedrich đã tỏ ra là một học sinh giỏi, nhưng sau đó đã thường xuyên say sưa trong các quán rượu, sự việc này đã làm hư hỏng công việc học hành nhưng dù vậy, Friedrich cũng tốt nghiệp trung học.

Trong các mùa hè sinh sống tại Naumburg, Friedrich đã đứng đầu một câu lạc bộ nhỏ chuyên về âm nhạc và văn chương có tên là "Germania" nên từ đây, quen thuộc với loại âm nhạc của Richard Wagner do câu lạc bộ này đặt mua tạp chí âm nhạc Zeitschrift für Music. Friedrich cũng đọc các tiểu thuyết Đức của Friedrich Holderlin, Jean Paul Richter, cũng như theo dõi cuốn sách gây tranh luận và phản bác thần thoại có tên là "Đời Sống của Chúa Jesus, phê phán khắt khe"

(Life of Jesus Critically Examined = Das Leben Jesu kritisch bearbeitet, 1848).

Sau khi tốt nghiệp từ trường trung học Schulpforta năm 1864, Friedrich Nietzsche vào trường đại học Bonn, và vẫn tiếp tục các thói xấu cũ gồm cả việc uống rượu và giao du với các bạn gái. Nietzsche theo học môn Thần Học và Triết Học, nhưng ưa thích hưởng về môn Ngữ Văn (philology), một ngành học tìm cách trình bày các văn bản cổ điển và thánh kinh. Vì là một sinh viên ngữ văn, Friedrich tham dự các bài thuyết giảng của các giáo sư Otto Jahn và Friedrich Wilhelm Ritschl. Ông Jahn là một nhà ngữ văn chuyên khảo cứu về nhà triết học La Mã Lucretius, còn ông Ritschl là một học giả cổ điển có công trình nghiên cứu về nhà thơ La Mã Plautus.

Friedrich Nietzsche đã theo ông Ritschl tới đại học Leipzig vào năm 1865 và tại nơi này, Nietzsche đã nổi tiếng do các bài khảo luận về Aristotle, Theognis và Simonides. Cũng tại Leipzig, Friedrich quen thân với Erwin Rohde, đây là một người mà Friedrich Nietzsche đã trao đổi rất nhiều thư từ trong các năm về sau.

Năm 1865 khi được 21 tuổi, Nietzsche tình cờ đọc cuốn sách của Arthur Schopenhauer có tên là "Thế Giới xét về lòng Mong Muốn và cách Trình Bày" (The World as Will and Representation). Schopenhauer là nhà triết học vô thần, là nhà tư tưởng bi quan (pessimistic), xác định rằng mục đích của con người là trống không (nothing), đã nhìn thế giới xao động, nhưng đánh giá rất cao nền âm nhạc như là một nghệ thuật. Các tư tưởng này của Schopenhauer đã hấp dẫn trí tưởng tượng của Nietzsche rồi sau đó, Nietzsche còn đọc

cuốn sách mới được xuất bản của F.A. Lange: "Lịch Sử của Chủ Nghĩa Vật Chất và Phê Bình Ý Nghĩa Hiện Tại của Chủ Nghĩa này" (History of Materialism and Critique of its Present Significance, 1866). Đây là tác phẩm chỉ trích các lý thuyết siêu hình vật chất (materialist metaphysical theories) đứng trên quan điểm của Kant. Cuốn sách này đã hấp dẫn Nietzsche rất nhiều.

Vào năm 1867 và ở tuổi 23, Friedrich Nietzsche bị gọi vào quân ngũ, phục vụ trong một lữ đoàn pháo binh đóng gần Naumburg. Trong một lần luyện tập nhảy lên lưng một con ngựa bất kham, Friedrich bị ngã, bị thương nặng ở ngực và vì vết thương không khỏi nên được giải ngũ. Sau đó không lâu, Friedrich trở về trường đại học Leipzig và vào tháng 11/1868, đã gặp nhà soạn nhạc Richard Wagner (1813-1883) tại nhà của Hermann Brockhouse, ông này là một nhà Đông Phương học (Orientalist), đã kết hôn với cô Ottilie, em gái của Wagner.

Wagner và Nietzsche có cùng sở thích là đam mê triết học của Schopenhauer và bởi vì Nietzsche đã từng học dương cầm, sáng tác âm nhạc và nhạc hòa tấu, nên Nietzsche rất ngưỡng mộ Wagner vì thiên tài âm nhạc và cá tính hấp dẫn của vị nhạc sĩ này. Wagner cùng lứa tuổi với cha của Nietzsche và đã từng theo đại học Leipzig nhiều năm về trước, vì thế tình cảm giữa hai người này rất là sâu đậm, và 20 năm sau, Nietzsche vẫn còn đề cao ảnh hưởng văn hóa của Wagner.

Do đã viết ra các bài khảo luận rất xuất sắc, đăng trên các tạp chí và đã được giới trí thức chú ý, Friedrich Nietzsche được trường đại học Leipzig cấp văn bằng Tiến Sĩ Triết Học mà không phải đệ trình luận án theo cách thông thường.

Vào lúc bắt đầu quen nhạc sĩ Wagner thì Giáo Sư Ritschl khuyên Friedrich Nietzsche nên nhận lãnh chức vụ giảng dạy môn ngữ văn cổ điển tại đại học Basel, Thụy Sĩ, và Nietzsche bắt đầu dạy học tại đây từ tháng 5/1869, ở tuổi 24. Tại Basel, Nietzsche thường hay liên lạc với hai nhà sử học Franz Overbeck và Jacob Burkhart, hoặc tới thăm Wagner tại nhà ở Tribtschen, một tỉnh nhỏ gần Lucerne.

Trong trận chiến tranh Pháp-Phổ (the Franco-Prussian War, 1870-71), Nietzsche chăm sóc các thương bệnh binh trong bệnh viện trong các tháng từ tháng 8 tới tháng 10 năm 1870, nên đã chứng kiến các hậu quả tàn khốc của chiến tranh và đã mắc bệnh bạch hầu (diphtheria) và kiết lỵ (dysentery) vì vậy sức khỏe của Nietzsche càng về sau càng kém đi.

Do nghiên cứu các tác phẩm cổ điển, do cảm phục Schopenhauer, do các cảm hứng từ Wagner, do đọc tác phẩm của F.A. Lange và cũng do nỗi thất vọng trước nền văn hóa hiện thời của nước Đức, Friedrich Nietzsche đã viết ra tác phẩm đầu tiên có tên là "Khai Sinh của Bi Kịch từ Tinh Thần Âm Nhạc" (The Birth of Tragedy from the Spirit of Music, 1872) và cuốn này được phổ biến năm Nietzsche 28 tuổi.

Trong các năm từ 1872 tới 1879, khi sinh sống tại Thụy Sĩ, Nietzsche thường đến thăm viếng Wagner khi vị nhạc sĩ này dọn qua nhà mới ở Bayreuth, nước Đức. Năm 1876 và ở tuổi 32, Friedrich Nietzsche đã xin cưới cô sinh

viên dương cầm người Hòa Lan, đang học tại Geneva, tên là Mathilde Trampedach, nhưng không thành. Trong thời gian này, Nietzsche viết xong tác phẩm "Các Nhận Xét Không Hợp Thời" (The Unfashionable Observations, 1873-76).

Vào gần cuối của thời kỳ giảng dạy tại đại học, Nietzsche đã viết ra cuốn "Người, tất cả-quá người" (Human, All-Too-Human, 1878) và cuốn này đánh dấu sự chấm dứt tình bạn với Richard Wagner.

Tại Basel, Friedrich Nietzsche vẫn được nhiều người khác kính trọng nhưng tình trạng sức khỏe suy kém, bệnh nhức đầu và mắt kém khiến cho nhà triết học này phải xin từ chức vào tháng 6 năm 1879.

Trong các năm từ 1888 tới khi bị suy sụp tinh thần vào tháng 1/1889, Friedrich Nietzsche đã sống một cuộc đời lang thang, không có quốc tịch bởi vì ông đã từ bỏ quốc tịch Đức mà không xin quốc tịch Thụy Sĩ. Nietzsche sống tại căn nhà của mẹ ở Naumburg, rồi du lịch qua Nice vào mùa đông, tới làng Sils-Maria thuộc rặng núi Alps, Thụy Sĩ, vào mùa hè, cư ngụ tại Leipzig, Turin, Genoa, Recoaro, Messina, Rappallo, Florence, Venice, Rome... và không bao giờ ở đâu lâu hơn vài tháng.

Khi tới thành phố Rome vào năm 1882, Nietzsche vào tuổi 37, đã gặp cô Lou Salomé, một phụ nữ người Nga 21 tuổi, đang theo học triết học và thần học tại Zurich. Friedrich Nietzsche đã cầu hôn với cô Salomé nhưng dù coi Nietzsche là một thiên tài, cô Salomé này đã từ chối cuộc hôn nhân bởi vì tính khí bất thường của nhà triết học.

Trong những năm sống lang thang như vậy, Nietzsche đã viết ra nhiều tác phẩm, trong đó phải kể tới các tác phẩm chính:

- Rạng Đông (Daybreak, 1881).

- Sự hiểu biết vui vẻ (The Gay Science = Le Gai Savoir = Die froliche Wissenschaft, 1881-82).

- Zarathustra đã nói như thế (Thus Spoke Zarathustra, 1883-85).

- Bên kia điều tốt và điều xấu (Beyond Good and Evil, 1886).

- Về phả hệ học của luân lý (On the Genealogy of Morals, 1887).

1888 là năm sáng tác nhiều nhất của Friedrich Nietzsche với các tác phẩm sau:

- Trường hợp Wagner (The Case of Wagner, tháng 5-8/1888).

- Hoàng Hôn của các Thần Tượng (Twilight of the Idols, tháng 8-9/1888).

- Kẻ chống Chúa (The Antichrist, tháng 9/1888).

- Hãy nhìn Người này (Ecce Homo = Behold the Man, lời của Pilate khi đưa Chúa Jesus ra trước công chúng, tháng 10-11/1888).

- Nietzsche chống lại Wagner (Nietzsche contra Wagner, tháng 12/1888).

Và tác phẩm chính cuối cùng của Nietzsche là cuốn "Lòng Ham Muốn Quyền Lực" (The Will to Power, 1901).

Vào buổi sáng ngày 3/01/1889, trong khi đang sống tại Turin, Friedrich Nietzsche bị suy sụp tinh thần, trở thành tàn tật suốt đời. Có người kể lại rằng nhà triết học này đã nhìn thấy một con ngựa bị người lái xe đánh đập, nên tới ôm cổ con ngựa, rồi bị ngã quy. Người khác lại cho rằng Nietzsche mắc bệnh giang mai (syphilitic infection) khi còn là sinh viên

hay khi đang phục vụ trong bệnh viện, lại có người tin rằng nhà triết học này đã dùng nhiều chất choral hydrate để làm dịu thần kinh..., nhưng lý do chính đáng của sự mất khả năng tinh thần đã không được xác định rõ ràng.

Sau khi bị bệnh nặng, Friedrich Nietzsche được điều trị trong một thời gian ngắn tại Basel rồi qua năm 1889, nằm trong bệnh viện Binswanger tại Jena. Vào tháng 3 năm 1890, ông được bà mẹ đưa về Naumburg và được người em gái Elisabeth chăm sóc.

Friedrich Nietzsche qua đời vào ngày 25/8/1900 khi gần 56 tuổi vì bệnh sùng phổi và đột quỵ (stroke). Thi hài của ông được chôn trong sân nhà thờ ở Rocken bei Lutzen.

2/ Về các tác phẩm của Friedrich Nietzsche.

Tác phẩm đầu tiên của Friedrich Nietzsche là cuốn "Khai Sinh của Bi Kịch" (The Birth of Tragedy). Qua tác phẩm này, Nietzsche đã trình bày một lý thuyết mới về các nguồn gốc của nền văn hóa Hy Lạp cổ điển (classical Greek culture). Nietzsche tin rằng có thể hiểu rõ nền văn hóa này là kết quả của sự tương khắc giữa hai động lực căn bản của con người (basic human drives), đó là các yếu tố Apollonian và Dionysian.

Yếu tố Apollonian tạo nên sự rõ ràng và trật tự, khiến cho mọi thứ có thể phân biệt rõ ràng, trong khi đó yếu tố Dionysian giúp cho con người khám phá được sự thật nằm sâu ở đằng sau, và sự mặc khải này chỉ có trong các hoàn cảnh

say đắm hay cuồng nhiệt tôn giáo (religious frenzy), do uống rượu, hay nghe nhạc bốc đồng (wild music) hoặc tình dục tự do. Bi kịch của Hy Lạp là sự pha trộn các yếu tố Apollonian và Dionysian, và chủ thuyết thuần lý và lạc quan Socratic (Socratic rationalism and optimism) đã cắt nghĩa sự suy tàn của ngành bi kịch này. 10 đoạn sau của cuốn sách nói về sự khai sinh trở lại (rebirth) của bi kịch do tinh thần âm nhạc của Wagner.

Tác phẩm này lúc đầu chỉ được giới trí thức đón nhận một cách lạnh nhạt nhưng thực ra, đây là một sự cứu xét sâu xa, theo ý kiến của nhà cổ điển học người Anh F. M. Cornford viết vào năm 1912. Cho tới ngày nay, tác phẩm này vẫn được coi là một cuốn sách cổ điển trong lịch sử của thẩm mỹ học (aesthetics).

Trong tác phẩm "Các Nhận Xét không hợp thời" (The Unfashionable Observations, 1873-76), Friedrich Nietzsche đã nghiên cứu phẩm chất của nền văn hóa của châu Âu, đặc biệt của nước Đức, đứng trên các quan điểm không hợp thời (unfashionable) và không theo lẽ thói (nonconformist) và tác giả cho rằng nguyên tắc của đời sống (life) thì cần quan tâm đến, hơn là kiến thức (knowledge) bởi vì kiến thức phải phục vụ các quyền lợi của đời sống.

Trong cuốn "Sự hiểu biết vui vẻ" (The Gay Science = Le Gai Savoir), với tên cuốn sách do các bài hát dạo (troubadour songs) của miền Provence, nước Pháp, Friedrich Nietzsche nhấn mạnh vào các ý tưởng hiện sinh và tuyên bố "Thượng Đế đã chết" (God is dead).

Chủ thuyết vô thần (atheism) của Nietzsche có mục đích hướng con người vào sự tự do cố hữu (inherent freedom), vào thế giới

hiện đang sống (the present existing world) và quên đi các thế giới khác xa vời.

"Zarathustra đã nói như thế" (Thus Spoke Zarathustra) là một trong các tác phẩm nổi tiếng nhất của Friedrich Nietzsche. Đây là bản tuyên ngôn về cách chiến thắng chính mình. 30 năm sau lần xuất bản đầu tiên, chính quyền Đức đã cho in 150,000 ấn bản, cùng với các cuốn Thánh Kinh, để phát không cho binh lính trẻ trong Thế Chiến Thứ Nhất.

"Zarathustra đã nói như thế" là tác phẩm chống đối quan điểm của thế giới Do Thái Giáo và Thiên Chúa Giáo, với lời văn vừa mang vẻ thơ phú, vừa mang tính chất tiên tri, giống như lời văn của các kinh Cựu Ước và Tân Ước.

Tác phẩm này dùng tên của một nhân vật lãnh đạo tôn giáo bí ẩn, gốc người Ba Tư, là người đã sống trước Chúa Jesus hơn 500 năm. Nietzsche đã dùng tên Zarathustra này để tăng thêm phần huyền bí. Tác phẩm này đã tạo ra khá nhiều tranh luận. Có người bảo vệ tác phẩm, cho rằng đây chỉ là một cuốn sách thuộc loại nghệ thuật (a work of art), không nên đọc để tìm hiểu một chủ thuyết (doctrine), trong khi các kẻ khác, gồm cả các đảng viên Quốc Xã Nazis, đã đòi hỏi mọi người phải đọc tác phẩm này vì tính cách giáo dục triết lý, và các kẻ Tân Quốc Xã đã dùng câu nói của Nietzsche sau đây: "Những thứ gì không giết nổi chúng ta, sẽ chỉ làm cho chúng ta mạnh mẽ hơn" (That does not kill us can only make us stronger).

Khi viết ra tác phẩm kể trên, một trong các ý định căn bản của Friedrich

Nietzsche là muốn chứng minh rằng các giá trị truyền thống mà đại diện là đạo Thiên Chúa, đã làm mất đi sức mạnh trong các đời sống cá nhân mà chỉ trình bày một thứ "luân lý nô lệ" (a slave morality), thứ luân lý tạo bởi các cá nhân yếu hèn và bực tức, những người này khuyến khích các hành vi như dục dằng, tử tế, bởi vì thứ hành vi này phục vụ các quyền lợi của họ.

Vào thế kỷ 19, vài triết gia người Anh như John Stuart Mill và Jeremy Bentham, đã tin tưởng vào chủ nghĩa vui thú (hedonism), chủ nghĩa này chấp nhận rằng các hành vi của con người là muốn tìm kiếm tối đa niềm vui thú (pleasure) và tránh né các đau đớn (pain).

Friedrich Nietzsche muốn bác bỏ quan niệm kể trên nên đã cho rằng con người thường muốn chịu đựng các đau đớn, căng thẳng, để hoàn thành các công việc khó khăn nhờ đó họ cảm thấy có sức mạnh, năng lực, quyền lực. Nietzsche đã không chủ trương rằng một số người phải thống trị các người khác hay ham muốn quyền lực chính trị, mà mỗi người phải kiểm chế các thôi thúc và các bản năng vô kỷ luật (unruly drives and instincts). Cách tự kiểm chế này đã được các nghệ sĩ và các nhân vật tôn giáo thực hiện theo đường lối quên mình (self-denial) để đạt tới một thứ quyền lực (power) cao cả hơn, hơn là cách bắt nạt các kẻ yếu của kẻ mạnh.

Friedrich Nietzsche đề cập tới các giá trị mới có thể tạo ra được, để thay thế các giá trị cổ truyền và các thảo luận của Nietzsche đã dẫn tới quan niệm về một thứ "siêu nhân" (overman or superman). Theo Nietzsche, khối đông hay tập thể làm theo tập quán, trong khi siêu nhân thì độc lập, vững tâm và rất cá

nhân. Siêu nhân cảm xúc sâu xa nhưng các đam mê được kiểm soát một cách hữu lý. Trái với tôn giáo hứa hẹn các phần thưởng ở thế giới kế tới, siêu nhân xác nhận đời sống gồm cả đau đớn. Siêu nhân theo Nietzsche, là người sáng tạo ra các giá trị, là chủ của luân lý, là phản ảnh của sức mạnh và tính độc lập.

Friedrich Nietzsche cho rằng tất cả các hành vi của con người bị thúc động (motivated) do lòng ham muốn quyền lực (the will to power), đây không phải là quyền lực đối với các kẻ khác mà là đối với chính mình, đây là điều cần thiết để sáng tạo. Nietzsche đã nói tới nhiều nhân vật được coi như kiểu mẫu của "siêu nhân", trong đó có Chúa Jesus, triết gia Hy Lạp Socrates, nhà cai trị La Mã Julius Caesar, nhà khoa học xứ Florence Leonardo da Vinci, họa sĩ người Ý Michelangelo, nhà viết kịch người Anh William Shakespeare, nhà triết học người Đức Johann Wolfgang von Goethe và Hoàng Đế Pháp Napoléon I.

Friedrich Nietzsche đã có thể sáng tác phong phú ra nhiều tác phẩm sâu xa và xuất sắc trong một số năm trường trong khi thân thể ở trong tình trạng bệnh hoạn, đau đớn, đây là lời xác định về các khả năng tinh thần đặc biệt và một ý chí mãnh liệt của tác giả.

Tư tưởng của Friedrich Nietzsche đã gây nên ảnh hưởng sâu đậm trong thế kỷ 20, nhất là tại lục địa châu Âu. Tư tưởng này đã hấp dẫn các nghệ sĩ tiên phong (avant-garde artists) là những người tự coi

mình ở bên bờ của thứ xã hội thời trang, bởi vì Nietzsche đã kêu gọi mọi người phải bắt đầu bằng thứ mới, lành mạnh và sáng tạo...

Trong thập niên 1930, tư tưởng của Friedrich Nietzsche đã được các đảng Quốc Xã Đức và Phát Xít Ý sử dụng, họ đã dùng nhiều đoạn văn trích dẫn trong các tác phẩm của Nietzsche để biện minh cho chiến tranh, xâm lược và thống trị.

Friedrich Nietzsche cũng đặc biệt gây ảnh hưởng tới giới triết học Pháp trong các thập niên 1960 – 1980 do lời tuyên bố "Thượng Đế đã chết" (God is dead), do thuyết bi quan, do nhấn mạnh vào quyền lực (power) như là một thứ thúc động thực sự để đối đầu với thẩm quyền đã được thiết lập và để phát động các chỉ trích xã hội.

Các nhân vật danh tiếng trong thế kỷ 20 chịu ảnh hưởng của Friedrich Nietzsche dù ít hay nhiều, gồm các họa sĩ, vũ sư, nhạc sĩ, thi sĩ, tiểu thuyết gia, sử gia, triết gia... với danh sách như sau: Alfred Adler, Georges Bataille, Martin Buber, Albert Camus, E.M. Cioran, Jacques Derrida, Gilles Deleuze, Isadora Duncan, Michel Foucault, Sigmund Freud, Stefan George, André Gide, Hermann Hess, Carl Jung, Martin Heidegger, Gustav Mahler, André Malraux, Thomas Mann, Rainer Maria Rilke, Jean-Paul Sartre, Max Scheler, Giovanni Segantini, George Bernard Shaw, Lev Shestov, Georg Simmel, Oswald Spengler, Richard Strauss, Paul Tillich, Ferdinand Tönnies, Mary Wigman, William Butler Yeats và Stefan Zweig./.

PHẠM VĂN TUẤN.

TÁC GIẢ CỎ THƠM

PHẠM VĂN TUẤN

Năm sinh: 1936

- Sinh viên vĩ cầm Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn và Phân Khoa Âm Nhạc Đại Học Ohio, Hoa Kỳ.
- Giáo Sư Toán trường Trung Học Trần Lục / Nguyễn Du.
- Sĩ Quan Khóa 14 Trường Bộ Binh Thủ Đức.
- B.S. (1970) và M.S. (1971) Đại Học Ohio, Hoa Kỳ.
- Giáo Sư Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn.
- Giáo Sư Nhiếp Ảnh Hội Việt Mỹ Cần Thơ.
- Phụ Tá Luật Sư Văn Phòng Luật Sư Frederick J. Day (Virginia).

- Giáo Sư Toán (tự thực) (Virginia).
 - Hội viên Trung Tâm Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ.
 - Hội viên Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật Vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn.
 - Hội viên Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm (VA).
 - Cộng tác với các websites:
www.Vietsciences.free.fr,
Vietnamdaily.com, Cothommagazine.com.
- Các tác phẩm đã xuất bản:
- 1/ Danh Nhân và Sự Nghiệp, 3 tập I, II, III.
 - 2/ Khoa Học và Thám Hiểm.
 - 3/ Nhà Văn và Tác Phẩm.
- (Nhà X.B. Tân An – HTĐ, 2003)



Từ trái: **Phạm Văn Tuấn**, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Hà Bình Trung, tại tư gia Phan Anh Dũng và Tâm Hảo, Richmond – Virginia.

Thơ Tình

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Nhà thơ mở hé cánh cửa vườn thơ, nhẹ nhàng bước vào. Trong vườn đầy những hoa thơm cỏ lạ. Trên cao những đám mây bàng bạc theo nhau trôi về cuối chân trời, thấp thoáng ẩn hiện những hình ảnh của một thời dĩ vãng xa xưa, nay chỉ còn ghi lại dấu ấn nhạt nhòa một thời trai trẻ đầu đời:

“Có những mảng quá khứ

Nhẹ lãng dăng trôi về

Đi qua vùng ký ức

Của một thời đam mê”

(Một thuở yêu người)

Chợt đâu một mùi hương thoang thoảng bay qua. Hương của loài hoa tình yêu. Hương của mái ấm gia đình hiện tại khởi trào nguồn thi hứng:

“Nhìn em say giấc ngủ

Anh đi tìm nàng thơ”

(Độ lượng)

Hương của tình nghĩa phu thê quấn quít gắn bó gợi thương gợi nhớ:

“Nhà vắng em, anh đi về lạng lẽ

Bữa cơm chiều bếp lạnh tựa mùa đông

Vắng tiếng cười và những lời thỏ thẻ

Một tháng dài hơn thế kỷ chờ mong!”

(Xuân lạnh)

Thời gian cứ trôi đi, lá cứ thay sắc màu nhưng cuộc tình lúc nào cũng còn say đắm như những buổi ban đầu đầy lưu luyến:

“Xuống chân tháp anh và em nhẹ bước

Bên dòng sông cùng du khách lại qua

Tình yêu mình càng thấm đượm hương hoa

Ta sống lại những tháng ngày trăng mật”

(Paris thơ mộng)

Hoa tình yêu muôn thuở

Vẫn mãi mãi ngát hương...

(Hoa tình)

Hương tình gợi tứ thơ. Nhà thơ nhìn thiên nhiên vũ trụ với cái nhìn đầy nghệ sĩ tính. Ánh trăng vẫn là ánh trăng của mọi ngày sao tự nhiên giờ đây lại đượm vẻ lãng mạn:

“Trăng soi mặt biển nạm vàng

Tung tăng sóng giỡn với nàng Hằng nga”

(Đêm trên bãi biển Ocean City)

Và nắng xuân cùng với hoa xuân khoe sắc trong tiếng nhạc sao thấy êm đềm quá:

“Nắng xuân trải lụa bên thềm

Nàng xuân nhẹ bước nhưng êm gót hài

Nhạc xuân rót mật bên tai

Hoa xuân khoe sắc cành mai nở vàng”

(Tuyệt vời mùa Xuân)

Nghe tiếng chim hót, ngắm sương rơi trên nụ hoa thấy mùa Xuân thật diễm lệ:

“Nụ hoa còn diễm giọt sương

Long lanh như hạt kim cương trên cành

Lú lo tiếng hót hoàng anh

Bạch dương khoác áo màu xanh nõn nà”

(Xuân diễm lệ)

*

Nhưng mùa Xuân nơi đây hình như thiếu
vẻ ấm cúng. À thì ra Xuân không còn là
Xuân nơi quê mẹ của thời xa xưa nữa rồi:

*“Quê người đất khách Xuân sang
Trời đông giá lạnh lòng hoang vắng sầu
Cảnh đời sao lắm biển dâu
Tuổi thơ cho đến bạc đầu phong sương”*

(Hoài niệm Xuân quê hương)

Tình hoài hương dâng tràn, nhà thơ chợt
cảm nhận thấy nỗi đoạn trường của thân
phận những kẻ phải bỏ nước ra đi:

*“Cuối đời sống kiếp ly hương
Ngoảnh nhìn cố lý khói sương mù
Lang thang như kẻ mộng du
Đi trong vô thức hoang vu đường trần”*

(Lênh đênh)

*“Tôi đi bỏ lại quê hương
Chia ly xa biệt phố phường, người thân.
Tạ từ bằng hữu xa gần
Mất cay, lê gót phong trần lưu vong”*

(Bài thơ đoạn trường)

Biết bao kỷ niệm của thời ấu thơ nơi quê
cũ lại ào ạt kéo về:

*“Ngồi đây nhớ về đất mẹ
Xa xôi cách nửa địa cầu
Mơ màng một thời thơ ấu
Cố hương thơ mộng còn đâu?!”*

(Nhớ)

Vườn thơ bốn mùa thay lá nhưng lòng hoài
hương không hề biến đổi. Những cánh chim
bay về tổ trong mùa lá vàng rơi rụng cũng
khơi tình nhưng nhớ về cố quận:

*“Chiều rơi nhuộm thắm phương tây
Chim bay về tổ từng bầy kêu sương
Thu về gọi nhớ cố hương”*

(Thu)

Hòa nhập chung với tâm sự của những
khách ly hương nhà thơ thầm mong một
ngày có cơ duyên được quay gót về thăm
chốn cũ:

*“Trót mang thân phận lưu vong
Nuôi chi mơ ước trông mong ngày về
Dặm trường mờ mịt sơn khê
Không gian ngăn cách lê thê tháng ngày”*

(Biệt ly)

Và rồi ước mơ trở thành hiện thực.
Nhưng ô hay! Sao người trở về vẫn không
tìm được niềm vui trong lòng. Phải chăng
đau xót vì mình lại đóng vai “lữ khách” trên
quê hương của chính mình? Đóng vai kẻ lạ
giữa đất Quảng Đà thân thương với phố cổ,
với sông xưa, với vùng đất “chưa mưa đã
thấm” mà hình ảnh mãi còn ghi dấu trong
tim?:

*“Về thăm Đà Nẵng chiều đông
Mưa bay hiu hắt trên sông phố Hàn
Ta người lữ khách lang thang
Trở về quê cũ lòng mang nỗi sầu”*

(Xuân hy vọng)

*“Ta về dừng gót phiêu bồng
Thăm thành phố cổ dòng sông năm nào
Biển xanh sóng vẫn rì rào
Phố xưa chứng kiến biết bao thăng trầm”*

(Ngày Xuân trên quê cũ)

Ghé thăm một thành phố khác, nơi đã
từng ghi dấu bao tình cảm xưa cũ, mà nay
sao cũng chẳng tìm lại được hương xưa.
Tiếng suối chảy vẫn là âm thanh của thời
trước mà nay sao nghe như chuyên chở một
nỗi sầu vô tận:

*“Cao nguyên se lạnh mù sương
Về đây tìm lại dư hương thuở nào”*

*Ta về như giấc chiêm bao
Cam Ly nước vẫn ngẹn ngào buồn trôi”*
(Hương xưa)

*

Nặng lòng thủy chung với nơi quê cha đất tổ nhà thơ cũng chẳng hề quên công lao của những bậc tiền nhân, những vị đã dày công xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tưởng niệm hoàng đế Quang Trung, người đã đại thắng quân Thanh vào mùa Xuân năm Kỷ Dậu 1789, nhà thơ kính cẩn đặt bút viết:

*“Mở hội đón anh hùng Nguyễn Huệ
Trên lưng tuấn mã đẹp oai hùng
Gươm thiêng ánh thép còn ghi dấu
Máu đỏ quân thù thấm áo nhung”*
(Xuân vinh quang)

Hình ảnh Hai Bà Trưng với những trang sử Mê Linh oai hùng của bậc nữ lưu đất Việt cũng khó mà phai nhòa trong tâm hồn con cháu những thế hệ sau:

*“Vung gươm đuổi sạch bóng thù
Hát giang tuấn tiết nghìn thu sử vàng
Nữ lưu anh kiệt danh vang
Xung vương một cõi huy hoàng núi sông”*
(Hùng sử Mê Linh)

Nói về lòng hoài hương cũng không thể quên hình ảnh đáng ca tụng của Huyền Trân công chúa, người đẹp vì đại nghĩa mà hy sinh tình riêng:

*“Nàng vì đại nghĩa hy sinh
Thủy chung một tấm lòng trinh với chàng
Đường vào Chiêm quốc gian nan
Nhìn về cố lý quan san mặt mờ”*
(Tình sử Huyền Trân)

*

Trong cuộc sống tất bật nơi đất khách nhà thơ đôi khi phải tìm sự thanh thản cho tâm hồn. Đêm nằm nghe tiếng mưa rơi chợt nhớ lại thời hoa niên tại đồng quê xưa cũ với tiếng chuông chùa còn như văng vẳng bên tai sao thấy thật thân tiên:

*“Chùa xưa vọng tiếng chuông ngân
Tan mùi tục lụy cõi trần thanh cao
Hương quê nồng ấm ngọt ngào
Nhà nông quên nỗi gian lao cấy cày”*
(Ngày tháng thân tiên)

Rạng soi bởi ánh đạo vàng nhà thơ nhận chân được rằng kiếp sống của con người quả thật chỉ là một sự “vô thường”. Hợp đấy rồi lại tan đấy, có khi nào trường cửu đâu. Giấc mơ dù có nở đẹp như hoa rồi cũng phải tới lúc úa tàn:

*“Hai mươi năm lấm biển dâu
Phong trần nhuộm trắng mái đầu đôi ta
Tương phùng rồi mãi chia xa”*
(Tàn giấc mơ hoa)

Con người mái tóc mới ngày nào còn xanh bây giờ đã ngả màu sương tuyết. Ngày nào mới cất tiếng khóc chào đời mà nay đã trở về cùng cát bụi:

*“Vô thường quy luật tử sinh
Trăm năm một cuộc hành trình khổ đau
Đời người bao cuộc biển dâu
Cuối đời trên một chuyến tàu hoàng hôn”*
(Vô thường)

*“Anh đi xa lánh cõi trần
Trở về cát bụi phù vân vô thường
Đời mong manh tựa khói sương
Tiễn anh tôi thấp nén hương phân kỳ”*
(Vĩnh biệt bạn hiền)

Chính vì thế nên mọi giá trị vật chất như danh với lợi mà nhiều người ham muốn theo

đuổi chỉ là một trò “giả”, hảo huyền, không thật, không đáng được coi trọng:

*“Tình thơ giải tỏa ưu phiền
Lánh xa thế sự bạc tiền lợi danh
Vui cùng gió mát trăng thanh
Bạn cùng muôn thú rừng xanh hữu tình”*
(Tình thơ)

*“Thì thôi một kiếp cũng đành
Trả cho đời những hư danh hảo huyền”*
(Như chiếc lá rơi)

Thấm nhuần lý đạo nhà thơ hiểu rằng con người đều bị chi phối bởi “nghiệp lực” do chính mình tạo ra cả trong kiếp sống này lẫn từ tiền kiếp. Tự mình làm chủ vận mệnh của mình theo luật “nhân quả”. Bởi thế nên tốt nhất là cố vượt khỏi bờ mê, phá tan màn vô minh, hướng tâm mình theo con đường chánh:

*“Trót vương vào cái nghiệp
Kiếp tầm phải nhả tở
Hoa niên đến hết kiếp
Thủy chung chẳng hững hờ”*
(Nghề và nghiệp)

*“Tâm hướng theo chánh đạo
Xa rời khỏi bến mê”*
(Giác mộng đêm xuân)

Chánh đạo sẽ đưa con người tới cõi siêu thoát, vượt ra ngoài vòng “luân hồi” quần quanh đầy khổ lụy. Đây là lời nguyện cầu của nhà thơ cho người quen đã khuất mặt và cũng là lời tâm nguyện của chính bản thân mình:

*“Đời em nhiều bất hạnh
Thôi yên nghỉ Lan Phương
Nguyện cầu em siêu thoát
Tôi đốt nén tâm hương”*
(Nén hương lòng cho bạn)

Tình đạo dạt dào. Đường đạo vững tiến. Qua một năm gia đình được an lành hạnh phúc, sáng mông một Tết nhà thơ cảm khái ghi lại tiếng lòng mình:

*“Tân niên khai bút đề thơ
Nhang trầm thơm ngát bàn thờ tổ tiên
Rể, dâu, con, cháu đoàn viên
Cả nhà sum họp ấm êm vui vầy
Mẹ cha hạnh phúc ngát ngây
Tạ ơn Trời Phật rót đầy hồng ân”*
(Xuân nguyện cầu)

Nhân mùa Xuân, dâng lên lời nguyện cầu không những cho bản thân mình, cho gia đình mình mà nhà thơ còn trải rộng lòng từ, mong ước một sự an bình cho hết thảy mọi chúng sinh khác nữa, nhất là những nạn nhân của các cuộc chiến tranh khốc liệt:

*“Chiến tranh đã gieo đau thương tang tóc
Bởi con người nhiều tham vọng cuồng điên
Biết bao giờ giải sạch mọi oan khiên?
Nhân loại sống trong hòa bình vĩnh cửu!”*
(Chiến trường xưa)

*

Đạo Phật là đạo hiếu. Tâm Phật là tâm hiếu. Với tư cách một người con Phật nhà thơ lúc nào cũng khắc sâu hình ảnh mẹ trong tâm khảm. Hình ảnh này lại càng hiển hiện đậm nét hơn nữa trong những ngày đầu Xuân nhất là khi mẹ đã khuất núi và đang an nghỉ tại một nơi chốn xa xôi:

*“Xuân về chạnh nhớ Mẹ yêu
Nghĩa trang hoang vắng buồn hiu mộ phần
Mẹ đi già biệt dương trần
Không còn mong đợi mỗi lần xuân qua”*
(Xuân nhớ Mẹ)

Tình yêu và sự tôn kính dành cho cha cũng không kém phần thấm thiết:

*“Tôi một đời ngưỡng mộ
Hình ảnh đẹp của cha
Cha thành người thiên cổ
Vấn yêu Người thiết tha...”*

(Chân dung người Cha)

Từ nơi đất khách có dịp trở về thăm lại
cội nguồn xưa cũ người con hiếu như còn
vẳng nghe thấy lời kinh cầu thân thương
thuở nào... Lời kinh chắc đã độ cho song
thân khuất bóng được siêu thoát rồi. Xin
thắp lên một nén hương lòng trước khi quay
trở về tiếp nối cuộc sống lưu vong:

*“Quê nghèo qua mấy biển dâu
Về thăm vườn cũ còn đâu gia đình!
Chỉ còn âm vọng lời kinh
Độ trì cho những bóng hình thân thương
Tâm thành thắp một nén hương
Ngậm ngùi trở gót trên đường lưu vong”*

(Nguồn xưa)

*

Nhà thơ dạo bước trong Vườn Thơ. Từ
khi “HOA TÌNH” chớm nở thắm thoát thê
mà đã trải qua bốn mùa mưa nắng. Từ ngày
đầu “XUÂN MƠ” chuyển qua “HẠ NHỚ”
rồi sang tới “THU SẼU” và cuối cùng là
“ĐÔNG LẠNH” ghé qua.

Nhà thơ thoải mái trải lòng mình thành
những vần điệu đầy nhạc tính. Đôi lúc điểm
dăm ba nét chấm phá bằng những dòng
tưởng nhớ tới một số người khuất mặt, hoặc
tặng các bằng hữu còn ở quanh mình, hoặc
ghi lại đôi lời chúc tụng con cháu trong gia
đình. Thật thủy chung. Thật trọn vẹn cả tình
lẫn nghĩa.

Khép nhẹ cánh cửa Vườn Thơ. Gửi một
nụ hôn từ giã nàng Thơ. Quay gót trở về thư
phòng trong cõi nhân gian đầy “hỉ, nộ, ai,

lạc” nhà thơ đặt bút ghi lại mọi cảm xúc
mãi còn trào dâng trong lòng mình và dành
mấy dòng thơ thanh thoát để vào bài thơ
cuối cùng của thi phẩm:

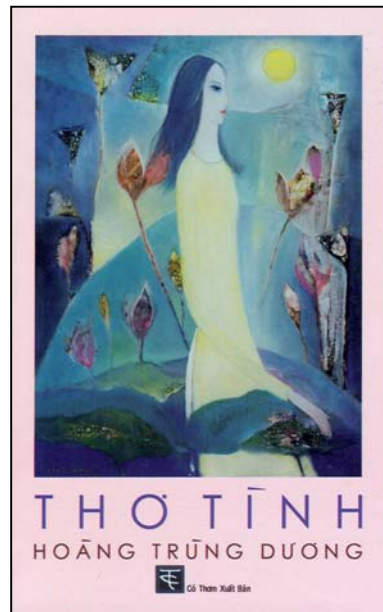
*“Chông gai, cay đắng phong ba
Ngọt bùi, hạnh phúc, gấm hoa trong đời
Trần gian vẫn đẹp tuyệt vời
Bài thơ viết tạ Phật Trời trên cao”*

(Tạ ơn)

Có tiếng chim Hoàng Anh vui hót từ
ngoài vườn vẳng lại, hương muôn hoa thơm
ngát như còn thoang thoảng bên song, tâm
hồn nở đóa hoa an lạc, nhà thơ lật lại trang
bìa tập bản thảo và nấn nót ghi: “THƠ
TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG” như một
tặng phẩm gửi thân nhân cùng những kẻ
đồng điệu.

Virginia, tháng 7 năm 2007

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO



Tiểu Sử Tác Giả Cỏ Thơm

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG



Tên thật: Phạm Phú Hoàng Anh
Sinh ngày 10 tháng 6, 1949.
Sinh quán: Làng Đông Bàn, Điện Bàn,
Quảng Nam.

Trước năm 1975:

Nhân viên Sứ Quán Hoa Kỳ, Sài Gòn.

Sinh hoạt văn nghệ từ 1965.

Thành viên Thi Văn Đoàn Triều Vũ Anh Đào.

Thơ và truyện ngắn thường đăng trên nhật
báo Trắng Đen.

Ty nạn chính trị tại Hoa Kỳ 1992.

- Hội viên Trung Tâm Văn Bút Miền đông
Hoa Kỳ
- Hội viên Hội Thơ Tài Tử Việt Nam Hải Ngoại.
- Hội viên Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ
Thuật vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn.

- Thành viên Ban Chủ Biên Tam Cá
Nguyệt San Cỏ Thơm.
- Ban Biên Tập Đặc San Quảng Đà vùng
Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn.

Đang cộng tác với:

Nguyệt San Kỷ Nguyên Mới
Tuần Báo Thương Mại Miền Đông
Tạp Chí Thời Đại (VA)
Tuần Báo Thống Đổng (CA)
Bán Nguyệt San Sóng Thần.

Thơ in chung:

Cụm Hoa Tình Yêu – Flower of Love
(do Hội Thơ Tài Tử Việt Nam Hải Ngoại
xuất bản).

Một Phần Tư thế Kỷ Thi Ca Hải Ngoại
(do Văn Hóa Pháp-Việt xuất bản năm 2005)

Đã xuất bản :

Kiếp Lưu Vong – Thơ – 2002.

Thơ Tình Hoàng Trọng Dương, Cỏ Thơm
xuất bản, 2008.



Giới thiệu tác phẩm

“NON NƯỚC ĐÁ VÀNG” TÌNH YÊU KHÔNG TUỔI

TRẦN BÍCH SAN

Trong tùy bút *Một Lá Thư Không Gửi*, Nguyễn Tuân viết một lá thư cho người bạn tên Ngh. làm chân giặt quần áo trên chiếc tàu lớn chạy đường Le Havre – New York. Với họ Nguyễn, những người muốn giang hồ mà không được thì chẳng khác gì như “*những người phải chôn chân đứng một chỗ với lòng hoài vọng trung thành, người đó thấy ngày tháng dài và nặng như ngày tháng của tội nhân bị khổ sai có kỳ hạn. Cái thằng được đi thì lại cứ được đi mãi, còn đứa phải ở nhà thì lại cứ phải mòn héo với cái tủn mủn một cuộc đời hẹp hòi*” (Tùy Bút, p. 6). Nguyễn Tuân đã thay mặt lớp người trẻ thời đó cực tả được lòng thèm khát những chuyến đi đến những chân trời xa lạ, không phải chỉ riêng ông, mà là của những thanh niên sống trong một nước nhược tiểu bị đô hộ.

Ước mong sau này chết đi “*được người đời thuộc da làm chiếc va li*” nói lên niềm khát vọng “thèm đi” của lứa tuổi thanh xuân. Những người trẻ “mắt sáng với môi tươi” thèm khát được đi đó, đi đây, ấp ủ ước vọng được viễn du các nơi trên thế giới, nhưng giấc mơ tuổi trẻ không thành vì đất nước bị

ngoại bang đô hộ, và tiếp đó chiến tranh triền miên suốt 30 năm trường trên quê hương chúng ta. Ra nước ngoài cũng ít người thực hiện được điều mong ước vì lo tạo dựng cuộc đời mới nơi xứ người. Khi về già, sức khỏe yếu kém, lưỡi xê dịch, giấc mơ vẫn chỉ là giấc mơ thôi.

Một nhà văn dù có văn tài nhưng nếu không sống bằng nghề, không in gót chân đến những phương trời xa làm sao tả được những giây phút giang hồ? “*Phải sống với du lịch đã rồi hãy nói tới du lịch*”, Nguyễn Thi Ngọc Dung đã thực hiện được câu nói bất hủ này. Tác giả *Non Nước Đá Vàng* có cái điểm phức biến điều mong ước ngày mới lớn thành sự thực. Cô nữ sinh ngày nào trong cư xá công chức Sở Chức Bạ trên đường Võ Tánh, Phú Nhuận đã làm những chuyến du lịch thật tuyệt vời bên người chồng, cũng là người tình, các danh lam thắng cảnh của nước Mỹ bao la, hùng vĩ. Cái đặc sắc trong *Non Nước Đá Vàng* là nhà văn không chỉ cảm nhận cảnh thiên nhiên bằng sự rung cảm của một nghệ sĩ hiến mình cho thi văn hội họa, mà còn ghi nhận bằng nhận xét tinh tế, khắc sâu ấn tượng cái đẹp vào tâm khảm người đọc.

Non Nước Đá Vàng của Nguyễn Thị Ngọc Dung là một thiên bút ký ghi lại những cuộc du lịch của tác giả với chồng, vốn là một nhà ngoại giao Hoa Kỳ đã về hưu. Đó là các cuộc du ngoạn tới Mount Rushmore, Yellowstone Park, Grand Teton Park, và Salt Lake City. Tác giả còn đi Canada, không chỉ để ngoạn cảnh mà với mục đích gặp lại các bạn cũ trường nữ trung học Trưng Vương của “*Sài Gòn nắng nhớ mưa thương*” với tác giả thuở nào.

Nhưng trong *Non Nước Đá Vàng* không chỉ thuần chuyện du lịch mà còn có những sinh hoạt văn học nghệ thuật được tác giả kể lại. *Thư Gửi Bạn Quê Nhà* là một số sinh hoạt của các cựu nữ sinh Trưng Vương hải ngoại với các Trưng Vương trong nước. *Lạc Vào Khung Tranh* là cuộc thưởng lãm các danh họa của Renoir, Monet, Manet, Van Gogh cùng với công trình tạc tượng theo tranh của điêu khắc gia Hoa Kỳ J. Seward Johnson, Jr. tại viện bảo tàng Corcoran ở Hoa Thịnh Đốn. *Theo Dấu Chân Ấn Tượng* là cuộc thưởng ngoạn nghệ thuật điêu khắc Ground For Sculpture của điêu khắc gia J. Seward Johnson, Jr. ở New Jersey. Và cuối cùng, *Những Ngọn Cỏ Thơm* thuật lại sự tham gia của tác giả cùng những vui buồn với tạp chí văn học Cỏ Thơm từ những ngày đầu của tạp chí này. Những cuộc họp mặt

văn nghệ kỷ niệm ngày sinh nhật của tạp chí hàng năm, và đặc biệt các giai thoại văn chương giữa tác giả và những khuôn mặt tên tuổi trong văn giới cộng tác với Cỏ Thơm là những sự cố có sức thu hút người đọc.

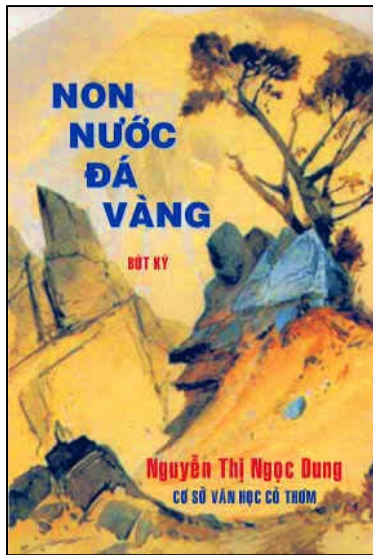
Hoàng hôn cuộc đời thường buồn tẻ và cô đơn, nhưng với tác giả *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* khoảng *thời-gian-serenate* lại thật đẹp, đẹp hơn cả những thắng cảnh mà nhà văn đã để lại dấu chân. Nhà văn Hồ

Trường An có nhắc tới trong một bài viết, nữ tài tử điện ảnh Pháp Michèle Morgan khi luống tuổi phải bỏ nghề nghiệp tìm niềm vui trong hội họa, vẽ kiểu áo, nữ trang, và viết hồi ký cho thăng bằng cuộc sống, Nguyễn Thị Ngọc Dung có cuộc sống chẳng những thăng bằng như Michèle Morgan, mà nhà văn nữ còn có cuộc sống thật hạnh phúc và ý nghĩa. Không những có con cháu nội ngoại xung quanh, có các bạn cũ *Trưng-*

Vương-áo-xanh-khung-cửa-mùa-Thu, có bạn văn và Cỏ Thơm, nhà văn còn có *tình-yêu-không-tuổi* của người chồng trong buổi chiều tà cuộc đời nữa.

Tựa đề tác phẩm “*Non Nước Đá Vàng*” mang ý nghĩa tình vợ chồng muôn thuở của tác giả vậy.

TRẦN BÍCH SAN



Theo Hết Chân Của Nữ Chân Thị Ca Sapho

(Những Nữ Sĩ Của Văn Chương Pháp Vào Thời La Belle Epoque)

Tặng Lê Trọng Phương và
Lê Nghĩa Quang Tuấn

Hà Trường An

Tại sao người Anh, người Mỹ gọi những phụ nữ đồng tính luyến ái là “the lesbians”, còn người Pháp gọi là “les lesbiennes”. Truy ra nghĩa tâm nguyên thì đây là tiếng tính từ (adjectif) của tiếng Lesbos, một hòn đảo của xứ Hy Lạp, gần bờ biển Thổ-nhĩ-kỳ, thuộc vùng vịnh Edremit. Đây là quê hương của nữ thần thi ca Sapho, nổi tiếng về thơ loại Trữ tình ca (Odes) và loại Nhạc thiêu ca (Hymne). Sapho sinh trước Thiên Chúa giáng sinh, ngoài thiên tài thi ca ra còn nổi danh là một phụ nữ thích ăn nằm với phụ nữ. Cho nên tính từ “saphique” thoát thai từ danh từ riêng (nom propre) Sapho cũng dùng để chỉ những gì thuộc các phụ nữ làm văn chương nghệ thuật đi theo vết chân Sapho (về khuynh hướng tình dục cũng như về việc đeo đuổi văn chương).

Những nữ sĩ thuộc loại “lesbians” trên hoàn vũ trải qua bao triều đại, thời đại tuy không nhiều, nhưng viết về họ kèm theo văn chương của họ, tôi e rằng bài viết trong khuôn khổ từ 30 đến 40 trang cũng chẳng đủ. Và lại, trong các hạng nữ lưu

cầm bút kia, theo sự đãi lọc của thời gian, theo sự phê phán và thẩm định về phương

diện nghệ thuật, thì phần tinh hoa còn lại chẳng được bao nhiêu. Nhưng viết về nội dung của các tác phẩm của họ quả thiệt khó khăn vì công việc tìm tài liệu đã rắc rối, mà công việc chọn lọc tài liệu cũng không phải dễ dàng gì.

Bài viết này không nặng về việc biên khảo mà nặng về giai thoại (anecdote) và huyền thoại (mythe) hơn. Tác giả nếu không thể làm một nhà biên khảo thì làm bà già trầu kể chuyện ngồi lê đôi mách con cà con kê. Và để tiện việc kêu gọi, bút giả sẽ gọi các ông đồng tính luyến ái là “gai”, kêu tắt chữ “gays”, gọi các bà đồng tính luyến ái là “lết”, kêu tắt chữ “lesbiennes/lesbians”.

*

Đọc quyển “Le Temps des Frous-Frous” của Bernard Brias do France Empire xuất bản, tôi thấy có một điều kỳ lạ: Vào Thời Đại Mỹ Lệ (La Belle Époque) tức là vào thập niên 10 của Thế Kỷ 20, dưới chánh thể Đệ Tam Cộng Hòa nước Pháp, ngành văn chương nước Pháp có rất nhiều nhà văn nữ và nhiều nhà thơ nữ. Các bà Colette, Ralchilde, Gyp, Liane de Pougy đều là nhà văn thuần túy. Còn Nữ Bá Tước Anna de Noailles, Natalie Clifford Barney, Renée Vivien, Lucie Delarue Madrus, Hélène de

Zuylen vừa là nhà văn lẫn nhà thơ, nhưng thơ của họ trội hơn văn xuôi nên thời nhân gọi họ là nữ thi sĩ. Riêng Émilienne d'Alençon thuần túy làm thơ. Còn nữ công tước Elisabeth de Gramont, Marcelle Tinayre là 2 nhà viết tiểu sử văn nhân. Những Nữ công tước Elisabeth de Gramont viết hồi ký trội nhất.

Trừ Ralchide, Gyp, Anna de Noailles ra, những nữ sĩ kia nếu không là đồng tính luyến ái phái nữ (lesbiennes / lesbians) thì cũng thuộc loại lưỡng tính luyến ái (bisexuelles) như: Colette, Liane de Pougy, Emilienne d'Alençon. Chẳng ai có thể ngờ hai nàng danh kỹ Liane de Pougy, Emilienne d'Alençon sắc nước hương trời kia thường đan díu với các vị hoàng thân, các bậc quý tộc mà vẫn có thể làm tình với các bà quý tộc, các nữ sĩ đương thời. Lucie Delarue Madrus tuy có chồng là bác sĩ Y Khoa Madrus, người dịch đầu tiên pho “Một Ngàn Lẻ Một Đêm” từ tiếng Ai Cập ra tiếng Pháp, nhưng tựu kỳ trung, bà ta lúc đầu là thú đồng tính luyến ái chưa có nhận thức rõ ràng (l'homophilie latente). Nhưng khi bước vào văn giới thi đàn, qua các cuộc tiếp xúc với các nữ sĩ nổi tiếng thích phụ nữ như Natalie Clifford Barney, Renée Vivien, bà ta biết rằng mình chỉ là một mụ “lesbienne” thuần túy để rồi sau đó chỉ thích ăn nằm với đàn bà mà lơ là ông chồng cường tráng của mình.

Trường hợp này so với trường hợp Colette, Liane de Pougy, Émilienne d'Alençon thì hơi khác. Lúc nào cả ba cũng thích ăn nằm với đàn ông. Nhưng khi Liane de Pougy và Colette gặp nữ sĩ Natalie Clifford Barney rồi thì họ khám phá một chân trời tình dục mới: thú giao hợp với

người đồng phái tính. Còn Émilienne d'Alençon lúc đầu là kẻ đối thủ của Liane de Pougy trong việc ganh đua duyên sắc và trong công việc săn đuổi khách tìm hoa trong giới quý tộc. Nhưng khi Liane de Pougy dạy cô ta thú giao hợp giữa đàn bà đối với đàn bà nên cô ta đắm ra nghiện. Dù yêu chồng là tên nài đua ngựa đẹp trai và giàu sụ, lại sành thơ văn, nhưng ai cấm cô ta tơ tưởng đến một mỹ nhân khác?

*

Vào mùa xuân năm 1994, nhân có cuộc đại biểu tình của dân đồng tính luyến ái tại Paris, dù không tham dự nhưng tôi có đến gian hàng bán sách của các tác giả “gai” (gays) lẫn các tác giả “lết” (lesbiennes). Nơi đây có bày bán các tác phẩm của các ông “gai” bà “lết” vào các thập niên 10, 20, 30, 40, trong đó có cuốn thi tập “Temple d'Amour” (Đền Thờ Ái Tình) của Émilienne d'Alençon với giá 300 francs, cuốn tiểu thuyết “Idylle Saphique” (Cuộc Tình Theo Kiểu Các Cô Lesbians) của Liane de Pougy với giá 500 francs. Mắc quá nên tôi đành không mua.

Dù sao đi nữa, cuộc đời và văn chương các nữ sĩ “lết” hay các nữ sĩ “bi” (tức là bisexuelle/ lưỡng tính luyến ái) vẫn gieo trong tâm hồn tôi biết bao niềm hứng khởi lộng lẫy như hình ảnh trong cái lăng kính vạn hoa. Nhất là quý bà văn chương vào thời La Belle Époque. Cho nên ở bài này, bút giả chỉ nói về các nữ sĩ “lết”, các mỹ nhân “bi” có liên quan tới ngành văn chương Pháp. Chúng ta đâu có thể quên dù là người Hoa Kỳ mà nữ sĩ Natalie Clifford Barney lại làm văn chương Pháp, sáng tác thơ, văn và viết hồi ký bằng chữ Pháp nhiều hơn là viết sách làm thơ bằng

tiếng Anh. Cũng vậy, nữ sĩ Renée Vivien (tên thật là Pauline Tarn) vốn là người Anh, cũng noi theo dấu chân nữ sĩ Natalie Clifford Barney trong cuộc hành trình làm văn chương. Ngoài ra, nữ sĩ Olive Custance là người Hoa Kỳ, tuy sinh sống ở Paris, nhưng lại làm thơ bằng tiếng Anh. Thi tập nổi tiếng của cô ta có cái nhan đề là “Opale” *. Thời nhân gọi Olive Custance là Opale thay cho cái tên cúng cơm Olive vì thơ nàng đã hay, nhan sắc nàng lại còn diễm lệ như thứ ngọc opale ấy. Opale kết hôn Lord Alfred Douglas, một chàng trai quý tộc đẹp trai thuộc loại “gai”, là cục cưng (Pháp gọi là “mignon”) của văn hào gai Oscar Wilde. Người hậu thế đồn rằng Lord Alfred Douglas gợi hứng cho Osacar Wide sáng tạo nên nhân vật Dorian Gray (về sắc vóc thôi) trong cuốn kiệt phẩm danh tác “Le Portrait de Dorian Gray” (Chân Dung Chàng Dorian Gray). Nhưng thật ra nhân vật Dorian Gray là bức phóng ảnh của nhà thơ “gay” John Gray; nhân vật này đã một thời tặng tịu với Oscar Wide. Còn về Opale, sau khi chia tay đường ai nấy bước, cô ta chỉ đan dítu với các cô bạn “lết”, không thêm lấy chồng nữa.

Nữ sĩ Eva Palmer gốc Mỹ tuy sinh sống ở Paris, nhưng lại yêu nền văn minh Cổ Hy Lạp nên sưu khảo về nền văn minh ấy. Eva Palmer về sau kết hôn với một thi sĩ Hy Lạp tài hoa nổi tiếng lúc đương thời tên là Angelos Sikelianos, nhỏ hơn nàng tới 10 tuổi. Eva Palmer gây nhiều ảnh hưởng cho đời sống lứa đôi lẫn sự biến cải trong thi ca của chồng nàng. Nàng có viết quyển hồi ký nhan đề là “Upward Panic”, nhưng tiếc thay sau khi nàng qua đời, quyển ấy chẳng được ai xuất bản cho nàng. Chồng nàng chết trước

nàng một năm. Khi còn xuân sắc, Eva Palmer nổi tiếng đẹp lộng lẫy với mái tóc đỏ rực rỡ như một suối lửa hay như một dải rặng chiều lộng lẫy. Qua mái tóc đỏ hung hung rạng ngời ánh sáng ấy, người ta gọi Eva Palmer là “the Sunset Goddess” (Nữ Thần Tà Dương) để đối chọi với mớ tóc vàng óng tơ trắng “the Moon Beam” (Tia Sáng Của Trăng) của Natalie Clifford Barney. Nhà sử gia văn học Jean Chalon thì gọi Eva Palmer là “Nữ Thần Thái Dương” (la Déesse du Soleil), còn gọi Natalie Clifford Barney là “Nữ Thần Hạo Nguyệt” (la Déesse de la Lune).

Colette, Djuna Burnes, Nữ công tước Elisabeth de Gramont, Lucie Delarue Madrus, Olive Custance, Eva Palmer, kể thì là nhân tình phát phở giai đoạn của Natalie Clifford Barney, còn người thì ăn nằm với nàng vài keo rồi từ tình chẵn gối, đôi bên đổi thành tình bạn. Nữ sĩ gốc Mỹ Djuna Burnes (ký giả, tiểu thuyết gia) được nữ sĩ Mabel Dodge giới thiệu cho Natalie Clifford Barney. Cả hai chơi nhau cho lăn lóc đá, cho mê mẩn đời. Rứa mà Djuna Burnes cứ cãi chày cãi cối mình chỉ có một vài kinh nghiệm với mấy bà “lết” mà thôi, chớ không phải là “lết” 100%.

*

Ngoài ra còn có một phụ nữ giàu sang, thuộc loại ngoại hạng tên Mabel Dodge Luhan (Luhan là họ của người chồng thứ hai). Không có sách vở nào cho tôi biết bà ta là “lết” hay “bi”. Nhưng qua cuốn hồi ký của mình, bà ta có nhắc tới chuyện bà ta từng giao thiệp với từng cặp “lết” nổi danh như cặp Natalie Clifford Barney và Renée Vivien, cặp Gertrude Stein và Alice B. Toklas, cặp Renée Vivien và một phụ nữ có kiến thức văn hóa uyên thâm tên là Violette Shilito. Chính

cái chết yếu của Violette làm cho tinh thần Renée Vivien suy sụp dù cô ta có đan dứ với Natalie Clifford Barney và ăn ở với Nam tước phu nhân Hélène de Zuylen đi nữa.

Tuy nhiên, có điều làm bút giả thắc mắc. Có một đạo, Mabel Dodge giao du với hai chị em thuộc hạng “lết” người Mỹ là Mary Shillito và Violette Shillito (cô em là bạn lòng của nữ sĩ Renée Vivien); cả ba tỏ ra dị ứng với đàn ông. Cả ba thường ngắm khách qua lại ngoài phố rồi sắp hạng: này là “heo lớn”, này là “heo con”. Đồn ông xấu xí và thô lỗ vào thời La Belle Epoque đâu phải là khan hiếm. Cho nên Mabel Dodge ông ọo chê bai một cách tinh rụi tinh bơ: “Xời ơi, đó là những tên thú tha, gặp là phải tháo lui trốn chết. Dọc theo con đường Hòa Bình (rue de la Paix) hay dọc theo bất cứ con đường nào trong Kinh thành Paris vào thập niên chót của Thế kỷ 19, đồn ông dưới cặp mắt khát khe của tụi tui, giống như con thú ở mọi điểm”.

Mabel Dodge sinh tại Buffalo (Hoa Kỳ), thuộc dòng dõi giàu có lớn. Bà có mở phòng tiếp tân văn nghệ sĩ tại Florence (Ý-đại-lợi) trong một biệt thất xây cất cho dòng họ thế gia vọng tộc Médicis. Từ năm 1912 tới năm 1914, Mabel Dodge dời phòng tiếp tân văn nghệ sĩ về Greenwich Village để tiếp đón các triệu phú gia, các văn nghệ sĩ, những danh kỹ... Vốn có tâm hồn phóng khoáng, chống lễ thói, lại tôn trọng tự do tình dục, chuộng những con người nhuận trường về cách sống, ghét kẻ táo bón tâm tình, ghét kẻ khép kín đời sống trong khuôn khổ đạo đức cứng nhắc nên bà còn chơi với kẻ hành khát lang thang (les clochards), kẻ gây án mạng, mấy ả điếm thói tha... Cho nên vấn đề đồng tính luyến ái đối với bà chỉ là một cách sống, một cách

chọn lựa hưởng thụ tình dục theo bản tánh tự nhiên. Và cho nên mấy ông “bi”, bà “bi”, mấy ông “gai”, bà “lết” tha hồ lui tới nhà bà. Trong những khách của bà có rất nhiều kẻ nổi tiếng. Chẳng hạn nhạc sĩ dương cầm Arthur Rubeinstein, văn hào D. H. Lawrence, nữ sĩ Willa Carter, nữ danh họa Georgia O’Keeffe, nữ văn hào Gertrude Stein, nữ thần điện ảnh Greta Garbo. Chính ra Gertrude Stein là bà “lết”, nhờ Mabel Dodge giới thiệu mà quen được Alice B. Toklas và cả hai chung sống với nhau gần 20 năm. Còn Greta Garbo và Nữ Thần Nhục Thể của điện ảnh Hoa Kỳ tên là Marlene Dietrich vốn là 2 mụ “bi”, về sau này (năm 2003) tên điếm đực quốc tế Massimo Gargia đã tiết lộ trong quyển hồi ký “Jet Set” của anh ta.

Mabel Dodge, khi cuộc Đệ nhất Thế Chiến bùng nổ bèn dời phòng văn nghệ của mình về thị trấn Taos, thuộc thủ phủ Nouveau Mexique. Bà có cho xuất bản hai tập hồi ký là: “Intimate Memories: Background” (1933) và “European Experiences” (1935). Riêng nữ văn hào Gertrude Stein cũng có viết một quyển sách về Mabel Dodge.

Bà Liliane Florence Maud Anglesey nổi tiếng về dung nhan diễm kiều. Bạn bè và thân quyến gọi bà là “Lily” hoặc “Dì Minnie” vốn là di ruột của nữ sĩ Olive Custance, và cũng là vợ nhà quý tộc là Hầu tước Anglesay (Lord Anglesey). Mọi người đều ca ngợi bóng sắc và phong độ duyên dáng của bà. Bàn ăn của bà có các hoàng thân, các bậc vua chúa tham dự. Bà tái giá với một chủ nhân ngân hàng John Gilliard và từ trần vào năm 1961, tuy già mà vẫn giữ được vẻ quyến rũ. Lily Anglesey lại thích cấp đôi cho các bà

“lết”, các bà “bi” với nhau. Vào mùa hè năm 1901, tại phòng khách văn chương của bà, bà giới thiệu chàng quý tộc trẻ tuổi bô trai Lord Alfred Douglas cho cô cháu gái cứng Olive Custance của mình. Nhưng cuộc hôn nhân giữa cô “lết” và chàng “gai”, mạnh cậu, cậu mơ màng tới khách hào hoa tuấn mỹ; mạnh cô, cô tơ tưởng tới kiều nữ giai nhân thì làm sao mà sắc cầm hảo hiệp cho tới tóc bạc răng long, hủ Trời?! Bà ta lại còn giới thiệu Renée Vivien cho Hélène de Zuylen sau khi cuộc đàn diu giữa Renée Vivien và Natalie Clifford Barney bao phủ bởi một áng mây sẫm buồn rộng lớn. Và vào năm 1913 hay 1914 gì đó, bà ta lại giới thiệu nữ họa sĩ Romaine Brooks cho Natalie Clifford Barney. Cả hai ăn ở với nhau cho tới khi Romaine Brookes chết vào năm 1970.

Renée Vivien cho Natalie Clifford Barney biết rằng mình yêu Hầu tước phu nhân Lily Anglesey (Lady Anglesey) vì chuộng thẩm mỹ:

“Em tôn sùng bóng sắc của bà ta một cách cuồng trôn, như chúng ta ngắm một phụ nữ trong một bức tranh hay qua một bức tượng. Em ngưỡng mộ bà ta kinh khủng, em đã viết thư cho bà ta và bảo rằng bà ta thật đáng tôn sùng. Em viết đủ loại câu tuyệt bút, những ngôn từ hoa gấm, nhưng không bao giờ có những ngôn từ nào đáng kể, chỉ có một lời thú nhận đơn giản: cháu yêu đi lắm!”

Hầu tước phu nhân Lily Anglesey vốn biết rằng không phải bà là kẻ mà cô nữ sĩ hay than vãn Renée Vivien kia tìm tới. Cô ta đạo ấy chỉ si tình đắm đuối Nathalie Clifford Barney thôi. Cho nên bà ta vung vít bút ngọc đề thư an ủi cô ta:

“Cô Tarn thân mến, xin cảm ơn bức thư của cô, nó đã làm tôi vui sướng. Tôi không muốn cô đau khổ như vậy. Tôi không hiểu biết cô cũng như cô Natalie nhiều, cho nên tôi biết làm sao đây? -- Nhưng tấm ái tình của cô dành cho cô ta đẹp tuyệt vời và tôi nghĩ rằng cô ta không nên làm cho cô đau khổ. Tôi yêu thích thi ca của cô lắm và tôi vừa đọc hôm qua. Tôi tự nhủ nếu chúng ta sẽ được gặp lại nhau...”

*

Liane de Pougy và Emilienne d’Alençon cùng với Caroline Otéro là 3 danh kỹ lớn nhất trong giới yên hoa vào thập niên 10 của Thế Kỷ 20, và là 3 ngôi sao của hí viện Les Folies Bergères.

Caroline Otéro làm gốc Tây-ban-nha, không phải là kẻ thích văn chương. Cô ta có năng khiếu ca vũ hơn hai nàng địch thủ của mình. Cô đã nịch ái đức Quận công Nicolas bên Nga, đã gợi hứng cho Hoàng Đế Guillaume II bên Đức viết kịch bản “Modèle” do cô chủ diễn. Về già, cô ta chỉ viết một cuốn về những kỷ niệm trong cuộc đời mình. Cuộc đời của cô ta được đưa lên màn bạc “La Belle Otéro” (Người Đẹp Otéro) do nữ hoàng điện ảnh Mỹ-tây-cơ Maria Félix thủ vai cô. Khi cô chết, rất nhiều người viết về cuộc đời của cô và cho in thành sách.

Émilienne d’Alençon đã từng là tình nhân của vua Léopold Đệ Nhị (Léopold II) của nước Bỉ, đã từng làm tán gia bại sản công tước d’Uzès. Cô có cho xuất bản tập thơ “Le Temple d’Amour” khi anh chồng nài ngựa của cô còn sanh tiền. Người ta cho rằng tập thơ ấy nếu anh nài không làm hộ cho vợ thì cũng “gà” cho vợ. Nhưng sau khi anh ta qua đời, Émilienne d’Alençon đau khổ không

HOA XUÂN

Đêm ba mươi Tết im lìm quá
Trần trọc canh tàn nhớ cố hương
Tưởng vọng song thân bên xứ lạ
Nhớ hoài tiếng pháo nổ thân thương.

Bao năm qua, vẫn còn ghi nhớ
Tiếng pháo quê mình đón đợi Xuân
Thịt mỡ dưa hành, câu đối đỏ*
Mai vàng, đào thắm nở thanh tân

Xuân nơi đây ta đón vầng dương
Tỏa nhẹ hương thơm ngát dị thường
Chim én bay về mừng cảnh mới
Nhớ về hình ảnh đẹp nam phương.

Xuân đến rừng mai nở thắm vàng
Hoa xuân rực rỡ núi rừng hoang
Gái Xuân sợ tuổi đời không hẹn
Lãng mạn nhịp tim đập rộn ràng

HOÀNG BẠCH MAI

(*) Trích câu đối cổ
“Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ”.

ngươi, tìm quên trong khói thuốc nàng tiên nâu và chỉ hành lạc với đàn bà và không bao giờ tái giá. Cô cho xuất bản tập “Sous Les Masques” (Dưới Những Chiếc Mặt Nạ). Thơ cô cũng có nhiều bài xuất sắc, các danh sĩ trong văn giới thi cho rằng chính do cô sáng tác, không cần phải nhờ sự trợ giúp của chồng yêu quý của cô. Xin đọc bài “Kỹ Nữ” (“Courtisane”) trong thi tập “Sous Les Masques” (“Dưới Những Mặt Nạ”):

*Lạc thú nhục cảm đã đặt trên tôi
Môi làm tôi chết héo và răng làm tôi bị
thương tích
Tôi mang dấu vết cái hôn một cách kiêu hãnh
Tôi chẳng muốn gì hơn được vượt ve.*

*Tôi hành diện mang món trần ngoạn thần bí
Mà mảnh vỏ vĩnh cửu thiêu đốt tôi tận tâm hồn
Tôi đây, ái tình ghi dấu tại chiếc nôi của tôi
Tôi kéo hàng dọc phụ nữ tới gần luật lệ của nó.*

Bài thơ “Để Được Giữ Nàng” (“Pour La Garder”), khuynh hướng đồng tính luyến ái của Émilienne d’Alençon hiện rõ rệt hơn:

*Ồ, không! Không, các người sẽ không có
người bạn gái của tôi với thân
thể mảnh dẻ đâu
Nàng Hậu phi với đôi mắt trong truyện do
tôi sáng tác
Bởi vì muốn biết cái hôn và cái siết chặt
thân thể
Tôi muốn ngủ trong mái tóc ngắn ngang
của nàng.*

Còn Liane de Pougy vốn con nhà gia giáo. Cha, anh và chồng trước của nàng đều là các sĩ quan trong quân đội Pháp. Khi chỉ còn là một gái ăn sương lu mờ tên tuổi, nàng gặp được danh kỹ vào tuổi hoàng hôn là Valtesse

de La Bigne; trước khi gặp Liane de Pougy, bà ta là một trong những người tình cuối cùng của Hoàng Đế Na-phá- Luân III. Chính ra nhờ Valtesse de la Bigne mà nàng biết cách làm trầm lụy khách làng chơi, biết yêu văn chương nghệ thuật. Valtesse de la Bigne vốn thích làm tình cùng các họa sĩ, văn gia, nhạc sĩ, điêu khắc gia vào thời Đế nhị Đế Quốc cho tới nền Đế tam Cộng Hòa. Chính ra Valtesse cũng có viết một cuốn tiểu thuyết nhan đề là “Isola”. Cái âm hộ của bà được mệnh danh là “Nơi Hội Tụ Của Văn Nghệ Sĩ” (“l’Union des Artistes”). Liane de Pougy khi trở thành đại danh kỹ rồi thì chỉ thích ngủ nghệ với các bậc quý tộc, trong đó có Thái Tử xứ Galles (Prince de Galle) về sau tức vị trở thành vua Édouard Đệ Thất (Edward VII) nước Anh-cát-lợi. Thời nhân trong giới ăn chơi và giới văn nghệ sĩ mệnh danh cái âm đạo của nàng là “Hành Lang Các Ông Hoàng” (“Le Passage des Princes”).

Valtesse de La Bigne sinh hoạt vào thời Đế Nhị Đế Quốc cùng với các đệ nhất danh kỹ khác như Blanche d’Antingy, Léonide Leblanc, Anna Deslions, Anne Courtois, Cora Pearl... Vốn có cha vô thừa nhận, mẹ là người giặt ủi quần áo cho Hoàng hậu Eugénie (vợ của Hoàng đế Nã-phá-luân III), nàng chỉ thuộc loại xinh đẹp thông minh hơn là hạng nghiêng nước nghiêng thành như Cora Pearl, Anne Delions. Hồi còn thơ ấu, Valtesse có quen một họa sĩ giàu lòng ưu ái, giàu lòng từ thiện, coi thường danh vọng tên là Jean Baptiste Camille Corot. Vì lẽ đó trong khối óc ngây thơ trong trắng của nàng, họa sĩ tượng trưng cho một điều gì thánh thiện, trong sáng và thiêng liêng. Về sau, nàng làm mẫu cho các họa sĩ danh tiếng như Édouard

Detaille, Henri Gervex và nhất là thiên tài họa sư lừng lẫy tên là Manet. Lúc nàng trở thành đại danh kỹ thi Corot cũng đã lừng danh qua các họa phẩm vẽ những khung cảnh thuộc về Ville d’Avray, một thành phố phụ cận Kinh Đô Ánh Sáng Paris. Vốn nghèo và thiếu học, muốn trở thành một phụ nữ cao sang (une femme sophistiquée), cũng như hai danh kỹ Mogador và Jeanne Tourbey, Valtesse bắt đầu trau dồi kiến thức. Nàng viết không phạm lỗi chánh tả lẫn lỗi văn phạm. Nàng đọc những sách sáng giá của Rabelais, Montaigne, George Sand, Shakespeare, Voltaire, Plutarque, Saint Simon v.v.. Nàng kết thân với các văn gia Alexandre Dumas fils, Théophile Gautier, hai anh em Edmond de Goncourt và Jules de Goncourt. Nàng có lâu đài tráng lệ, có chiếc giường đẹp không thua giường của hoàng hậu. Nàng sưu tầm tranh ảnh, giúp đỡ các họa gia nghệ sĩ. Nàng gợi hứng cho Emile Zola viết quyển tiểu thuyết kiệt tác “Nana” và gợi hứng cho Edmond de Goncourt viết cuốn “Chérie”. Và chính nàng cũng mạnh dạn cầm bút viết quyển tiểu thuyết tự truyện “Isola”. Valtesse chết trong khung cảnh vương giả huy hoàng vì nàng biết xài đồng tiền do nàng kiếm được.

Chơi trò để cho các nhà quý tộc xô chỉ lườn kim chưa đã, Valtesse de La Bigne còn ngủ nghệ với văn gia họa sĩ (vụ này nàng cho họ chơi chùa vì nàng thừa biết đa số đều nghèo). Cũng chưa phải nguyên, nàng chơi trò đánh chập chờa với các mỹ nhân lừng danh trong đó có đại danh kỹ Liane de Pougy, một môn đồ xuất sắc của nàng.

Liane de Pougy cũng thích ăn nằm với các văn nghệ sĩ. Đại thi hào nước Ý là

Gabriele D' Annunzio say mê nàng, rải bông hường trên tấm thảm của nàng trải từ chỗ xe đậu tới bậc thềm. Ông ta tìm cách ngủ với nàng cho bằng được. Ghét cái ngoại hình xấu xí của thi hào, nàng tìm cách ngủ với chàng nhạc công kiêm nhạc sĩ Reynaldo Hahn đẹp trai vốn là tình nhân của văn hào Marcel Proust, tác giả bộ trường giang tiểu thuyết "A la Recherche du Temps Perdu" (Đi Tìm Thời Gian Đã Mất). Reynaldo Hahn tài hoa, hùng tráng, nhưng đã là "gai" thì ăn nằm với một trang sắc nước hương trời như Liane de Pougy thì... cũng vậy vậy thôi. Chàng giao hẹn với Liane de Pougy rằng chàng chịu cụp lạt với nàng một lần thôi. Và sau đêm lần lợt tuyệt vời cho tới đá tan vàng lỏng đó, cả hai không còn tái diễn tái phạm nữa. Cả hai lại còn thân thiết khăng khít với nhau trong tình bạn thuần khiết. Chàng văn hào rậm râu sâu mắt Marcel Proust còn có cục cứng thứ hai đẹp trai như chàng Ganymède trong thần thoại Hy-lạp. Đó là nhà văn kiêm họa sĩ Lucien Daudet, thú nam của văn hào Alphonse Daudet (tác giả hai danh phẩm văn chương "Le Petit Chose" và "Lettre de Mon Moulin"). Ông Proust dù biết tình lang của mình đã có lần ăn nằm với nàng đại danh kỹ Liane de Pougy thì ông chẳng đếm xỉa tới. Chính ra ông cũng ngưỡng mộ Liane de Pougy như một họa sĩ ngưỡng một một họa phẩm đẹp tuyệt vời. Ông đưa nàng vào bộ trường giang tiểu thuyết của ông dưới cái tên Odette cũng như nữ sĩ Colette mượn chân dung và phong thái của nàng dựng nên nhân vật Léa trong vở kịch "Chéri" (Cục Cứng).

Các bạn đọc giả không theo dõi văn chương nước Pháp tự hỏi tại sao các cô nàng danh kỹ Âu Châu lại có tên họ theo tước

hiệu quý tộc của nước Pháp? Chẳng hạn: giữa cái tên (chẳng hạn Valtesse, Liane, Émilienne) và tên địa danh dùng làm cái họ (chẳng hạn như La Bigne, Pougy, Aleçon) lại có chữ "de" đứng ở giữa. Xin thưa, đó là tên họ vay mượn (nom de guerre) để họ che giấu nguồn cội khiêm tốn của gia tộc, gia đình và dòng họ của mình. Tên thật của Liane de Pougy là Anne Marie Chassaingne. Về sau, khi thành hôn với ông hoàng xứ Lỗ-ma-ni tên Ghika, Liane trở thành Bá tước phu nhân Anne Marie Ghika. Nhưng tên theo tước hiệu quý tộc nước Lỗ-ma-ni không có chữ "de" đứng giữa.

Liane de Pougy thông minh tuyệt vời. Có một dạo nàng cùng Caroline Otéro ganh đua việc phô trương nữ trang. Cả hai tới kỳ hẹn đến nhà hàng Ritz để khoe các kỳ trân dị bửu, bội ngọc kim cương nạm trên các món nữ trang. Caroline đeo cả một hiệu kim hoàn đến trước. Chờ mãi mà các báo chí và giới ăn chơi không thấy bóng Liane de Pougy đâu. Sau cùng, Liane mới chịu xuất hiện, ăn mặc tầm thường. Nhưng con ở của nàng lại ăn mặc choáng lộn châu ngọc. Vậy là Caroline Otéro đại bại, từ chỗ khoe của trở thành cuộc đấu trí, đành rút lui sau khi tuôn ra vài ba tiếng chửi đồng, chửi thề. Liane thọ giáo với nhà văn "gai" Jean Lorrain, một kẻ hỗn láo, kiêu ngạo, phóng cuồng, hay thách thức mọi người. Nhưng cả hai có tình bạn sâu sắc. Nhờ Jean Lorrain khuyến khích Liane de Pougy tiếp xúc với văn giới, trong đó nàng chơi thân với học giả thông hái Salomon Reinech, tác giả quyển "Histoire Générale des Arts Plastiques" (Lịch Sử Tổng Quát Nghệ Thuật Tạo Hình) và quyển "Histoire Générale des Religions" (Lịch Sử Tổng Quát Tôn Giáo).

Ngoài ra nàng còn kết thân và giúp đỡ thi hào “gai” Max Jacob, giao du thân ái với Bá tước Robert de Montesquiou (cũng là thi sĩ “gai”) cùng các bà nữ sĩ đương thời, các cụ “lết”, các cụ “bi”. Nhưng nàng không ưa Colette và cho rằng văn chương bà ta, tào tợn hỗn hào, ưa chọc cái sex của độc giả trắng trợn và quá nhiều.

Liane de Pougy mạnh dạn cầm bút. Trước nàng đã có danh kỹ kiêm nữ kịch sĩ Mogador dưới thời Đế nhị Đế Quốc (Le Second Empire của Hoàng đế Nã-phá-Luân III) đã cho xuất bản gần 30 tác phẩm gồm tập thơ, tập truyện, truyện dài, biên khảo, kịch bản đó sao! Nàng bèn cho xuất bản trước tiên quyển tiểu thuyết “L’insaisissable” (Những Kẻ Không Thế Hiểu/ Những Kẻ Không Thế Hiểu) gây một tiếng vang ồn ào sôi động khá lâu trong văn giới. Sau đó là các quyển truyện dài “Myrrhille”, “L’Enlissement” (Sa Lầy) “Idylle Saphique”, “Sensations de Mademoiselle de La Bringue” (Những Cảm Giác Của Cô De La Bringue), “Yvée Lester”, “Yvée Jourdan”. Các cuốn thứ nhứt, nhì và ba đều là loại tiểu thuyết tự truyện của Liane; chúng ta có thể bắt gặp đôi nét lơ mơ cái xã hội trong văn nghệ giới với các danh sĩ tuần kiết và cái xã hội của các cô danh kỹ sang trọng trong giới ăn chơi (les demi-mondaines). Còn quyển “Idylle Saphique” thì viết về cuộc đàn đúm giữa nữ sĩ Natalie Clifford Barney và Liane de Pougy.

Về quyển “L’insaisissable”, báo Le Gil Blas ca ngợi sự thành công của tác giả như sau:

“Người đẹp Liane de Pougy thu thập trên khuôn mặt duyên dáng của cô ta tất cả

mọi ganh tị, mọi tranh chấp. Cô ta đã tự triển lãm cho mọi ham muốn của phụ nữ cái vương trượng của tình yêu mà đôi bàn tay trắng trẻo thiếu nhiệt tình của cô ta độc quyền nắm lấy. Cô ta chắc chắn phải bị những kẻ làm văn chương ghen ghét bởi cuốn “Những Kẻ Không Thế Hiểu”...

Có nhiều tiếng eo sèo rằng quyển “L’insaisissable” do Jean Lorrain viết hộ cho Liane de Pougy, nhưng cũng có nhiều dư luận bảo rằng tác phẩm ấy chính là nàng. Nàng chính là là tác phẩm với văn phong thuần túy đàn bà.

Khi gặp Nữ sĩ Natalie Clifford Barney, Liane tìm ra một khoái cảm dục tính mới: làm tình với người đàn bà. Cho nên về sau trở thành con chiên ngoan đạo, nàng cho rằng Nathalie là một tội ác lớn của nàng. Vào tuổi tứ tuần Liane de Pougy kết hôn với ông hoàng Ghika, nhỏ hơn nàng 15 tuổi. Từ đó, Liane de Pougy đoạn tuyệt với giới ăn chơi. Nàng chỉ giao thiệp với học giả Salomon Reinech và thi hào Max Jacob. Salomon Reinech cùng với Emile Steinilber (cũng là bạn thân của Liane) khuyến khích nàng viết nhật ký. Tới nay, giới yêu văn chương có thể quên tất cả các tác phẩm văn chương của nàng, nhưng cuốn nhật ký “Mes Cahiers Bleus”(Những Tập Giấy Xanh Của Tôi) của nàng vẫn còn giúp đỡ tài liệu cho những ai muốn tìm hiểu văn minh, văn học, biến cố trong 2 thập niên 10 và 20 của Thế kỷ 19 .

Quyển nhật ký “Mes Cahiers Bleus” được Liane de Pougy viết từ năm 1919 cho tới năm 1941, khi thì liên tục, khi thì gián đoạn khá lâu. Vào những năm cuối đời nàng ở trọ tại khách sạn Carlton trong tỉnh

Lausanne (Thụy-sĩ). Khi không thể tiếp tục viết nhật ký nữa, nàng đành kết thúc nó. Biết mình sắp chết, Liane viết tâm thư phó thác quyển tập cho linh mục Alex-Ceslas Rzewuski (tục danh) vốn là người bạn thân và cũng là cha tinh thần của vợ chồng nàng. Vì không biết linh mục ở đâu trên đất Pháp nên nàng đến khách sạn Terminus là nơi linh mục thường tới ở trọ mỗi khi có dịp qua viếng Lausanne. Nàng nhờ ông chủ khách sạn trao tập bản thảo lại cho linh mục. Nàng từ trần vào ngày 25 tháng Chạp dương lịch năm 1950. Vào năm 1954, linh mục Alex-Ceslas Rzewuski lại ghé trọ tại khách sạn Terminus, được trao lại bức tâm thư và di cảo của Liane de Pougy. Ông bèn điều đình với nhà xuất bản Plon để rồi quyển sách được trình làng vào năm 1977 do ông viết tựa.

Ông hoàng Ghika bị sụp đổ tinh thần vì bệnh dương mai gia truyền. Liane de Pougy, phải chịu đựng cam khổ gian truân để săn sóc chồng. Trong “Mes Cahiers Bleus”, nàng đã từng than thở:

“Chàng không bỏ thói thủ dâm của chàng, cái thói thủ dâm hủy diệt thời thơ ấu, thời thanh xuân của chàng, hủy diệt tất cả cuộc đời của chàng, nền hạnh phúc của hai chúng tôi (...) Chàng tiến lại vừa hăm dọa, vừa cười ngạo mạn, ôm lấy tôi, xâu xé tôi, liếm láp tôi như một con chó, tuôn dãi nhớt, thủ dâm lại sức mạnh vừa tái hồi, rồi bạc nhược ngã quy, rồi bắt đầu làm lại một cách vô ích, buông bỏ sự thực hành nhục nhã, bỏ lại chỗ tôi nằm đã hoen ố vết nhơ, thân thể tôi chết héo, trái tim tôi rách rưới, tôi lau chùi cho sạch, tôi muốn tắm, muốn thay đổi nệm drap, nhưng không thể được. Chàng ở đó, cách tôi 3 thước, tựa bằng lòng lấy mình...”

Ông Hoàng Georges Ghika dở điên dở khùng, bạc nhược thể chất, mất mát tinh lực nhục cảm. Hạnh phúc cất cánh bay đi. Nhưng Liane vẫn kiên nhẫn chung sống với chồng và săn sóc chồng. Đôi lúc nàng than vãn trong “Mes Cahiers Bleus”:

“... Ở trong nhà,, tôi đối diện Georges Ghika, chàng lên lại tinh thần phải nhờ đến rượu, chàng làm việc phải nhờ đến thuốc lá, chàng tự đầu độc bởi thú đọc sách. Tóc chàng rụng nhiều và trở nên xám bạc, răng chàng lung lay. Chàng không còn đực rửa tính nữa, niềm ham muốn có cái tính ấy chỉ quất roi vọt lên nó mà thôi . Cho nên những buổi tối chàng chủ động trên xác thân tôi chỉ bằng sự háng hái tồi tệ, chàng cố sức dùng hết mọi tinh lực, chàng tái diễn một cách vô ích. Với chàng, như thế đó, và tấm ái tình từ đây về sau không ngoài như thế đó .Chàng ngủ say, ngáy rống liền trong khi tôi tuyệt vọng, cầu nguyện. Tôi cầu nguyện bằng tất cả mọi chán chường, bằng tất cả nỗi đau khổ của phụ nữ bị nghiền nát, bị bưng bít và không còn chỗ nương tựa nào khác hơn là cái chết. Đây này, tôi bảo: “Thượng Đế ơi, hãy giết con đi, hãy cho con chết trong đêm nay, tức khắc. Con đang ở trong vực thẳm hối tiếc. Con không còn nhận ra chồng con, người yêu của con, bạn thân của con, chàng Georges của con nữa. Chàng đã trở thành tên đao phủ của con mất rồi...”

*

(Còn tiếp)

Hồ Trường An
(France)

HOA RỤNG TRONG THƠ XUÂN

LAM ĐIỀN
NGUYỄN THỬ

Xuân sang là trời đất chuyển mình, là vạn vật hồi sinh ngàn hoa dâng hương khoe sắc. Trong cảnh Xuân, thi nhân thấy lòng nao nao, nguồn cảm hứng dâng trào chảy tràn qua ngọn bút. Các thi sĩ Đông phương cảm nhận sâu sắc sự đổi thay huyền diệu của thời gian, êm đềm trong sôi nổi, hạnh phúc lẫn đau buồn... để kết nên những vần thơ Xuân tuyệt diệu. Thơ Xuân thường nhắc đến hoa. Khi nói đến hoa thì lại liên tưởng đến hoa tàn hoa rụng. Đó là sự trùng hợp lạ kỳ và vô cùng lý thú trong thơ Xuân Đông phương.

1- Hoa rụng trong thơ Xuân Trung quốc:

Thi ca Trung quốc được biết đến nhiều nhất là rừng thơ của các thi sĩ thời Đường - một thời đại mà họ tự hào cho là thời kỳ vàng son của lịch sử - Gần ba trăm năm trị vì, chỉ có hai cuộc binh đao nhỏ là loạn An Lộc Sơn và cuộc nổi dậy của Hoàng Sào. Hai cuộc binh biến ấy đều bị nhà Đường dập tắt. Trong khí thế bùng bùng của một quốc gia hùng mạnh, cảnh thanh bình thịnh trị đã nảy sinh các đấng tài hoa. Gần 3 ngàn thi sĩ với hơn 50 ngàn bài thơ còn lưu lại, đã chứng tỏ Trung Quốc có được một gia tài văn chương đồ sộ, một bức tranh hoành tráng muôn màu, đa dạng... đi đầu trong văn học Đông Á thời ấy. Tôn giáo cũng vào thời kỳ rất thịnh. Phật

Lão Nho là khuôn vàng thước ngọc cho đời sống tâm linh. Thế nhưng nhà Đường vẫn luôn có tham vọng xâm lược các nước lân bang, với chính sách cai trị dã man, sát máu, hợ cướp đất, cướp nhân công khi trong nước ruộng vẫn bỏ hoang, nhân dân vẫn nhọc nhằn đói khổ.

Chứng nhân trung thực của thời đại vàng son đó là các nhà thơ. Đỗ Phủ một đấng tài hoa văn chương lừng lẫy vẫn lê lét một cuộc đời khốn khổ. Mùa Xuân đến, thấy một cánh hoa rơi thi nhân cũng nghe lòng đắng cay chua xót; đành mượn rượu tìm quên hay kêu gào cho trời đất, quỷ thần nghe thấu; rồi ngày mai ra sao cũng được, chết đói cũng không cần.

“Thanh dạ trầm trầm động xuân chước.
Đặng tiền tế vũ thiềm hoa lạc.
Đản giác cao ca hữu qui thân.
Yên tri ngã từ điều câu bác”.

(Đỗ Phủ - *Túy thi ca*)

*(Men xuân đêm lặng chìm chìm.
Trước đèn mưa rắc, ngoài thềm hoa rơi
Hát cho thân, quý, biết lời
Đói lẫn ngoài rãnh hết đời sá chi
(Hoàng Tạo dịch)*

Thi nhân cũng bị lưu đầy đi viễn xứ. Trương Nhược Hư, với nỗi nhớ quê hương canh cánh bên lòng mơ đến mùa xuân trở về sum họp với người thân. Trong giấc mơ lại thấy hoa rơi; biết rằng mùa xuân sắp hết, chỉ còn lại nỗi chán chường tuyệt vọng.

*“Tạc dạ nhàn đàm mộng lạc hoa.
Khả liên xuân bán bất hoàn gia.
Giang thủy lưu xuân bất dục tận.
Giang đàm lạc nguyệt phục tây tà”.*
(Xuân giang hoa nguyệt dạ)

*Đêm qua thanh vắng, mộng hoa rơi.
Nhà chưa về xuân quá nửa rồi.
Nước cuốn xuân đi, trôi sắp hết.
Dòng sông trăng đã xế sang đôi.*
(Khuông hữu Dụng dịch)

Hoa rụng cũng làm cho thi nhân mong đợi người về. Như Vương Bột trong bài Lạc Hoa Lạc với lời thơ Xuân mơ màng hoài vọng:

*“Lạc hoa Xuân chính mẫn.
“Xuân nhân qui bất qui”
Hoa Xuân rụng đầy khắp.
Người Xuân về hay không*

Hoa rụng cũng đồng cảm với khách đa tình trong giờ ly biệt. Trước cuộc chia phôi, ngàn hoa cũng tàn và ngọn nến nhớ tình, cũng chảy dài như rơi lệ. Lý Thương Ẩn với sở trường thi ca tình ái, đã trút nỗi buồn qua thơ tuyệt mỹ như con tằm nhả hết bầu tơ.

*Tương kiến thời nan, biệt diệc nan.
Đông phong vô lực bách hoa tàn.
Xuân tà áo tử ti phương tận.
Lạp cụ thành hôi, lệ thủy can.*
(Lý Thương Ẩn - Vô Đề)

*Khó gặp nhau mà cũng khó xa.
Gió xuân đành để rụng trăm hoa.
Con tằm đến thác tơ còn vương,
Chiếc nến chưa tàn lệ vẫn sa.*
(Tương Như)

Hay
Cao các khách cánh khứ

*Tiểu viên hoa loạn phi.
(Lâu cao khách đã đi rồi.
Hoa trong vườn nhỏ toi bời tung bay)*
(Lạc Hoa- Lý thương Ẩn)

Mùa Xuân đến tuổi xuân đang đẹp như cô gái mơn mớn má hồng. Như hoa xuân vừa hé. Thế nhưng cô gái đi lấy chồng là coi như thời hoa niên chấm hết. Lý Hạ trong bài “Nam Viện” đem lòng thương xót nhan sắc chóng tàn phai của cô gái Việt.

*Hoa thì thảo mạn nhãn trung khai.
Tiểu bạch trường hồng Việt nữ lai.
Khả liên nhật mộ yên hương lạc.
Giá dữ xuân phong bất dụng môi.*
(Lý Hạ-Nam Viện)

*Trước mắt trên cành cỏ trở bông.
Má cô gái Việt trắng pha hồng.
Thương thay chiều tới hương hoa rụng.
Không môi mà đi lấy gió Đông.*
(Châu Giang dịch)

Vương Duy với tháng ngày ảm đạm, một đêm xuân vắng vẻ miền sơn cước, nghe tiếng chim núi giạt mình vì ánh trăng vừa lên, hay tiếng hoa rơi khua động cũng khởi niệm đau buồn. Bài thơ “Điều Minh Giản” của ông là tiếng thôn thức tuyệt vời, trong một cảnh sắc chứa đầy âm thanh mỏng manh huyền bí.

*Nhàn nhân quế hoa lạc.
Dạ tĩnh xuân sơn không.
Nguyệt xuất kinh sơn điều.
Thời minh tại giản trung.*
(Vương Duy - Điều minh giản)

*Người nhàn hoa quế rụng rơi.
Đêm xuân lặng ngắt, núi đồi vắng tanh.
Trăng lên, chim núi giạt mình.
Tiếng kêu thung thẳm đưa quang khe đôi.*
(Ngô Tất Tố dịch)

Có lẽ mùa xuân không bao giờ đến với những cụ già đơn chiếc; đêm giao thừa dưới ngọn đèn dầu với bàn cờ trước mặt chờ đợi người tri kỷ; lắng nghe tiếng ếch nhái gần xa trong cảnh mưa buồn tuyết lạnh; lòng theo dõi từng bước chân ai. Nhưng giờ hẹn đã qua rồi... người bạn già không đến.

Ao hồ tiếng ếch gần xa.

Mai vàng tuyết lạnh, nhà nhà mưa rơi..

Nửa đêm cái hẹn qua rồi.

Quân cờ gõ nhảm làm rơi hoa đèn.

(Cổ thi vô danh - Nguyễn Bính dịch)

Với những tâm hồn sầu mộng, thấy hoa rơi thì buồn; nghĩ đến cuộc đời thêm chán ngán; nhưng với Hoàng Sào thì lại khác. Ông thấy hoa rơi lại nghe lòng tràn đầy hy vọng. Ông cho rằng hoa rơi cũng mang ý nghĩa một triều đại đã đến lúc suy tàn cần được thay thế bởi một triều đại khác. Trong bài Đề Cúc Hoa, ông đã ví Nhà Đường như vườn hoa cúc mùa đông. Và ông hứa hẹn trong một mùa xuân tới sẽ thay thế nó bằng một triều đại hoa đào rực rỡ:

“Táp táp tây phong mãn viện tài,
Nhị hàn hương lãnh, điệp nan lai.
Tha niên ngã nhược vị thanh đế.
Bảo dữ đào hoa nhất xứ khai”.

(Vi vút đầy vườn thổi gió Tây.

Nhị hàn hương lạnh điệp nan bay.

Nếu xuân năm tới ta làm chúa.

Truyền với hoa đào nở cả đây)

(Khuông Hữu Dụng dịch).

Nhưng ước vọng ấy đã bị nhà Đường dập tắt. Thơ ông cũng bị thủ tiêu. Nhưng bài thơ trên vẫn là lời tiên tri xác đáng. Sau cuộc nổi dậy của Hoàng Sào, nhà Đường chỉ sống thoi thóp trong kiệt lực và dần dần sụp đổ.(1)

2 - Hoa rụng trong thơ Nhật:

Mùa Xuân Nhật bản cũng có nghĩa là mùa hoa anh đào. Các thi nhân Nhật Bản cũng thường liên kết mùa xuân với nỗi buồn hoa rụng. Một phần vì ảnh hưởng của thi ca Trung quốc một phần vì lòng trắc ẩn khi nghĩ về những người phụ nữ Nhật dịu dàng yếu đuối đáng được yêu như hoa.

Năm 1968 khi Việt nam ngập trong khói lửa thi ở Nhật Bản Văn sĩ Yasurani Kawataba đoạt giải Nobel về văn học.(2) Ông là người vén bức màn bí ẩn của thi ca đất phù tang cho cả thế giới thưởng thức bằng cách mạng thi ca vào văn xuôi hiện đại. Các sinh viên Việt Nam du học từ Miền Nam Việt Nam vào thập niên 60 như Nguyễn Nam Trân, Tôn Thất Phương, Phạm Vũ Thịnh, Nguyễn Ngọc Duyên, Lê Ngọc Thảo, Đinh Văn Phước, Cung Điền Cao Ngọc Phượng... đã có công sưu tầm tổng kết và dịch sang tiếng Việt. Từ đó các người yêu thơ mới khám phá một nguồn văn chương tuy rất gần gũi nhưng vô cùng mới lạ. Trước hết là loại thơ Haiku tuyệt mỹ. Loại thơ này chỉ có 17 âm được chia làm 3 câu theo thứ tự 5-7-5. Với số âm ít ỏi như thế, người thưởng thức phải tự khám phá những bí ẩn phía sau lời cô đọng.

Một trong những nhà thơ Haiku hay nhất trong thế kỷ 17 là thi sĩ Basho: (Basho là bút hiệu của Matsuo Munefusa, 1644-1694). Ông là một thiền giả xuất thân từ hoàng tộc, từng du hành khắp nơi trên đất Nhật. Nhà thơ phải tự rèn luyện để có thể mô tả được cái chân tướng tịch liêu của vạn vật, của con người. Thơ Haiku của ông hàm chứa những tinh hoa của Zen. Như bài “Hoa Đào” dưới đây:

“Hoa đào ơi hoa đào.

Trong tận cùng tâm tưởng rụng rơi.

(Biết bao điều - Nguyễn Nam Trân dịch)

Tanka cũng là một loại đoản ca được hoàn thiện từ thơ Haiku, (thể kỷ thứ 7). Thơ gồm 5 câu âm tiết theo thứ tự: 5-7-5-7-7. Tiêu biểu của loại thơ này là các bài thơ trong tuyển tập Manyoshu (*Vạn điệp tập*). Đó là tập thơ gồm hàng ngàn bài thơ của nhiều tác giả được sưu tập qua nhiều thời đại.

Theo bản dịch của Thái Bá Tân, Nhiều bài thơ đã nói về hoa rụng một cách tuyệt vời điễm lệ:

Bài số 1451:

Trong mỗi cánh hoa.

Anh tặng em.

Quá nhiều những điều anh chưa dám nói.

Em lo cánh hoa không chịu nổi.

Sức nặng của tình anh.

Bài số 1599

Có phải vì con nai.

Đi qua đồng

Vướng vào hoa huệ.

Mà bông hoa lia cành như thế.

Hay vì thời gian.

Thi sĩ Shikuramen no Kahori so sánh kiếp người cũng giống kiếp hoa. Nhiều người nhận xét rằng Ông là một trong các nhà thơ bi quan của thời đại:

Hoa đào nở ba ngày đã rụng.

Khác chi người một kiếp phù du.

Đời hoa ngắn ngủi cũng thể hiện qua dân ca Nhật bản được **Phạm Duy** phổ nhạc và chế lời Việt như sau.

“Trời xuân man mác những mối sầu.

Tình theo gió mau.

Cành hoa tươi tốt không lâu.

Một đêm nào sẽ rớt mau - về đời sau...”

(*Kiếp Hoa Anh Đào* 1974)

Một trang tuyệt thế giai nhân là bà Ono no Komachi nhìn hoa đào tàn rụng lại buồn

cho nhan sắc của mình; một ngày nào đó sẽ tàn phai:

Màu hoa phai, nhan sắc tàn.

Cảm thương thân thể hai hàng mưa sa.

(*Bài hana no-irowa số 9*)

Nữ sĩ Fumiko - (1903-1951) người từng theo quân đội Nhật như một phóng viên chiến trường đi khắp các vùng Đông Nam Á (Bà đã đến Việt năm 1941 và sống tại Đà Lạt đến năm 1943). Cuộc đời bà gặp nhiều bất hạnh. Chỉ với hai câu thơ nói về hoa rụng cũng hiển lộ ý khổ đau của người phụ nữ Nhật trong chiến tranh - Chính vì thế nó được khắc lên bia mộ trước đền thờ của bà ở Hiroshima.

Hana no inochi wa mijikakute.

Nigashiki koto momi o-kariki.

(kiếp hoa ngắn ngủi.

Cay đắng lâu dài.)

Nước nhật một thời được xem như một “tiểu Trung hoa” nên người Nhật đã biết làm thơ chữ Hán. Đầu từ thế kỷ thứ 7 (đời Thiên Hoàng Tenmu) những bài thơ chữ Hán được lưu truyền trong hoàng tộc. Những bài thơ nói về hoa đào rụng đã chứng tỏ tài làm thơ chữ Hán của người Nhật cũng rất tài hoa như các thi sĩ nổi tiếng thời Đường..

Nhật tự tam xuân vĩnh.

Tâm tùy dã thủy không.

Sàn đầu hoa nhất phiến.

Nhàn lạc tiểu miên trung.

(Natsume Soseki (1867-1916)

Ngày như ba xuân dài.

Lòng nương sông cửa ngoài.

Đầu giường hoa một cánh,

Chợ mắt rụng nào hay.

(Nguyễn Nam Trân dịch)

Hay.

Tam xuân nhị nguyệt Hà dương huyện .

*Hà dương tùng lai phú u hoa.
Hoa lạc nắng hồng phục nắng bạch.
Sơn băng tân hạ vạn điều tà...*
(Hà Dương Hoa - Bunka Shuurei-Shuu)

*Tháng hai Xuân đã đến Hà dương
Hoa tiếng từ xưa lấm sắc hương.
Con giông núi đến, cảnh nghiêng ngả.
Vạn cánh hoa rơi trắng lẫn hương .*
(Nam Trân)

Nổi buồn Xuân không những làm đau lòng người thể tục, mà còn chạm đến tâm tư của các vị cao tăng xuất thế:

“Cổ lãng tùng bách hồng thiên phiêu.
Sơn tự tâm xuân, xuân tịch liêu.
Mi tuyết lão tăng thì tuyết tảo.
Lạc hoa thâm xứ, thuyết nam triều.”
(Fujii Chikugai(1807-1868)

*Lãng xưa tùng bách gào trong gió.
Chùa núi tìm xuân, xuân quạnh hiu.
Lão tăng mây tuyết ngừng tay chổi.
Núi im hoa rụng, kẻ nam triều.*
(Nguyễn Nam Trân dịch).

Cuối thế kỷ 20 phong trào thơ mới ra đời. Tuy vậy thi ca cận đại cũng phóng tác theo ca dao cổ. Ảnh hưởng của thuyết hiện sinh, những bài ca hoa rụng được phổ biến nhiều trong giới hưởng lạc trong các xóm bình khang.

*Sắc hương nào tiếc chi ai.
Hoa bìm sáng thắm rồi phai nắng chiều.*

Hoa bìm không mang tính cao sang như hoa tử dương, nhưng tất cả đều cùng chung số phận. Nhà thơ Miyoshi Tatsuji đã mô tả thật tài tình qua bài Ubaguruma (Chiếc xe nô) đã đưa ta từ hiện thực trở về cổ kính để rồi tan nhập vào cõi bao la không bàn luận được:

*Mẹ ơi!
Có gì nhạt nhạt buồn buồn đang rơi.
Có gì mang màu tím
hoa tử dương... đang rơi.
Phía cuối hàng cây xa.
Nơi gió thổi lạnh lùng.
Ngày đã về chiều.
Mẹ hãy đẩy xe nô của con.
về phía mặt trời, chiều đang nhuộm lệ.
Chiếc xe nô cộc cạch của con.
Mẹ ơi! con vẫn biết.
con đường này xa xôi.
Không bao giờ chấm dứt.
(Nguyễn Nam Trân dịch)*

3- Hoa rụng Ấn độ:

Ấn độ là một trong những nước có nền văn hoá và văn minh cổ kính.

Nếu cả thế giới đã bàng hoàng khâm phục Homère với những trường thi hùng tráng Odyssee, Iliad... trong cổ thi Hy Lạp, thì cũng giật mình kinh ngạc trước trường ca Ramayana và Mahabharata của sử thi Ấn Độ.

Mahabharata (vĩ đại) là một bức tranh hoành tráng đồ sộ lung linh trong cảnh giới thần linh và con người, tập trung tất cả những gì có ở xứ này. Nó gần giống như một quyển tự điển bách khoa. Còn Ramayana là trường thi bi tráng bắt nguồn từ truyền thuyết.

Trong cuộc chinh biến ở hoàng cung, hoàng tử Rama bị lưu đày trong rừng sâu. Người yêu của chàng là Sita bị quỷ vương Ravana bắt, đưa về đảo Lanka. Rama trải qua bao gian khổ, liên minh với nhiều vua khác và đánh cứu được nàng. Sau khi thắng trận chàng lại nổi cơn ghen vì nghi ngờ nàng Sita không chung thủy.

*“Hoa Ashoka đỏ như than lửa.
Bay đầy trong gió Xuân.
Gió Xuân quạt anh rát mặt...”*
(Đỗ Khánh Hoan dịch)

Sự ghen tuông khiến chàng khổ đau giận dữ, muốn hành hạ nàng. Điều này khiến nàng thêm đau đớn. Để chứng minh tiết hạnh của mình nàng nhảy vào lửa đỏ... và thần lửa Anhi đã soi sáng cho cả hai người.

Một lời khuyên của thần Anhi với Rama đã lưu truyền kim cổ. Đó là:

“Đừng đánh người phụ nữ dẫu bằng một đóa hoa” (Câu này từ lâu ta cứ tưởng là châm ngôn của Pháp).

Hoa rụng không phải là nỗi buồn riêng tư của những tâm hồn trần tục mà còn diễn tả nỗi tang thương của đất trời, của vũ trụ... Trong kinh điển Phật giáo còn ghi lại; Ngày Đức Thích Ca nhập diệt, hoa mạn đà la rơi đầy mặt đất. Hoa rơi phủ cả kim quan.

Thế nhưng văn hóa truyền thống Ấn có lúc tưởng như mất hẳn khi văn hoá Hồi giáo ngự trị xứ sở này. Ấn độ lại là xứ đa nhân chủng, ngôn ngữ mỗi miền mỗi khác nên việc truyền bá văn học cũng khó khăn. Người mù chữ chiếm gần 60%. Nạn chết đói vẫn luôn đe dọa. Nỗi đau buồn nhất của các văn nhân thi sĩ là thiếu độc giả. Ấn độ đành khép kín nền văn hóa kiêu hùng đã có từ hai ngàn năm trăm năm về trước cho đến thời kỳ bị người Anh chiếm đóng.

Đầu thế kỷ thứ 20 bỗng xuất hiện nhiều nhân tài vĩ đại như Rabindranath Tagore, Aurobindo Ghose, Salman Rushdie, Micheal Madhusudan, Toru Dutt và nhà phê bình Sudeep Sen... Họ là những người đi tiên phong và mạnh bước trên đường phát huy văn hóa. Họ làm thơ và viết văn bằng Anh ngữ được lưu chuyển trong hàng quý tộc và ở nước ngoài. Đa số người thôn quê không có khả năng thưởng thức. Văn hoá mới Ấn độ đến được Việt Nam nhờ các dịch giả lỗi lạc như Đỗ Khánh Hoan, Phùng Hoài Ngọc, Phạm Thủy Ba và một số các sinh viên Việt Nam du học.

Nhà văn hoá Ấn Độ nổi tiếng nhất trong thế kỷ 20 là Rabindranath Tagore.

R. Tagore (1861-1941) vừa là nhà thơ, một triết gia, một nhà soạn nhạc, một nhà ái quốc, vừa là một nhà cách mạng về tôn giáo. Ông là người Châu Á đầu tiên được nhận giải Nobel văn học (1913). Thơ ông là một đại dương nhân ái. Ông viết về tình yêu về cái đẹp, về thiên nhiên, ước mơ đem đến những giá trị hoàn thiện cho con người hôm nay và mai hậu. Và ông cũng nói đến hoa tàn:

“Hoa nở rồi tàn.

“Nhưng ai đó đã cài hoa lên áo.

“Cũng chẳng cần mãi mãi khóc thương hoa...”

(Tâm tình hiến dâng - Đỗ Khánh Hoan dịch)

Ý đạo được hiển lộ như màu hoa đơn sơ; dẫu đã tàn nhưng còn hiện hữu: *“thơ tôi viết cho anh toàn là những điều anh đã biết; những gì đang lưu chuyển trong giọng máu lưu truyền. Anh hãy tự tìm thấy và tận hưởng cái mỹ miều anh đang có...”*

“Bạn là ai - người trăm năm sau hay đang đọc thơ tôi.

“Tôi không thể gọi bạn bông hoa duy nhất trong sắc xuân này

“Ánh vàng độc nhất từ sắc mây.

“Xin mở toang cửa sổ.

“Thu nhật ngay trong vườn mình hoa nở rộ.

“Kỷ niệm ngát hương của bông hoa trăm năm về trước đã phai tàn.”

(Tâm Tình Hiến Dâng, bài 85 - Đỗ Khánh Hoan dịch).

Trong tình yêu cũng thế. Em cho ta tình yêu thì ta cứ nhận. Nhận hay không nhận rồi đây em cũng khổ đau thôi. Dầu sao đi nữa thì ngay bây giờ em vẫn đẹp...

“Hoa này anh xin nhận.

Cứ trao em trái sầu.

Tôi nhìn em chợt hiểu,

Nhan sắc nàng vô tư....

Thơ tình yêu của ông cũng vừa là thơ tài đạo. Khi yêu nhau người ta thích quà tặng. “Yêu em, anh không biết tặng cho em một món quà gì? -Cho em ánh tươi hồng của bình minh nhé? -nhưng bình minh cũng sẽ tắt em à!. Hay một ca khúc? -rồi em cũng nhàm chán thôi. Hay ngọn đèn? -ngọn đèn rồi cũng tắt. Hay những đoá hoa? -Thôi, hoa rồi cũng rụng... Này em! Nếu một buổi thanh nhàn nào đó em sang vườn anh, nghe thoang thoang mùi hương hoa thơm ngát. Đó là món quà của anh cho em đây; hay em thấy hoa lá trên đường rợp ánh tà dương, đó là quà tặng cho em đây. Và rồi tất cả cũng mất đi! Em biết không những món quà quý nhất em đang có đây, đâu cần tìm kiếm bên ngoài:

... Tìm đâu thân vận dậm chơi.
Xa tầm tay với, xa nơi ngôn từ.
Những gì em có riêng tư.
Không hay không biết không chờ không xin.
Bạn lòng ơi giữ cho bền.
Của riêng em đó kiếm tìm đâu xa.
Dù ta có tặng em quà.
Tặng hoa hay khúc tình ca... đáng gì.
(Tâm Tĩnh Hiến Dâng - Quà Tặng)
(Tâm Minh Ngô Tăng Giao dịch)

Rồi thời gian sẽ thiêu đốt tuổi hoa niên.
Tình yêu có bị cháy rụi không em khi những
bông hoa kia rơi rụng?

Mặt trời lên thiên đỉnh.
Ngày cháy ánh tà huy.
Những bông hoa héo úa.
Đã tàn rơi-còn gì.
(Tâm Tĩnh Hiến Dâng-Đỗ Khánh Hoan dịch)

Bài thơ đó chàng đã tặng cho người đẹp Argentine - Nàng Victoria Ocampo - vào năm 1924 tại Buenos Aires. Những bông hoa héo úa tàn rơi. Nhưng còn gì? Nàng Victoria Ocampo có bao giờ chột hiều.

Nhưng tại sao hoa lại úa tàn, Tagore tự hỏi - phải chăng chỉ vì thời gian tàn nhẫn hay bởi con người muốn hưởng trọn cho riêng mình. Tại sao ta cần có một bó hoa trong khi thiên nhiên cho ta nhiều hơn thế...

“Tại sao đèn phụt tắt.

Tại tôi lấy áo che gió cho đèn.

Tại sao hoa úa tàn.

Tại tôi ôm chặt hoa mà lòng áy náy bắn khuẩn”

(Tâm Tĩnh Hiến Dâng- bài số 52)

Ta ép hoa vào lòng, gai nhọn đâm sâu..

Ngày tắt, hoa tàn nhưng nỗi đau còn nguyên vẹn

(TTHD 57)

4- Hoa rụng Việt nam:

Trong khi thi ca Trung quốc rất thịnh trong thời Đường thì ở Việt nam thi ca lại bị nhà Đường kiềm hãm và tiêu diệt. Chữ Hán tuy đã vào nước ta từ thế kỷ thứ nhất trước công nguyên theo vó ngựa của quan thái thú (năm 179 TCN). Thế nhưng cho đến trận Bạch Đằng (năm 938) là đúng 1.117 năm thi ca Việt Nam vẫn không phát triển được. Làn theo văn học sử ta bắt gặp những khoảng trống đau lòng. Ví dụ từ năm 825 đến năm 980 lịch sử chỉ còn ghi lại được 22 câu thơ. Hai mươi hai câu thơ trong thời gian 155 năm! mà thật sự cũng không phải là thơ mà là 2 bài kệ và một bài từ (dành cho tôn giáo và chính trị).

Sở dĩ có tình trạng đó vì sự cai trị khắc nghiệt của Bắc Phương. Không mở trường dạy học. Chỉ có các nhà sư tự học chữ Hán để đọc kinh, chép kinh. Nên thơ ca chỉ còn lại những câu ca dao do giới bình dân truyền miệng và các bài kệ của các vị cao tăng Phật Giáo.

Bài thi kệ có nhắc đến mùa Xuân hoa rụng được nhiều người biết đến là bài “Cáo Tật Thị Chúng” của thiền sư Mãn Giác (1052-1096)

Xuân khứ bách hoa lạc.

*Xuân đảo bách hoa khai.
Sự trực nhãn tiền quá.
Lão từng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận.
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

*Xuân đi trăm hoa rụng.
Xuân đến trăm hoa cười.
Sự đời qua như chớp.
Tuổi già đến trên đầu.
Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết.
Đêm qua sân trước một cành mai.*

Bài thi kệ trên đây là viên ngọc quý của thi ca Phật Giáo và cũng là áng thơ tuyệt mỹ của thi ca Việt Nam. Các học giả uyên thâm Nho học, Phật học đã phân tích bình luận khá nhiều, nhưng hình như chẳng ai dám khẳng định rằng mình đã với tới những lời giáo huấn cao vời của một thiền sư đắc đạo. Bởi lẽ đây không phải là bài thơ viết cho hàng thế tục, mà là bài giảng cuối cùng trước khi ngài thị tịch cho tăng chúng hành trì. Tuy vậy người thế tục vẫn bồi hồi thức tỉnh, với một niềm hy vọng bao la khi đọc hai câu cuối.

*Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết.
Đêm qua sân trước một cành mai.*

Bài thi kệ có nhắc đến hoa rụng thứ hai là bài Sơn Phòng Mạn Hứng của một bậc quân vương đắc đạo: Điều Ngự Giác Hoàng. Ngài chính là Vua Trần Nhân Tông đã từng làm cho quân Nguyên hai lần khiếp đảm. Thắng lợi to lớn ấy ngài cũng không gọi là vinh quang, đến ngôi vua ngài cũng cảm bằng đôi dép rách thì sá gì những lời hơn thua phải trái.

*Thị phi niệm trực triều hoa lạc.
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.
Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch
Nhất thanh đề diều hựu xuân tàn*

*Phải trái rụng theo hoa buổi sớm
Lợi danh lạnh với trận mưa đêm.
Hoa tàn, mưa tạnh, non im vắng.
Xuân cõi còn dư một tiếng chim.
(Đỗ Văn Hỷ dịch)*

Ngài buông bỏ tất cả. Nhưng không phải là mất đi tất cả. Hai câu cuối phải chăng là giá trị mà ngài đã đạt được. Từ cái vô thường ngài đã đi đến bản lai diện mục của sơn hà đại địa. Cái im vắng của núi non mùa xuân vẫn còn một tiếng chim, một âm vang cho hậu thế ngàn đời.

Năm 1406 quân Minh lại xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại. Đất nước một lần nữa lại rơi vào kẻ thù phương bắc. Chỉ trong vòng 20 năm (từ 1407 đến 1427) quân Minh phá huỷ An Nam Tứ Đại Khí. Đốt gần hết sách vở lưu lại từ hai triều Lý Trần. Giác mơ Đại Hán luôn ám ảnh họ cho đến khi Lê Lợi kê gương thân vào cổ Vương Thông họ mới tạm thời sực tỉnh.

Và từ đó Văn học Việt Nam như những đoá hoa trong gió Đông, giữa cõi thanh bình đua nhau nở rộ. Từ chiếc lá Bình Ngô cho đến chôn ả cư Côn Sơn đều chung một cõi thanh nhàn.

*Xuân đến đồng hoa cỏ nội.
Thiền môn một mái tranh cài.
Tùng cúc đi về đường lối hẹp.
Phù du bào ảnh nhập thiên thai.*

(Nguyễn Trãi - Côn Sơn Ca)

Dẫu rằng vẫn có nàng chinh phụ nhớ chồng khắc khoải trong đêm:

*Hoa buồn hoa rụng quanh tường.
Đạo sân một bước trăm đường ngẩn ngơ.*

Hay người cung nữ trong cung cảm khốc than số phận, nhìn thời gian đi qua, thương

tiếc tuổi hoa niên, nhìn nhan sắc mỗi ngày thêm tàn tạ:

Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng.

Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn

Hay nỗi sầu mộng của chàng thư sinh Kim Trọng thấy buồn rụng hoa rơi. Gã si tình tìm đến nhà cô gái lân la trước cổng. Người đẹp đâu không thấy chỉ thấy bàng hoàng trước cảnh điêu hiu:

Lơ thơ tơ liễu buông màn.

Con oanh học nói trên cành mả mai.

Mấy lần cửa đóng then cài.

Đầy thêm hoa rụng biết người ở đâu.

Thế rồi cảnh thanh bình như mùa xuân ngấn ngủ. Đất nước ta lại rơi vào tay thực dân Pháp. Thì xuân đi, hạ đến, thu tàn, đông lại, khách tha hương vẫn chạnh lòng mong nhớ

Tình khách băng khuâng mấy dặm đường.

Mai tàn-sen đã ngát mùi hương..

Màu thu vườn cũ ra sao nhỉ.

Hoa lạnh nơi này đã cợt sương.

(Cao Bá Quát - *Hoài Cầm*)

Cho đến khi phong trào thơ mới ra đời. Hoa xuân vẫn rơi rụng trong thi ca và ý xuân vẫn tỏa hương âm thầm trong gió núi như Xuân Diệu 1945 - trong bài "Gửi Hương Cho Gió". Màu hoa phượng rơi đỏ thắm trên đường. Dấu chân người còn đọng lại những dư hương thời dĩ vãng như Huy Cận "Giấc Ngủ Chiều" 1940.

Chế Lan Viên lấy cảm hứng từ nỗi đau vay mượn. Ông chán ghét mùa Xuân. Khi ngàn hoa đua nở thì lòng ông khép lại, kêu gào, hoảng hốt:

Huyền Trân! Huyền Trân! Huyền Trân ơi.

Mùa Xuân! Mùa xuân ! Mùa xuân rồi.

Giờ đây chìn vạn bông trời nở.

Duy có lòng ta khép lại thôi.

Hay tìm cách ngăn lối xuân về bằng cách góp nhặt những tàn dư quá khứ mông lung...

Ai đâu trở lại mùa thu trước

nhặt lấy cho tôi những lá vàng,

với cả hoa tươi muôn cánh rã,

về đây đem chấn nẻo Xuân sang

(CLV- Xuân Diệu Tàn 1937).

Nhà thơ Lưu Trọng Lư cũng có lúc xem tình yêu là hoa mộng. Hoa tàn, mộng cũng tan theo:

Giờ đây hoa hoang dại.

Bên sông rụng tới bờ.

Đã qua rồi cơn mộng.

Đừng vỗ nữa tình ơi!

(Còn Chi nữa)

Chỉ có Thái Can là sớm hiểu luật vô thường nên rất bình tĩnh trong giờ ly biệt.

Chẳng phải vì anh, chẳng tại em.

Hoa xuân tàn tạ rụng bên thềm.

Ân tình sớm nở chiều phai rụng.

Chẳng phải vì anh, chẳng tại em.

(Anh biết em - Thái Can 1940).

Sau 1945, các thi sĩ Việt Nam phải rơi vào vòng xoáy chính trị. Thi ca lãng mạn được thay thế bằng thi ca cách mạng. Các ngọn bút tài danh đã được sử dụng như những chiến sĩ đi đầu trên nhiều mặt trận. Khi đất nước bị phân chia. Một số các thi nhân miền Bắc như Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận... theo chân Tố Hữu đã dùng ngọn bút như vũ khí đấu tranh vô cùng lợi

hại. Nhà thơ chối bỏ quá khứ, lên án chính mình. Họ sáng tác thơ văn theo yêu cầu, theo chỉ đạo. Muốn yên thân phải ca ngợi chủ nghĩa duy vật, ca ngợi lãnh tụ, ca ngợi những chiến công, cổ động anh em giết nhau khoét sâu hận thù giai cấp, hận thù dân tộc. Mùa xuân trở thành mùa thê thảm. Những chiến dịch Đông Xuân đã làm chết bao cô gái, bao chàng trai, bao nhiêu trẻ thơ...

Hoa Xuân chỉ là hoa chiến thắng được kết bằng máu lệ.

Chỉ vì muốn nở hoa chiến thắng mà hoa thanh xuân rơi rụng khắp đồng lầy, khắp núi non thành phố. Có ai tự hỏi giữa lúc giao thừa có “bao nhiêu lòng mẹ nhớ con, bao nhiêu lòng vợ trông chồng, bao nhiêu người ngã gục...

Phần đông các thi sĩ miền Nam vẫn tự do, vẫn miệt mài trong thơ tình yêu, thân phận, cùng nỗi chán chường ân hận tiếc thương. Nhưng tất cả đều rất đẹp bởi họ vẫn còn đứng vững trên lập trường nhân bản, biết nói yêu thương không cổ vũ hận thù. Chỉ tiếc là chưa bao giờ họ được hưởng một mùa xuân trọn vẹn.

Mùa Xuân Đông phương là sự hồi sinh sau những tai ương của mùa Đông u ám. Dầu là người Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ hay Việt Nam, dầu hoàn cảnh có khác nhau nhưng vẫn có chung một nỗi đau buồn. Nỗi đau buồn hoa rụng. Không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên mà là những đồng cảm đồng thanh của các bậc thiên tài. Người thế tục gắn nỗi buồn từ trái tim sâu mộng với thiên nhiên. Người thoát tục nhìn thiên nhiên để liễu tri bằng tâm thánh thiện. Hoa nở hoa

tàn cũng thế thôi Mùa xuân vô hạn là an nhiên tự tại.

Tự do tự tại bất tri tử.

Hoa lạc hoa khai vô hạn xuân.

(Nguyễn Du - Đồ trung ngẫu hứng)

Cái quý nhất vẫn là tự do thật sự. Sống an nhiên thì không biết chết. Hoa tàn hoa rụng mặc xác hoa. Mùa xuân xưa nay vẫn thế. Chỉ có sự bình an thật sự của tâm hồn mới là mùa Xuân thật sự. Đạt được mùa xuân ấy, hoa xuân sẽ vĩnh viễn không tàn...

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ

(North Carolina)

(1) Ngoài những tác giả đã đề cập đến ta còn thấy rất nhiều những thi sĩ thời Đường nói về hoa rụng trong thơ Xuân như: Lý Bạch với bài Thái Liên Khúc, Vi Thừa Khánh với bài Nam Hành Biệt Đệ, Mạnh Hạo Nhiên với bài Xuân Hiếu, Lư Phương Bình “Xuân Oán”, Trương Bật “Ký Nhân”, Vương Giá “Xuân Tĩnh”, Thôi Đồ “Xuân Tịch Lữ Hoài”, Thôi Huệ Đồ “Yên Đông Thành Trang”, Tư Mã Lễ “Cung Oán”, Trương Kính Trung “Biên Từ” v.v.

(2) Nữ sĩ Kawabata Yasunari (1899-1972) là người Đông Á thứ nhì được nhận giải Nobel về Văn Học (năm 1968) sau R. Tagore (Ấn Độ 1913) và trước Cao Hành Kiện (năm 2000). Cao Hành Kiện người gốc Trung hoa nhưng đã nhập quốc tịch Pháp nên không được xem là người Đông Á.

“TRỜI ĐẤT” CỦA VÕ ĐÌNH

NGUYỄN NGỌC BÍCH

LỜI TOÀ SOẠN: *Sắp tới đây, vào trung-tuần tháng 5, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ và một số bạn của tác-giả sẽ giới-thiệu đến độc-giả cuốn sách mới nhất của nhà văn Võ Đình, tập truyện-chuyện Trời Đất. Nhân dịp này, anh Nguyễn Ngọc Bích đưa ra một vài nhận-định về một hướng sáng-tác sau này của nhà văn-họa sĩ mà bạn đọc có thể thấy thích thú.*

Không phải ngẫu-nhiên mà tác-giả lấy truyện “Trời Đất” làm tên cho toàn-bộ tập truyện-chuyện của ông. Với độc-giả nào có ý đôi chút thì chuyện tách bạch giữa “truyện” và “chuyện” của ngòi bút Võ Đình đã xảy ra cách đây ít nhất cũng 5-7 năm rồi. Người khó tính thì sẽ bảo là ông thích “chê sợi tóc ra làm tư.” Song người tinh ý thì sẽ thấy sự dụng ý này nơi ông mở ra một chân trời mới, bắt chúng ta phải nhìn lại tiếng Việt như một cái gì rất mới, rất lạ.

Vì có gì thông-thường hơn là hai từ “truyện” và “chuyện” trong tiếng Việt. Ta nói “chuyện” nhưng ta viết “truyện,” truyện dài, truyện ngắn, truyện vừa. Vậy phải chăng “chuyện” là cái gì đi qua đường mòn còn “truyện” thường yên lặng (đù như người ta

vẫn có thể đọc lên được), trải ra mặt giấy bằng ngòi bút, dù là bút lông, bút chì, bút sắt hay như ngày nay, “bút” com-piu-tura! Nói cách khác, có thể nói được chẳng “chuyện” là văn-học truyền khẩu còn “truyện” tiêu-biểu cho một nấc cao hơn trong lịch-sử loài người, từ khi có chữ viết, có văn với tất cả những hệ-lụy nhiều khê của nó.

Chuyện! Một người có thể thốt lên, với ý nghĩa thật sâu rộng.

Trong ngữ-pháp tiếng Việt, “Chuyện!” có thể là nguyên một câu. Đó có thể là một câu chê (ngụ ý đó là một “chuyện nhảm, chuyện ba láp”), một câu khen (như trong “chuyện thật” chứ làm gì có “truyện thật”) nhưng hơn thế nữa, đó lại còn có thể chỉ là một nhận-định rất khách-quan, không chê mà cũng chẳng khen. Thế tiếng Việt mới rắc rối, tất cả còn tùy-thuộc văn-cảnh hay giọng nói, điệu dáng hay gắt gông, thật thà hay gian xảo, của người phát ngôn câu đó.

Trong khi “chuyện” thì chủ-yếu là khẩu-ngữ, “truyện” có thể là tâm-ngữ, thậm chí còn có thể là “trí-ngữ” nữa. “Chuyện” có thể kể theo một “truyện” nhưng thường có thêm mắm thêm muối, có lời bàn Mao Tôn-cương, có thể lang bang hết từ chuyện này sang chuyện khác, “chuyện nọ dọ chuyện kia.”

Chữ “truyện” thì tối-ky sự lang bang, “vòng vo Tam Quốc.”

“Truyện” do đó chặt chẽ hơn “chuyện,” là một bước tiến-hóa so với “chuyện.” “Truyện” do vậy mới có vấn-đề văn-bản, vấn-đề tác-giả, vấn-đề tác-quyền. Ngược lại, “chuyện” thường thuộc về mọi người, nó là của chung, nó đòi hỏi ít nhất hai người để đối-thoại với nhau. Chữ “truyện” thì có khi chỉ cần một người, nói như thằng điên, nói kiểu “độc-thoại” (interior monologue), bở nay người ta chưa hiểu mình cũng chẳng sao, “ba trăm năm nữa” – nói như Nguyễn Du – có người sẽ hay “còn” khóc với mình.

Bởi đó mà có “chuyện cổ-tích,” tác-giả vô danh hay nói cách khác, tác-giả tập-thể, văn-bản có thể sai chạy đôi chút cũng chẳng màng, và “truyện cổ” nước Nam mà người chịu trách-nhiệm có thể là Ôn-như Nguyễn Văn Ngọc (hay Nguyễn Đồng Chi hoặc Vũ Ngọc Phan).

*
* *

Tôi có đang đi quá xa chuyện cuốn sách mới của anh Võ Đình không? Hình như có vì tuy anh có phân-biệt hai quan-niệm “truyện” và “chuyện” trong tác-phẩm của anh, không chắc anh đã có ý lang bang sang chuyện linh-tinh như tôi mới “ba lớp” trên đây. Song chính chuyện “ba lớp” trên đây được gọi mở bởi sự phân-biệt căn-bản của anh, chứng tỏ là ở tuổi hơn ba phần tư một trăm của anh, anh có khả-năng đá tung cánh cửa của một phòng hũ nút và mở rộng không-gian đối-thoại trong cái “hội kín” mà anh đã dùng để mô-tả giới cầm bút với nhau.

Ồi thì đó là cái nghiệp, như người ta thường nói. Song anh Võ Đình làm cái gì cũng ư trọi, người ta một cái nghiệp-dĩ đã đủ chết rồi, anh lại còn có ít nhất hai—họa và văn. Mà đâu phải mới mẻ gì! Nếu ta tin được “chuyện” (xem chừng rất thật) của anh thì nghiệp văn là do “mạ” anh truyền cho (trang xxx) còn nghiệp vẽ thì anh tự để cho nó vận vào người, mà ở tuổi rất sớm (“mười, mười lăm” gì đó).

Đọc *Trời Đất* là để hiểu vì sao ta có con người Võ Đình, một họa-gia hàng đầu trong cộng-đồng người Việt ở trên thế-giới, nổi từ những năm 60 của thế-kỷ trước ở ngay cái đất sôi nổi của hội-họa hiện-đại và quốc-tế là New York, một nhà minh-họa sách cừ khôi với khoảng 40 tác-phẩm mang tên ông, một nhà văn và tiểu-luận-gia với một sự-nghiệp khá đồ sộ mà mỗi tác-phẩm là một bước tiến rất rõ. Chưa kể ông còn là một dịch-giả có hạng từ tiếng Việt sang tiếng Anh (thơ thiền nhà Lý, truyện ngắn cận-hiện-đại, tiểu-luận Võ Phiến, thậm chí cả quyển *Văn học Miền Nam: Tổng quan* của Võ Phiến) cũng như là tác-giả một số sách trong tiếng Anh.

Và hãy đọc truyện “Trời Đất,” một trong những truyện mini, ngắn nhất của nhân-loại để biết tại sao ông đã chọn truyện này làm đầu đề tên sách.

Đồng Xuân, Bang Trinh Nữ
Ngày 6 tháng 3, 2008

NGUYỄN NGỌC BÍCH

HỘI KÍN

VÕ ĐÌNH

Tôi bắt đầu viết bài này với nhiều đắn đo. Không, đắn đo có nghĩa tính toán hơn thiệt. Ngần ngại. Đúng. Tôi khởi viết bài này với nhiều ngần ngại. Vì có nhiều độc giả sẽ không ưa. Có kẻ lại còn chửi rủa: Đồ phản trắc! Vạch áo cho người xem lưng! Ngần ngại là phải. Bởi tôi cũng thích được hoan hô, hưởng ứng!

Có nhiều nét văn hóa Mỹ tôi không thích. Nhưng tôi rất yêu cái thói quen nói thẳng, nói thật của người Mỹ. Người ta gọi đó là *whistleblower* – thổi còi tu-húyt.

Điều tôi muốn nói là làm văn nghệ chẳng khác gì tham dự vào một *hội kín*. Một *secret society*. Một hiện tượng tương tự như *Mason Society*.

Thử lấy vài câu thơ nhiều người biết :

*Nồn nà sương ngọc quanh thềm đậu
Nắng nhỏ bàng khuâng chiều lờ thì
Hư vô bóng khói trên đầu hạnh
Cành biếc run run chân ý nhi (1)*

Hay! Hay thế nào? Những câu thơ lắt léo, câu kỳ! Chử nghĩa điệu nghệ! Người cho là đẹp, kẻ cho là dở. Kẻ đứng ngoài, chịu!

Hay là mấy câu thơ của Thâm Tâm:

*Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng
Bóng chiều không thắm không vàng vọt*

Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong (2)

“Điệu thơ gấp. Lời thơ gắt. Câu thơ rắn rỏi ‘gân guốc’ ” (*Hòai Thanh/Hòai Chân, Thi nhân Việt Nam*). Hay chỗ nào?

Lại thử mấy câu thơ mộc mạc hơn:

*Tới ngã ba sông nước bốn bề
Nửa chiều, gà lạ gáy bên đê
Làng xa lặng lẽ sau tre trúc
Bến cũ thuyền em sắp ghé về (3)*

Lời thơ giản dị, nhưng cảm xúc chứa chan! Hay, đẹp, chỗ nào?

Lấy thí dụ: Cézanne, Monet, và Modigliani. Xem *Selt-Portrait* của Cézanne. Đẹp làm sao?

Monet hay thật: những *waterlilies* được nhiều người ngưỡng mộ. Nhưng thử hỏi: đẹp ở chỗ nào? Ổ đụn rơm (*The Haystack*) chẳng? Cái cầu đỏ như cầu Thê Húc đó, đẹp làm sao? Monet, từ ông cố ông sơ người văn nghệ sĩ, di truyền niềm xúc cảm riêng tư? Ngọn bút lùi xùi, khô khô đó, đẹp ở chỗ nào? Người ta thích vì bông súng? Cézanne, từng lớp, từng lớp, như vỏ củ hành, những mảng màu thô lậu, khép kín, chồng chất lên nhau. Thường thức Cézanne, không phải dễ! Núi *Ste. Victoire*, cha đẻ của hội họa hiện đại?

Tôi có thể dông dài về âm nhạc, từ Beethoven qua Mozart đến Hayden, từ Mendelssohn qua Debussy đến Litz, nhưng thôi,... Tôi cũng có thể dông dài về điêu khắc từ Michel Angelo qua Rodin đến Manzu, v.v... (4)

Trong bài *Les Phares*, sau khi nói một cách chung chung về thành tựu của Leonard de Vinci, Rembrandt, Delacroix, và Goya,

Baudelaire có viết về *dignité de l'homme* (thế giá của con người). Tôi nghĩ rằng *vanité* (khoe khoang hợm hĩnh) thì đúng hơn. Tôi là ai mà dám sửa thơ Baudelaire?(5)

Làm văn nghệ, con người mô tả cảm xúc của mình, nhưng thiếu gì người dùng văn học nghệ thuật để đề cao cái tôi, để tự thỏa mãn tự ái của mình!

Tôi có anh bạn tên Mặc. Hán ngữ Mặc là Mực. Anh là người thông minh, sành ăn, sành mặc, sành đời. Tuy có tên Mặc, anh không sử dụng *mực*, chẳng viết lách gì cả. Anh chỉ đọc báo. Báo xe hơi. Thứ nào, hiệu nào, mã lực bao nhiêu, v.v. ... Anh là người làm cho dân bán xe ngõ ngàng: anh là người chuyên môn. Tuy nhiên, về văn học nghệ thuật, anh mù tịt. Anh không biết Thôi Hiệu là ai, Tản Đà nghèo đói làm sao. Thử hỏi tại sao vậy?

Tôi kết bạn với anh Mặc. Anh là người chuyên môn, tôi cũng là người chuyên môn. Hai thứ chuyên môn khác nhau. Vậy thôi.

Nói tóm lại, làm văn học nghệ thuật là tham dự vào một hội kín, một *secret society*. Vào cửa, phải có sổ thông hành, có mật số. Biết bao người thờ ơ đứng ngoài nhìn, lại có nhiều người hăm hở muốn vào, nhưng không vào được.

Từ đâu, huyền thoại làm văn học nghệ thuật khiến cho con người cao thượng hơn, bớt ham danh lợi hơn, đạo đức hơn? Tôi là người suốt đời làm văn học nghệ thuật – vẽ và viết – tôi thấy văn nghệ sĩ cũng ham danh vọng, cũng

nhỏ nhen, ganh tị, tàn ác như người khác! Nhị Thập Bát Tú! Vì người làm thơ như tinh tú trên trời! Ôi văn học nghệ thuật!

Đến Tết năm tới, tôi được 75 tuổi! Ở tuổi này “*chuyện gì rồi cũng bỏ qua thôi!*” 6) Ai rửa, mặc! Cứ ...

VÕ ĐÌNH

Tháng VIII, 2007

(1) *Thơ* – Xuân Diệu.

(2) *Tổng Biệt Hành* – Thâm Tâm

(3) *Em Về Nhà* – Huy Cận

(4) *Manzu*: điêu khắc gia Ý, tác giả *The Gate of Hell* ở Vatican.

(5) Bản dịch nghĩa của Võ Đình:

Bởi vì, thật ra, Ô Thượng Đế

Dấu vết rõ nhất

của thế giá chúng con có thể đem lại Ngài

là tiếng nức nở than khóc

từ thời đại này qua thời đại khác

Rời đến chết lụi bên cạnh niềm vĩnh cửu
của Ngài!

Từ đoạn cuối bài *Les Phares* của
Baudelaire: Car c'est vraiment, Seigneur,
le meilleur témoignage

Que nous puissions donner de notre dignité

Que cet ardent sanglot qui roule d'âge en âge

Et vient de mourir au bord de votre
éternité!

6) *Thơ Võ Phiến*

CHƠI CÂU ĐỐI

NGUYỄN-PHÚ-LONG

Từ hai năm nay cứ gần đến Tết Nguyên Đán là bác sĩ Nguyễn Văn Bá (thi văn kịch sĩ Văn Bá) ở bên Pháp, lại gửi cho Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm một vé đối để các bạn trong ban chủ biên ai sành văn thơ thì đối lại cho mùa Xuân thêm rộn ràng phần khởi. Thoạt đầu, năm ngoái, năm Đinh Hợi, tòa báo nhận được vé ra của bác sĩ Bá như sau

"Thừa dịp bác Hợi giết lợn, chị Thi, người hàng xóm, sang mượn đầu heo nấu cháo." Nguyễn-Văn-Bá.

Bà chủ-bút Nguyễn-Thị-Ngọc-Dung bộn bề trăm chuyện từ A tới Z vậy mà cũng hăng hái nhào vô vừa tìm chữ để đối vừa chuyển cho mọi người trong đó hân hạnh có kẻ viết này, cùng tham dự hào hứng.

Khách quan mà nói, cái màn văn chương câu đối là rất xa xưa trong thời buổi bây giờ. Bây giờ thơ Đường luật xướng họa, một số vị thi sĩ còn chẳng để ý chứ đừng nói tới câu đối. Nhưng bọn chúng tôi, nay nhận được câu đối thì thấy, học hỏi, biết thêm cũng là điều hay hay, lạ lạ, để rồi ai nấy mở sách, suy nghĩ, điện thoại, thảo luận, hỏi han, lung tung, kẻ nhanh kẻ chậm, cuối cùng, một số anh chị em cũng tham dự tích cực, kết quả rất hồ hởi, đã phổ biến trên báo Cỏ-Thơm số 38 – Mùa Xuân 2007 với mấy vé đối, chắc chắn là không hay lắm, hơn thế nữa, có một hai câu cũng chẳng chỉnh lắm, nhưng quan trọng là đã bày tỏ được sự hưởng ứng cho không khí ngày tết thêm xôm tụ, tưng bừng:

1.- *"Nhân khi bà Hầu khỏa thân, ông Viên, kẻ láng giềng, tới bày trò khi mua vui."* Nguyễn-Phú-Long.

2.- *"Đợi khuya cô Miêu gọi mèo, anh*

Mão, dân phố thị, đến hòa tiếng măn kêu đêm." Nguyễn-Thị-Ngọc-Dung.

3.- *"Đợi khi chị Hằng ngắm trăng, anh Thiềm, bạn nghệ sĩ, ra chờ bóng nguyệt làm thơ."* Phan- Khâm.

4.- *"Thất cơ ông Dần sa hầm, tên Hùm, đưa thất phu, tới dương mắt cọp ra oai."* Trần-Quốc-Bảo.

Thời gian thắm thoai thoi đưa, tưởng vậy là xong rồi, trước thềm năm Mậu Tý, năm con chuột, Bác Sĩ Bá không quên, lại mới gửi cho anh em câu đối mới, nội dung về cu Tý, ngắn thôi, hấp dẫn, rất thời sự và cũng rất..." hóc búa" như sau:

"Chuột lắt tít hon, thử gặm phen rão" Nguyễn-Văn-Bá.

Đã có chút kinh nghiệm từ năm cũ, chuyện này không ồn ào xôn xao mấy, mọi người âm thầm sáng tác, viết viết, xóa xóa, rồi lần lượt gõ kết quả cho chủ bút để lại kịp đăng tải giao duyên trên số báo 42 - Mùa Xuân 2008.

1.- *"Khỉ già thân thiện, hầu mong kiếp lành.."* Lý Hiểu.

2.- *"Đé sớm mùi mẫn, dương khoe cẳng dài."* Nguyễn-Phú-Long.

3.- *"Cọp cái dân dả, hổ thẹn ân sâu."* Người Đà-Lạt.

"Ngựa quý ngọc môn, mã đáo thành công." Người Đà-Lạt.

4.- *"Chồn hoang hồ hởi, cáo lui tuổi già."* Nguyễn-Thị-Ngọc-Dung.

"Ngựa khôn mã thượng, ngọc nguậy đuôi dài." Nguyễn-Thị Ngọc-Dung...

Phẩm chất mấy vé đối năm nay cũng làng nhàng như năm trước thôi. Liệu bác sĩ Nguyễn-Văn-Bá còn ưu ái nhớ đến anh em trong những mùa Xuân tới không nhỉ? Hy vọng chẳng quên đâu! Chủ chốt là đề tài, đề tài thì còn rất nhiều, Trong số mười hai con giáp, mới sai hết Đinh Hợi, Mậu Tý! Vậy còn Kỷ Sửu, Canh Dần, Tân Mão, Nhâm Thìn, Quý Ty, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Bính Thân, Đinh Dậu, Mậu Tuất... chẳng

biết bỉ nhân, nay với tuổi tác quá thất thập, da xương như.. “phên rảo”, còn bao nhiêu cơ hội để phụng đối qua lại hằng năm!

Người ta có câu “tháng Giêng là tháng ăn chơi...” nhưng phên rảo thì ăn chơi nổi gì? Mặt khác thấy câu đối cũng là một thể loại văn chương giao du thích thú. Cũ mà mới bởi từ trước đến nay chả có bao nhiêu người tham dự, mới mà cũ vì tiền nhân đã sử dụng từ lâu, nên thôi thì cũng như ăn chơi tháng Giêng, cặm cụi giết thì giờ, mạo muội, tần mần tần mần nhắc lại đôi điều trong sách vở của người xưa, để một số ít, ai rảnh, xin mời đọc, cũng là đọc với mục đích giết thì giờ nhàn rỗi.

“Đôi điều” ở đây chắc chắn vẫn còn nhiều thiếu sót nếu không muốn nói là sai sót, nên ước mong quý vị thức giả, trường thượng rành rẽ mục này bổ túc thêm cho đầy đủ thành thật cảm ơn.

Trước hết xin nhớ cho, khi nào đôi câu đối do một người làm ra thì một vế gọi là vế trên, một vế gọi là vế dưới. Nếu một người nghĩ ra một vế để người khác làm vế kia thì vế người nghĩ ra trước gọi là vế ra mà vế người làm ra sau gọi là vế đối. Đôi câu đối một người làm ra thì chữ cuối vế trên phải là tiếng trắc, chữ cuối vế dưới phải là tiếng bằng. Khi treo lên thì phải treo vế trên bên tay phải, vế dưới bên tay trái. (Bên phải, bên trái của người đứng ở ngoài trông vào trong nhà.)

Tại sao lại phải thế! Như với hai vế, treo vế nào bên nào chẳng được. Rõ rắc rối! Bấm, mấy cái phải thế nọ phải thế kia là những điều chép ra từ sách “Văn- Học Việt Nam” của cụ Dương-Quảng-Hàm. Bây giờ, theo ngu ý, phải cũng được mà không cũng được, có sao đâu. Giống như làm thơ các cụ ta xưa bảo phải giữ niêm, luật, vần, đối..nhưng nay ta chẳng...”ke”, cứ sáng tác khơi khơi cũng đâu có chết thằng tây nào!

Ngoại trừ số ít câu đối gửi qua lại, một đặc tính của câu đối hai người làm, là

“ngay lập tức”, người ra câu đối và người đối lại, trường hợp này, thường đối diện nhau, không có thời gian thủng thảng suy nghĩ...cái lý thú, cái đáng khâm phục một phần là như vậy.

Câu đối thường ngắn và không giới hạn, nghĩa là muốn làm dài ngắn bao nhiêu cũng được, miễn là số chữ hai vế bằng nhau. Trong đặc san Xuân Hy Vọng Mậu Tý 2008 của người Việt vùng Richmond, VA văn sĩ Lê Thương kể trường hợp có ông quan đi ngang thấy Công-Duệ đang làm con voi đất, chơi với sáu bầy đũa bạn, muốn thử tài chú bé, mới kêu tới nói:

- Mày đã đi học rồi, vậy tao ra một câu đối, nếu đối được tao thưởng tiền nhé!

Công-Duệ gật đầu, hỏi:

- Thế ông là ai, làm gì, xin cho biết đã!

- Ta là Quan Lang Trung, mỗi tháng lãnh hai ngàn thạch lúa được không!

Quan Lang-Trung trả lời xong bèn ra câu đối:

“Đồng tử lục thất nhân, vô như nhĩ sáo.” (Trẻ nit sáu bảy đũa, không ai hơn mày khéo)

Công-Duệ đối lại:

“Lang Trung nhị thiên thạch, mạc nhược công...” (Quan Lang hai ngàn thạch, không ai bằng ông...)

Quan Lang Trung ngẫm nghĩ một giây rồi nói:

- Mày đối như vậy không được, vế ra có 9 chữ, của mày có 8, thiếu một chữ!

- Bấm quan, tôi có sẵn hai chữ, nếu ông cho tiền thì tôi dùng chữ “Liêm” còn nếu không cho thì tôi sài chữ “Tham” chữ đâu phải vế đối của tôi thiếu một chữ.

Quan chịu là giỏi. Về sau Vũ Công Duệ đỗ trạng nguyên năm 20 tuổi, làm quan đến chức Đô Ngự Sử cuối đời Lê.

Như ta thấy, một cặp câu đối do hai người làm thường lý thú hơn một người và đôi khi nó trở thành giai thoại nhớ mãi về sau. Người làm vế ra thường đỡ phải suy

ngữ hơn kẻ đối lại, nhưng về đối lại nhiều phần hưởng được nhiều khen ngợi “tắm tặc” hơn. Có trường hợp về ra khó quá chẳng ai đối lại được, thí dụ khi xưa, bà Đoàn - Thị- Điểm, đang tắm, tiếng nước mát xối ào ào, tiếng chiếc gáo dừa vọc vào chum sành ộp ộp, thì nghe đập cửa bathroom rầm rầm.

- Ai đó?

- Trạng Quỳnh đây! Mở cửa, mở cửa!

- “Da trắng vỗ bì bạch” đối đi rồi cửa sẽ mở.

Ông Trạng cứng họng, chịu thua! Đi chỗ khác chơi. Trạng Quỳnh lúc đó đang là học trò của thân phụ bà Điểm, đành ôm hận để mất sự hứa hẹn, ngàn năm một thủa, thơm như núi mít.

Câu đối này có nhiều người đời sau cố gắng đối thử, như “Trời xanh màu thiên thanh.” Thì cũng tạm thôi chứ chả được chỉnh vì chữ màu và chữ vỗ không đối, cũng không theo ý của người ra câu đối. (Theo sách Chinh Phụ Ngâm Khảo Đính của cụ Đào-Nguyên Nguyễn Văn Nguyễn.).

Về ra khó đến nỗi chẳng ai đối được cũng không phải là điều hãnh diện cho người ra câu đối, và giả thử nay bà Đoàn-thị-Điểm còn sống chưa chắc bà đã đối được câu đối của chính mình. Thế nên trong cuộc giao du xướng họa thơ Đường luật, một số tác giả bài xướng thường tránh những vần quá khó gọi là tử vận, làm bí người họa vận, gây khó khăn cản trở tình giao hảo văn chương.

Những giai thoại văn chương về câu đối giữa hai người kể sao cho hết, mùa Xuân ngày rộng tháng dài, xin phép nhắc lại một trường hợp có tính cách quốc tế nhiều người đã biết rồi, nhưng vô cùng lý thú.

Xưa, vào đời vua Trần Anh Tông (1293 -1314) Trạng nguyên Mạc-Đĩnh-Chi được cử đi sứ sang Tàu. ”Sau bao ngày hành trình đoàn sứ Đại Việt đã đến ải Pha-Lũy (Nay là Hữu Nghị Quan). Rủi thay gặp ngày mưa to gió lớn nên đoàn sứ đến cửa

ải sai hẹn với viên quan coi ải nhà Nguyên, cửa ải đã bị đóng kín. Mạc Đĩnh Chi nói mãi, người Nguyên vẫn không chịu cho qua. Sau họ vớt từ trên ải xuống một vế câu đối, bảo hãy đối được mới chịu mở...” (Trích Mạc-Đĩnh-Chi, Quỳnh Cư viết trong bộ sách Danh Nhân Đất Việt (tập 2) nxb. Thanh Niên ở Hà-Nội 1989)

Câu đối “vớt từ trên ải” như sau:

“*Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan.*”

Vị đại thần Việt Nam bèn ứng khẩu đối rằng:

“*Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối.*”

Rồi bảo quân sĩ viết ra để “vớt trả lên ải”. Về đối tài tình, thật chỉnh. Chỉ như một lời phân trần bày tỏ, nhã nhặn mà lại làm thành vế đối. Bọn Tàu trên ải nhận được, châu đầu, chúm mũi, nhao nhao:

- Lẽ coi! Bè lũ bồi thần Giao-Chỉ nó lỏi làm sao?

- Ấy à! Nó mậu lỏi. Nó nói cái câu lỏi lày để dzồi, nhưng lỏi lại thì nó thấy khó quá mò tổ mụ nội! Cái nị lỏi trước li mà!”

- Ngộ biểu nó lỏi, nó không lỏi, nó lại biểu ngộ lỏi! Ngộ piết lỏi nằm thao!

- Lâu có lược, ngộ lỏi dzồi mà, nó phải lỏi thì ngộ mới cho nó li qua chớ!

- Quân sĩ đâu! Đóng cổng cài then, chèn thật kỹ! Lấy rượu đào ngộ uống chút chút cho ấm cái bụng phê hờ rồn, nhìn tụi bay tả hữu lông thật là lông, ngộ lâu có sợ nó uỳnh chít cha ngộ chớ!

- Lúng dzồi! Lúng dzồi! Mà coi kỹ đi Xi Thầu, nó viết thế tức là nó lỏi dzồi mà!

- Nó lỏi dzồi à! Cái thằng khỉ Ố-Nằm giỏi quá xá quà xa!

Kết quả sau đó cổng mở, cả đoàn bước sang ranh giới thơ thới thông thả, không phải làm thủ tục trình hộ chiếu nhập cảnh (Chinese Visa) như hiện thời...

Tóm tắt thêm đôi điều quan trọng, cũng theo sách “Văn-Học Việt-Nam” của Dương-Quảng-Hàm do Trung Tâm Học

Liệu Bộ Giáo Dục xuất bản thì câu đối là những câu văn đi đôi với nhau thế nào cho ý, chữ và luật bằng trắc cân xứng nhau.

1.- Đối ý: Là tìm hai ý tưởng gì cân nhau mà đặt thành hai câu sóng nhau.

2.- Đối chữ: Thì hai chữ phải cùng một loại mới đối nhau được. Danh từ với danh từ, động từ với động từ, chữ nho đối với chữ nho v...v...

3.- Về bằng trắc thì bằng đối với trắc, trắc đối với bằng. Nếu không đối được thế, thì ít nào cũng phải cho luật tiếng cuối về trên trái với luật tiếng cuối về dưới. Những câu đối thơ phải theo đúng luật bằng trắc của hai câu thực hoặc hai câu luận trong lối thơ ngũ ngôn hoặc thơ thất ngôn.

Dù là ở nước ta, thuở trước câu đối thường viết bằng chữ Tàu và chữ Nôm màu kim nhũ trên hai tấm gỗ sơn đen, sơn đỏ, trên hai mảnh vải, hoặc giấy dài, bài trí cân đối hai bên ban thờ tổ quốc, tổ tiên, hai bên cổng nhà, đình chùa, văn miếu v...v... từ ngày chữ quốc ngữ phổ biến rộng mới thấy thay thế bằng tiếng Việt và đôi khi chữ Việt cũng viết theo lối thư họa như tiếng Tàu cho đẹp mắt.

Câu đối một người sáng tác để thờ, phúng, Tết...thường phổ biến bằng cách “Dán ngay lên cột” như thi sĩ Trần Tế-Xương đã làm:

*“Viết vào giấy dán ngay lên cột,
Hỏi mẹ mà rằng dốt hay hay?
Rằng hay thì thật là hay!”*

Tú Xương.

Câu đối chúc mừng, câu đối từ hai người làm trở lên thì cần gửi qua lại thông báo cho nhau. Thuở trước không có E-Mail, không có bưu điện. Gửi qua lại cho nhau không dễ, nhưng đôi khi lại tạo nên hình ảnh, cử chỉ thật đẹp, nên thơ, thí dụ: Có ông “đồ nọ” nhân ngày Tết làm đôi câu đối tặng ông “đồ kia” ở làng bên bèn buộc phong thư có câu đối vào một cành đào rồi sai chú học trò ôm, chạy viết đã đem qua... Đặc biệt

người ta còn nghĩ ra câu đối oái oăm, cầu kỳ để tự đối hoặc ra cho bạn bè đối chơi cho vui. “Phép đối là một đặc tính của văn Tàu và văn Ta, nó có công dụng rất lớn nơi sự viết văn, không những trong vận văn, biên văn mà cả văn xuôi cũng vậy.”

Lai rai cảm cú viết, bỗng đưa con xẹt đến nói:

- Con chạy ra chợ, bố cần gì không?

- Ờ ờ con mua cho bố cái bánh chưng. Tao đang...”Chơi Câu Đối”, làm biếng nấu cơm hôm nay.

Hôm nay đã là sau Tết Nguyên Đán gần hai con trăng, chẳng nghe tiếng nhạc lời ca bài “Ly Rượu Mừng” nữa, bài “Xuân này Con Chưa Về” cũng im hơi lặng tiếng chờ Xuân sau. (Xuân này là hơn ba mươi Xuân con chưa về rồi Mẹ ơi!)

Hôm nay cũng chẳng còn “Câu đối đỏ”, song “bánh chưng xanh” thì nơi khu thương mại Eden vùng Hoa-Thịnh-Đồn, vẫn thấy bày bán đều đều, quanh năm, bình thường.

Cũng bình thường, thỉnh thoảng lại nhận được thiệp hồng của bạn bè thế hệ thứ nhất (thế hệ lót đường.) báo tin con cháu, thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba lấy vợ, lấy chồng. Mừng rỡ mở thiệp ra coi, cũng bình thường thôi, thỉnh thoảng thấy trường hợp cô dâu là Việt chú rể là Mỹ hoặc tân lang thì người mình còn giai nhân lại dân bản xứ, bèn nhớ đến đôi câu đối “mừng đám cưới” trong sách “Giai-Thoại Câu Đối” của Quỳnh-Liên-Tử Bảo-Vân tức cụ giáo Bùi-Văn-Bảo, thân sinh nhà văn Bùi-Bảo-Trúc bây giờ.

“Tơ hồng vương vấn, cho nên em về làm dâu ông Hoa-Thịnh-Đồn.

Nguyệt lão xe duyên, thành ra anh đi ở rể bà Trưng-Nữ-Vương.”

NGUYỄN-PHÚ-LONG (Virginia)

CÂU ĐỐI TẾT NĂM MẬU TÝ

VỀ RA:

Chuột lác tí hơn thử gặm phên rào.

Dr. NGUYỄN VĂN BÁ (Paris)



VỀ ĐỐI:

Chồn hoang hồ hởi cáo lui tuổi già

Gà tơ đậu mái kê khai trứng vàng

Mèo non mẫn yếu miêu mô cảnh nghèo.

Ngựa hoang mã thượng ngựa ngoay mưu cao

Núi xanh non biếc Sơn phết đỉnh cao

Sông dài hà khắc giang dâng sóng ngầm

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

(Virginia)



SỐ 42

Khỉ già thân thiện hầu mong kiếp lành

LÝ HIẾU

(Virginia)



Đê sòm mùi mẫn dương khoe cẳng dài

NGUYỄN

PHÚ LONG

(Virginia)



Cọp dữ dãn dà hổ thẹn ân sâu

Mèo xanh mảo đỏ miêu họa tranh vui

Rắn đầu ty nạnh xà vào đất lành

Ngựa quý ngựa môn mã đáo công thành

Đê cụ mùi mẫn dương oai tình cuông

Khỉ ranh thân mền hầu hạ chủ yêu

Gà què đậu thưa kê khai chửi cùn

Chó già tuất tận khuyến giữ lòng trung

NGƯỜI ĐALAT

(Virginia)



85

Thân phận

Thơ : Hoàng Trùng-Dương

Nhạc : Trịnh Hưng

Chậm

Tuổi đời chưa xế bóng Sao bạc trắng mái
đầu Mảnh đời treo ngọn sóng, Bao tháng trăm biển đầu
Đi hoang mười lăm tuổi Nổi trôi kiếp sông hồ, Gió vẫn không ngừng
thổi, Cơn lốc đời lao đao, ! Ba mươi năm lưu
 lạc Lặn dạn nghiệp cơ đồ, Sóng đời như cánh vạc, Giữa đêm mờ trăng
sao ! Giang hồ chưa mỏi cánh, Vượt vạn dặm trùng
khai, Tìm đất lành chim đậu, Xây tổ ấm cuối đời ...

NHỊP TIM VỚI NGUỒN THƠ

Mỗi tuần muốn nhận một lần phone
Của bạn cho vui ngày tháng buồn
Tôi vốn lâu nay đang ấn dặt
Hội hè, bằng hữu cũng xa luôn

Soi gương phiến muộn thành tiêu tụy
Chưa bầy mà như đã tám mươi
Nghe nhịp tim lo mình sắp quy
Cố vùng lên vì lỡ yêu đời

Tối qua hít thở dịch cân kinh
Tim đập không tăng cú bập bình
Đo máy, loanh quanh năm mấy số
Rõ là từng phút sống điều linh

Lượng thơ lưu thủy, tưởng mưa sa
Càng viết càng mê thật quá đà
Tim chẳng đập như thơ tăng tốc
Cho hồn phơi phới với văn hoa

Nếu mai hay mất tim ngừng chơi
Bạn hỡi thương tôi ngỏ mấy lời
Cùng các bạn thơ nơi bốn bể
Rằng nguồn thơ Mỹ chẳng hề vơi.

CAO MỸ NHÂN

California

CHẤT SÁM

Đồng cảm hay dị cảm
Người cũng phải chịu người
Vẫn lòng danh chất sám
Ơi người Việt Nam ơi!

Cứ tưởng mình hạt cát
Trên bãi biển mông mênh
Cứ tưởng mình con sứa
Nằm uơn tận cuối ghềnh

Có lẽ nên biết ơn
Lũ người hung bạo ấy
Nếu họ không lên con
Mình chỉ là lau sậy!

Lớp con cháu mai sau
Vẫn đeo gông địa chủ
Ba đời không góc đầu
Ba đời luôn lãnh đủ!

Thì có đâu chất Sám
Thi đua trên xứ người
- Hỡi nên ơn hay oán
Hỡi người Việt ta ơi?

VÂN NƯƠNG L.N.C.

(France)

HOÀI XUÂN

Ta về thăm lại cội đào xưa
Chưa thấy chồi xanh buổi chuyển mùa
Ong luyến hương xa quên tổ mật
Bướm mê hoa lạ đắm rừng mưa
Cố nhân lỗi hẹn qua đò sớm
Viễn xứ lạc loài dạo phố trưa
Nghe khúc hoài xuân như ái ngại
Nam ai tình tự giọng buồn đưa

LÝ HIẾU

Xuân Mậu Tý — 2008

CHỜ XUÂN

Bao cảnh ra đi bấy cảnh chờ
Mong ngày trở lại ấy niềm mơ
Nhớ nhung gió sớm vờn hoa lá
Vương vấn mưa khuya rải bến bờ
Chốn ấy đồng về chùng ẩm đạm
Nơi này Xuân đến bớt bơ vơ
Trời Nam thi hữu hằng trong mộng
Hội ngộ vui vầy mãi mãi thơ.

KIỀU ANH

(Minnesota)

XUÂN

Xuân à! Những tưởng Xuân đi.
Nào hay Xuân lại tức thì đến ngay.
Đời say, Xuân cũng say say.
Hoa vàng, bướm trắng, ngắt ngày một trời.
Xuân à! Những tưởng Xuân tươi.
Ngò đâu Xuân cũng biết cười gió đông
Bên kia Xuân đẹp, Xuân nồng.
Bên này Xuân quá lạnh lùng, hỡi Xuân!

ĐẶNG NGUYỄN

(Virginia 2008)

XUÂN VIỄN XỨ

Ta nằm nghe hát tình ca
Chợt nghe Xuân đến thịt da gọi về
Nắng hồng thấp đỏ sơn khê
Gió lên cơn lốc tứ bề đảo điên!
Đất buồn úp mặt ưu phiền
Cho đời dẫm nát từng miền thịt da!
Xuân về vàng võ sơn hà
Điều linh vang vọng tiếng ca gọi hồn!

YÊN VI

(Minnesota)

NHỚ ANH VƯƠNG ĐỨC LỆ

Kỷ Niệm 49 ngày Anh vĩnh biệt bạn bè.

Anh Lệ ơi! Nhớ hôm nào đến thăm
Anh còn cười cười, nói nói
Vây mà bây giờ
Anh đã ở trên bàn thờ
Giữa khói hương bay.
Mọi người đông đủ hôm nay
Cầu xiêu đúng 49 ngày anh đi.
Từ ngày đôi ngả biệt ly
Nhớ sao nhớ quá “Thầm Thì Nhỏ To”¹
Nhớ lời anh dặn phải lo
Sao cho tờ báo sống no sống bền
Tụi em sẽ cố gắng thêm
Để hồn anh được vui trên nước trời

HỒNG THỦY

Maryland, 03/08/08

¹ Anh Vương Đức Lệ giữ mục “Chuyện Nhỏ Chuyện To” của báo Kỷ Nguyên Mới.

RẤT THU

Anh ơi, có phải em đang là mùa Thu
Không ! em đã rất Đông
Nhưng, em không cảm thấy như thế
Anh nhìn kia bầu trời của mùa Thu
Trông rất giống em
Có những khoảng rất xanh
Như lòng em rất xanh
Có những khoảng hực hờ
Như con người em hực hờ
Màu vàng trong vắt
Màu đỏ trong vắt
Màu cam trong vắt
Màu nâu bóng loáng
Màu tím bóng loáng
Từng ấy màu trộn lẫn với nắng
Khiến Thu càng rực rỡ
Nếu có là họa chăng
Mây muôn đời vẫn trắng
Như tóc em đã trắng
Hay anh lại đúng
Em đã là mùa Đông!

HOÀNG DUNG

Virginia 11/17/07

BÀI CA THẦN THÁNH BIỂN ĐÔNG

*Thương Tặng Thuyền Nhân
Việt Nam Thế Kỷ 20.*

Cứu tôi thuyền đắm biển hoang,
Tránh qua cơn bão kinh hoàng nơi đây!
Cầu xin Mẹ-Đất cao đầy
Cho tôi ra thoát vũng lầy đại dương.

Hồn tôi giáp mặt thủy vương,
Bơ vơ chờ chết trên đường nổi trôi.
Chạm chìm nước mắt ứa môi,
Ai ơi mở mắt cho tôi về đời!

Nhịp theo nhạc biển chơi vui,
Thiết tha phó thác vào nơi Tiên Rồng.
Tôi mơ gặp Thánh Biển-Đông
Thủy vương xa mã núi sông hiện về

Vung cây thiên trượng tú bề
Dẹp yên sóng quái ngón nghề trở ra.
Anh linh tuyệt kỹ tài ba
Dẫn tôi khỏi bãi tha ma tiêu điều.

Ngài như Thiên Sú hùng kiêu
Đình ba nắm chắc, ra chiêu vững vàng,
Mắt hùng bốc lửa nghênh ngang,
Kéo tôi đưa xuống Địa Đàng xác xơ.

Mặt tôi cát muối lấm dơ,
Linh hồn bưng tỉnh bên bờ biển xanh.
Tâm tư nhớ chuyến thủy hành,
Hai tay ôm Đất-Mẹ lành thương yêu.

Giờ đây lặng ngắm thủy triều,
Tôi thề mãi kiếp tránh liều biển sông.
Nếu còn vương nghiệp phiêu bồng,
Tôi xin chọn đặt "Biển-Đông" tên
thuyền,...

Đồng tác giả **BÌNH HUYỀN**
(Paris, Mậu-Tý 2008)

XUÂN LẠNH

(Tặng vợ hiền)

Mùa xuân này em về quê thăm mẹ
Bên kia bờ nắng ấm Thái Bình Dương
Để một mình anh phòng không quạnh quẽ
Đêm nằm ôm gối chiếc suốt canh trường
Nhà vắng em anh đi về lặng lẽ
Bữa cơm chiều bếp lạnh tựa mùa đông
Vắng tiếng cười và những lời thỏ thẻ
Một tháng dài hơn thế kỷ chờ trông
Một tháng thôi, đừng ở lâu em nhé
Anh nơi đây vẫn nhắm đếm từng ngày
Tuyết đã tan, chim mùa xuân đương hót
Đón em về với tình khúc mê say.

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

(Virginia)

TRÊN MÔI ANH THIỆU MỘT VỆT SON MÔI

Em hãy đến giảng đường sánh bước
bên nhau,
vòng tay em khép nhưng trái tim
không đóng.
Cho anh nôi một bàn tay nuông chiều,
để giữ một thửa nét thanh xuân lồ lộ,
để giao hòa hơi thở bên nhau.

Em hãy đến giảng đường tay bắt có nhau
bên vườn hoa đại học, những con chim
đang hát.
Trong lòng anh, nỗi nhớ vẫn nằm im
anh muốn có em như đêm muốn bình minh
và đôi mắt em rực rỡ như mặt trời buổi sáng.

Em hãy đến giảng đường để chúng
mình nhìn thấy nhau,
để những loài hoa khuôn viên ngàn đóa
không tàn.
chưa phấn son, má môi em vẫn đỏ,
mắt chưa cười mà giao động bước thời gian.

Em hãy đến giảng đường,
những bức họa trên tường
chỉ gọi nhớ nhau thôi...
và trên môi anh thiếu một vệt son môi.

VIỆT BẰNG

NẮNG VÀ NGƯỜI ẤY

Sáng nay nắng bỏ đi đâu
Để tôi ngơ ngác âu sầu nơi đây

Tôi buồn biết nắng có hay
Mân mê cây bút lựa hoài câu thơ

Viết gì cũng thấy vắn vơ
Nhớ sao những buổi hẹn hò năm xưa

Nhớ về giọt nắng lưa thưa
Mắt tôi có giọt lệ vừa tuôn rơi

Nắng đi đâu hồi nắng ơi
Người tôi yêu cũng cuối trời, ngút xa

Vô tình như nắng đi qua
Vấy lòng tôi chút xót xa giận hờn

Ngõ đời sao bỗng trống trơn
Nắng và người ấy, để buồn tôi giảng.

SƯƠNG MAI



LẠI MỘT THÁNG TƯ ĐEN

Hăm chín năm dài một tháng Tư
Lòng ta vời vợi bóng quê xưa
Hồn ta vẫn một hồn ly khách
Biển Thái trông sông núi mịt mờ...

Cuộc chiến đã đi qua
Lòng ta rên hậu chấn
Hỡi ơi! Trời biển rộng
Thăm thẳm núi sông ta

Lại một tháng Tư đen
Theo ta miền đất lạ
Rừng bao mùa thay lá
Sầu hóa đá trong tim.

Lại một tháng Tư đen
Hồn ta còn đau tấy
Phương trời xa khuất ấy
Đêm dài sầu mắt em...

Lại một tháng Tư đen
Ta ôm sầu viễn xứ
Bước chân mòn lữ thứ
Nỗi nhớ thuở nào quên?

Lại một tháng Tư đen
Mắt trông vời đất mẹ
Hơn phần tư thế kỷ
Quê cũ bóng xưa chìm



Lại một tháng Tư đen
Hỏi ai còn, ai mất?
Ta nghe lòng quặn thắt
Ngàn trùng dương nhớ thêm.

Lại một tháng Tư đen
Trải bao mùa Đông tuyết
Đã phai màu mắt biếc
Đôi bờ xa cách Em .

Lại một tháng Tư đen
Đường chiều thân lưu lạc
Tóc xanh giờ điểm bạc
Xa khuất bóng Em chìm .

Lại một tháng Tư đen
Quê người ta tạm trú
Bao giờ về cố thổ
Như máu chảy về tim?

Cuộc chiến đã qua lâu
Lòng ta còn hậu chấn
Hỡi ơi! Trời biển rộng
Dằng dặc một cơn sầu .

HOÀNG SONG LIÊM
(Virginia)

NHỮNG BÀI THƠ VIẾT TỪ TẦNG ĐẦU ĐỊA NGỤC

*Thư sinh báo quốc vô thường vật,
Duy hữu thư trung bút như đao!*
(Cổ thi)

BÉ GÁI SƠN LA

“Từ thành phố này người đã ra đi...” (1)
và người đã trở về:

Ở một góc công viên tối tăm,
của thành phố Hồ chí Minh “quang
vinh và vĩ đại”,
quần tụ những con người nghiện ngập,
những bộ xương khô,
đun những lon guigoz:
rẻ lau bàn đèn,
sái thuốc phiện,
đề uống,
đề chích vào những cánh tay,
những cẳng chân bầm tím,
không còn chút thịt.
Nước sái thuốc phiện thay cho cơm!

Ở một góc công viên tối tăm,
của thành phố Hồ chí Minh rực rỡ tên
vàng,
có những tên ma cô,
đứng bắt mối,
cho những cô gái ăn sương,
những người đàn bà bán tròn, nuôi miệng,
đang cùng khách làng chơi hành lạc:
đứng tựa gốc cây,
ngồi trên ghế đá,

nằm ngoài bãi cỏ,
trên những tấm nylon rách nát bản thủ.

Trên chiếc ghế đá,
ở một góc công viên tối tăm,
của thành phố Hồ chí Minh quang vinh
và vĩ đại,
thành phố Hồ chí Minh rực rỡ tên vàng,
nơi quần tụ những kẻ vô gia cư,
những kẻ vô nghề nghiệp,
những hạng cùng đinh,

những con người tuyệt đối vô sản,
không có gì,
không còn gì,
ngoài những tấm thân rách nát, trần trụi.

Trên chiếc ghế đá ấy,
có một bé gái thân hình tiều tụy,
vì đói ăn,
vì thiếu mặc,
vì bệnh tật,
năm co ro.

Trăm lạy các ông,
ngàn lạy các bà,
nhà con ở Sơn La,
nơi rừng, núi bạt ngàn,
đất cày lên sỏi đá.

Các ông các bà đã từng nghe câu hát:
“Sơn La âm u,
núi khuất trong sương mù”. (2)
đất Sơn La nổi tiếng bởi nhà tù:

Nhà tù Sơn La.
Ông con thường kể lại:
quê nhà con ở nơi ngàn năm văn vật:
đất Thăng Long.

Ông sơ con là quân của Hoàng Diệu
chống Pháp,
giữ thành Hà Nội,
chết ở Thăng Long!

Ông tổ con làm cách mạng chống Pháp,
chết trong nhà tù Sơn La!

Ông cố con là đảng viên Việt Nam
Quốc Dân Đảng
chết trong nhà tù Sơn La.

Ba ông bác con là chiến binh của Trung
Đoàn Thủ Đô.

Trung Đoàn Thủ Đô,
nơi qui tụ những thành phần trí thức
tiểu tư sản (3)
những đứa con ưu tú của Thủ Đô,
đất Thăng Long lòng lẫy.

Ngày Hà Nội khói lửa,
cả Trung Đoàn Thủ Đô tan tác,
ba ông bác của con,
hai người chết mất xác.

Còn một người sống sót theo Trung
Đoàn Tây Tiến,
tàn quân của Trung Đoàn Thủ Đô thành
đoàn quân
Tây Tiến,
chiến đấu ở Thượng Lào.

Đoàn Quân Tây Tiến:
“Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh,
Áo bào thay chiếu, anh về đất.
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”.(4)

Cả ba ông bác con
đều chết mất xác!

Khi các anh bộ đội cụ Hồ,
về tiếp quản Thủ Đô,
đuổi gia đình ông con,
đi xây dựng vùng kinh tế mới,
ở Sơn La.

Sơn La,
nơi rừng, núi bạt ngàn,
đất cày lên sỏi đá!

Còn những người ở Hà Nội bây giờ,
là dân tứ xứ,
đã theo chân chủ tịch Hồ chí Minh
quang
vinh và vĩ đại,
vào chiếm ngụ Thủ Đô đó ạ!

Con sinh ở Sơn La,
năm nay con lên chín tuổi.

Sơn La!
Nơi rừng, núi bạt ngàn,
đất cày lên sỏi, đá.
liên tiếp mấy năm nay mùa màng mất cả,
không có gì để ăn,
không còn gì để ăn.

Bố mẹ con không nỡ nhìn thấy chị em
con chết đói,
nên một buổi sáng mờ sương,
đánh lòng cho chúng con theo người ta,
vào Miền Nam,
xin ăn.

Thưa các ông, các bà,
con là người Sơn La
năm nay con lên chín tuổi
đã ba năm lê, lết, xin ăn
ở hàng quán,

ở bến xe,
ở chợ,
của thành phố Hồ chí Minh quang vinh
và vĩ đại,
thành phố Hồ chí Minh rực rỡ tên vàng!
Một buổi tối năm ngoái,
năm con lên tám tuổi,
các đồng chí công an:
khi đi tuần tra,
đã bắt con về đồn
bịt mồm con lại,
không cho con la,
tọt quân con ra,
năm đè lên con,
làm con đau quá!

Ồi! Các ông, các bà ơi!
Các đồng chí công an,
năm đè lên con,
làm con đau quá!

Ồi! Các ông, các bà ơi!
Các đồng chí công an,
làm con đau quá! ...

Bé gái Sơn La
lên chín tuổi,
hai năm sau,
chết vì bệnh sởi!

Từ thành phố này người đã ra đi, (1)
và người đã trở về...

Trên chiếc ghé đá,
ở một góc công viên tối tăm,
của thành phố Hồ chí Minh vinh quang
và vĩ đại,
thành phố Hồ chí Minh rực rỡ tên vàng,
có một xác chết vô thừa nhận,
là bé gái Sơn La,
mười một tuổi,
chết vì bệnh sởi!

Bé gái Sơn La,
mười một tuổi,
sợ chết đói ở miền Bắc,
vào miền Nam ăn mày,
chết vì bệnh sởi!

Chết vì bệnh sởi!

Sài Gòn mùa đông 88.

TẠ QUANG TRUNG

Chú thích:

1. Câu mở đầu của một bài hát ca tụng Hồ chí Minh. Không biết tên tác giả và tên bản nhạc.
2. Nhạc Phạm Duy
3. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, những người cộng sản Việt Nam đã chủ tâm tiêu diệt thành phần trí thức tiểu tư sản. Trong lúc quân chủ lực của họ rút ra an toàn ở hậu phương, những người cộng sản Việt Nam đã mượn súng đạn của thực dân Pháp, đói khát và bệnh tật tiêu diệt Trung Đoàn Thủ Đô ở Hà Nội và Thượng Lào.
4. "Tây Tiến" - thơ Quang Dũng



THẮT THỦ

Tháng tư người mùa xuân hoa lá
Riêng tôi buồn xuân vắng lá hoa
Xuân tháng tư người vui trong nắng
Tôi tháng tư thất thủ tình rằm.

Xuân đến và trôi qua tháng tư
Vực sâu vang vọng những biệt từ
Tháng tư thất thủ buồn cảm lạnh
Trời tôi sợi tóc xiết ngàn năm.

Ý ANH

(Maryland)

GỎI

Lá cuốn theo dòng lá trôi xa
Mênh mông cõi rộng chốn bao la
Kiếp sau nếu lá về với biển
Xin gói dùm theo chút muộn phiền.

Ý ANH

(Maryland)

ĐƯỜNG HOA (Xương)

Ngàn thông cùng tấu khúc hoan ca
Vui đón người em ở chốn xa
Gió núi mơn man vờn gót ngọc
Hương rừng ngan ngát ướp chân gà
Đường hoa xao động câu tình tú
Đốc đá ngân vang điệu thiết tha
Từ buổi em xuôi về phố cũ
Đá mòn tâm sự lạnh kẻ hoa.

TÂM MINH (Virginia)

ĐỜI HOA (Họa)

Cuộc đời vẫn đẹp những lời ca
Dù bóng hoàng hôn thấp thoáng xa
Hạ trắng không e màu nắng thắm
Thu vàng chẳng thẹn ánh trăng gà
Đông phong bùng lửa tim nồng ấm
Xuân vũ tưới vườn lòng vị tha
Tiếng hát mộng mơ cung tuyết diệu
Câu thơ điểm lệ dệt đời hoa.

NGUYỄN THI NGỌC DUNG

(Virginia)

Gió Quyện Tình Xuân

Thơ: Bùi Thanh Tiên

Nhạc: Huy Lâm

Tango ♩ = 110

Nhớ một lần tôi đến thăm em _____ Mặt trời chưa
 khuất, bóng chiều êm _____ Gió xuân đưa tôi, cây thay áo _____
 _____ Gặp gỡ làm chi để khó quên _____ Có phải vì anh đã đợi
 chờ _____ Mang tình em tôi giữa nguồn thơ _____ Nhớ em nghe
 tiếng lòng thổn thức _____ Thêu dáng hình em, vụn ánh tơ Bâng
Habanera
 khuâng _____ nuối tiếc ánh sao rơi Hồn xuân _____ man mác khúc quanh đời Bên
 anh _____ em nhìn tia nắng mới _____ Quyện gió xuân xưa mãi tuyết
 1. *a tempo* *To next strain* 2. *To Coda* ⊕
 với _____ Ai bảo rằng với _____ Ai bảo rằng em đã yêu
 anh _____ Một sớm mùa xuân, đỉnh trời xanh _____ Khơi ngọn tình

nồng bên hồ vắng — Đôi mắt mơ màng ướt long lanh —
 — Ai bảo là em đã nhớ anh — Bao nhiêu thương
 nhớ phủ đầy quanh — Rừng rưng em mím cười xa vắng —
 — Chờ kiếp mai về... sông thêm xanh —

a tempo **CODA**
 — Nhớ lại lần tôi đến thăm em còn nhớ anh —
 — Một sớm mùa xuân đỉnh trời xanh — Khơi ngọn tình
 nồng bên hồ vắng — Đôi mắt mơ màng ướt long lanh —
 — Chờ kiếp mai về... sông thêm xanh —

Copyright © 2007 by Huy Lâm

Con Người Ty Nạn Việt Nam HẢI NGOẠI CẦN NÊN SỐNG VỚI Triết Thuyết Hiện Hữu Và Hiện Sinh

NGUYỄN TẤN PHƯỚC

Với hoàn cảnh ty nạn vì cộng sản bất lương bạo tàn đang thống trị trên Đất nước, con người Việt Nam hải ngoại đương nhiên bị đặt vào một Hiện Hữu (l'Être) khó thể trốn tránh được. Đây là một tình thế nan giải và đau lòng bất chúng ta phải cố gắng sống còn với thực tại tha hương nơi các quốc gia tự do. Dù tại Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu hay tại bao nhiêu quốc gia khác, con người ty nạn Việt Nam vẫn mang thân phận hẩm hiu của một ngoại kiều đang sống chết trên đất nước người. Cuộc sống này triết gia gọi là một Hiện Sinh (l'Etant). Vậy chúng ta phải làm thế nào để chấp nhận một cách triết nhân cái "Hiện hữu lưu vong" này. Nhất là thực hiện hoàn hảo cái "Hiện Sinh nơi đất khách quê người" của chúng ta. Theo thiển kiến tôi, đây chỉ là một gợi ý khích lệ tư duy của đồng bào thôi.

Một khi chấp nhận triết thuyết này, chúng ta bắt đầu bước vào một cuộc phiêu lưu mạo hiểm mà sự thành hay bại là do ý chí của mỗi người chúng ta.

I. Chấp nhận cái Hiện Hữu ty nạn Hải Ngoại:

Theo nhà hiền triết cổ Hy Lạp PARMENIDE (1) cha đẻ của môn vật thể

học (ontologie): "Hữu Thể là Sự Thật, Đồng Nhất và Trường Cửu". Như thế, ta là một Hữu Thể hiện hữu trường kỳ không ai chối bỏ được. Vả lại cảnh huống tha hương lâu dài của mỗi người ty nạn chúng ta lại là một Hiện hữu bất khả kháng. Nó có thể xảy ra cho bất kỳ ai qua bao không gian và thời gian của bao thế hệ. Ta chỉ còn biết chạy đàng trời mà thôi.

Qua các trường phái triết lý về Hữu Thể, Jean Paul Sartre và Simone de Beauvoir tỏ ra mù mờ và bi quan nhất: "Hữu Thể của Jean Paul Sartre (2) là hư vô". Còn của Simone de Beauvoir (3) thì "an phận với Hữu Thể gán cho mình".

Khi nhận xét qua triết thuyết bi quan này, tôi nghĩ đến một phần nhỏ đồng bào ty nạn ta đã và đang chấp nhận một cách hững hờ miễn cưỡng cuộc sống tuyệt vọng đối với họ để rồi mai một đi với thời gian lưu lạc nơi đất nước người.

Theo triết gia BERKELEY (4), Jean Paul Sartre cho Hữu Thể chỉ sống trong trí óc đã thừa nhận và lĩnh hội nó và cho Hiện Sinh là một hiện hữu mơ hồ. Trái hẳn với triết gia DESCARTES (5), thực tế hơn Jean Paul Sartre: Tôi suy nghĩ tức là tôi sống thực".

Nếu đồng bào ty nạn ta chỉ chấp nhận thực trạng ty nạn của mình như là một giấc mộng thoáng qua. Càng nghĩ họ càng nao nức

ngóng trông chờ ngày giải thể cộng sản để hồi hương Quê mẹ. Thế là họ sống lây lất qua ngày. Cuộc sống của họ theo như tư duy của DESCARTES. Tâm tưởng họ chỉ biết sống trong mộng ước với những kỷ niệm êm đềm hạnh phúc thời son trẻ, ẩn nhẫn ăn cay nuốt đắng với nghịch cảnh tại Hải ngoại. Tệ hơn nữa, họ theo tư duy của Jean Paul Sartre, họ trở nên bi quan yếm thế, bất hợp tác, không hội nhập được vào xã hội của quốc gia đón tiếp mình, chỉ trích không ngừng lễ thói của xã hội đó, không chịu học tiếng nước người, theo luật pháp người. Xin quý vị ấy nên nghe lời cảnh cáo này của nhà văn St SIMON Pháp (6): "Khi một con người Hữu Thể tự cảm là người lữ thứ giữa chợ đời, không chịu chia sẻ một chút tâm tình với tha nhân, không tuân giữ luật pháp nước người, trước sau gì cũng sẽ lọt vào tròng của người ta, không chạy thoát nổi".

Vậy phản ứng sinh tồn tự nhiên của con người tỵ nạn Việt Nam nơi Hải ngoại ra sao? Ta đành tiến lên bước phiêu lưu Hội nhập hay dẫm chân tại chỗ?

II. Thực hiện hoàn hảo cái hiện sinh bằng hội nhập.

Chúng ta nên lĩnh hội các lời tâm huyết của vài triết gia Tây phương sau đây: Jean-Jacques ROUSSEAU (7), triết gia Pháp cho rằng: "khả năng của một Hữu Thể thông minh và chủ động là làm sao gán được một ý nghĩa sống vào chủ Hữu Thể đó". Ý nghĩa sống ở đây là lẽ sống vậy.

Tiền văn ta phải cho vật thể hiện hữu ta một lẽ sống; từ đó ta sẽ đi vào "hiện sinh của đời tỵ nạn". Cái hiện sinh này theo triết gia Marc BLONDEL (8) khuyên ta đời hoạt động: "Hữu Thể là HÀNH ĐỘNG". Vậy kẻ

bất động thì không còn sống thực cái hiện-hữu nữa. Nếu ta sống thân phận tỵ nạn của mình mà ta không có phản ứng tự giải thoát thì kể như chết dần mòn thôi.

Một hiện tượng khác lạ hơn theo sự nhận xét của triết gia Jean ROSTAND: "Con người luôn muốn nhắm "cao-siêu-hiện-hữu" (plus-être) hơn là sống trong thoải mái của "bình-thường-hiện-hữu" (bien-être).

Nhân đó, nhà thần học Đức Martin HEIDEGGER (9) đã cảnh cáo: "Chúng ta không thể vượt cao hơn bản thể của chúng ta, bởi vì con người được định nghĩa là một vật thể biết nói" (être parlant). Vậy nếu Hữu Thể hiểu khác hơn, nó không còn là Hữu Thể nữa. ("DASEIN" theo ngôn từ của Heidegger là cái Hữu Thể đó mà thôi.)

Ta thử tìm hiểu thâm ý của hai triết gia trên để ứng dụng vào thân phận tỵ nạn của ta. Nếu tôi không lầm thì họ muốn nhấn với hậu sinh chúng ta là đừng quá cao vọng hoặc sống một cách sai lạc hiện sinh của chúng ta. Thử tìm một cuộc sống thoải mái bình thường (bien-être) hơn là bôn ba chạy theo cao vọng (plus-être) để nên ông nọ bà kia, sang giàu hơn người, đua đòi quá sức ta. Thử hỏi cái hiện sinh ta còn nghĩa lý gì, một khi dồn dập đến bao thất bại, bệnh tật, tai ương và thói đời tàn bạo, vô ân. Chúng sẽ biến hiện hữu tỵ nạn của ta thành địa ngục trần gian vậy. Đó là ta chưa bàn đến cái chết u sầu tuyệt vọng có thể sẽ đưa ta trở về với cái hư không như Jean Paul Sartre đã từng chủ trương (l'Être est le néant). Còn lâu chúng ta mới nối gót triết gia bi quan yếu thế này vậy!

Thế thì chúng ta còn chờ đợi gì mà không dấn thêm bước định mệnh nữa.

III. Hiện sinh theo HEIDEGGER là vị tha và đồng hoá xã hội

Thật vậy, sự hoàn thành hiện sinh trong đời tỵ nạn của chúng ta là nên quên bỏ "CÁI TÔI" để hướng về tha nhân (bác ái), vì chúng ta là một "vật thể thích hợp với cộng đồng xã hội" (être sociable). Tất một lời, muốn thành công hiện sinh, ta không thể chối bỏ việc đồng hoá với xã hội của ta đang sống. Đó là một điều kiện tất có và đủ để được đồng loại quý mến chấp nhận, có thể quên đi xuất xứ ngoại lai của chúng ta. Từ đó, ta mới mong thành đạt những gì ta mơ ước. Điều này đa số người Việt chúng ta thành công rất đáng khích lệ.

Chính Martin HEIDEGGER, nhà thần học kiêm triết gia danh tiếng Đức đã từng nhận xét: "khoa học đã quên và làm mọi người quên Hữu Thể, bởi không dễ gì nhận thực ra Hữu Thể tinh tuyền được. Do đó, con người chỉ hiểu được Hiện- hữu qua Hiện Sinh của nó mà thôi".

Thiết thực hơn, triết gia A. de Waelhens (10) cũng công nhận điều trên: "Cuộc sống của con người chỉ có ý nghĩa khi có sự liên hệ mật thiết giữa bản thân với tha nhân, nhất là vô ngã (non- soi= quên mình). Nếu "thiếu điều đó, Hữu Thể này (DASEIN) sẽ không còn lý do tồn tại". Ta sẽ sống như xác không hồn vậy!

Từ nay, ta càng hiểu rõ hơn về nghệ thuật hiện sinh "toàn hảo là phải quên mình" đến với đồng bào ta, hoà đồng với xã hội đón nhận ta. Còn gì sung sướng hãnh diện bằng khi ta được mọi người cảm thông, chấp nhận chính bản thân, thân thế tỵ nạn và gia đình ta, vì ta đã biết chấp nhận và hoà hợp với kẻ khác. Ta phải tỏ ra công chính, thành thật, thẳng thắn (franchise, sincère, honnête),

không bao giờ khinh rẻ ai, dèm pha, chụp mũ nhau, trái lại còn biết giúp đỡ, viếng thăm, an ủi, bào chữa đồng hương nữa.

Đức Giêsu rất đồng ý với Đức Khổng Tử đã chẳng khuyên hậu thế: "Đừng làm gì xấu cho ai, nếu ta không thích kẻ khác trả lại cho ta".

KẾT LUẬN

Hiện Hữu của người Việt tỵ nạn Hải ngoại chúng ta là sống tha hương xa lánh bọn Việt Cộng đang hoành hành bên nhà. Hiện Sinh của ta là mưu sinh nơi đất khách quê người. Vậy nghệ thuật đắc nhân tâm của chúng ta hiện giờ là bỏ bớt "cái tôi đáng ghét" của André GIDE (11) và Paul VALERY (12) để sống từ bi, bác ái và vị tha hơn, hội nhập và đồng hoá với xã hội mình đang sống. Ta chỉ cần biết sống trọn ngày hôm nay (vivre le présent) thôi, còn ngày mai mông lung vô định. Ta phó mặc cho Thiên mệnh hay Thiên ý theo đạo giáo.

Việc chúng ta ngồi lại với nhau, hài hoà làm văn hoá, nghệ thuật, đạo đức, chính trị, kinh doanh và chống cộng để khuây khoả tâm hồn và trí tuệ, sống an lành trên đất khách. Nếu hoàn cảnh cho phép thì lập gia đạo, nuôi dạy con cái, giúp đỡ gia đình thân thuộc nghèo khổ bên nhà, làm việc thiện lấy đức ở đời.

Ôi! Còn gì cao đẹp hơn một tâm hồn, hiện hữu và hiện sinh quảng đại, đạo đức và khiêm tốn! Hạnh phúc đang sẵn sàng. Tầm tay chúng ta, tội gì phải bôn ba, bận bịu thả mỗi bắt bóng nữa.

Điều nên nhớ là cái hiện- hữu Việt Nam trong ta là bất diệt. Cho dù ta có sống hiện sinh cách nào đi nữa, hiện hữu ta chẳng những không vong bản mà còn gia tăng lên

gấp đôi bản thể ta, biến ta thành cõi mở và phong phú hơn. Chính là bản tính thứ hai vậy!

Để kết thúc, tôi mượn lời của hai triết gia lừng danh Đức là HEIDEGGER và KANT:

"Con người là một Hiện Sinh ở giữa các hiện sinh khác. Lễ sống của họ đặt nền tảng trên sự thông cảm nhau"

"Từ cuộc sống con người, một sự đột nhập trọn vẹn của Hiện Sinh vào Hiện Hữu ta. Nhờ biến cố này, chính Hiện Sinh thuần lý trở thành Hiện Sinh sống động thật".

Nói qua về hai tác giả ưu tú này, tôi phỏng theo ý của ký giả François Fédier (13) vừa là quan án vừa là trạng sư bệnh vực Martin HEIDEGGER (14). Về cuối đời ông ta đã giác ngộ sau khi sống đời hiện hữu người Đức và hiện sinh Hitler. Ông ta đã từ bỏ tà thuyết diệt chủng nazi, trở về với đời sống hiện hữu mục sư Tin Lành và sinh hoạt hiện sinh truyền giảng đạo Chúa.

Về nhà thần học, triết gia kiêm khoa học gia Đức KANT (15), qua hai tác phẩm thời danh của tác giả "Critique de la Raison pure" và Critique de la Raison pratique, theo thiển kiến tôi, ông ấy nghĩ con người có thể sống theo lý lẽ thuần khiết (hiện hữu) và lý lẽ thực nghiệm (hiện sinh). "Lý lẽ thuần khiết" đây bao gồm luân lý và lễ luật còn "lý lẽ thực nghiệm" là kinh nghiệm sống. Nếu HEIDEGGER đã sống giữa lòng Đức quốc xã theo thuần khiết lý thì lúc cải thiện sống cho đạo Tin Lành thuộc phái Luther theo kinh nghiệm lý. Như thế ông đã ứng dụng triết thuyết của KANT. Tại sao chúng ta là người Việt Nam tỵ nạn không thử áp dụng vào đời sống Hải ngoại của chúng ta?

Quý Đồng hương nghĩ sao?

ANTOINE NGUYỄN TẤN PHƯỚC

(France)

CHÚ THÍCH:

(1) Parménide (544-505?) Triết gia cổ Hy Lạp thuộc trường phái Êlê. Trong tác phẩm "De la nature"

(2) Jean Paul Sartre (1905-1980) trong tác phẩm "l'Être et le Néant"

(3) Simone de Beauvoir (1908-1986) trong tác phẩm "le sang des autres, p.12"

(4) Berkeley (1685-1753) trong tác phẩm "Principe de la connaissance" I, p.16

(5) René Descartes (1596-1650): Deux méditation IX, p.19

(6) St Simon (1675-1755): "Littérature française contemporaine", p13

(7) Jean Jacques Rousseau (1712-1778): Emile IV; Profession de foi, p.38

(8) Marc Blondel (1861-1949): Action, p.38

Jean Rostand (1894-1977): "Pensée d'un biologiste", p.229

(9) Martin HEIDEGGER (1889-1976): "Introduction à la Métaphysique"

(10) A.de Waelhens trong tác phẩm "La philosophie de M. Heidegger, p. 36"

(11) André GIDE (1869-1951): "Journal"

(12) Paul VALÉRY (1871-1945): "Mélange"

(13) François Fédier (Extrait "Heidegger: le danger de l'être, l'Infini N 95, été 2006)

(14) Martin HEIDEGGER (1889-1976): "Introduction à la Métaphysique"

(15) Emmanuel KANT (1724-1804): Kant et le problème de Métaphysique, p.56

TÌNH NGỔ ĐÃ QUA ĐI

VĂN QUANG

Trích Lẩm Cẩm Sài Gòn Thiên Hạ Sự,
số 240 ngày 12-1-2008

“Đầu năm Tây, cuối năm Ta”, đó là khoảng thời gian này ở Việt Nam và cũng là câu nói cửa miệng của người bình dân. Trước hết tôi phải xin lỗi bạn đọc, đáng lẽ bài này phải được ra mắt sớm hơn, nhưng sau 2 tuần “dưỡng sức”, chẳng may tôi lại bị cảm lạnh ở Sài Gòn. Cơm đường cháo chợ nên cứ ngắt ngắt hoài không sao gượng dậy được. Cũng may Sài Gòn trong những ngày đầu năm vừa qua, trời vẫn... chiều lòng người, không khí mùa thu vẫn còn vương vất đâu đây. Ban ngày trời nắng nhẹ, buổi tối nhiều mây xám, gió lùa lạnh lạnh trên khắp nẻo phố phường, ban đêm những chiếc áo len, áo khoác, có dịp khoe màu giữa thành phố ngập ánh đèn. Chưa bao giờ miền Nam VN lại có mùa thu với khoảng thời gian dài như năm nay. Lại đúng vào khoảng lễ Giáng Sinh và nhịp cầu dẫn sang đầu Năm Mới 2008.

Với những bạn đã từng sống ở miền Nam VN trước năm 1975, có lẽ không ít người không biết đến Đà Lạt. Chẳng những thế, nơi đó còn là thành phố cao nguyên hầu như duy nhất ghi lại nhiều dấu ấn của những tuần trăng mật, những buổi hẹn hò tình tự, những hợp tan của một đời người. Bây giờ Đà Lạt ra sao, có những gì thay đổi?

Bỏ qua những “hệ lụy” nhức nhối, những nỗi đau âm thầm mà chúng ta thường bắt gặp ở xứ sở này, xin dành một chỗ cho tình cảm riêng tư và có dịp ôn lại những kỷ niệm xưa. Mời bạn đọc bút ký này, câu chuyện có thật, với một chút cảm thông cho những mối tình đã qua đi nhưng còn lại mãi mãi trong tận cùng tâm thức của mỗi người.

Cú lừa nhẹ nhàng

Ba năm rồi tôi mới trở lại Đà Lạt. Không phải vì cái festival Hoa Đà Lạt mà người ta quảng cáo rầm rộ. Chúng tôi chọn đúng ngày bế mạc festival mới mò đến. Như thế đỡ mất công bon chen vào cái thế giới hỗn tạp, tha hồ bị chặt chém vô tội vạ. Vả lại đọc báo chí, thấy chề đủ thứ chuyện về cái tổ chức luộm thuộm đó nên cũng nản. Nào là thành phố hoa mà toàn là hoa héo, hoa giả; đám cưới cũng có tới hơn 50 cặp cũng “đóng trò” giả nết. Phòng khách sạn trong dịp này lại khan hiếm, lên giá vù vù như máy bay phản lực... Trong cái khung cảnh đó thì nhà hàng là Thượng Đế, chứ không phải khách du lịch. Đợi hết cái “hội chợ” kia đi thì may ra thứ bậc mới được trả về đúng vị trí của nó.

Dù ngày 21-12 là ngày bế mạc festival, chúng tôi đã nhờ tới chị Lệ Khánh ở Đà Lạt, có cậu con trai là Khánh Thực làm trong dịch vụ du lịch, thuê giùm phòng mà cũng khó. Buổi chiều lên đến Đà Lạt, mới tìm được một căn phòng loại “tầm tầm”, hơn hai trăm ngàn một ngày. Tôi lại đang

kẹt phải làm việc cho một tờ nhật báo ở Úc, nên xách theo cái laptop để làm cho tiện. Tôi cũng đã thông báo với chị Lệ Khánh về nhu cầu này. Tuy nhiên khi lên đến phòng mới biết đường wireless không thể kết nối được. Một du khách người Mỹ ở phòng bên cạnh cũng đang nhăn nhó về thứ tiện nghi đã trở thành quá thông dụng này, nhưng khách sạn vẫn không có đường truyền cho khách. Trong khi người quản lý khách sạn nói với chị Lệ Khánh là đường internet rất tốt, phải đặt tiền phòng trước 250 ngàn đồng.

Sau khi thấy tôi thử máy, wireless vẫn cứ đứng trơ ra. Chị quản lý khách sạn vẫn thản nhiên nói với tôi:

– Bác an tâm, cách đây vài gian phố thôi, có quán cafe internet, tôi sẽ đưa bác ra ngoài đó tha hồ làm từ sáng đến tối cũng chẳng ai nói gì.

Nhìn chị quản lý cũng khá xinh, nhưng cái kiểu phải đưa đi đưa về thế này thì làm cả buổi không xong.

Biết rằng chúng tôi bị một quả lừa to tướng, đành chịu mất tiền đặt cọc. Tôi cảm ơn cái miệng dẻo và xinh, không dám cần nhằn trước thiện chí đưa đón đó của cô quản lý. Tôi lại phải nhờ Khánh Thực thuê cho một căn phòng khác. Nhưng điện thoại đến khách sạn nào cũng hết phòng. Khánh Thực ghé tai tôi nói nhỏ:

– Các quan khách được mời lên dự Festival nhân dịp vui vẻ này, ở hotel hạng sang, tội gì mà bỏ Đà Lạt về sớm cho phí của trời. Nhất là đêm nay lại là đêm chung kết thi Hoa Hậu các dân tộc. Máy cô người dân tộc xinh lắm bác ạ và còn... hơi ngây thơ, chưa biết “mùi đời” như các hoa khôi

hoa hậu ở các cuộc thi khác, thành tình ra trong “nghề”.

Tôi chỉ nóng ruột về cái phòng nào có thể làm việc được chứ không mơ màng gì tới hoa khôi hoa hậu cho mất thì giờ.

Khánh Thực tiếp tục gọi điện thoại đến những nơi quen biết. Một lát sau, may phúc có một vị trả phòng ở một khách sạn khá lớn. Nguyên trước đây là khách sạn Lang Biang, nay được sửa sang lại và đổi tên thành Golf 3. Tôi phải nhắm mắt thuê vậy. Nhưng cái mà tôi nhìn đến đầu tiên, ngay bên cạnh quầy Tiếp Tân là phòng Internet có ghi hàng chữ ADSL với 3 máy computer chễm chệ. Vào “thủ tay nghề” một tí, đường truyền chạy veo veo. Lúc đó tôi mới dám đưa Chứng minh nhân dân lấy phòng, đồng thời thông báo cho ông chủ báo hỗ trợ “kinh phí”. Tất nhiên là ông chủ báo vui vẻ nhận lời ngay, tìm được một người chịu làm việc trong dịp nghỉ lễ Giáng Sinh đầu có dễ.

Sau khi bước lên phòng 307, tôi lại lôi cái laptop ra thử cho chắc ăn. Wireless kết nối khá nhanh tuy không được bằng phòng dưới nhà, song cũng đủ để làm tròn nhiệm vụ.

Hơn 6 giờ tối, chúng tôi mới có dịp bước ra phố. Trời không lạnh lắm, nhưng cũng đủ để dân “xứ nóng Sài Gòn” phải khoác chiếc áo ấm, choàng cái khăn quàng mỏng để nuôi cái cảm giác được hưởng chút rét mướt mùa Giáng Sinh.

Văn hóa hè phố

Thành phố Đà Lạt đã lên đèn, khu bưu điện và Nhà Thờ sáng rực trên đồi cao, con phố dốc thoải thoải xuống bờ hồ mang một nét rất đặc biệt của thành phố cao nguyên. Nhưng tuyệt nhiên không thấy một

bông hoa anh đào nào chịu nở. Bữa đó khu phố này cấm mọi loại xe, dành cho “phố đi bộ”.

Dạo quanh khu phố chợ sầm uất, trên là trời, dưới là hàng quần áo ấm đủ kiểu. Hối mua tạm một cái áo len, kiểu gì cũng có, nhất là hiệu Hàn Quốc. Nhưng toàn là thứ Hàn Quốc rẻ tiền, nhái theo kiểu áo các chàng và nàng “Đông zun kwan” gì đó mặc trong phim. Nhưng giá cả thì khiến bạn ngỡ ngàng, không phải vì đắt mà vì quá rẻ. Nếu bạn chịu khó mặc cả, không một chiếc áo len nào quá một trăm ngàn đồng (chưa đến 8 USD) kể cả kiểu của nam và của nữ, kể cả áo hoa hờ hờ sớ sớ cho những ông bà già. Vớ và mũ thì sỗ tung, bán “son” ngay trên lề đường với giá 10 ngàn đồng VN 3 đôi vớ và khoảng gần gần 20 ngàn một cái mũ len đan tay, có thêu thùa hoa bướm, có chữ Anh, chữ Việt đang hoàng.

Bên cạnh đó là những hàng khoai lang nướng, bắp nướng, bánh tráng mỡ hành nướng, khô mực... nghi ngút bốc khói, mang đậm “nét văn hóa Đà Lạt”. Bây giờ các cô hàng buôn thúng bán bưng lề đường lại “sáng tạo” ra kiểu nướng thịt, bán cho khách đi đường ăn ngay tại chỗ. Thịt chim cút, cánh gà, chân gà, thịt heo quăn mỡ sần từng xiên, đưa lên chiếc lò than nhỏ, quạt phành phạch rất vui tai. Mùi thơm quyến rũ lắm, các cặp tình nhân vừa cười rúc rích vừa “ném thử, ăn thật” tóp tép ngay trên đường phố. Đó là những thứ được gọi là “ẩm thực đặc sản hè phố” của thành phố cao nguyên này.

Nhưng lại mất đi một thứ tuyệt vời hơn, hồi xa xưa, những năm trước 1975,

bất kỳ một ai đi trên khu phố Hòa Bình này cũng thấy thú vị. Đó là những thúng hạt dẻ được ủ bằng một chiếc khăn dạ hoặc đủ thứ vải cũ để giữ độ nóng. Hạt dẻ được đong bằng những chiếc chén bán cho khách, thủ trong túi áo blouson, đi ăn dần. Hạt dẻ không thơm, song cái chất mềm mại, dính dính, nóng nóng giữa hai hàm răng cho một cảm giác rất... Đà Lạt. Tôi đi khắp thành phố không tìm được món hạt dẻ này để nhớ về một thời trai trẻ với bạn bè. Món này đã “tuyệt tích giang hồ” rồi.

Lên đến đây, chúng tôi thường không ăn cơm, phải đi kiếm ngay một tô phở ăn cho “đã”. Phở Đà Lạt chưa chắc đã ngon hơn phở Hòa, phở 24, phở Bà Đậu ở Sài Gòn, nhưng nó có mùi vị riêng của không gian, của cái lạnh, của những ngọn đồi, của hồ Xuân Hương, của những cô gái má chín hồng như trái mận. Cho nên, đối với tôi, lên đến đây để ăn phở trước tiên. Giá cả “mềm” hơn Sài Gòn nhiều. Một tô phở Bông hay phở Hiền Đà Lạt chỉ 12 đến 15 ngàn đồng, trong khi ở Sài Gòn từ 24 đến 30 ngàn đồng, tùy “thương hiệu”.

Một quán cà phê đáng yêu nhất

Cà phê Tùng vẫn ở chỗ cũ, nằm trên con đường bên hông rạp hát Hòa Bình. Một nét rất đáng yêu và đáng quý trọng là chủ nhân đã cố tình giữ lại tất cả như xưa, không hề thay đổi. Từ bàn ghế, cách trang trí, đến hương vị cà phê, tôi thấy hoàn toàn không khác gì “những ngày xưa”. Vẫn những chiếc bàn gỗ thấp, những chiếc ghế nhỏ khiêm nhường, khuôn cửa kính nhìn ra hè phố, đứng ở ngoài có thể nhìn thấy rõ khung cảnh bên trong. Khách vào đây, hầu hết là những người lớn tuổi, lặng lẽ,

thủ thi, cho tôi cảm tưởng như ai cũng đi tìm lại chút kỷ niệm xưa. Tôi cũng vậy, đến đây để nhớ, để được sống lại vài phút với những Diên Nghi, Kiên Đạt, Tạ Ký, Hoàng Đình Hoạt, Quỳnh con, Khôi lùn... của lớp Đại Đội Trường và lớp Chỉ Huy Tham Mưu năm nào.

Tôi nhớ hồi đó có người nói cà phê Tùng pha thêm một chút ruột cau để nước cà phê đậm thêm, sánh thêm, nên phin cà phê nhỏ từng giọt chậm chạp, nhều xuống như chất keo, kéo dài xuống đáy ly thủy tinh. Mơ màng như có chất thơ “Thoảng hiện em về trong đáy cốc/ Nói cười như chuyện một đêm mưa”.

Hồi đó, ông chủ quán cà phê Tùng không bán cà phê rang sẵn cho ai cả, chắc là sợ lộ bí quyết nghề nghiệp. Nhưng với tôi, thỉnh thoảng ông nể tình, bán cho một hai lạng về trường pha uống dần trong những ngày mưa gió và rách không ra phố được. Bây giờ tôi vẫn muốn mua vài lạng để mang về Sài Gòn uống dần, nhưng tìm quanh chẳng thấy ông chủ cũ đâu và nếu có ông, chắc cũng quên tôi rồi. Vì thế nên đành chỉ uống một ly để thấy bạn bè mình “hiện về trong đáy cốc” thôi vậy.

Cái chết vì tình

Nói là thành phố Đà Lạt, nhưng quanh đi quẩn lại chỉ có khu phố Hòa Bình này thôi. Tất cả mọi sinh hoạt buôn bán dồn về đây. Mọi con đường đều dẫn đến cái “công trường” gần như vương vấn này. Cứ đi quanh đi quẩn rồi lại thấy mình gặp mình đúng ở ngã tư. Những con phố khác là những cửa hàng cửa hiệu vắng vẻ, càng đi xa khu phố chợ càng vắng. Ngành nghề kinh doanh chính ở những con đường

khác là khách sạn và khách sạn. Từ loại luộm thuộm bình dân năm bảy chục ngàn một đêm đến hai, ba, bốn, năm sao, tính bằng vài chục USD trở lên đến vài trăm USD. Mùa lễ hội thì chật kín, nâng giá làm cao, nhưng những ngày thường thì vắng như chùa Bà Đanh, lại chào kéo mỗi miệng mời chào khách.

Hơn 8 giờ chẳng còn trò gì ngoài phố, tôi trở về khách sạn. Sau gần 8 tiếng đi xe đồ “chất lượng cao”, từ TP. Sài Gòn, mất tám chục ngàn, cũng thấy rã rời. Vừa về đến khách sạn, đã thấy người ta bu kín xung quanh một khu vực ngay dưới sàn xi măng ngoài sân. Thì ra có một ông khách vừa nhảy từ lầu 7 xuống tự tử. Ông khách còn ngáp ngáp chưa chết ngay. Cảnh sát đến rồi xe cứu thương hú còi um sùm. Chúng tôi chẳng tội vạ gì mà tò mò. Sáng hôm sau mới biết ông khách chán đời đó là người ở Kiên Giang, đi xe hơi lên Đà Lạt, thuê phòng ở lầu 6, để lại một lá thư tuyệt mạng rồi leo lên lầu 7 là nơi bán cafe, nhảy xuống. Lại có tin đồn là người vợ của vị khách chán đời đó ở Sài Gòn cũng đang thuê một khách sạn và người ta thấy có sợi dây thòng lọng chuẩn bị sẵn trong phòng nhưng chưa... kịp chết.

Theo tin báo chí rất mơ hồ là “họ không chịu nổi áp lực của cuộc sống”. Vì tình hay vì làm ăn thất bại, không ai biết.

Chúng tôi lên phòng và được biết căn phòng của vị khách chán đời kia thẳng đứng với phòng của chúng tôi thuê. Ông ta ở lầu 6 (chắc là phòng 607), phòng chúng tôi ở lầu 3 (307). Có điều không ai hiểu là tại sao ông ta lại chọn cái chết ở khách sạn và ở xứ tình nhân Đà Lạt? Vì thế tôi đoán là cái chết vì tình. Có đáng hay không?

Chết vì tình cũng đáng lắm chứ. Mỗi người nhìn nhận theo góc độ riêng của mình.

Người đi tìm “thú đau thương”

Sáng hôm sau, đúng ngày Lễ Giáng Sinh, tôi lang thang một mình xuống quán cà phê Ga Ly (không phải Cali), nằm trên quả đồi đối diện với khách sạn tôi ở. Ngồi ở đây, sau hàng lan can gỗ, có thể ngắm cảnh bờ Hồ và con đường dốc với khu phố chợ luôn tấp nập. Không có nhạc “dậm giật” chói chang kiểu Sài Gòn. Chỉ có nhạc nhẹ êm dịu.

Rất bất ngờ, một người đàn ông mang cái vẻ chững chạc của một người phong lưu từ từ đến đứng sững trước mặt tôi. Anh ta trẻ hơn tôi vài tuổi, tóc muối tiêu rất đẹp và tất nhiên là mập hơn tôi rất nhiều vì tôi thường tự phụ không ai có thể gầy hơn tôi được. Tôi đã thấy ngờ ngợ, quen quen mà chưa kịp nhớ tên. Anh ta xà xuống ghế, ôm vai tôi, gọi cả tên “cúng cơm” và bút hiệu. Vậy mà tôi vẫn chưa nhớ ra anh ta là ai. Quen thì quen lắm, tên thì chịu. Anh ta nói ngay:

– Em là Thành, Thành “vang”, anh nhớ chưa?

Có cái “hỗn danh” Thành “vang” làm tôi nhớ ngay. Hồi xưa, khi tôi học lớp Tham Mưu Cao Cấp ở Đà Lạt, Thành còn học năm đầu đại học. Nhà anh ta chuyên bán rượu vang nên gọi là Thành “vang”. Tôi quen Thành khi đi chơi ở mấy cái phòng trà Nigh Club, La Tulipe... có nữ ca sĩ Thúy Nga (vợ nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ) hát thường trực ở đó. Nhà Thành rất gần Nigh Club, bạn bè tôi thường ghé qua vì bố Thành cũng là một quân nhân về hưu, tất nhiên là già hơn chúng tôi nhiều. Thành

còn có bà chị rất đẹp và quan trọng hơn là chưa có bồ.

Hồi đó tôi quen một gia đình từ Hải Phòng di cư vào Đà Lạt và có một cửa tiệm bán sách ngay đầu dốc Phan Đình Phùng. Cô con gái lại là học trò cũ của tôi ở trường Bạch Đằng, trước khi tôi được lệnh động viên. Chỉ sau vài năm, trông cô học trò của tôi “trở mã” rất xinh. Nhưng đã mang tiếng là thầy giáo, quen cả gia đình nên tôi đành đóng vai “ông anh đạo mạo” vậy. Huyền - tên cô học trò của tôi - hiền lành đứng bán sách nhưng rất ít nói. Cô cũng có vẻ sành văn chương nghệ thuật. Thành có khiếu làm thơ, đưa tôi vài bài đăng báo ở Sài Gòn. Tôi hiểu Thành “vang” chết một cô học trò của tôi rồi. Tôi gài độ cho hai người gặp nhau, nhưng vẫn chỉ là “tình trong như đã mặt ngoài còn e”.

Sau 5 tháng học xong lớp Tham Mưu, tôi trở lại Phòng Báo Chí ở Sài Gòn. Có lần đọc được thơ của cậu Thành “vang” công khai tặng Huyền công chúa. Rồi chuyện tình của họ kết quả là một cái đám cưới như bao nhiêu cuộc tình đẹp khác. Cuộc sống của hai người rất êm ấm, sau đó hai vợ chồng Thành dọn về Sài Gòn làm đại lý cho một hãng rượu của Pháp.

Cuộc tình “bất đắc kỳ tử”

Ngày 30-4-1975, trong khi Thành ở Đà Lạt lo đám tang cho bố thì Huyền chạy theo gia đình nhà mình xuống tàu ra đảo. Hai vợ chồng lạc nhau từ đấy. Trong khi Huyền đang mang thai đứa con thứ hai được vài tháng.

Thành kẹt lại và bị “đánh tư sản” sính vính. Cơ nghiệp, nhà cửa mất hết. Đi “cải

tạo” năm bảy năm rồi về tay trắng, không liên lạc gì được với vợ con. Đó cũng là tình trạng chung của không ít “đại gia” thời đó.

Khi tôi trở lại Sài Gòn cũng chỉ nghe bạn bè quen biết nói lại là Thành làm đủ thứ nghề, kể cả vào bến cảng làm nghề bốc vác. Vượt biên năm bảy lần đều bị tóm, ra vào mấy cái trại giam ở Tiền Giang, Hậu Giang như đi ngửi mát.

Tôi chỉ biết sơ qua cuộc đời Thành đến đây và hôm nay mới gặp lại. Nhìn dáng vẻ anh ta, tôi hiểu là hồi này khá lắm rồi. Người Sài Gòn những năm sau này, chẳng biết thế nào mà đoán được. Chỉ vài năm đã đổi thay rất nhiều. Buôn bán đất, trúng cổ phiếu và hàng trăm thứ “buôn bán” không hẳn là thứ nghề ngỗng gì. Thánh cho ăn lộc, phát lên bất cứ lúc nào.

Thành kể lúc này gia đình ở Sài Gòn, hai hôm trước, dẫn vợ con lên Đà Lạt đón Noel. Thành ở cùng khách sạn với tôi, tất nhiên anh cũng biết về chuyện người khách nhảy từ lầu 7 xuống tối hôm trước. Thành gật gù:

– Em phục tay dám nhảy lầu tự tử quá anh ạ.

Tôi dở giọng ngang tàng:

– Việc gì phải tự tử. Cái gì cũng có thể làm lại từ đầu mà. Vì tình hay vì tiền đều như nhau. Hạnh phúc này tan vỡ thì chịu khó đi tìm ở chỗ khác. Mình có muốn thế đâu. Tự nó đến như một thiên tai, mình không tránh được.

Thành mỉm cười có vẻ cay đắng:

– Tiền thì kiếm được chứ tình thì ... khó nói lắm.

Tôi hỏi thẳng băng ngay:

– Thế Huyền hồi này thế nào?

– Em vừa nói chuyện với cô ấy xong nên mới ra đây. Tính ngồi một mình không ngờ lại gặp anh.

– Cô ấy không lên với cậu à?

– Không! Cô ấy ở Mỹ mấy chục năm nay rồi anh ạ. Chúng em đều có gia đình riêng cả rồi. Nhưng thỉnh thoảng vẫn liên lạc với nhau như bạn bè thôi. Cô ấy và mấy đứa con về Việt Nam chơi vẫn đến thăm em.

Tôi cười như một lời an ủi:

– Thế là phải. Chuyện đó như một chuyện thường tình. Gặp nhau vui vẻ là đẹp nhất. Có giận hờn, có cay đắng cũng chẳng lấy lại được gì. Khá nhiều cặp vợ chồng như thế. Những cuộc tình chết “bất đắc kỳ tử”, không do ai cả. Do thời cuộc. Nhưng mọi chuyện qua rồi, mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

Thành ngồi im. Chiếc cà rá hột soàn óng ánh trên ngón tay út mập mập trắng trẻo. Chiếc đồng hồ Rolex to tướng trên cổ tay mịn màng. Thành trở nên trầm ngâm:

– Mọi chuyện tưởng đã qua, nhưng... chưa hẳn là thế. Hậu quả của nó còn dài, rất dài.

Tôi cười băng quơ, nhắc lại một câu hát trong Tình Nhớ:

– “Tình ngỡ đã qua đi, nhưng tình bỗng lại về”?

Thành im lặng rồi thở dài:

– Đó là trường hợp của em đêm qua.

Nỗi ân hận choáng váng

Thành kể lại chuyện gia đình của mình. Huyền qua Mỹ hơn tám năm thì “tục huyền” với một người đàn ông làm ăn đứng đắn. Thành ở lại Việt Nam, vất vưởng chừng gần mười năm rồi xây dựng lại sự nghiệp, thoát tiên là mua một miếng

đất ngoài Bình Thuận, trồng nho rồi sau đó sản xuất rượu vang, Chỉ năm năm sau, cơ nghiệp của Thành trở nên vững vàng. Anh lập gia đình với một thôn nữ khá đẹp ở tận Long Xuyên. Bây giờ đã có hai người con đều thành đạt.

Hai người con của Huyền và Thành, một ở Mỹ, cậu con trai sau cùng ở Pháp. Năm nay cũng đã trên ba mươi tuổi. dịp Giáng Sinh năm nay, tức là mới tối hôm qua đây thôi, Nam từ Pháp về thăm mẹ ở San Diego. Chị của Nam không về được. Người chồng sau này của Huyền đang nằm bệnh viện vì ung thư. Nhà chỉ có hai mẹ con.

Nam nhận được e mail, biết bố đang ở Đà Lạt, Nam yêu cầu bố gửi hình qua cho cháu xem. Thành vui vẻ gửi ngay cho con năm bảy tám ảnh mới chụp.

Ngay sau đó, Thành được e mail của con. Nam kể rằng nó rất vui, la lên “mẹ ơi, có thư và ảnh của bố”. Nam kéo mẹ đến xem ảnh bố ở Đà Lạt. Mẹ Huyền của Nam xem hình rồi một lát sau, lặng lẽ khóc. Nam đứng sững nhìn mẹ và Nam không hiểu tại sao mẹ khóc. Bao nhiêu năm nay, khi nhận thư và được ảnh của Thành gửi sang, mẹ Nam có khóc bao giờ đâu. Mẹ ôm Nam trong lòng và không giải thích điều gì cả. Nam cũng chẳng hiểu tại sao mình cũng khóc.

Nam lại gửi ngay cho bố vài hàng kể rõ và yêu cầu bố Thành gửi e mail sang an ủi mẹ Huyền. Lúc đó Thành mới sững người, anh nhìn lại những tấm ảnh gửi qua, có tới 2 tấm ảnh chụp đúng vào nơi chốn mà xưa kia Thành và Huyền đã từng có rất nhiều kỷ niệm với nhau lúc bắt đầu cuộc tình.

Bây giờ Thành mới thấy được sự vô ý không thể tha thứ của mình. Anh ngồi

trước computer mà không viết nổi một hàng chữ nào. Hai giờ đêm, Thành xuống phòng Tiếp Tân, gọi điện thoại sang cho con. Lúc đó ở San Diego là giữa trưa. Nam và mẹ đang ăn cơm, Nam nói mẹ không thể nào nuốt nổi. “Thôi, bố nói chuyện với mẹ Huyền đi”. Huyền ngần ngại mãi rồi mới chịu cầm điện thoại.

Thành kể:

– Anh ạ, thoát tiên vẫn là tiếng nức nở của Huyền. Mãi cô ấy mới nói được: “Anh còn tới những chốn xưa sao?”

Thành thú nhận là cũng lặng đi không nói được, không biện minh gì được. Anh chỉ bập bẹ ba tiếng “Xin lỗi em”.

Thành nói với tôi:

– Em cứ tưởng cô ấy cũng chẳng quan tâm gì đến những chi tiết nhỏ đó. Bởi thật ra sau này chúng em gặp nhau rất tự nhiên, chẳng bao giờ nhắc lại những kỷ niệm cũ.

Tôi đã có chút kinh nghiệm về chuyện này nên nói với Thành:

– Không nói, nhưng nó vẫn hiện diện từ trong đáy sâu trái tim mình. Không nói cũng là một cách nói. Như thế hay hơn chứ.

– Không hẳn là như thế anh ạ. Em cho rằng mình cố đánh lừa mình, trong cái thế phải “tình queo” thì phải thế thôi. Trái tim mình nó nói khác.

– Trong những góc tối nhất của linh hồn, có những điều không bao giờ nên đụng tới.

Thành thở dài:

– Nhưng khi đã đụng tới thì nó tàn phá mình kinh khủng.

– Rồi sau đó Huyền nói gì với cậu?

Tiếng Thành rời rạc:

– Có nói gì được nhiều đâu anh. Cô ấy chỉ trách là em không hiểu cô ấy thôi. Mà thật ra, làm sao em không hiểu Huyền được chứ. Em hiểu, hiểu rất nhiều. Chúng em gặp nhau, nhìn nhau cố dửng dưng, trong cái dửng dưng ấy lại có tất cả nỗi nhớ nhung, có tình yêu và có cả một cái gì như thù hận. Anh đừng hiểu thù hận theo cái nghĩa thông thường. Thù ở đây là không đợi nhau được, hận ở đây là nỗi đau vì phải xa nhau. Nó nhẹ nhàng, nhưng sâu đậm. Tưởng là chết cũng không thể nói ra. Vì chúng ta phải sống như những người đàn ông, vì chúng ta phải sống đúng cái cách mà người “hiểu biết” thường phải đối xử với nhau thôi.

Tôi hiểu Thành nên nắm tay anh:

– Hiểu như thế là đủ.

– Chẳng có gì là đủ. Mình tự an ủi mình đấy. Lâu nay em cứ nghĩ rằng cô ấy sống với một người đàn ông tử tế đàng hoàng như vậy là có hạnh phúc rồi, hay ít nhất thì cũng yên ổn. Cô ấy có thể quên em. Nhưng bây giờ em mới hiểu... tình cảm không giản dị như vậy đâu. Nó có đời sống của nó.

Thành bần thần vớ bao thuốc lá lấy ra một điếu châm lửa hút một hơi dài:

– Cô ấy cúp máy ngay sau đó, không cho em nói thêm được điều gì nữa cả.

Tôi hỏi ngược:

– Nếu được, cậu sẽ nói gì?

Thành lắc đầu:

– Chính em cũng không biết, em chỉ thấy cần phải nói thôi.



Đến đây Thành nhìn về phía nhà thờ Đà Lạt. Anh rủ tôi đến nhà thờ, chẳng biết để làm gì. Tôi không đến vì lỡ hẹn với mấy người bạn ăn cơm trưa. Thành cúi bước xuống con đường đầy nắng vàng.

Tôi hình dung ra bóng người đàn ông đó ngồi im lặng trong ngôi giáo đường vắng ngắt. Thành cầu nguyện gì? Tôi không thể đoán ra. Bạn thử

đoán xem. Xin bạn một phút cho những mối tình buồn như thế. Tôi nghĩ không phải chỉ có Huyền và Thành, còn rất nhiều nhiều những chuyện tình đẹp và buồn như thế. Tôi muốn nói tiếng nói ấy trong bút ký này.

Sài Gòn 31-12-2007

VĂN QUANG

BUỔI CHIỀU ÔU

THÒ TRẦN SÔNG PHA

PHẠM THANH CHÂU

Từ Đà Lạt, một thành phố du lịch trên cao nguyên miền Trung Việt Nam, xuống Nha Trang, một thành phố miền biển phải theo quốc lộ 20, qua đèo Ngoạn Mục, nhà máy thủy điện Đa Nhim, khi đến thị trấn Sông Pha, các xe thường dừng lại để nghỉ ngơi một lúc. Đây là một thị trấn nhỏ, hẻo lánh, heo hút giữa rừng già, chung quanh là đồi núi chập chùng. Hôm nay trời mưa khiến cảnh vật thêm vắng vẻ và buồn.

Mưa càng lúc càng nặng hạt. Thị trấn Sông Pha với hai dãy phố trên quốc lộ 20 như chìm ngập trong mưa. Người đàn ông lom khom chạy, tay che đầu, cổ rụt xuống, tưởng như thế mưa sẽ không đổ xuống người. Khi đến một quán ăn, ông ta tạt vào hiên, đứng giữ giữ áo, phủi nước trên tóc rồi mới bước hẳn vào trong. Một cái quán bình thường, giống như bất cứ quán cơm, phở, mì nào trên quốc lộ, tỉnh lộ. Cũng mái tôle, vách ván, vài cái bàn gỗ mộc, trên để ống đũa, muỗng, mấy chai xì dầu, nước mắm... vài con ruồi bay lảng vảng. Mùi ẩm mốc, mùi đất lẫn với mùi thức ăn gọi cho ông ta cảm giác dễ chịu, tưởng như quen thuộc với nơi này rất lâu. Trong quán đã có vài ba

người đang xì xụp ăn, mấy ly bia đã cạn. Có lẽ họ là thợ rừng vì bên lề đường có một xe be chở mấy súc gỗ to tướng, dài cỡ vài chục mét. Họ vừa ăn vừa nói chuyện nhát gừng với nhau. Người đàn ông tìm một góc, ngồi tránh gió lùa. Qua khung cửa sổ ông ta nhìn đăm đăm cái dốc cầu lở lói, rồi nghiêng người nhìn cho rõ cái cầu sắt, đen đũi, giống một con thú yên lặng chịu đựng cơn mưa lạnh. Mấy người đàn ông ăn xong, kêu lên: "Tính tiền, bà chủ!" Một chị đàn bà, cỡ dưới bốn mươi, từ sau quày đi ra. Họ đối đáp, cười nói xã giao vài câu trong lúc trả tiền, rồi toán đàn ông cũng lom khom chạy ra xe, nổ máy. Chiếc xe be ị ạch leo lên dốc cầu, chậm chạp như con khủng long trườn qua giòng nước chảy xiết phía dưới, mờ dần trong mưa.

Có tiếng lao xao ngoài đường. Mấy toán học sinh đi học về. Chúng đi từng bọn với nhau, trò chuyện. Những chiếc áo mưa đủ màu. Bọn con gái đi nép dưới hiên nhà, bọn con trai thì lội ngược dòng nước mưa, dùng chân tạt nước vào nhau, đuổi nhau... Buổi chiều mưa u ám bỗng như sống động hẳn lên vì lũ học sinh. Người đàn ông chợt nhớ lại, lần trước, cách đây vài mươi năm, ông cũng ngồi trong quán ăn nhìn ra đường và bọn học trò cũng đi học về. Cảnh vật, nhà cửa hai bên đường đã hoàn toàn đổi khác nhưng chiếc cầu sắt và lũ học trò vẫn

thế, dù lần trước trời không mưa, các cô thì áo dài trắng, các cậu quần xanh áo trắng. Ông ngạc nhiên tưởng chừng những cô cậu học sinh ngoài kia vẫn cứ đi học từ lúc đó đến bây giờ. Đáng đi dạo dạo của các cô, vẻ nhanh nhẹn vô tư của các cậu vẫn thế. Và nếu không có cơn mưa, ông đã đứng trên dốc cầu ngắm các cô đi học về rồi lần xuống bờ sông, nhìn mê mải dòng nước như ông đã làm trước đây, khi ông còn trai trẻ.

"Thưa ông dùng chi?" Chị chủ quán đứng bên ông tự lúc nào. "Xin lỗi chị!.." "Dạ, không sao. Ông có định ăn hay uống món gì? Hay ông chỉ ngồi trú mưa, cũng không sao!" "Chị có cháo lòng không? Tôi nhớ lần trước, có ghé lại một quán ăn nào đó, hình như đằng kia kia, có món cháo lòng ngon lắm" "Dạ tôi cũng có cháo lòng nhưng có lẽ không ngon như ở cái quán mà trước đây ông đã ăn" "Thú thật tôi cũng không nhớ có ngon không, nhưng ở đó có một kỷ niệm nên tất cả thành ra đẹp và ngon. Lúc này tôi đi tìm quán cháo lòng thì người ta chỉ đến đây. Bây giờ sao không còn thấy cái quán đó nữa, chị?" "Dạ, quán đó đã đóng cửa, bán nhà cho người khác rồi" "Tiếc quá! Chị cho tô cháo".

Trong lúc chị chủ quán lúi húi làm việc, ông ta để ý mới biết phía trước là quán ăn, phía sau làm nơi cư ngụ của cả gia đình. Lối đi vô nhà sau nằm ngay nơi bếp, cách biệt hẳn hai nơi rõ rệt. Một cô học trò chạy ùa vào nhà.

"Thưa mẹ, con đi học về!" Nó quay qua chào ông khách. "Chào bác ạ!" "Vâng, chào cháu!" Nó chào xong là biến mất sau cửa. "Hùng ơi! Nhớ nấu cơm kẻo ba con về

không kịp" Tiếng con bé từ sau nhà vọng ra. "Sao giờ này ba chưa về hả mẹ?" "Nghe ba con nói chiều nay ghé trường đón em con rồi ra xưởng họp hành gì đó" Chị chủ quán bưng tô cháo đến, ông ta hỏi. "Con gái sao đặt tên Hùng như con trai?" Chị cười. "Ở trường nó tên Hồng, ở nhà quen gọi Hùng từ lúc nhỏ, chúng tôi cắt tóc ngắn, cho mặc đồ con trai, chúng tôi thích con trai..." "Tôi thấy tên Hùng đặt cho con gái có vẻ hợp lý. Nhiều ông tên Hùng mà chẳng hùng dũng gì cả, như tôi chẳng hạn"

Chị chủ quán đặt tô cháo trên bàn, không trả lời, chỉ liếc nhìn ông khách, xong chị quay về ngồi sau quầy, khuất sau mấy bó hành xanh, ớt chín đỏ treo như những vật trang trí. Người đàn ông thong thả ăn, mắt lơ đãng nhìn ra đường mưa. Chị chủ quán chăm chú nhìn ông khách, rồi như chợt nhớ ra điều gì, chị lấy trái chanh, vắt mấy miếng, đặt trên cái đĩa nhỏ mang ra.

"Tôi quên đem chanh. Ông có uống gì không? Nước ngọt hay bia?" "Chị cho tôi xin trà nóng. Trời mưa uống trà thích lắm" "Dạ, ông chờ cho chút, tôi có sau nhà, trà cho khách uống không được ngon" "Cám ơn chị. Có lẽ tôi là khách đặc biệt mới được chị đãi trà ngon" "Dạ, tôi đoán ông sành uống trà nên phải có trà thơm cho ông" Chị chủ lại về ngồi chỗ cũ. Cô gái sau nhà đi ra, âu yếm ôm vai mẹ. Hai mẹ con chuyện trò nhỏ nhỏ gì đấy. Ông khách nhìn và cười "Ra đường người ta tưởng là hai chị em. Giống nhau quá!" Chị chủ quán cũng cười "Nó lớn rồi, lên trung học mà cứ làm nũng với mẹ như con nít" Chị nói với con gái. "Nước sôi rồi, con lấy hộp trà trên bàn thờ ra đây cho

mẹ. Xong rồi lo học bài, làm bài. Theo mẹ hoài, bác khách cười cho"

Ông khách không dám nhìn lâu, sợ bất nhã, nhưng cũng nhận ra chị chủ quán có đôi mắt đẹp và buồn xa xăm như đăm chiêu về một nơi nào. Bỗng ông nhíu mày lại, đôi mắt đó, hình như ông đã gặp ở đâu? Ông ngược nhìn chị, bắt gặp chị ta cũng đang nhìn ông. Cả hai bối rối. Ông đành hỏi một câu cho bớt ngượng.

"Chị lập quán này lâu chưa?" "Dạ, sau giải phóng độ vài năm". "Chắc chị người vùng này? Tôi nhớ lần trước có thấy đâu đó mấy chữ Thị Trấn Sông Pha, hình như lúc vừa từ đèo đổ xuống, chữ lớn lắm". "Nó còn đấy chứ, có lẽ trời mưa nên ông không thấy". Chị chủ quán bưng bình trà và một cái tách trên một khay nhỏ: "Mời ông dùng trà". "Cám ơn chị. Buôn bán có khá không chị?". "Dạ, cũng đủ sống. Mọi khi trời không mưa thì giờ này cũng có lai rai khách đến nhậu". "Chị cho tính tiền" Sau khi trả tiền, ông khách nhìn ra đường. "Mưa lớn quá!". "Mọi năm, tháng này đâu có mưa. Hôm qua trời còn nắng mà cũng không lạnh". Và chị ngập ngừng. "Trời còn mưa...Nếu không vội, mời ông cứ ngồi". "Cám ơn chị, tôi định đi loanh quanh đây, nhưng mưa quá!". "Có lẽ ông muốn tìm ai?". "Tôi tìm một người quen. Thú thật, tôi chỉ nhớ tên, chứ không nhớ rõ người, lâu quá!". "Có lẽ ông biết nhà?". "Thì cái quán đằng kia, nhưng đã đổi chủ rồi nên tôi chỉ đi lang thang cho đỡ buồn. Nói đúng ra, tôi tìm một kỷ niệm. Mà chị biết, kỷ niệm thì người thích thì giữ, người không thích không muốn nhớ đến. Nhiều khi chuyện không đâu,

chẳng có gì đáng nhớ, lại nhớ suốt đời..." Chị chủ quán về lại sau quầy, có vẻ tò mò.

"Người quen mà mình quên mặt! Thế làm sao ông tìm?". "Giả như có tìm ra người, chắc gì người nhớ ra mình. Lâu quá! Cỡ vài mươi năm, cho nên tôi tìm cho biết thôi. Tôi nói thế này, chắc chị thông cảm với tôi liền. Bây giờ, tình cờ chị tìm thấy quyển vở, quyển sách thời còn đi học, hay rõ hơn, chị đọc lại quyển lưu bút chẳng hạn, chị sẽ bồi hồi nhớ lại tất cả, thương yêu tất cả. Mà những người bạn trước kia, nay đã khác rồi, từ gương mặt đến tâm hồn, suy nghĩ, cho nên trong những giây phút hồi tưởng đó, cách tốt nhất là chị đến trường cũ đứng nhìn, chị sẽ thấy lại cả một quãng đời thanh xuân với bạn bè ngày trước... Nghĩa là nó ở một thế giới khác, cách biệt hẳn với hiện tại. Tôi cũng thế, tôi muốn đến đây, ngồi lại cái quán ăn cách đây mấy chục năm, gọi một tô cháo, ăn xong, lang thang trên đường này, đứng ở dốc cầu kia, ngắm mấy cô nữ sinh đi học về, rồi xuống dưới bờ nhìn giòng sông. Cũng may, con đường còn nguyên, cây cầu còn nguyên, giòng nước thì vẫn thế, chỉ có cái quán ăn không còn mà thôi. Cái lạ là người tôi muốn tìm, tôi cũng ước ao cô ta vẫn chỉ độ mười sáu, mười bảy tuổi thôi. Không phải cho tôi bây giờ, mà để tôi tìm thấy tôi lần đầu tiên trong đời được cô ta ban cho cái hạnh phúc đẹp đẽ, thánh thiện của tình yêu. Cho nên tôi nói với chị là tôi đi tìm dĩ vãng, tìm người cũng có, nhưng lại không muốn gặp người"

Ông khách nói một hơi như sợ không còn dịp để thổ lộ ý nghĩ mình. Chị chủ quán có vẻ thông cảm. "Coi bộ ông cũng lãng

mạn dữ. Nhưng giả dụ, nay, ông gặp lại người cũ, dĩ nhiên bây giờ già rồi, xấu rồi, ông còn giữ tình cảm, đúng ra, tình yêu của ông đối với người đó không?". "Chị với tôi đều lớn tuổi rồi, nên tôi nói chị sẽ hiểu ngay. Tình yêu lúc đầu là dáng người, ánh mắt, miệng cười, lời nói... Rồi theo thời gian nó không là hình bóng nữa mà là sự cảm thông, chấp nhận nhau. Ý tôi muốn nói là dù cô ta có thế nào tôi vẫn cứ yêu thương. Tôi yêu cái tình mà tôi tin rằng cô ta yêu tôi, yêu cả tình tôi yêu cô ta nữa. Thật khó giải thích! ... Qua bao năm dài những gì còn lại là tấm lòng chứ không phải sắc diện bề ngoài"

Bàn của ông khách cách chỗ ngồi của chị chủ quán độ năm mét, nhưng tiếng mưa nghe rào rào trên mái tôle, ông khách sợ người nghe không rõ, không thông cảm nên ông nói lớn tiếng. Chị chủ quán có vẻ bối rối, nhìn ra đường rồi chị lại cúi xuống lấy ấm nước đến rót vào bình trà cho ông khách. "Ông bảo đi tìm người ta mà lại không muốn gặp, vậy ông đến đây làm gì?... Để tôi bỏ thêm ít trà nữa". "Cám ơn chị. Thật tâm, tôi muốn gặp nhưng sợ người ta quên nên không dám đối diện. Mà dù có còn nhớ, tôi cũng không nên xáo trộn cuộc sống của người ta. Chắc chắn cô ta đã lập gia đình, có con cái, sống với hạnh phúc bình thường của một người bình thường"

Chị chủ quán đi lấy hộp trà, mở ra, nghiêng đổ một ít vào lòng bàn tay rồi mở nắp bình trà, cẩn thận bỏ vào. Ông khách ngược nhìn chị, hai khuôn mặt gần sát nhau, ông thấy rõ đôi mắt đen chăm chú vào bình trà, chiếc mũi thon, hơi hếch lên, vẻ nghịch

MƠ XUÂN

Ngán ngơ thiên lý một mình
Hành trang còn mối tơ tình vấn vương
Trong tịch mịch những đêm trường
Ước mơ xuân đến viễn phương mịt mờ
Nguyệt cảm lạnh những phím tơ
Bơ vơ lạc lối bên bờ sơn khê
Người đi sao chẳng thấy về
Mây hồng lãng đãng bốn bề tịnh không
Chập chùng hư ảo mệnh mông
Thoảng nghe như tiếng gió đông thổi dài
Sương rơi hay lệ u hoài
Theo dòng nước chảy trải dài chân mây
Hài xuân nhẹ bước đến đây
Ngàn hoa tươi thắm hay hay nắng đào
Hương xuân quyện gió dạt dào
Từng đàn chim én lao xao phiêu bồng.

QUỖNH ANH

(Virginia)

ngợm, miệng mím lại nửa như làm nghiêm, nửa như cười, gò má hồng, da mịn. Ông nghe cả hơi thở nặng nề từ đôi ngực căng, phập phồng sức sống của tuổi sung mãn. Ông nói nhỏ "Cám ơn chị, trà thơm quá! Vị đậm và có hậu". Chị chủ vẫn cúi xuống, lắc

nhẹ bình trà. "Ông chờ một lát cho trà ngấm. Trà Blao ướp gừng, chúng tôi thường uống trà này, quen rồi" Chị quay về quày. "Nghe ông kể tôi cũng tò mò, muốn biết câu chuyện ra sao và tên của người hân hạnh được ông nhớ mãi, suốt mấy mươi năm. Tôi sẽ cố tìm giúp ông, biết đâu tôi sẽ tìm thấy. Tôi là người ở địa phương này".

"Lúc này chị bảo tôi lãng mạn, có lẽ đúng. Chuyện chẳng có gì. Với người khác không đáng để nhớ, nhưng với tôi lại là một biến cố lớn trong đời. Đại khái như thế này. Năm đó, tôi học đại học sắp ra trường, ở Sài Gòn. Trong dịp tôi theo mấy người anh họ đi dự đám cưới của một người bà con trên Đà Lạt, lúc quay về chúng tôi đồng ý sẽ ghé Nha Trang chơi. Tôi nhớ đó là lần đầu tôi theo quốc lộ 20 nên tất cả đều mới lạ và đẹp. Đèo Ngoạn Mục, Đa Nhim, Sông Pha... Lúc vừa vào thị trấn Sông Pha thì xe bị trục trặc, người lái xe bảo phải chờ hơn hai tiếng đồng hồ để người phụ tài đi mua phụ tùng về thay. Chúng tôi rủ nhau vào quán đằng kia. Trong khi các người anh nhậu nhẹt, tôi chỉ kêu một tô cháo lòng. Cô con gái của chủ quán đem cháo ra. Tôi đoán thế vì tôi thấy cô đi học về, vào nhà rồi ra phụ với gia đình ngay. Cô trông rất có duyên và vui. Bây giờ gặp lại, có lẽ tôi không nhận ra, chỉ còn ấn tượng là cô có đôi mắt đẹp, đen nhánh, như cười, môi hồng tự nhiên. Tôi bảo cô "Anh đi chiếc xe đồ kia kìa, nó bị hư phải sửa, ít nhất vài tiếng nữa. Anh ra đằng đóc cầu kia đứng chơi, khi nào xe đó sửa xong, em bảo họ chờ một lát và cho người ra kêu anh, được không?". "Được chứ, nhưng nếu kêu anh, anh sẽ

thưởng gì?". "Nếu là người phụ việc ở đây, anh sẽ biếu ít tiền để cảm ơn". "Nếu em gọi?" Tôi đùa: "Nếu là em, anh sẽ tặng em quả tim của anh, để em nấu cháo, khách sẽ khen ngon". Cô vờ làm vẻ sợ hãi: "Anh nói nghe mà ghê!". Tính tôi vẫn thế, đến chỗ lạ là thích lang thang, nghiêng ngó cảnh vật, đường sá, nhất là nơi nào có chiếc cầu bắc qua sông là tôi có thể đứng ngắm nhà cửa bên kia bờ, ngắm giòng nước không bao giờ chán. Tôi nhớ rất rõ, khi tôi đứng dưới đóc cầu, mặt trời lặn sau dãy rừng cây âm u phía xa, màu mây trời làm đỏ rực mặt sông, tiếng chim về tổ gọi nhau... Chị có ra đó đứng ngắm cảnh chiều tà lần nào chưa? Đẹp lắm! Về êm đềm của thị trấn yên tĩnh, hiền hòa này cứ ở mãi trong trí tôi, biến thành ước ao ngày nào được về đây sống, và mỗi buổi chiều ra ngắm dòng sông... Trong lúc đang mơ màng thì tôi nghe tiếng kêu "Anh đó, về lên, xe sắp chạy rồi!" Tôi ngẩng lên thấy cô học trò, con chủ quán, vừa chạy trên bờ vừa kêu. Cái bờ sông, tuy không cao lắm, nhưng có cỏ, nên cô bị trượt chân, gượng lại không được, cứ chạy chúi nhủi xuống phía tôi. Tôi giữ được tay cô nhưng cô cũng ngã nhào vào người tôi, khiến tôi cũng suýt ngã theo. Đôi mắt cô ngược nhìn tôi sáng long lanh. Cô mắc cỡ nên má cô hồng. Tóc cô dài và đen, vương đầy cánh tay tôi. Không hiểu sao tôi lại đủ can đảm hôn lên môi cô, chỉ hôn phớt thôi. Môi cô mềm, hơi thở cô thơm như cửa trẻ thơ. Đó là nụ hôn khiến tôi rung động, hạnh phúc nhất trong đời. Bao nhiêu năm rồi, tôi vẫn cảm tưởng như mới đây. Cô đẩy tôi ra, lùi lại, nhìn sững tôi rồi cô cười và nói:

“Chạy tìm anh bắt mệt!” Tôi nói: “Cám ơn em”. Có lẽ cô bị xúc động nên cứ lúng túng không lên được bờ dốc. Tôi nắm tay cô kéo đi “Anh tên Hùng, em tên gì?”. “Phúc Lan”. “Anh sẽ trở lại thăm em”. Lên khỏi bờ sông, cô gỡ tay tôi ra và chạy trước. Cô mới lớn, hơi cao và ốm nhưng dáng đi đã uyển chuyển, tóc cô bay trong gió...”. Chị chủ quán bỗng kêu lên. “Thôi chết, trời mưa mà tôi quên đem mũ củi, ướt hết!”.

Chị khoác áo mưa, cứ để đầu trần chạy ra cửa, vòng ra sau hè. Người đàn ông không quan tâm, rót nước trà uống, ông ta như muốn kể cho riêng mình nghe. Một lát chị quay vào, cởi áo mưa treo trước hiên. Đầu tóc, mặt mũi ướt đẫm nước mưa. Chị nói: “Mưa lớn quá, ướt hết cả!”. Chị ra sau quày, lấy khăn xoa đầu tóc, lau mặt, rồi hỉ mũi sụt sịt. Người đàn ông kêu lên: “Chị bị cảm rồi đó!”. “Cám ơn, tôi sẽ uống thuốc. Ông kể tới đâu rồi? Xin lỗi, tôi vội quá”. “Chuyện đến đó là hết, chẳng có gì hay ho”. “Ông hứa trở lại, rồi ông có trở lại không?”. “Thú thật, đôi khi tôi cũng quên băng đi. Chẳng phải tôi có người yêu khác, mà cuộc đời cứ bắt đầu óc mình quay cuồng với bao chuyện rắc rối, khi nhớ đến cô bé đó thì lại tự hẹn mình chờ dịp thuận tiện. Rồi vụ đổi đời năm bảy năm, tôi không thể đi đâu được. Bây giờ tôi ở xa lắm. Hơn nửa đời người, bao nhiêu biến chuyển, chỉ còn đọng lại trong tâm hồn tôi kỷ niệm nhỏ bé với cô Phúc Lan và buổi chiều Sông Pha năm nào. Tôi nhớ người cũ, cảnh cũ lắm mới tìm về đây. Tôi thấy thích ở đây, ở đến già đến chết cũng được”

Chị chủ quán cười: “Nếu ông về ở đây, hễ đến quán này, tôi tính nửa giá thôi. Nhưng bây giờ ông định làm gì, có muốn gặp lại cô bé ngày xưa không? Theo ông kể, có lẽ tuổi cô ta cũng cỡ tôi, cũng đi học cùng trường với tôi, nhưng sao nghe cái tên lạ quá. Để tôi giúp ông, tôi sẽ hỏi các bạn tôi ở đây, dù cô ta có đi nơi khác cũng còn bà con, bạn bè biết cô ta. Nhưng hỏi ra thì báo cho ông cách nào. Ông có địa chỉ không? Ông có muốn nhắn gì với cô ta không?”. “Ý kiến chị vậy mà hay. Tôi chỉ cần biết cô ta ở đâu để có dịp tôi chỉ đến nhìn thôi, chứ không gặp. E cô ta đã quên hẳn tôi rồi! Lại nữa tôi không muốn xáo trộn cuộc sống của cô ta. Tôi là kẻ ngoại cuộc rồi”. “Ông cứ cho tôi địa chỉ, khi tìm ra, tôi sẽ báo cho ông”. Rồi chị cười: “Tôi cũng bắt chước cô bé ngày xưa của ông, hỏi ông, nếu tìm ra cô ta, ông thưởng gì cho tôi? Tôi không cần tiền cũng không cần quà tim của ông”. “Chà, khó thật! Thôi thì như chị nói, tôi sẽ đến quán này hằng ngày, suốt quãng đời còn lại của tôi”. “Đùa với ông thôi, bây giờ ông cho tôi địa chỉ, nhưng bà xã ông nổi ghen thì không phải lỗi của tôi đâu nghe”. “Tôi chẳng có gia đình. Tôi đã là thanh niên râu rồi, lỡ thì rồi! Chị có giấy cho tôi xin tờ, cây viết nữa”.

Chị chủ quán gọi lớn. “Hùng ơi, đem cho mẹ cây viết và tờ giấy”. Cô bé chạy ra. “Con đem cho bác đằng kia”. Chị chủ quán ngồi nhìn con gái và ông khách, ngạc nhiên thấy hao hao như hai cha con. Ông khách hỏi ý kiến chị chủ quán. “Có lẽ tôi nên viết mấy giòng cho cô ta để nhắc lại chuyện cũ xem cô có nhớ ra không. Tôi nên gọi cô ta

là chị, là bà hay là cô?". "Tôi thấy ông nên viết là bà hợp lý hơn". "Phải rồi, gọi là bà đúng đắn hơn. Rủi người ta không nhớ ra mình cũng không bảo rằng mình thiếu lịch sự. Người đàn ông ngồi nép vào vách để tránh bụi mưa, chống cằm suy nghĩ một lúc rồi cầm bút viết. Được độ nửa trang ông đọc lại rồi đem đến cho chị chủ quán. "Chị xem tôi viết thế này có được không?"

"Kính gửi bà Phúc Lan,

Tôi tên Hùng, cách đây gần hai mươi năm, tôi là người khách đến quán của gia đình bà ăn tô cháo. Xong, tôi ra bờ sông ngắm cảnh trong lúc chờ xe đò hồng phải sửa chữa. Bà có ra gọi tôi vì xe đã sửa xong, tôi được biết tên bà là Phúc Lan. Tuy chỉ có thế nhưng tôi vẫn nhớ đến bà mãi. Hôm nay tôi ghé lại Sông Pha thì quán của gia đình bà không còn nữa! Tôi chỉ mong được biết tin về bà bây giờ ra sao? Bà chắc đã có gia đình, tôi thì cũng lớn tuổi rồi, không còn như ngày xưa! Thế nên tôi chỉ ước mong bà xem tôi như một người bạn nếu bà còn nhớ ra tôi. Còn như bà đã quên hẳn tôi thì tôi xin lỗi bà về những dòng chữ vô duyên này. Tôi đã kể hết cho chị chủ quán, người đưa mảnh giấy này, nếu tò mò, xin bà cứ hỏi chị ta. Kính chúc bà và ông nhà và các cháu khang an, vạn sự như ý. Kính thư, Hùng"

Chị chủ quán đọc xong. "Ông viết thế này đủ rồi, nếu cô ta có hỏi gì về ông, tôi sẽ kể lại như ông đã kể cho tôi nghe" "Cám ơn chị. Tiếc quá, hôm nay trời mưa, tôi không thể đi lòng vòng thị trấn này" "Ở đây buồn lắm, trời mưa lại càng buồn hơn. Ông từng

đi đây đi đó... mà lại thích ở đây cũng lạ! Nếu ông chờ, hy vọng ngày mai mưa sẽ tạnh". "Sáng sớm tôi phải đi rồi. Chào chị!"

Nói xong ông ta lại xòe tay che đầu, rụt cổ lại đi nép vào hàng hiên. Chị chủ quán ngồi nhìn theo ông ta cho đến khi đi khuất. Chị bần thần đọc lại lá thư rồi xé, ném vào bếp lửa, chỉ giữ lại cái địa chỉ.

" Sông Pha Ngày...tháng...năm...

Anh thân yêu,

Buổi chiều, lúc anh rời quán, em muốn chạy theo kêu anh, cho anh rõ rằng người anh muốn tìm là em, nhưng không hiểu sao, em chỉ biết ngồi chết lặng. Tối đó, em cứ thao thức mãi. Tưởng tượng anh đang ở trong quán trọ đằng kia, ngay tại Sông Pha này...Anh gần đó mà sao em thấy xa vời quá! Tình yêu của em, ước mơ của em, hạnh phúc của em...em tưởng là tuyệt vọng, bây giờ đã hiện ra, nhưng em không còn quyền quyết định nữa! Và giờ đây, em đang khóc khi viết cho anh. Khóc vì mừng và giận anh. Sao anh hẹn mà không trở lại? Chỉ một cái trượt chân định mệnh, em ngã vào vòng tay anh, em gỡ tay anh ra nhưng em không gỡ được linh hồn em, cuộc đời em ra khỏi anh. Đã bao buổi chiều em ra ngồi ở dốc cầu, âm thầm khóc vì nhớ anh. Em tưởng như anh còn đứng đấy. Dáng anh cao, mắt anh sáng, miệng tươi cười với em. Vì lời hứa của anh mà em hy vọng mãi. Nghe tiếng xe đò ngừng trước đường là em hồi hộp, thậm chí tưởng anh đang xuống xe và đến với em. Chỗ anh ngồi trong quán, không lúc nào là em không nhìn chằm chằm. Em yêu thương cả đến chỗ ngồi của anh! Và tên anh, nghe người ta gọi nhau, em cũng rung động, nhớ anh.

Với tuổi thơ ngây, em chỉ cầu mong được gặp anh, nhìn anh, chuyện trò cùng anh, thế thôi. Đến khi trưởng thành, nụ hôn của anh, vòng tay anh thành ước mơ được anh ấp ủ, được quán quít bên anh.

Khi quyết định lấy chồng, em cũng ra đốc cầu ngòi khóc đến sưng cả mắt mà chẳng biết tâm sự với ai. Em chỉ biết kêu lên với giòng sông, với gió chiều “Xin hẹn anh kiếp sau” tưởng như gió sẽ đưa lời của em đến với anh. Nhưng biết anh nơi đâu?

Chiều nay em cũng lại ra đấy, đứng nhìn giòng sông, lòng em vui khi anh đã quay lại nhưng không khỏi ngậm ngùi vì những ước mơ chẳng còn gì. Em cũng đành thì thầm với giòng sông, với gió chiều “Xin hẹn anh kiếp sau”. Anh bảo rằng đã quên em, chỉ nhớ đôi mắt em rất vui, rất đẹp. Bây giờ đôi mắt em không còn vui, cũng chẳng còn đẹp đến độ anh đã gặp mà không nhận ra em! Em thì giây phút đầu đã biết ngay là anh, nhưng không hiểu anh có còn nghĩ đến em không? Đến khi nghe anh kể lại, khi anh nhắc đến tên anh, tên em, em phải chạy ra ngoài mưa đứng khóc. Em khóc say sưa, vì vui mừng và cũng vì đau khổ. Anh ngòi đó mà như bị một hàng rào ngăn cách. Em đã là gái có chồng. Em không còn quyền gì với chính em nữa. Yêu anh, nhớ anh đã là một hạnh phúc. Được biết anh cũng nhớ đến em, hạnh phúc và lòng biết ơn anh tràn ngập lòng em. Bao nhiêu năm rồi, nụ hôn của anh, có bao giờ em quên. Nhiều đêm em nằm mơ, thấy gặp lại anh, em khóc vì vui mừng, nhưng khi tỉnh dậy, biết chỉ là giấc mơ, em càng khóc vì càng nhớ anh hơn. Và ngay khi đang viết thư này, em cũng dầm dìa

nước mắt...Chiều hôm qua, anh đến với em. Có phải là giấc mơ không anh?

Dù sao cũng là một an ủi cho em, không bỏ công em lập quán bên đường để chờ anh. Đứa con gái đầu lòng, em đặt tên anh để mỗi ngày gọi anh cho đỡ nhớ, và em cũng không ngờ nó lại phẳng phất giống anh.

Từ hôm nay em lại nhìn chùng về phía bàn anh ngòi, lại hy vọng anh sẽ quay về. Anh vẫn thế, nhưng em đã thay đổi. Em đã có chồng, có con. Em thương chồng, thương con. Em có một gia đình bình thường, một hạnh phúc bình thường như anh đã bảo. Lý trí em thì nghe theo lời anh “Không muốn xáo trộn cuộc sống của em” Nhưng tự tim em, tự tâm hồn em, cứ mong ngóng được gặp lại anh hằng ngày.

Hay là thế này. Chúng ta thỏa thuận, cứ vào gần cuối mùa Xuân, mỗi năm anh về thăm em một lần, cũng vào buổi chiều như hôm trước. Anh như là khách lạ, ghé vào quán của em. Anh đừng chuyện trò, hỏi han gì em. Anh cứ ngòi đấy, để em được nhìn thấy anh trong chốc lát, là ban cho em hạnh phúc tuyệt vời rồi. Xin anh đừng liên lạc gì với em cả. Em không ghi địa chỉ của em là vì thế.

Em van anh, đừng thực hiện ý định về sống suốt đời ở thị trấn này. Đốc cầu còn đó, dòng sông còn đó, ánh nắng chiều vẫn vậy. Nếu anh về ở hẳn nơi đây, mỗi chiều anh ra đứng đấy thì cái thảm cỏ kia sẽ làm trượt chân em. Lần này, em biết, sẽ không gỡ tay anh ra được nữa”

PHẠM THANH CHAU

(Virginia)

TÌNH THẦY TRÒ QUỐC GIA NGHĨA TỬ

NGUYỄN THỊ XUÂN NGA

Vào khoảng đầu tháng 10, tôi được Sự vụ lệnh của Bộ Quốc Gia Giáo Dục Sài-Gòn, thuyên chuyển về trường Trung-học Quốc Gia Nghĩa Tử Sài-gòn . Ngôi trường này tọa-lạc trên đường Chi-Lăng, gần Ngã Tư Bảy Hiền, đã được khánh thành vào cuối tháng 9 năm 1963 dưới sự chủ tọa của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Ngôi trường thật đồ sộ với ba tầng lầu. Tính đến tháng Tư năm 1975, tôi đã dạy được ở đó 8 năm trời với bao kỷ niệm với các đồng nghiệp cũng như với các em học-sinh.

Sau ngày rời xa quê hương, tôi đã liên lạc được với các Giáo-sư : ĐỗThị Lĩnh, Nguyễn Thị Dung, Trần Kim Oanh, Phùng Thị Tân, Nguyễn Kim Xuyên. Mãi đến đến năm 2003, tôi mới liên-lạc được với Giáo-sư Phạm Nghệ, mặc dầu anh và tôi ở cùng Tiểu bang New Jersey và cùng một tỉnh nữa! Lần đầu tiên đến nhà tôi anh không tìm được địa chỉ nên phải hẹn gặp ở Promenade Shopping Center để tôi dẫn anh đến nhà. Sau đó anh dẫn bà xã đến gặp tôi và từ đó, cứ mỗi thứ Sáu là tôi lái xe đến nhà anh chị , rồi cả ba, do anh Nghệ lái, cùng sang bên Philadelphia để ăn trưa rồi đi chợ ở bên đó, rất vui. Nhưng chỉ được vài năm , đến tháng Ba năm 2005 thì anh bị ngã, phải đi bệnh-viện giải-phẫu, thế là từ đó không còn cái chương-trình đi chơi mỗi ngày thứ Sáu nữa.

Còn về phía các em học sinh Quốc-Gia Nghĩa Tử thì tôi không có tin-tức gì của các em cả. Vào một buổi tối tháng Ba năm 2004, có tiếng điện thoại reng, tôi nhắc lên thì ở đầu dây bên kia có tiếng nói:

-A lô, xin được nói chuyện với cô Xuân-Nga.

-Xuân-Nga tôi đang nghe đây.

-Con là Lê Hoàng Tâm học trò Quốc-Gia Nghĩa Tử từ bên Philadelphia , con được Thầy Nghệ cho số điện thoại của cô nên con gọi thăm cô đây.

Tôi rất mừng liền hỏi lại em:

-Trước kia em có học tôi không?

-Con không học cô nhưng con vẫn coi cô là Thầy của con vậy...

Câu trả lời thật cảm-động. Tuy đã xa trường gần 30 năm mà nay vẫn còn được một em cựu học sinh thăm hỏi. Ôi! Hạnh phúc biết bao!

Từ đó tôi và em Tâm liên-lạc thường xuyên. Em Tâm cho biết là ngày 17 tháng Tư năm 2004, các em cựu học-sinh Quốc-Gia-Nghĩa Tử vùng Hoa Thịnh Đốn và phụ cận sẽ tổ chức lễ ra mắt tại Virginia. Em hứa sẽ chờ tôi và thầy cô Nghệ tới dự.

Một tối thứ Sáu vào cuối tháng Ba, em Tâm gọi điện-thoại mời tôi sang nhà em chơi nhân dịp có bạn cùng lớp của em tên là Phương từ Texas lên chơi. Tôi nhận lời.. Thế là sáng hôm sau, tôi đi xe buýt từ New Jersey sang Philadlphia. Tôi xuống xe tại đường Market trước cửa tiệm K-Mart rồi kêu điện thoại để em Tâm ra đón. Vì hai thầy trò đều không biết mặt nhau nên Tâm hỏi tôi.

-Cô mặc áo gì vậy?

-Cô mặc áo “coat” màu đen, đội mũ cũng màu đen.

Khoảng 15 phút sau thì Tâm và Phương lái xe đến, đón tôi về nhà em Tâm. Đó là một căn nhà xinh xắn đẹp-đẽ, gọn-ghẽ. Tới nơi tôi gặp vợ em Tâm là Kim Anh và 2 con trai. Ngoài ra Tâm còn có một con trai lớn đã lập gia-đình và có 2 con rôi. Tôi cũng gặp vợ em Phương là Kim – Khoa, em nói là có học tôi, và gặp hai con của Phương nữa. Sau đó còn có em Tòng Cũng từ Cherry Hill, New Jersey tới. Trong lúc ngồi ăn các em kể lại những nỗi cơ-cực, vất-vả đã phải trải qua sau ngày 30 tháng Tư 1975 thấy rất tội nghiệp.

Tôi ở chơi mãi tối mới được Phương cùng với Tâm và Tòng chở tôi về.

Buổi trưa hôm 16 tháng Tư, anh Nghệ chở tôi và chị Nghệ đến nhà em Tâm và lúc 2 giờ chiều thì em Tâm chở chúng tôi tới Virginia. Vì bị lạc đường nên hơn 6 giờ chiều mới tới nơi. Chúng tôi đến tiệm phở thì một số các em QGNT đã đang ở đó như em Trần Giai Thoại, Hội trưởng, Nguyễn Đạt Phương, em bảo là học tôi năm Đệ ngũ, và em còn nhớ mãi bài thơ *Chiều Hôm Nhớ Nhà* của Bà Huyện Thanh Quan mà tôi đã dạy em. Em cũng khoe là em có mang theo được học bạ cũ có lời phê và chữ ký của tôi nữa. Ở đây cũng còn gặp em Nhung, em Tuấn, em Lưu Thị Dậu, em Dậu cho biết là em học tôi năm 1970. Em còn nhớ lúc tôi có bầu năm 1972 nữa., các em đến tiệm phở cũng khá đông, tôi không nhớ hết. Sau đó chúng tôi về nhà em Thoại và gặp em Lê, vợ em Thoại và một số các em từ xa đến thật là đông vui... Nhà em Thoại ở khu yên-tĩnh, rộng-rãi, đồ đạc mua từ Việt-Nam gửi về nên đẹp đẽ... Chúng tôi ngụ tại nhà em Thoại 2 đêm, em Lê đã sắp xếp chỗ ở cho chúng tôi rất chu đáo

Sáng hôm sau, em Thoại chở tôi và chị Nghệ đi lễ chùa, thọ trai và chụp hộ chúng tôi nhiều tấm hình đứng bên tượng Phật bằng đá trắng muốt tuyệt đẹp. Lúc gần 6 giờ chiều, chúng tôi cùng các em Thoại, Lê đến nhà hàng Sài Gòn House để chuẩn bị cho buổi dạ tiệc lúc 7 giờ rưỡi. Tại đây tôi gặp lại Giáo sư Hồ Thị Ngọc-Nữ đến cùng với phu-quân. Ngoài ra cũng còn các Giáo-sư Lân, Khoái, Bửu Minh tới tham dự. Bữa tiệc có thức ăn ngon, phần văn nghệ do các cựu học sinh QGNT trình bày rất hay và được nhiệt-liệt hoan hô. Cũng mướn ca-sĩ Thiên-Kim từ California qua. Buổi lễ ra mắt được tổ-chức hoàn-hảo, mặc dầu các em chỉ có hơn mười người. Tháng 8 năm đó chúng tôi cũng tham dự buổi picnic với các em nữa.

Từ đó chúng tôi và các em liên lạc với nhau luôn., tình thầy trò càng thêm khăng-khít. Hôm 28 tháng 10 năm 2006, sáu em là Thoại, Tuấn, Thu (vợ của Tuấn), Tường, Phương, Thuận đã từ Virginia đến New Jersey thăm chúng tôi. Anh chị Nghệ cùng các em tụ-tập tại nhà tôi, ăn uống, trò chuyện thật vui. Các em biểu chúng tôi những cây giò lụa, giò bò rất to. Em Lê và Dậu không đi được cũng gửi quà biếu...

Hôm 31 tháng Ba vừa qua, các con tôi tổ chức Thượng Thọ 70 tuổi của tôi, các em cũng tới tham dự đông đảo và tặng quà kỷ-niệm quý giá. Hôm đó có em Long từ Việt-Nam qua, vợ chồng, con, cháu em Tâm từ Philadelphia qua, các em Thoại, Lê, Dậu và Phương từ Virginia tới. Giáo-sư Nghệ thường nói với tôi rằng: “Học trò QGNT có tình lắm.” Quả đúng như vậy. Những cuộc thăm viếng, những lời thăm hỏi đã làm chúng tôi ấm lòng. Tôi thường tự nghĩ: “Minh chọn nghề dạy học quả là khôn-goan, vì tuy đã xa trường cả mấy chục năm mà vẫn còn được các em cựu học sinh thăm hỏi và quý mến.

NGUYỄN THỊ XUÂN NGA
(New Jersey)

THUYỀN TRÔI. NGÀY ĐỢI SÁNG

LÊ LUYẾN

Quay tơ dệt lụa đất Mã Châu
Riêng tặng người yêu buổi ban đầu.

I.
Ráng chiều nhạt nắng. Dòng sông Thu Bồn tắm mình trong vùng ánh sáng đỏ quạch của hoàng hôn đang chuyển dần qua màu vàng rực rỡ. Mặt sông trong thời điểm giao tiếp giữa hai vùng ánh sáng vừa chói chang, vừa nhạt nhòa như huyền ảo, lung linh hẳn lên. Một chiếc thuyền nan mong manh nhẹ khua mái chèo. Những gợn sóng nhỏ như dát bạc đuổi nhau lăn tăn qua lại hai bên bờ, tạo cảnh sắc trở nên linh động một cách kỳ ảo. Buổi chiều nơi thôn dã thật tuyệt diệu và đẹp vô ngần.

Thuyền nhẹ trôi, trên thuyền chỉ có hai người đàn ông. Trái ngược hẳn với cảnh trí nên thơ, mặt hơi buồn dầu dầu. Người đứng dáng hiên ngang, mặc quân phục rằn ri tay áo xắn cao, chiếc bê-rê màu nâu đội lệch trông vừa phong trần vừa nghệ sĩ, ngược nhìn đỉnh Hòn Kẽm. Đỉnh núi như bốc lửa trong ánh nắng đỏ chói chang của chiều tà. Người còn lại trông có vẻ nghèo khổ, bộ quần áo nông

dân cũ kỹ vá chùm vá đụp, râu tóc bợ phờ, khuôn mặt hốc hác đầy vẻ ưu tư đau khổ, ngồi ở đầu mũi thuyền khua nhẹ mái chèo. Hai người im lặng không nói với nhau một lời. Trời chiều xuống dần. Mãi đến lúc có tiếng pháo binh bắn đi từ hướng đồn Hòn Bằng, họ mới bừng tỉnh. Người lính lên tiếng trước:

- Bạn nói đi chứ, sự thật ra sao? Có phải bạn vì mẹ hay vì một lý do thâm kín gì khác mà không chịu ra đi.

Người ngồi là một thanh niên đáng khể khổ nên già đi trước tuổi. Anh nhẹ buông chèo, chậm rãi trả lời:

- Đã mấy lần tôi trình bày với bạn, hãy thông cảm hoàn cảnh của tôi. Vốn chỉ còn duy nhất một bà mẹ trên đời. Mẹ già rồi, sống rày chết mai. Tôi mạo hiểm đưa người về thăm quê ngoại ở Trung Lương, bởi biết chắc rằng đây là lần cuối cùng người có thể về thăm lại cảnh cũ chốn xưa, nơi chôn nhau cắt rốn. Tôi muốn làm vui lòng mẹ một lần chót, không ngờ rằng may mắn cứu được bạn và đồng đội thoát vòng vây hiểm nguy của kẻ thù.

Người lính cất vấn:

- Đơn vị hành quân chớp nhoáng, bí mật. Làm sao bạn biết được mà đến cứu tôi?

Người kia trả lời ngay:

- Tôi có người bà con đi lính trong đơn vị bạn. Hôm đại đội vượt sông Chợ Vạn là lúc tôi đang chèo thuyền đưa mẹ về quê. Tình cờ nhận ra, người ấy mới nói cho biết.

Người thanh niên chất lưỡi, trầm tư cúi nhìn dòng nước lặng lẽ trôi rồi tiếp lời, giọng đượm buồn:

- Với tôi, tình bạn của chúng ta và những kỷ niệm thời thơ ấu là mật ngọt, là niềm tin. Tôi không hề dối bạn và sẵn sàng cùng bạn ra đi đến góc biển chân trời, khi tôi không còn mẹ ở trên đời

nữa.”*Mẹ già như chuối chín cây*” câu ca dao vỡ lòng chắc hẳn bạn còn nhớ chứ?

Nói đến đây cũng vừa lúc thuyền rẽ vào bến đò Trung Phước. Bến đã vắng bóng người, chung quanh chỉ còn lại những người lính với ba lô súng đạn, chia ra từng tiểu đội bố trí phòng thủ. Người quân nhân nín ngọn cây nhanh nhẹn nhảy lên kè đá mấp mô bờ nước, bịn rịn quay nhìn người bạn hàn vi, không nỡ chia tay. Anh nói:

- Tôi tin lời bạn, còn ở đây thế nào rồi cũng có dịp gặp lại. Cho tôi gửi lời thăm bác gái và biểu bác một ít quần áo, tiền bạc. Gói đồ tôi đặt nơi mũi thuyền. Hãy bảo trọng.

Người thanh niên đẩy mái dầm vào kè đá cho thuyền quay đầu. Khuôn mặt đượm buồn, anh cúi ngùi nhìn bạn. Trước khi người và thuyền khuất vào bóng tối, người lính còn nghe văng vẳng lời nói:

- Chúng ta mãi mãi là Bá Nha, Tử Kỳ của thời đại.

Thuyền khuất dạng nhưng trên bến đò người quân nhân vẫn mãi dõi mắt ngó trông. Câu chuyện xảy ra chưa được một tuần, còn mới mẻ quá. Anh nghĩ, giá như hôm ấy không có người thanh niên lam lũ kia, thì . . .

... Trận đánh đẫm máu, không cân sức chỉ mới trôi qua vài ngày nhưng đã giết đi của Tuấn bao nhiêu là đồng đội. Buổi sáng Liên đoàn Biệt động Quân được trực thăng bốc đi vội vã. Tin tình báo cho biết chính xác, một Sư đoàn chính qui địch đang tiến chiếm nhiều căn cứ hỏa lực để tiếp cận quận lỵ Duy Xuyên. Chúng có ý đồ thôn tính quận lỵ và từ đó sẽ làm bàn đạp pháo

kích bằng hoả tiễn 130 ly vào thành phố và phi trường Đà Nẵng. Biệt động Quân được giao nhiệm vụ cấp thời chặn đứng âm mưu địch, trước khi quân đoàn kịp thời tái phối trí lực lượng tiếp ứng.

Sau khi đổ quân, từng tiểu đoàn bung rộng ra lục soát tìm địch. Đại đội Tuấn nhận lệnh vượt sông Chợ Vạn làm mũi xung kích. Đúng 3 giờ chiều, vừa đặt chân đến đầu làng Trung Lương thuộc xã Xuyên Châu, đại đội lọt vào ổ phục kích. Những tròng trượng liên đầu tiên đón ngã tức khắc những người lính khinh binh mở đường, cả đại đội rơi vào thế bị động. Ven sông là bãi cát trắng phau, rải rác những bụi dâu lẻ loi, dấu tích của một thời nuôi tầm dẹt lùa. Chung quanh trống trải, không nơi ẩn núp để chống trả. Súng địch càng lúc càng rộ lên trên khắp mọi hướng. Trong tình thế tuyệt vọng, Tuấn quyết định đánh liều. Phải chiếm bằng được hầm hố, giao thông hào của địch để dựa lưng cầm cự, chờ quân tiếp viện. Sau khi hàng trăm tròng pháo binh yểm trợ nổ chụp xuống đầu địch vừa ngưng tác xạ, Tuấn ra lệnh đại đội dàn hàng ngang xung phong. Địch quân bất ngờ trước đòn phản công dĩ động chế động táo bạo của những chiến binh mũ nâu can trường, chúng tháo chạy ra khỏi nơi ẩn núp, không kịp mang theo vũ khí và đồng bọn. Lợi dụng lúc địch chưa hoàn hồn và đang bị pháo binh bắn đuổi, Tuấn tổ chức lại hàng ngũ phòng thủ, cố gắng cầm cự chờ bạn tiếp cứu. Chiều xuống dần, bóng tối bắt đầu len lỏi trên những đọt cây trụi lá, niềm hy vọng vào viện binh tiêu tan dần. Hai đại đội tiếp ứng bị chặn đánh đoạn hậu, phải quay ngược lại để hỗ trợ lẫn nhau, nên chi việc tiếp cứu cho Tuấn phải chờ thêm thời gian, trong khi thương binh chưa được tải thương và đạn dược cũng cạn kiệt dần.

Áp lực địch càng lúc càng gia tăng, chưa biết chúng sẽ mở những đợt xung phong tràn ngập vào lúc nào nhưng Tuấn đoán chắc chắn là sẽ trước khi trời tối hẳn. Trong tình thế nan giải tuyệt vọng, Tuấn và các sĩ quan đại đội chưa biết tìm lối thoát như thế nào, thì tiểu đội trinh sát dẫn vào một người đàn ông nông dân, hai tay bị trói quặt sau lưng. Tuấn lấy làm lạ tự hỏi, tại sao đang trong vùng giao tranh mà lại có dân. Hay đây là một tên địch cùng đường bị bắt rồi nhận đầu là dân để được tha. Nhưng những người lính cho biết là gã đàn ông này cố tình bò vào khu vực phòng thủ, vừa bò vừa gọi lớn tên cúng cơm của Tuấn. Đến khi bị bắt thì một mực đòi gặp cho bằng được Tuấn, bảo rằng sẽ có cách cứu đại đội thoát khỏi vòng vây địch. Tuấn nhìn kỹ người lạ. Con người tuổi chừng thanh niên nhưng lam lũ nên thấy già đi trước tuổi. Tuấn không có một ấn tượng quen biết nào cả. Anh bảo lính cởi trói cho gã rồi thân nhiên hỏi tại sao lại biết tên họ của Tuấn. Người thanh niên im lặng nhìn chăm chăm vào mặt Tuấn, đột nhiên đọc lớn bốn câu thơ:

*Một nông tâm, em về ương dâu mướt,
Chín nén tơ, em dệt lụa thành thơ.
Gái Mã Châu vẫn chín đợi mười chờ.
Bao giờ hết giặc, anh nhờ mối mai.*

Người lạ vừa dứt mấy câu thơ, Tuấn bước mau đến ghì hai bờ vai gã và nói như thì thầm:

- Có phải là Nguyễn Ướt, Ướt "tay ngà" của Mã Châu ngày xưa không?

Người đàn ông cảm động nghẹn lời, mắt rưng rưng, miệng méo xệch, chỉ biết gật đầu lia lịa.

Cả thấy mọi người chung quanh ngơ ngác, không ai biết sự việc ra làm sao, chỉ thăm hiểu rằng vị đại đội trưởng của mình vừa gặp một câu chuyện cảm động.

Sau đó đúng như lời hứa, người thanh niên hướng dẫn đại đội đi theo một con đê ngăn lũ có bờ cao đã bỏ phế từ lâu, thoát ra khỏi vòng vây địch dễ dàng.

Và chiều nay trên chiếc thuyền nan bé nhỏ, xuôi theo dòng sông đã một thời chuyên chở biết bao kỷ niệm thuở ấu thơ, hai người bạn, một người là quân nhân chống Cộng và người kia thì đang sống trong vùng Cộng chiếm, họ đã hàn huyên tâm sự với nhau sau nhiều năm xa cách.

*

Tuấn ra đời tại quê ngoại, làng Mã Châu xã Xuyên Châu huyện Duy Xuyên. Vào những năm 47, 48 quê hương Mã Châu chuyên nghề trồng dâu nuôi tằm dệt lụa. Lụa Mã Châu vang danh khắp nơi và con gái Mã Châu cũng nổi tiếng xinh người đẹp nết. Mẹ của Tuấn vốn hiền thực đảm đang, sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống gia giáo cung đình của dòng họ Đoàn Quý phi thời Chúa Nguyễn Phúc Lan. Mang huyết thống của bà Nội Tổ, mẹ Tuấn là hình ảnh tiêu biểu của những nàng thôn nữ hái dâu, giặt lụa bên bờ sông Thu Bồn êm ả hiền hòa. Ngày xưa tiếng hát của Nội Tổ đã làm xiêu lòng đấng Quân Vương thì nay tiếng hát của bà cũng làm đảo điên lòng người lính trấn thủ đồn xa.

Cha Tuấn quê Đà Nẵng, theo đơn vị về Duy Xuyên. Đến khi gặp mẹ Tuấn, ông cưới bà nhưng không đưa vợ về sống ở quê chồng. Ông không muốn người mình yêu thương phải xa cha mẹ, sống lẻ loi cô đơn trong tâm trạng

não nề u buồn của kẻ ly hương, để rồi buông lời than thống thiết mà không dám trách chồng như câu đồng dao Quảng Nam:
“Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng,
Thương cha nhớ mẹ quá chừng bậu ơi!”

Cuộc đời chinh nhân đã đưa đẩy ông có dịp ghé thăm thắng cảnh thiên nhiên nổi tiếng Hòn Kẽm Đá Dừng. Một chiều neo thuyền giữa lòng Hòn Kẽm vào thời khắc hoàng hôn, ta mới hiểu thấu đáo chốn mây núi này vì sao có tên Hòn Kẽm Đá Dừng. Vách núi dựng đứng chẻ ra sậm một màu Kẽm, thế núi từ xa nhìn như bị khép lại. Ngồi trong lòng Hòn Kẽm trông lên trời ta có cảm giác thời gian như ngừng trôi, không gian tịch liêu như mộ địa, nổi trống trải cô đơn cào xé làm tan nát lòng người. Có như vậy ta mới thông cảm được hết nỗi niềm day dứt, đau khổ của người con gái hiếu nghĩa, có chồng phải theo chồng nhưng tấm lòng vẫn vương vấn nhớ thương cha mẹ, cũng xót xa không kém phần.

Tuấn đã sống những năm tháng ấu thơ tuyệt vời trên quê ngoại. Người thanh niên tuổi đời bằng Tuấn nhưng đã già trước tuổi kia chính là bạn nối khố của anh. Người đó là Nguyễn Ướt. Học giỏi, hiểu thảo, tính tình điềm đạm, có bàn tay thật khéo, làm việc chi cũng thạo, nhất là kéo tơ dệt lụa, đẹp không thua gì những cô gái giỏi giang. Dân làng đặt cho Ướt một cái tên thật dễ thương: Ướt tay gà.

Năm Tuấn lên 14, giặc Cộng mở rộng chiến tranh xâm lấn miền Nam. Bom đạn tàn phá thôn làng, cày xới nhà cửa nương

vườn, cướp đi sinh mạng của dân lành vô tội. Gia đình Tuấn phải di tản về sống ở quê nội tại Đà Nẵng. Cha mẹ Ướt cũng muốn đưa con trai độc nhất được tiếp tục học hành nên cho theo ra Đà Nẵng, tá túc nhà Tuấn. Đôi bạn thân thiết ngày xưa lại có dịp bên nhau trau dồi đèn sách. Họ cùng trường, cùng lớp và cùng có với nhau nhiều kỷ niệm nơi thành hoa đô hội nhưng lòng họ vẫn không thể nào quên được dòng sông tuổi thơ, những ngày hội làng, những đêm thức canh tầm ăn lên . . . Đất Mã Châu là một phần xương thịt tạo nên và nuôi lớn thành hình hài, trí tuệ họ. Vài tháng một lần, họ rủ nhau về thăm quê, thăm cha mẹ Ướt. Ba năm trôi qua như thoi đưa, hai bạn trẻ bây giờ đã là những thanh niên bước vào tuổi mộng mơ. Họ tập viết văn làm thơ và bài thơ Nguyễn Ướt đọc trong buổi chiều giao tranh kia, chính là bài đầu tay của Tuấn thổ lộ tâm tình thâm kín mà ngại ngùng chỉ cho mỗi mình Ướt biết. Tuy vậy, họ vẫn không sao lãng chuyện học hành. Năm tròn 18, cả hai thi đỗ tú tài. Cứ những tưởng từ đây đường khoa bảng rộng mở nhưng định mệnh nghiệt ngã bất ngờ ập đến với người thanh niên hiền lành, tài hoa kia. Cuối năm ấy cha Ướt mang bạo bệnh qua đời. Ướt về quê chịu tang và từ đó không bao giờ trở lại mái trường xưa nữa. Có lần Tuấn về thăm quê Ngoại, gặp Ướt hỏi lý do. Ướt chỉ gượng cười bảo là không thể bỏ mẹ, bỏ mộ cha còn vương mùi đất mới ra đi. Không còn giải pháp nào khác, hai người bạn tri âm tri kỷ đành phó mặc số phận đẩy đưa.

Cuộc chiến tranh ý thức hệ mỗi ngày một tàn khốc và qui mô. Vùng quê ngoại của Tuấn giặc thường xuyên tràn về gây thảm họa. Bà con bên mẹ của Tuấn cũng lần lượt bỏ quê ra

đi lánh nạn. Thành phố Đà Nẵng ngột ngạt không khí chiến tranh. Hàng đoàn thanh niên theo tiếng gọi non sông lên đường tòng quân bảo vệ tổ quốc, giữ gìn tự do. Tuấn tình nguyện vào trường Võ Bị. Kể từ ngày chọn binh nghiệp làm hướng đi, Tuấn chưa một lần gặp lại Nguyễn Ướt. Hôm nay là lần tái ngộ đầu tiên sau nhiều năm bất tin.

*

Chia tay với Ướt, Tuấn trở về đơn vị. Cả đêm nằm trần trọc, dĩ vãng xưa cũ lần lượt hiện về. Thương bạn, nhớ kỷ niệm, Tuấn miên man suy nghĩ rồi thiếp vào giấc ngủ nặng nề. Về khuya khí trời se lạnh, đêm tĩnh lặng dị thường. Bỗng một người đàn bà đứng tuổi, quý phái, mặt hồng hào xinh đẹp như tranh vẽ, đang nhẹ nhàng lay Tuấn thức giấc. Anh chưa kịp ngạc nhiên, bà ta đã cầm tay dắt đi về hướng bờ sông. Bàn tay rất lạnh mà tiếng nói thì ấm áp, có uy lực và sung mãn lạ thường:

- Ta với con vốn cùng huyết thống. Âm đức tích tụ bao đời nay của giòng họ ta dày lắm. Con cao số nên có duyên gặp ta vân du, vậy ta có lời truyền dạy: Vận nước nay mai sẽ đến hồi nghiêng ngả, dân tộc phải trải qua tai kiếp lầm than trong hơn một phần tư thế kỷ. Con cũng cùng chung số phận nghiệt ngã nhưng cố gắng đừng để lòng mình chao đảo. Hậu vận rồi cũng sẽ hanh thông. Kẻ tội đồ dân tộc không tồn tại được lâu, chẳng qua đó là cách trừng phạt những lầm lỗi đã gây ra trước kia với Chiêm tộc. Nơi đây vốn là chốn sông nước hữu tình, ta không muốn thấy cảnh máu đổ thịt rơi. Thôi bây giờ con

hãy về gọi anh em thức dậy. Có duyên sẽ còn gặp lại. Hãy ghi nhớ lời ta.

Tuấn giật mình choàng tỉnh. Thì ra là giấc mơ. Tiếng nói vẫn còn vang vọng trong thính không. Tuấn ngỡ như đã gặp người đàn bà ấy ở đâu rồi mà không nhớ. Lời căn dặn như hãy còn văng vẳng bên tai. Tuấn vùng dậy rời khỏi võng và lập tức ban lệnh báo động. Cả cánh quân nhanh chóng xuống hầm hố cá nhân, sẵn sàng chiến đấu. Thời gian chậm chạp trôi qua. Đêm vẫn mênh mông yên tĩnh. Ban chỉ huy ngạc nhiên với mệnh lệnh của vị đại đội trưởng. Tuấn còn đang phân vân ngờ vực, thì bất chợt tai nghe những tiếng depart quen thuộc của hỏa tiễn địch. Tiếng réo lạnh gáy. Mặt đất bỗng như lên cơn địa chấn, màn đêm bị xé toạt bởi hàng trăm, hàng ngàn loạt đạn pháo địch. Nhờ thần linh báo mộng nên đơn vị Tuấn tránh được tổn thất hải hùng. Đó là những giây phút mở đầu của cái gọi là chiến dịch mùa xuân 75 của những người hiểu chiến Bắc phương.

II

Ra tù. Niềm vui sum họp với gia đình chưa trọn vẹn thì lại phải chia tay. Lệnh cho tất cả những người chế độ cũ ở tù ra đều phải đi vùng kinh tế mới. Tuấn nhận giấy, nhưng không đi đâu xa mà lại về quê ngoại. Anh nghĩ, một thân một mình sống ở đâu mà chả được. Tuấn muốn tìm lại khung trời kỷ niệm của thuở bé thơ, thời niên thiếu và nơi chốn gian nguy mà mỗi bước đi là cận kề với cái chết chực chờ. Cuộc sống tuy nhọc nhằn, hiểm nghèo nhưng xứng đáng và không kém phần hào hùng của đời trai. Tuấn thấy không có gì ân hận khi phải trả giá nhiều năm tù. Cảnh cũ

bây giờ đã thay đổi nhiều. Người xưa cũng lưu lạc tứ phương. Tuấn tìm về mảnh vườn thân quen thuở bé của người bạn hiền và ngạc nhiên xiết bao, nơi đây vẫn như xưa chẳng có gì thay đổi lớn lắm. Láng giềng cho anh biết, Nguyễn Ướt vẫn còn sống độc thân và thường đi buôn bán đây đó.

Mấy hôm sau, trên dòng sông quê hương, đôi bạn tri âm tri kỷ sau bao năm dài nay mới được trùng phùng.

- Ta neo thuyền ở đây uống rượu, nói chuyện cho kín đáo và thoải mái.

Dưới lòng thuyền nhỏ bé, hai người bạn thân thiết từ thuở tóc còn để chỏm đến nay đã qua tuổi tam thập như lập cùng nâng ly, chén tạc chén thù.

Ướt tay nga mở lời:

- Bao nhiêu năm chờ đợi, mình mới có được ngày hôm nay. Vật đổi sao dời nhưng mình vẫn mãi mãi là những người bạn tốt của nhau. Vậy hãy cạn ly.

Rượu được rót ra từ một chiếc ấm nhỏ. Họ uống mừng cuộc hội ngộ. Một lít rượu gạo, một con gà luộc chấm muối tiêu, một nồi cháo. Tiệc rượu đơn giản nhưng họ cũng thấy đời ấm áp thi vị. Ướt bùi ngùi nói tiếp:

- Bạn còn nhớ lời mình tâm sự trong buổi chia tay trên bến sông này năm xưa không? Chỉ tiếc là chúng ta chẳng còn dịp ngang dọc vẫy vùng như lời đã hứa. Nước mất nhà tan. Bạn vào tù, mẹ mình qua đời, đất nước có thêm những ông chủ mới tham lam, nên nghèo càng nghèo, mình thì vẫn cứ tiêu dao quên ngày tháng. Đời chẳng mấy gì vui.

Tuấn lo lắng hỏi bạn:

- Vậy công an không làm khó khăn bạn sao?

Ướt cười mỉa mai:

- Có thì làm gì được mình. Lý lịch trong sạch, không dính líu nguy hiểm. Có giấy chứng nhận yếu kém sức khỏe của bác sĩ nhà nước đảng hoàng. Địa phương cũng không ý kiến gì cả, thì còn ai d?ng đến làm chi.

Ướt đốt thuốc rít một hơi dài rồi ngửa cổ uống cạn ly rượu khà một tiếng sáng khoái. Tuấn nhìn bạn như một hiện tượng lạ. Người thanh niên hiền lành ngày xưa, không rượu không thuốc, bây giờ cung cách sống có vẻ bạt mạng giang hồ, pha lẫn nét trầm tư chán chường.

Im lặng. Lòng thuyền đắm ướt ánh trăng và sương đêm. Ướt bỗng bật cười ha hả, nói với Tuấn:

- Ngày xưa, chia tay với bạn trên bến sông. Mình chào từ giả mà tựa như nói lời tống biệt của Cao Tiệm Ly với Kinh Kha trên dòng sông Dịch Thủy bến Hàm Dương thuở trước. Ngày đó, nếu quả bạn là Kinh Kha thì chắc rằng đời này mình sẽ chẳng còn dịp chứng minh được những gì đã nói với bạn, như hôm nay đâu Tuấn nhỉ.

Khung cảnh hữu tình, rượu và bạn hiền, tất cả quyện vào lòng Tuấn một mối tương giao như mật ngọt. Trong cảnh đời ô trọc này, thật quá hiếm hoi những giây phút trân quý như hôm nay. Tuấn bỗng thấy lòng sôi nổi:

- Vấn đề không phải ai là Kinh Kha. Quan trọng ở chỗ là cả Kinh Kha lẫn Thái tử Đan đều cùng một chí hướng diệt Tần. Dẫu thất bại họ vẫn thủy chung là anh hùng.

Tuấn nhìn bạn rồi tiếp lời:

- Mình chấp nhận tất cả hậu quả. Đã mang nghiệp lính thì tất phải hiểu câu: Nhất khứ bất lai hoàn.

Đêm sâu hun hút. Sương mờ giăng giăng khắp núi rừng huyền bí. Cùng với trăng khuya, đôi bạn tâm đầu ý hiệp thức thâu đêm, cạn với nhau đến giọt rượu cuối cùng. Trước khi lịm vào cơn say, Ướt còn nói với Tuấn:

- Chúng ta không thể nắm tay nhau đi b?o v? cơ đồ thì chúng ta cũng có bên nhau để nương tựa vá vúi cuộc đời đã quá nhiều bất hạnh. Bắt đầu ngày mai, bạn sẽ theo tôi làm ăn và không đi vùng kinh tế m?i cu nào hết.

Tuấn chìm vào giấc ngủ với niềm hạnh phúc của tình bạn thủy chung. Bỗng, mơ màng từ xa, bập bênh trên sóng nước, người đàn bà đẹp như tranh vẽ đã một lần Tuấn gặp mặt ngày xưa, đập sóng đi đến c?nh mạn thuyền. Ánh mắt dịu dàng, bà nói với Tuấn:

- Chúng ta có duyên nên lại gặp nhau. Ta đến báo cho con biết, đất nước mình vẫn còn ph?i linh dinh trong u linh tâm tối một thời gian nữa mới qua hồi tai kiếp. Tuy nhiên, vượng khí của con thì đã đến kỳ. Chẳng bao lâu nữa con sẽ được ra đi đến nơi chốn tự do và no ấm.

Ký ức hiện về. Tuấn ngồi dậy ngay ngắn, chấp tay xá người đàn bà rồi anh nói:

- Con cảm tạ ơn bà ngày xưa đã báo mộng cho biết trước điều hung hiểm xảy ra mà kịp tránh. Nay xin phép được thưa chuyện cùng bà. Tổ quốc lâm than, vậy phải làm sao đánh đuổi kẻ tham tàn để sớm cứu nước an dân? Con vốn người trần

mắt thịt, tài đức th?p hèn không đầy gang tay, xin thần nhân hãy thương tình ra tay cứu độ.

Nói rồi quỳ lạy. Người đàn bà đỡ Tuấn dậy. Bàn tay vẫn giá lạnh như xưa. Bà ân cần nói với anh:

- Con là người nhân hậu nhưng mệnh trời không ai có thể cưỡng lại được. Phải bền gan chịu đựng, chờ đợi đến lúc xoay vần của tạo hóa. Riêng những kẻ chân chính, vì dân tộc phải chịu tù đầy thì nay mai tất sẽ được bù đắp.

Động lòng nhớ đến Ướt, Tuấn hỏi thêm:

- Bà linh hiển biết tru?c chuyện quá khứ vị lai, vậy cho phép con hỏi: bạn con mai nầy có cùng được ra đi đến đất tự do không? Và tương lai sẽ như thế nào ?

- Có người ra đi thì tất cung cần có kẻ ở lại để gánh vác cho đại cuộc mai sau. Bạn con có thể là người kế tục phải hoàn thành những di mệnh thiêng liêng của tiên nhân ủy thác. Trách nhiệm to tát, nặng nề nhưng người nầy chí lớn, giỏi giang và thủy chung, về sau sẽ làm nên đại sự. Ngay từ bây giờ con cần có m?t bên cạnh y và phải giúp đỡ y tháo gỡ những bế tắc, chán chường. Không nên nóng nảy liều lĩnh hư việc, mà phải dành thân tâm để xử dụng vào việc lớn.

Từ xa một chiếc thuyền Rồng lướt đến, người đàn bà bước lên. Thuyền trôi phẳng phẳng về chốn núi ngàn, thoáng chốc chỉ còn nhạt mờ trong màn sương đêm. Bên tai, Tuấn còn nghe văng vẳng tiếng nói vọng lại:

- Ta biết trong lòng con còn một câu hỏi nữa. Ta cho con biết luôn. Ta đây chính là Thần Tông Trinh thực Hiếu Chiêu Đoàn Hoàng hậu, ngoại Tổ năm đời của con.

Trời hừng đông. Tuấn choàng tỉnh. Những lời căn dặn huyền bí như hãy còn lảng vảng

trong đầu. Quả là thân nhân, biết được cả những điều còn giấu kín trong lòng.

III

Theo chân bạn, Tuấn bắt đầu một cuộc đời mới. Họ đi khắp đó đây, buôn bán đủ thứ mặt hàng, tiếp xúc đủ hạng người từ thứ dân đến cán bộ quyền thế. Lúc thì đi thuyền vào tận Dùi Chiêng, Tý, Sẻ mua dầu rái, dầu trai. Lúc quá giang xe cây lên mãi Trà Mi, Hiệp Đức mua gỗ, mua quế. Hàng nào cũng có sẵn mỗi bán ở Đà Nẵng, Hội An. Thỉnh thoảng gặp được hàng quý hiếm như trầm, kỳ nam, Út càng thích thú. Chuyển về xuôi, hàng được giá thì bán tại chỗ, không thì mang thẳng vào bán ở Sài Gòn. Nơi đâu Út cũng có mối lái. Anh rành nhiều mặt hàng mà thị trường luôn luôn có nhu cầu cao. Có điều mặt hàng nào cũng thuộc loại quốc cấm, lậu thuế. Anh lịch duyệt và ma mãnh như một tay từng trải lão luyện. Có lần di chuyển bị phát hiện bắt giữ, hàng cấm lại lớn vốn. Tuấn xuýt xoa lo lắng nhưng Út thì phớt tỉnh như chẳng có chuyện gì. Rồi không biết bạn phù phép bằng cách nào mà chỉ mấy hôm sau thì hàng được thả đi trót lọt. Tuấn hỏi đến, Út chỉ cười rồi đọc mấy câu về dân gian truyền khẩu: “Tiên là Tiên là Phật, là sức bật của con người, là nụ cười của tuổi trẻ, là sức khỏe của ông già, là cái đà của danh vọng, là cái lọng để che thân...” *rồi anh cười vang, tiếp lời:*

- Xã hội không còn phân biệt thị phi, trắng đen. *Đi với ma phải mặc áo giầy.* Cũng như bạn, bây giờ lại trở thành một

tay cán bộ huyện có giấy tờ hần hoi. Không đại gì liêm sĩ với kẻ điều ngoa ác độc, chỉ tự đầy ải làm chết đi tẩm thân quý giá mà ta cần gìn giữ chờ ngày... Út bỏ lửng câu nói.

Những ngày tháng bên nhau, Tuấn thầm cảm phục bạn. Út sống ngang tàng và cao ngạo như một tay thổ phỉ nhưng lại có phong cách kiêu bạc mã thượng của đáng trượng phu. Kẻ đối nghịch ghét anh nhưng đồng thời cũng sợ và phục anh. Đối với người hiền lương, Út luôn luôn kính trên nhường dưới, sẵn sàng giúp đỡ. Làm ăn khấm khá, tiền vô như nước nhưng không thấy Út tiêu pha hoang phí bao giờ. Anh sống như một con người đạo đức, lúc nào cũng chừng mực và ưu tư. Thẳng hoặc những khi đêm về không có ai ngoài Tuấn, Út mới thổ lộ tâm tình nhưng thường chỉ nói xa xôi bóng gió, không lang lớp rõ ràng, ra đâu vào đâu. Tuy vậy Tuấn cũng mơ hồ hiểu rằng, hiện tại lòng Út như còn có điều bí ẩn mà anh chưa tiện nói ra. Tuấn cảm nhận Út như đang mang một món hàng nặng quá tải, so với trọng lượng bé nhỏ của mình.

Thỉnh thoảng vài tháng Út lại thúc bạn về thăm gia đình. Thời gian này Út đi đâu không rõ nhưng lúc trở về lại càng suy tư ít nói hơn trước. Tuấn chợt nhớ lời thân nhân báo mộng: người này chí lớn, về sau sẽ làm nên chuyện lớn. Và anh tin rằng giữa cõi đời trầm luân, điều ngoa, đảo điên này, Út tay ngà đa cảm của tuổi thơ ngày xưa vẫn không hề bị biến chất và lùi bước trước kẻ thù.

Năm 1990 đúng như lời tiên tri của thân nhân, những tin tức phong thanh về chương trình định cư cho người tù chính trị trở thành hiện thực. Gia đình nhắc Tuấn về lập hồ sơ xuất cảnh. Đôi bạn thâm giao tri kỷ ngày xưa lại một lần nữa nói

lời già biệt. Trước ngày ra đi, Tuấn thuật lại những điềm báo trong giấc mộng cho Ướt biết và khuyên bạn cẩn trọng trong công việc và giữ gìn sức khỏe dành lo đại cuộc.

Đoạn kết

Thư của Tuấn viết từ đất nước Hoa Kỳ gửi cho bạn Nguyễn Ướt ở Việt Nam.

Hoa thịnh Đốn, ngày ...

Bạn thương nhớ!

Đặt chân đến vùng đất bình an chưa được bao nhiêu ngày, tôi đã thấy quay quắt nhớ. Hình như đó là tâm trạng chung của tất cả những con người tình cảm gắn bó keo sơn với quê hương - một quê hương hiện thực xa hơn nửa vòng trái đất, đang quần quai đau khổ bởi nhiều vết thương vá vúi, của bao đổi thay thăng trầm, chìm nổi lịch sử. Ra đi mà thấy lòng xốn xang, ray rứt không yên, như một kẻ trốn chạy định mệnh khắc nghiệt. Từ nay tôi không còn ở cạnh bên bạn để chia sẻ gánh nặng san hà. Gánh trách nhiệm non sông tôi đã sang vai hết cho bạn, cho bao nhiêu con người tâm huyết khác còn ở lại trong nước, đang lặng lẽ ngày đêm chiến đấu âm thầm với kẻ thù để dành lại Tổ Quốc thân yêu, để thế hệ mai sau được trường tồn và triệu triệu người dân mãi mãi sống đời tự do, hạnh phúc vĩnh cửu.

Bạn mến!

Những năm tháng sống bên nhau, tuy bạn không hề nói ra nhưng tôi cảm nhận được bạn đang mưu đồ việc lớn. Những kẻ xa lạ khắp bốn phương tìm đến gặp bạn to nhỏ. Những lần bạn âm thầm ra đi một mình, đến lúc trở về thì chìm đắm trong nỗi suy tư triền miên. Bạn không hề biết là

tôi đã lặng lẽ cùng bạn thức tàn đêm. Thời gian trôi qua, tôi cứ mãi trông chờ ở bạn một lời tâm sự và tôi sẵn sàng hủy bỏ chuyến ra đi để ở lại nhập cuộc cùng bạn. Thế nhưng có thể bạn thương tôi mới ra tù hoặc lý lịch để bị truy nguyên, không mấy thuận lợi cho đại cuộc. Do đó, gánh nặng núi sông bạn giành lấy một mình.

Ở trong nước tin tức bị bưng bít và bóp méo. Qua bên này tôi mới biết hiện tại ở quê nhà đang có một tổ chức phục quốc quy mô, được dân chúng ba miền ủng hộ và nhiều đoàn thể hưởng ứng. Họ là những người khoa bảng đại diện cho tầng lớp trí thức, là thế hệ thanh niên sinh viên học sinh đầy nhiệt huyết và niềm tin tương lai đất nước, là những công nhân nông dân giàu lòng yêu nước, là những đảng viên Cộng sản có thừa tỉnh táo và kinh nghiệm đối phó. Họ sáng suốt nhận ra sự độc tài thao túng của đảng, sự tàn ác bạo ngược của chế độ và tương lai tăm tối của dân tộc. Họ đặt tiền đề tổ quốc và sinh mệnh dân tộc cao hơn đảng, nặng hơn quyền chức, do đó họ mạnh dạn đứng lên chống đảng, chống bè phái cầm quyền thủ lợi. Nhà nước Cộng sản bối rối, họp hành liên miên để tìm biện pháp trấn áp. Nhưng vô ích, phong trào lớn mạnh như cơn thủy triều đang dâng mà người lãnh đạo phong trào thì vẫn là bóng ma, còn nằm trong bí mật. Chỉ biết phong thanh đó là một thanh niên tài hoa, thân thế mơ hồ, có tài hùng biện và đặc biệt có đôi bàn tay rất đẹp, rất khéo làm việc gì cũng tốt, cũng hoàn hảo.

Tôi không biết người đó có phải là bạn không? Trên đời, chuyện người giống người vẫn là thường tình. Nhưng căn cứ vào lời thần nhân báo mộng và linh cảm mách bảo, khiến tôi tin tưởng điều cảm nhận đã không lừa dối

mình. Tôi ngẫm hãnh diện và tự hào về bạn, về một quê hương đã sản sinh ra lắm anh hùng hào kiệt. Cầu mong khí linh của sông núi nước Nam và hồn thiêng uy vũ của dân tộc sẽ phù hộ độ trì cho bạn, cho những con người tâm huyết vì đại nghĩa sẵn sàng hiến thân cứu nguy tổ quốc để viết lên thiên anh hùng ca rực rỡ bất khuất, tồn tại vĩnh cửu trong lòng muôn người và vang danh hậu thế.

Tôi tài sơ trí thiển, không giúp bạn tạo dựng được nghiệp lớn núi sông, lòng vẫn hằng ray rức đau khổ. Hiện tại không biết phải làm gì, duy nhất chỉ có tấm lòng thành tâm, cầu chúc bạn và tổ chức mau đạt thành tâm nguyện để cứu dân, cứu nước sớm thoát vòng trầm luân khổ ải.

Bạn thân,

Tuấn.

Trích tuyển tập *Người Khắc Tên Bia Mộ*

LÊ LUYẾN

GỌI TUỔI TRẺ XUỐNG ĐƯỜNG LÀM LỊCH SỬ!

Ta đã sống ngày quê hương quật khởi
Đòi nhân quyền tim rục lửa khát khao
Khắp ba miền đất nước gọi xông xáo
Phá xiềng xích, đòi Tự Do, Dân Chủ

Những ngọn nến thấp trong đêm không ngủ
Lời nguyện cầu nung nghị lực đấu tranh
Nén đau thương, dồn sức mạnh, đồng thanh
Hô đả đảo đảng độc tài tham nhũng!

Những gào thét dân oan đòi tố tụng
Đòi bồi hoàn nhà đất bị trưng thu!
Những bắt công mất mát phải đền bù!
Từ các tỉnh về thủ đô, thành phố!

Ta đã sống những âm thanh cuồng nộ
Đòi bạo quyền phải giải thể cho mau!

Lại đình công, bãi thị, nắm tay nhau
Gọi Tuổi Trẻ cùng xuống đường,
chẳng sợ!

Bùng khí thế, siết vòng vây trụ sở
Quật Lãng Hồ, xé ảnh, ném bù nhìn!
Đập tượng Mao, tượng Mác, tượng Lê-Nin!
Đốt cờ máu, đòi Hoàng Sa, Bản Giốc!

Đả đảo bạo quyền, tay sai thâm độc
Nội tuyến nằm vùng phục vụ Bắc Kinh!
Bọn Việt gian phản quốc phải tử hình!
Quật chúng xuống, bắt cúi đầu dèn tội!

Giờ đã điếm! Bạo quyền đang hấp hối!
Sung sướng thay được chứng kiến
những ngày
Cờ Tự Do, Dân Chủ lại tung bay
Bùng khí thế mùa Diên Hồng Mở Hội!

HỒ CÔNG TÂM

Austin, 01/12/2008

MÀU THỜI GIAN

NGUYỄN LÂN

Vừa bước xuống xe Duy đã bị chặn lại bởi cả một hàng rào phụ nữ, xồn xồn có, trung niên có, mơn mớn có. Họ toàn là những học trò cũ của chàng. Hôm ấy là ngày Tiền Đại Hội Mê Linh Thế Giới. Nườm nượp người từ khắp nơi đổ về miền nắng ấm Nam Cali. Từ các tiểu bang trên đất Mỹ, từ Úc, từ Pháp, từ Bỉ, từ Đức, và từ Việt Nam. Họ đã chung một mái trường cũ hẹn gặp nhau buổi đầu tại Paracell Restaurant vùng Westminster này.

Duy khựng lại vì chói mắt, nắng trưa hay những ánh đèn máy ảnh chớp nháy liên hồi. Được đón tiếp cứ như một tài tử điện ảnh nổi tiếng! Những tiếng cười vang dội quanh chàng:

- Thầy chụp hình với chúng em. Đây là nhóm 65... nhóm 68... nhóm 70... nhóm 73... nhóm 75...

- Thầy nhận ra em không?

Duy chưa nhận ra ai hết. Từng cá nhân, từng nhóm xúm xít quanh chàng. Đông quá! Không nhìn xuể. Mừng quá! Trả lời không kịp. Chàng chỉ mỉm cười, nụ cười cố hữu từ thuở nào.

Tiếng ồn ào lại vang lên:

- Thầy vẫn vậy. Vẫn nụ cười ấy. Vẫn trẻ. Vẫn đẹp trai!

- Qu'il est beau!

- Oh! How handsome you are!

À, thì ra Đại Hội Mê Linh Thế Giới của năm 2007, các bà các cô từ những nơi xa xôi khắp năm châu tụ họp về, tha hồ xổ tiếng xứ sở thứ hai của mình.

Hai chị trong ban tổ chức đồng phục áo dài tím ra gỡ rối cho Duy:

- Xin mời thầy cô vào.

Họ vừa nói vừa dang tay mở đường cho hai vợ chồng Duy.

Có người hộ tống, không còn bị dằng co lôi kéo, Duy và vợ, Hồng Tâm được đưa tới bàn tiệc dành cho giáo sư ngay trước sân khấu. Chung quanh toàn là bạn đồng nghiệp dạy cùng trường từ hồi còn ở nước nhà. Chuyện trò với bạn bè nhẹ nhàng hơn. Duy thở phào, ngửa người trên ghế tựa, nhìn lên sân khấu. Máy cô nữ sinh trong ban văn nghệ dơ tay vẫy chào thầy. Những cô này thì Duy biết. Chàng đã tiếp xúc với các cô mỗi lần vợ chồng chàng sang chơi miền Nam Cali.

Có ai vượt nhẹ sau lưng. Một giọng nói dịu dàng:

- Thưa thầy, có người muốn gặp thầy.

- Ai vậy?

Duy vừa nói vừa ngoảnh nhìn ra sau. Một cựu nữ sinh áo tím, người trong ban tiếp tân vẻ tha thiết thành khẩn:

- Hà Uyên Nhã. Chị ấy chờ đợi thầy đã lâu rồi.

- Được. Tôi sẽ ra. Em đi trước đi.

Duy thốt ra bằng một giọng điềm đạm thản nhiên nhưng tâm hồn xao động xốn xang vì cái tên Uyên Nhã, người yêu thuở nào đã một thời sôi nổi.

Đổi theo cô nữ sinh, lòng Duy dậy lên niềm nhung nhớ. Uyên Nhã đã nhờ người nhắn nhe tìm gặp. Đã bao lâu nay, chàng vẫn ước ao gặp lại người xưa.

Mười lăm năm trước thoáng chốc đã qua. Mười lăm năm trước cũng trong ngày đoàn tụ của gia đình Mê Linh, ngõ ngang trong phút giây hạnh ngộ. Chàng còn nhớ, đó là năm 1993, một ngày hội của các cựu nữ sinh cũng tại miền nắng ấm Nam Cali này.

Trưởng nhóm Mê Linh, Hồng Yến đưa nàng tới, hỏi chàng:

- Thầy có nhận ra ai đây không?

Duy ngược mắt, ngắm kỹ người đàn bà trước mặt, một mệnh phụ tóc bới cao để lộ nét cổ nuột nà, đôi mắt to đen nhìn chàng đắm đắm. Duy lắc đầu, quay sang Hồng Yến:

- Không! Ai đấy hả em?

Duy thấy rõ vẻ đau đớn thất vọng phảng phất trên khuôn mặt đẹp của thiếu phụ. Hồng Yến giọng sững sốt:

- Trời! Thầy! Uyên Nhã đây mà!

Lúc ấy, Duy đã đứng bật dậy. Cái tên trân trọng của chàng thuở xưa, người yêu một thời, một thời say đắm nhất của cuộc đời:

- Trời! Bao nhiêu năm rồi, em?

Chàng đã ôm nàng thật tha thiết như những ngày yêu nhau.

Giọng nói quen thuộc rót nhẹ bên tai:

- Hai mươi lăm năm rồi!

Giọng hoảng hốt của Hồng Yến vội vã:

- Thầy! Chồng nó ngồi kia! Coi chừng!

Chồng nó! Người chồng dư biết chuyện tình của vợ mình với thầy Duy trước ngày cưới. Anh ta còn ghen như thuở xưa không?! Mặc kệ. Duy vẫn cứ ôm chặt Uyên Nhã như để thỏa nỗi nhớ nhung, như để mong nàng tha thứ. Phải! Người mà Duy yêu tha thiết, chàng đã không

nhận ra sau một phần tư thế kỷ – Thời gian – Ôi! Thời gian tàn nhẫn đã xóa những nét thân yêu quen thuộc trên khuôn mặt ấy, trên thân hình ấy.

Ghi sát Uyên Nhã trong tay Duy chợt thấy xa lạ như người chàng chưa từng ôm ấp, vuốt ve. Đây là một thiếu phụ trung niên khỏe mạnh, vòng tay săn chắc, khuôn ngực nở nang. Còn đâu nữa nữ sinh Uyên Nhã mảnh khảnh mềm mại của những ngày chung sống. Người đàn bà đẹp, vẻ đẹp mệnh phụ, sang trọng, quý phái thể hiện rõ một đời sống phong lưu. Chồng nàng chiều nàng lắm. Duy hiểu điều đó. Anh ta say mê vợ. Anh ta hứa bỏ qua những hành động tình cảm của vợ trong quá khứ chỉ với một điều kiện: Uyên Nhã không bao giờ gặp lại Duy nữa. Ngày ấy, Duy đau đớn biết chừng nào. Nhưng thời gian đã nhận chìm tất cả.

Cái số đào hoa bênh bồng đẩy đưa Duy đến với những người đẹp khác. Chàng vẫn nhớ người xưa nhưng những hệ lụy tình cảm đã nhạt. Nỗi đau đớn cứ giảm dần mỗi khi một người tình ra đi, và... sau hai mươi lăm năm, chàng đã không nhận ra Uyên Nhã, người mà suốt đời hình bóng nàng, vóc dáng nữ sinh ngự trị trong tim. Vì sao thế? Vì chàng thủy chung với vẻ yêu kiều của một thiếu nữ mười tám hay vì chàng đã quen đổi thay và dễ quên? Vì chàng đã chuyển đổi từ một thanh niên lãng mạn thành con người thực tế?

Trên khuôn mặt người xưa giờ đây xa lạ, Duy chỉ thấy phảng phất nụ cười. Bây giờ Uyên Nhã mới cười. Nụ cười đẹp rạng rỡ, mong manh xen nét hờn giận. Tự nhiên, Duy muốn lấy nụ cười đó ra gắn trên khuôn mặt

nữ sinh Uyên Nhã của năm 1965! Một ý tưởng kỳ cục!

Hồng yến lôi Uyên Nhã ra khỏi vòng tay Duy:

- Chào thầy vậy, đủ rồi! Về chỗ đi, kẻo đức lang quân buồn!

Hai người đi rồi, Duy vẫn ngẩn ngơ. Chàng không thể ngờ có ngày gặp lại. Chàng không thể ngờ cuộc gặp gỡ quá ngắn ngủi. Kề cận bên nhau, nói với nhau trong giây phút! Rồi, mỗi người một con đường. Hai con đường song song không bao giờ gặp, tưởng chừng như bất tận... Thời gian đã làm nàng khác xưa... Thời gian đã làm bộ nhớ trong não chàng hoen rĩ... Ôi! Thời gian...

- Xin lỗi thầy, em không báo trước. Chắc hẳn thầy xúc động?

Hồng Yến trở lại bàn Duy, tươi cười. Duy buồn bã nhìn cô Hội Trưởng:

- Sao tôi có thể quên như thế? Tôi tưởng tôi nhớ mãi những nét thương yêu đầu đời. Bất thành linh quá!

- Uyên Nhã thấy thầy bước vào hội trường là đòi em đưa ngay tới chào dù chồng nó lộ vẻ khó chịu. Thôi, chào hỏi chút sùu thế cũng được

- Thế nào mà chẳng được. Dù sao tôi cũng đã làm Uyên Nhã buồn!

- Em hiểu! Màu thời gian mà, thưa thầy.

Màu thời gian... màu thời gian...

Duy quay sang bên vợ:

- Anh đi một chút!

- Anh cứ đi. Em ngồi nghỉ mệt, khỏi phải cười duyên với các bà các cô vây quanh anh. Ban Tổ Chức còn để quan

khách trò chuyện chán. Còn lâu thức ăn mới dọn ra.

Duy đứng dậy, dõi theo bóng cô nữ sinh tiếp tân. Mới đi vài bước, chàng bị chặn lại:

- Thầy! Chụp với chúng em một tấm.

- Thầy! Cho em hình lưu niệm ngày Mê Linh hạnh ngộ!

Thế là Duy phải đứng lại. Bị bao vây bởi nhiều tà áo trắng, nhiều tà áo tím, nhiều tà áo màu trong hân hoan gặp gỡ, chàng lại quên hình bóng người xưa...

Máy hình dờ lên lia lịa. Ánh đèn chớp nhoang nhoáng. Duy phải chớp mắt mấy lần để tìm tà áo tím của người tiếp tân. Cô ta đang đứng dựa tường chờ đợi với một người khác. Duy tới bên họ:

- Em bảo Uyên Nhã muốn tìm tôi, nàng đâu?

Cặp mắt liếc xéo sang người bên, cô tiếp tân ra dấu cho thầy. Duy đưa mắt nhìn theo. Một người đàn bà tròn trịa đậm đà trong áo cánh cụt màu beige nhạt, quần xanh xẫm, tóc gần bạc xóa búi sau gáy, cặp kính lão gọng vàng to trong suốt để lộ đôi mắt đen tròn. Người ấy nhìn Duy cười, phô hàm răng trắng bóng đều đặn.

Ngỡ ngàng, Duy buột miệng với cô tiếp tân:

- Em rợn tôi ư? Uyên Nhã đâu?

Chàng tưởng bị gái Mê Linh chọc quê vì chuyện tình nổi tiếng một thời giữa chàng và Uyên Nhã... chuyện tình đã vang khắp trường! Nhưng không, cô tiếp tân nghiêm trang:

- Thưa thầy, đây là chị Uyên Nhã!

Duy lặng người. Chàng lúng túng không biết xử sự ra sao. Thật sự Duy hoảng hốt. Chàng không thể ngờ. Chàng vừa đau lòng khi gặp lại người xưa vừa muốn tránh thực tại, vừa ân hận đã không nhận ra người mà chàng

vẫn nghĩ sẽ mang hình bóng suốt đời trong tâm khảm. Cô tiếp tân như hiểu ra, cô lặng lẽ bỏ đi. Còn lại hai người. Duy đứng chết trân bên cạnh Uyên Nhã.

Giọng nàng kể bên vui vẻ:

- Ngồi xuống đây với em.

Chàng ngồi xuống. Câu chuyện băng quơ, không đầu không đuôi, nhạt nhẽo. Chàng thấy buồn thối thối. Người đẹp năm xưa – bao nhiêu năm nhĩ – hơn bốn mươi năm rồi – không còn nữa. Một người lạ, khác hoàn toàn, có chăng đã biết rồi, chỉ thấy vương vất nụ cười mường tượng.

Uyên Nhã thản nhiên:

- Em thay đổi nhiều. Không còn ai nhận ra em.

Nàng cũng thấy thế. Thì ra không phải một mình chàng. Không phải cái già đến với Uyên Nhã dù tóc nàng bạc nhưng nàng đã biến đổi thành một bộ mặt xa lạ, một con người khác. Thảo nào lòng chàng đứng đứng. Khuôn mặt, cặp mắt, sống mũi, làn môi... Duy vẫn tha thiết với những nét đó. Duy vẫn mơ tưởng bóng hình ai thanh tú với bộ ngực căng tròn quyến rũ, cần cổ thanh như nhánh liễu gầy, bóng hình của một cô gái mười tám đôi mươi, của tuổi trẻ. Chàng sẵn sàng đón nhận hoàng hôn của cuộc đời nhưng ít ra phải phát những gì thân yêu quen thuộc. Người đàn bà này xa vời thật sự! Ngày chia tay, hai người vẫn hi vọng gặp lại nhau, họ đồng ý:

“Thiếp xin chàng chờ bạc đầu,

Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung”

(Chinh Phụ ngâm)

Nàng đã không thể giữ lời hứa đó. Chàng đã may mắn hơn nàng. Trời đã ưu đãi Duy, đã không làm chàng thay đổi. Duy muốn khóc. Khóc cho vóc dáng người yêu không còn nữa. Khóc cho cuộc thế phù du. Khóc cho chính lòng mình cứ khư khư ôm hình ảnh cũ để gặp lại người xưa trong tình trạng bê bàng. Thương cho nàng mà ngượng cho mình. Chẳng biết nói sao!

Người đàn bà tóc nhuộm bạc này không phải là người yêu của Duy. Trời hỡi! Minh hạc xương mai đã theo thời gian phai nhạt. Một “bà già trâu” của miệt quê! Gần như thế! Duy ảm ức! Uyên Nhã, người chàng mong đợi! Nàng đã cho chàng một ngạc nhiên đến rũ liệt tâm hồn. Miệng đắng chát, cổ họng khô gắt, Duy không thể nói gì thêm! Chàng chỉ thấy sự áy náy dâng tràn cuốn tròn trong nỗi đau tức tối! Vì chàng đã không vô vập nàng như chàng hằng mong ước và cũng có thể, như nàng vẫn ước mong.

Lại thêm một nhóm cựu nữ sinh Mê Linh ào tới. Đây là những người trẻ nhất của niên khóa cuối cùng, trước ngày mất nước. Mắt Duy sáng lên vì chàng vừa nhận ra Phong Thủy, nàng thủ vai Tây Thi trình diễn nửa năm trước đây với chàng trong vai Phạm Lãi tại sân khấu Mê Linh miền Bắc Cali. Nàng lộng lẫy giữa những người đẹp vây quanh chàng. Phong Thủy tiến đến trước mặt Duy. Nàng quì xuống trong tư thế kịch. Duy đứng dậy, nâng người đẹp lên trong dáng võ sinh..

Tiếng vỗ tay nổ đòn bên hai người. Trưởng nhóm Mê Linh Houston lên tiếng:

- Tây Thi – Phạm Lãi xứng đôi quá! Người đẹp Tây Thi ơi! Có thấy Phạm Lãi đợi chờ

nàng bao nhiêu năm mà mái tóc vẫn chưa nhuộm bạc?!

- Thấy chụp chung một tấm hình kỷ niệm với chúng em!

Mọi người nhao nhao lên. Duy ôm lấy vai Phong Thủy. Cả nhóm vây quanh. Lôi kéo, đưa đẩy... Duy xa dần Uyên Nhã... Mãi vui với các cô học trò cũ, Duy quên hẳn sự hiện diện của Uyên Nhã quanh quất đâu đây.

Tiếng nhạc trên sân khấu dồn dập. Người người nhịp nhàng theo tiếng kèn thổi thúc. Một giọng nói bên tai:

- Mới Tiên Đại Hội mà đã ngứa chân!

- Nhạc kích động thế ai chẳng muốn ngộ nguậy? Nhìn kìa, bà tóc bạc kia đang uốn mình theo điệu nhạc!

Duy phóng tầm mắt, liếc nhìn bao quát chung quanh. Cách chàng chừng dăm thước, Uyên Nhã đang nhún nhảy theo dòng âm hưởng. Nét vô tư ngày xưa trở lại trên gương mặt thanh thản, tươi cười. Nhưng có cái gì sượng sùng, không thích hợp. Vì vóc dáng nàng, vì cách phục sức của nàng, vì lối chải tóc kiểu cổ xưa miền Nam của nàng? Uyên Nhã ngày hôm nay không phải là người Duy mê đắm 40 năm trước. Tự nhiên, Duy thấy khó chịu. Một cảm giác tái tê làm Duy cứng người. Trái tim chàng như bị bóp nghẹt.

Hồng Tâm, vợ chàng lách mình trong đám đông, tiến tới:

- Tìm anh đến hút hơi. Chị Minh muốn dẫn dò trước khi anh ra sân khấu.

Thế là Duy đi theo vợ. Tâm vô tình đã kéo chồng ra khỏi nỗi bối rối không biết

CHÂN TRỜI XUÂN PHONG

*Đưa em lên cầu vồng
Nâng niu từng đường cong
Ngàn sao đêm màu hồng
Nghiêng nghiêng ôm dòng sông*

*Nghiêng nghiêng ôm dòng sông
Mềm như là rêu rong
Bay mùi hương Phương Đông
Thơm từ ngoài vào trong*

*Thơm từ ngoài vào trong
Em và tôi tâm đồng
Cho cuồng si giao long
Nơi chân trời xuân phong*

PHAN KHÂM

(Maryland)

xử sự ra sao đối với người cũ. Bên cạnh Uyên Nhã, biết nói gì đây?

Từ phút ấy, Duy mất tự nhiên vì biết nàng đang dõi từng bước đi, từng cử động của chàng. Trở về bàn, chị Minh nói gì, Duy âm ừ mà không hiểu. Nhưng đến lúc lên sân khấu, Duy không còn nghĩ tới sự hiện diện của Uyên Nhã nữa. Hàng trăm cặp mắt đang ngó chàng. Duy trở lại bình tĩnh, lấy lại tự tin để tạo sự lôi cuốn quan khách nhất là các cựu nữ sinh vẫn coi chàng như thần tượng của thời xa xưa. Chàng quên hẳn sự khó chịu vừa qua.

Đêm về, Duy không chớp mắt nổi. Nỗi ân hận lại dấy lên vò xé. Chàng không còn nhớ người đàn bà đó ra sao nhưng chàng biết mình trốn tránh hình bóng đó, trốn tránh trong sự giằng co đờn đau của lương tâm và thực tại. Người đàn bà đó không phải là của mình. Đó là một người lạ, một người như mới gặp lần đầu. Nàng khác với mệnh phụ sang trọng của mười lăm năm trước, và biệt lập hoàn toàn với cô nữ sinh Uyên Nhã của chàng bốn mươi năm xưa. Nhưng tâm hồn nàng có khác trước không? Nàng tìm Duy làm gì trong hình hài một người xa lạ? Sự bực bội lại ập về. Nếu nàng không thay đổi, nếu nàng vẫn giữ những nét như thời hai người yêu nhau, nếu tóc nàng không bạc trắng thì Duy có lảng tránh không? Trời! Mối tình nồng nàn tưởng không bao giờ tàn phai... cho đến giây phút này Duy vẫn thấy nó tồn tại trong chàng. Chàng vẫn chung tình với sắc diện Uyên Nhã của tuổi đôi mươi. Uyên Nhã, người đã cho Duy những sôi động, vị đắng cay, vị mật ngọt của cuộc đời, người chàng từng tha thiết yêu thương!

Thế đấy, Duy đang chìm trong thất vọng. Chàng sợ hãi lảng tránh thất vọng. Chàng quì ngã trong ân hận...

Ôi! Màu thời gian! Màu thời gian! Bạc làm sao!

Ngày Đại Hội, một ngày tuyệt vời! Bầu trời nắng ấm miền Nam Cali. như trong xanh hơn. Mây trắng đùn lên từng cụm như bông tuyết trôi lơ lửng. Cả nhà Duy đều tham dự ngày trọng đại vì cả hai chị em đều là giáo sư kỳ cựu của Mê Linh cổ

kính. Chị Minh tha thướt trong tấm áo dài màu lam pha sắc xám nhạt với hai vạt trước sau cả một vùng kim tuyến long lanh trên nền nhung đen. Hồng Tâm trang trọng trong áo dạ hội tím lót voan đỏ. Chị Minh muốn Duy mặc tuxedo. Chị lựa bộ đai lưng và nơ màu rượu chát cho Duy. Chị nói:

- Cho nó hài hòa với màu áo dạ hội của vợ – Ngưng vài giây, chị thêm – Cho nó đẹp trai như trước để người cũ còn nhận ra.

Câu nói vô tình làm Duy cảm thấy gai người. Hôm qua, ngày Tiền Đại Hội, chàng chỉ mặc chiếc áo sơ mi thường, Uyên Nhã vẫn nhận ra, vẫn nhờ người nhấn dùm chàng đến với nàng. Chính Duy đã không nhận người xưa. Chàng đã nhạt nhẽo, lạnh lùng. Rồi chàng đau lòng vì hành động của mình. Nàng có đoán ra không? Gần gũi nhau mười lăm tháng trời – chia tay – bốn mươi năm sau – gặp lại - chỉ thấy bẽ bàng! Sao mà con người lại có nhiều mâu thuẫn thế?

Cô cháu gái lái xe từ trong garage ra, nhìn thấy cậu Duy, buột miệng:

- Ối chà! Trông cứ như hoàng tử đi chủ tọa dạ hội! Đêm nay nhiều gái theo lắm đây!

Duy chau mày:

- Lo lái xe đi! Không ai biết đường đến Mariotte Hotel ở Anaheim cả. Mẹ cũng gà mờ lắm. Con từ miền Bắc Cali về. Cô cậu từ Hoa Thịnh Đốn sang! Chỉ sợ cả đám đi lạc! Đã dò đường trên bản đồ chưa?

Cô cháu cười hề hề:

- Không lo, cậu ơi! Có lạc, cháu gọi cell phone đến các chị trong ban tổ chức tới đón hoàng tử là có xe tới rước cả nhà ngay.

Nói xong cô cháu quay sang Hồng Tâm nheo mắt cầu sự biểu đồng tình.

Chị Minh lên tiếng:

- Thôi đi! Dềnh dàng mãi!

Mariotte Hotel kia rồi! Đó là khu vực của những khách sạn nổi tiếng ở Anaheim tiểu bang miền nam Cali. Ngay trước khách sạn đã có người chỉ dẫn tới bãi đậu xe. Thả mẹ và vợ chồng cậu xuống, Huyền vội vã lái xe tìm chỗ đậu. Ba chị em thong dong đi vào hành lang tiến tới tiền sảnh.

Ban tiếp tân đã dàn ngay trước Hội Trường. Họ mặc đồng phục áo dài tím, trên ngực gài một đóa hồng nhung thắm đỏ gắn phù hiệu Mê Linh với bảng tên bên cạnh. Một chị trong đám tiến ra, đưa tay mời chị em Duy tới chiếc bàn dài phủ khăn trắng. Đằng sau bàn, bốn chị áo tím đang xếp chỗ và viết tên quan khách đến tham dự. Ngày Hạnh Ngộ của Mê Linh nên trùng trùng điệp điệp những học trò cũ tìm về. Cả tới ngàn người! Hầu hết là các cựu nữ sinh và gia đình. Có lẽ đây là lần qui tụ đông đảo nhất của những người cùng một tổ ấm để ôn lại những kỷ niệm một thời hoa mộng.

Hai chị em Duy ký tên trong sổ vàng lưu niệm và tặng hiện kim cho Hội nhà. Các nữ giáo sư và vợ của các thầy đều được ưu ái gài một chùm hoa nhỏ rực rỡ trên ngực áo. Duy chỉ có bảng tên. Chàng cười trừu chọc:

- Bảng tên không được đẹp. Dân Mê Linh ai cũng biết thầy cả. Khoe tên làm gì?

Một chị trong ban tổ chức lễ phép mời thầy ra trước máy thu hình để báo chí phỏng vấn. Trong khi trả lời các câu hỏi của đài truyền hình, Duy cảm thấy như

đang bị theo dõi, như có ai đang nhìn mình đăm đăm. Chàng đảo mắt. Xa xa, Duy thấy vợ chồng Bích Thu, một nữ sinh nổi tiếng của những năm 66, 67. Người đã từng thủ những vai nam xuất sắc cho trường do thầy Duy đạo diễn. Đứng bên cạnh vợ chồng Bích Thu là Uyên Nhã. Nàng trân trân nhìn chàng.

Cả ba người thong thả đến chỗ quay phim và đám phóng viên bao quanh Duy. Nhìn sang bên cạnh, không thấy vợ, Duy yên lòng. Hồng Tâm đang bị các chị Mê Linh cùng trang lứa ngưỡng mộ bao vây.

Duy rời đoàn truyền thông, tiến tới trước mặt ba người. Chàng làm vẻ mạnh dạn tự nhiên mà chàng vẫn lúng túng. Đêm qua, chàng đã ân hận không xử đẹp với nàng. Hôm nay, Duy phải lịch sự hơn mới được nhưng sẽ nói gì? Con người bất thiệp tan biến trong Duy mỗi lần chàng gặp “người đàn bà ấy”!

Bích Thu trang nhã trong áo dạ hội vẽ những bông mai trắng rơi rớt trên nền satin đen, hai vai trần với đôi tay nâu hồng tươi nắng. Bích Thu ghé sát tai Duy thầm thì:

- Anh trò chuyện với Uyên Nhã đi. Nó đợi anh đấy. Tội nghiệp!

Thì Duy đang cố gắng đây!

Bỗng một thiếu phụ khác cùng trang lứa với Bích Thu, tay kéo chồng, vệt mọi người, xấn xỏ tới trước mặt Duy:

- Kính chào thầy! Em, Ngọc Tũn đây. Chồng em, Hải. Thầy còn nhớ không?

- Nhớ chứ! Ô mai của tôi đâu?

Duy chỉ muốn đùa cho vui và để Ngọc Tũn biết thầy không quên trò, không quên tài bếp núc của trò. Mà cái tên Ngọc Tũn đâu để gì quên!

Tũn lúi trong sắc tay một bịch ô mai to tướng:

- Ô mai sáu Hà Nội đấy! Em biết thầy thích nên mang đi làm quà.

Tũn vẫn vậy, vẫn xơ xác, ốm tong teo, nói năng ào ạt, tính tình bộp chộp. Quay sang Uyên Nhã, cô to tiếng:

- Gớm! Bà già trâu đi dự Đại Hội!

Thu thấy bất nhẫn, phản pháo:

- Mà phải sửa soạn, đội tóc giả đen thui. Người ta nguyên thủy là vậy. Mà thời gian mà! Biết chưa?

Nghe lời đối đáp của mấy bà, lòng Duy chùng xuống. Liếc nhìn Uyên Nhã, chàng lại thấy bất nhẫn, sượng sùng. Nàng sẽ hợp mắt chàng hơn nếu nàng không bắt cần với áo cánh nửa cổ Tàu nửa bà ba vải săng tung lòe loẹt... đỏ, vàng, xanh trên nền đen xám bóng. Duy muốn tiến đến, muốn nói lời dịu ngọt nhưng sao chàng khựng lại, chàng cứng họng? Hương vị tình yêu phải có những gì chung. Nàng xa rời chàng quá! Nàng không phải là Uyên Nhã chàng vẫn mơ trong tâm tưởng. Nàng đã có chồng, có con, và có thể cả lũ cháu. Nàng sống theo lối của gia đình cổ bên chồng một cách thản nhiên, tự tại. Nàng không để ý tới cái đẹp, như ý thích của chàng! – Duy thở dài – Giá được như Bích Thu, con cháu đầy đàn mà vẫn hấp dẫn, vẫn sang trọng. Giá nàng như Thu, còn có cái gì gần gũi. Hai ngày rồi, Uyên Nhã tìm Duy. Nàng đi một mình, không có chồng bên cạnh. Muốn nói chuyện với người xưa, đây là cơ hội hãn hữu. Mà biết đâu là cơ hội cuối cùng. Hai ngày rồi, lần nào nàng cũng nhăn nhe gọi Duy hoặc nhờ người đưa tới!

Sao Uyên Nhã không hiểu Duy? Chàng vẫn như xưa. Chàng yêu cái đẹp lịch lãm, cái đẹp của thế hệ mới. Uyên Nhã ơi! Mười lăm tháng trời bên nhau, em vẫn không hiểu anh sao? Lối sống của chúng ta đã khác nhau! Quan niệm về cái đẹp của chúng ta cũng khác nhau. Anh vẫn say mê “Theo mới, hoàn toàn theo mới...” trên mọi khía cạnh và anh đã quen như thế!

Uyên Nhã ơi, tha lỗi cho anh! Ai là người thay đổi? Em, lối sống đã thay đổi, gương mặt, vóc dáng đã thay đổi nhưng em vẫn nhớ người xưa. Anh vẫn “y chang” như em nói, vẫn giữ trong tâm khảm một tình yêu sôi nổi, vẫn tôn trọng vật của thiên nhiên, nhưng anh không biết em là ai, không còn nhận ra em nữa. Anh lảng tránh mà lương tâm bị đầy vò. Đừng nghĩ là anh hết yêu nữ sinh Uyên Nhã của năm nào. Lối xử sự khiếm nhã ngoài ý muốn, em ơi!

Tâm lách đăm đông đến bên chồng. Những máy hình dơ lên. Ánh đèn nhấp nháy với tiếng bấm tí tách trong tiếng hò reo vang dậy của các bà các cô cựu nữ sinh đang mừng rỡ gặp lại thầy cũ, bạn xưa.

Bích Thu, một tay nắm Uyên Nhã, tay kia kéo áo Duy, ới chồng:

- Anh Trọng! Chụp cho thầy và chúng em tấm hình kỷ niệm!

Trọng lôi Hồng Tâm vào cạnh Duy:

- Cô đứng cạnh thầy cho hình thêm khởi sắc.

Trọng bấm máy. Tâm cười tươi. Chắc Tâm không ngờ trong tấm hình có người yêu cũ của chồng. Tâm còn ghé tai hỏi nhỏ Duy:

- Cái bà tóc bạc là ai vậy?

Duy làm lơ quay đi chỗ khác, kéo vợ vào trong Hội Trường. Một cựu nữ sinh trong ban

tiếp tân đưa vợ chồng chàng đến chỗ bàn dành cho giáo sư. Chị Minh đã ngồi đợi đấy. Thấy hai em vào, chị nói:

- Gớm! Sao lâu thế? Được nhiều người ái mộ quá hả? Chị phải giữ chỗ cho cô cậu không thì có các giáo sư khác chiếm đấy! Đi với Duy đến chỗ hội hè lúc nào cũng phải chờ đợi! Tâm thấy không? Rõ chán!

Tâm cười ròn rã:

- Chị chán nhưng các bà các cô không chán. Anh Duy ham vui lắm, được nhiều người ái mộ quá! Chẳng ai biết đến em! Chị thấy tội em chưa?!

- Anh giới thiệu vợ chàng hoàng với mọi người rồi mà!

Duy cãi. Đúng thế, chàng đã giới thiệu Hồng Tâm với các bà các cô vây quanh trừ Uyên Nhã. Giờ này, Uyên Nhã đã biết mặt vợ chàng nhưng Hồng Tâm không biết người tình cũ của chồng. Càng hay. Với tính hồn nhiên con trẻ và ngây ngô thật thà, nếu thấy Uyên Nhã, Hồng Tâm dám vặn hỏi Duy sao cả gan yêu một người như vậy? Người mà xưa kia là hoa hậu Mê Linh, một thời lừng danh?! Nàng sẽ cho là Duy kỳ cục, khẩu vị quái đản, quê mùa, chẳng giống ai. Nàng sẽ làm cho chồng vừa tức vừa ngượng như Duy vẫn thường chọc ghẹo nàng. May mà Hồng Tâm không biết! Mà Duy đã nói được câu nào ra hồn với Uyên Nhã đâu?! Duy lại rầu rĩ!

Thức ăn bưng tới. Duy cầm đũa mà nghẹn ngào. Từ hôm qua đến giờ, đã hai lần Uyên Nhã tìm chàng và cũng đã hai lần chàng trốn né. Không cố tình mà sao

chàng hành động như vậy? Theo bản năng?! Sợ hãi?!

Lớp lớp các cựu nữ sinh của nhiều niên khóa lại vây lấy bàn Duy. Những lời hàn huyên. Những ân tình kỷ niệm. Những cái ôm nồng nhiệt thiết tha. Lại nhiều lúc Duy ngẩn mặt, thộn ra, ngẫm nghĩ. Lại ánh đèn lóe lên từ những máy chụp hình. Thế là Duy bằng quên cái đờn đau vì hành động lạnh nhạt với người yêu xưa. Trên sân khấu, những màn văn nghệ của nhiều vùng nước Mỹ, ở Úc, Pháp, Đức, Bỉ và ngay cả từ cội nguồn Việt Nam qua. Những màn hợp xướng vang động, kịch vui nhộn, hài hước dí dỏm, những màn vũ lả lướt... Duy chăm chú nhất tới màn trình diễn đàn tranh của người Houston với những cô gái xuân sắc yêu kiều phụ họa màn vũ hoa đăng diễm tuyệt. Cả một khung trời dĩ vãng đầy ắp kỷ niệm ào ạt tràn về trong tâm tưởng. Nó gợi nhớ đến thuở... hơn ba mươi năm trước... Duy còn là giáo sư trường Mê Linh, còn là trưởng phòng Sinh Hoạt Học Đường, đặc biệt phụ trách về môn kịch. Niềm vui ngập tràn lai láng.

Thời khắc trôi qua mau chóng. Màn cuối cùng với hoạt cảnh trình diễn binh phục các quân chủng của chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa với tiếng hát cao vút truyền cảm của cây hát số một Mê Linh miền Nam Cali làm đệm đã chấm dứt chương trình văn nghệ.

Dạ vũ bắt đầu. Một cây nhảy Mê Linh tới trước mặt vợ chồng Duy:

- Xin phép cô để mời thầy bản này.

Hồng Tâm tươi cười quay sang chồng:

- Kia anh! Đứng lên!

Hai người ra sàn trong vũ điệu Cha Cha. Hai thầy trò đều trở những đường ngoằn mục với phong cách lả lướt bay bướm. Nhạc đổi

sang Twist. Cả hơn mười người đẹp xúm quanh Duy, thay phiên nhau khiêu vũ với chàng trong thế luân xa. Từng người, từng người nhịp nhàng uốn lượn...

Những phút cuồng nhiệt náo loạn của Đêm Mê Linh tưởng chừng như bất tận. Nhảy liên hơn chục điệu Duy thấy thấm mệt, áo ướt đầm mồ hôi. Chàng về chỗ ngồi. Giọng ai văng vẳng quen thuộc đuổi sau lưng:

- Cởi vest ra cho mát.

Đúng giọng nàng. Chỉ có giọng nói là nguyên vẹn, giọng nói êm tai một thời! Duy táng lờ, nhanh chân trở lại bàn. Thì thế, Uyên Nhã vẫn theo dõi chàng từng bước. Nàng đến dự dạ hội một mình, không có chồng kề bên. Chàng nhớ là nàng không thích nhảy. Vậy nàng ở lại dự dạ vũ làm gì? Duy băn khoăn. Nàng ở lại để quan sát chàng?! Ân tình sâu đậm là thế để bốn mươi năm sau nàng tiếp nhận một bề bàng!

Ngồi nghỉ vài phút cho mồ hôi bớt ra, Duy mời Bích Thu bản luân vũ cuối cùng. Nắm tay chàng, Bích Thu nói nhỏ:

- Em thấy Uyên Nhã vẫn để ý đến anh, vẫn thương anh. Nó ở lại tới phút chót để ngắm anh vui chơi với mọi người. Nó không chường mặt ra nữa vì biết anh lảng tránh. Có lẽ nó nghĩ có vợ đi kèm nên anh không dám trò chuyện – Bích Thu chép miệng tiếc nuối – Dù sao, hai người không còn xứng với nhau nữa. Em nói thật! Xin lỗi anh!

- Em nhận xét đúng. Không phải anh ngại vì vợ khó chịu nhưng bản năng tự nhiên của anh xa lánh những gì không

thích hợp với mình. Anh không muốn vậy. Nhưng anh đã làm vậy. Anh xử bạc trong vô thức!

Bích Thu gật đầu:

- À, thì ra thế! Uyên Nhã đã hoàn toàn xa lạ đối với anh!

- Vì... màu thời gian? Anh là người vô cảm!

Bích Thu lắc đầu:

- Vì đa cảm anh đã phản ứng vậy. Uyên Nhã suy nghĩ, hiểu ra sẽ không buồn anh đâu.

Bản luân vũ chấm dứt. Hai người thong dong trở lại bàn. Chồng Bích Thu, vợ Duy đang tươi cười chờ đợi.

Giọng chị Minh luyến tiếc:

- Ngày vui qua mau. Biết đến bao giờ lại có ngày hạnh ngộ?!

Nhìn đám người vây quanh, chàng thấy như trong tròng mắt mỗi dân Mê Linh óng ánh sóng lệ. Riêng chàng, Duy đang nuốt nước mắt âm thầm.

Giây phút cuối cùng, lòng Duy vừa hân hoan sung sướng, vừa ray rứt băn khoăn. Những Đại Hội trước tổ chức ở nhiều nơi khác luôn mang đến cho Duy niềm vui gặp gỡ để nhìn lại những người đã đi chung một đoạn đường đời, cùng ôn kỷ niệm với học trò cũ, với bạn đồng nghiệp xưa. Riêng ngày Mê Linh Hạnh Ngộ tại miền Nam Cali nắng ấm bụi vàng này đã cho chàng những xúc động thật mãnh liệt, những bù ngùi, ân hận, ray rứt khôn nguôi... kỷ niệm... sẽ rung ngân mãi mãi trong tâm tưởng.

Nguồn vui rồi cũng cạn. Dáng xưa rồi cũng tàn tạ với thời gian.

NGUYỄN LÂN

Viết xong ngày 27 tháng 10 năm 2007

Kỷ Niệm ngày Gia Long Hạnh Ngộ

28, 29, 30/9/2007

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

BƯỚC LẠ ĐƯỜNG QUÊ

LỜI TÁC GIẢ: *Thưa quý độc giả, trước khi theo dõi thiên bút ký này, xin quý vị thứ lỗi cho sự dài dòng của tác giả qua hành trình về Việt Nam lần đầu tiên sau 33 năm xa Sài Gòn, 50 năm xa Hà Nội. Biết bao chuyện để viết, biết bao kinh nghiệm muốn chia sẻ cùng quý vị. BƯỚC LẠ ĐƯỜNG QUÊ của Nguyễn Thị Ngọc Dung sẽ được đăng nhiều kỳ trên Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm. Xin mời quý vị theo dõi. Thành thật cảm ơn quý vị. NTND*

NHÀ XƯA, PHỐ CŨ, NGƯỜI ĐÂU TÁ!

Hà Nội, 7 Tháng 12, Năm 2004 - Sau cuộc du lịch Sapa ba ngày, hôm nay phái đoàn chúng tôi nghỉ xả hơi, chỉ đi chơi quanh Thành Phố Hà Nội. Song Hà đi với Hương, cô em họ, mua mấy thứ mà chúng tôi mê điên đảo, ô mai cam thảo, ô mai khế, cốm vòng khô và vài thứ kỷ niệm. Cô bạn của Hà đi thăm bà con thân thuộc. Tôi đi thăm hai bà bạn học cũ.

8 giờ sáng, Nhiên người em trai họ đã chở vợ tới để đưa Song Hà và Phước lang thang phố phường. Còn Nhiên sẽ là tài xế xe ôm đưa tôi đi thăm phố cũ, nhà xưa rồi đến nhà Diệp ăn trưa. Thấy các bạn tôi ngồi xe ôm phom phom, tôi cũng thử liều một phen. Tài xế là ông em, sợ gì. Chỉ sợ khói bụi và xe khác quẹt vào chân cẳng mà thôi.

Tôi đeo khẩu trang, đội mũ lưỡi trai cho em Hà cho mượn. Hôm nay tôi lại mặc *blue jeans*, áo nỉ màu hoa cà, *jacket* màu xanh. Tôi mang giầy đế bằng nên gọn gàng nhảy như đàn ông lên yên sau xe của Nhiên. Hai

chân hai bên yên cho chắc ăn. Với tình trạng xe hai bánh như mắc cửi ở Việt Nam, không còn hình ảnh những tà áo dài tha thướt, hai chân khép nép đằng sau người tình trai trẻ. Các bà các cô mặc áo dài bây giờ cũng túm hai vạt áo trước bụng và ngồi dạng hai chân yên sau xe ôm, không còn vẻ nên thơ mỹ thuật nữa! Nhiên biết bà chị Việt kiều nhát nên chạy xe cẩn thận, không nhanh lắm. Tôi cũng đỡ đau tim.

Ông em chở tôi đến nhà vợ chồng Hùng cho biết. Hùng là em trai của Nhiên. Tôi được mời ăn bún với đậu phụ nướng, rau kinh giới chấm mắm tôm của một hàng gánh rong ngoài vỉa hè trước cửa. Tôi đã ăn bánh mì, uống cà phê tại khách sạn, nhưng từ chối thế nào cũng không được nên đành nhận lời, ngại ngần nếm một chút món quà sáng đó.

Thật sự là đặc biệt vì từ xa Hà Nội năm lên 14 chưa hề biết yêu, tôi không đụng tới món đậu phụ nướng kia. Nếu tôi cứ liều ăn thẳng thường thì chắc là ngon miệng. Nhưng tôi chỉ giả vờ chấm bún, đậu không chạm vào mắm tôm và nói không biết ăn rau kinh giới nên món bún đậu nhạt nhẽo, lạnh ngắt

chẳng có vị gì. Cẩn tắc vô ưu, tôi sợ ăn bậy, mắc phải cái chứng đau gan thì tội cho chồng con.

Sau nhà Hùng, Nhiên đưa tôi đến Trường Trưng Vương cũ ở đầu Đường Hai Bà Trưng, nay đã thành Trường Cao Đẳng Nghệ Thuật Hà Nội. Trường sở vẫn được giữ nguyên, hàng rào sắt, cột gạch, nhưng tường được sơn vàng chóc. Hình như bây giờ người ta thích cái màu vàng và màu đỏ chói lọi ở khắp mọi nơi. Những màu *pastel* nhạt nhòa biến mất. Nhiên chụp cho tôi một cái hình đứng trước cửa Trường Trưng Vương cũ,



nhưng có lá cờ khó chịu và một cái xe hơi chình ình che cổng trường nên tôi đã cắt bỏ những phần ngứa mắt đó đi, chỉ còn lại Ngọc Dung với một phần nhỏ mặt tiền của Trường Trưng Vương như trong cái hình trên trang giấy này.

Bây giờ đang là mùa Đông Hà Nội. Thấp thoáng trong ký ức tôi thấy những tà áo lam đứng xếp hàng trong sân trường. Các nữ sinh nghiêm chỉnh chào cờ, hát quốc ca và hiệu đoàn ca Trưng Nữ Vương của Giáo Sư Nhạc Sĩ Thắm Oánh. Ngày ấy, mùa đông chúng tôi mặc đồng phục màu lam bốn ngày. Mùa xuân, mùa thu đồng phục trắng. Ngày thứ sáu được mặc áo màu tự do.

Tôi còn nhớ mùa đông cuối cùng ở Hà Nội, tôi được mẹ đưa ra Hàng Đào mua hàng lụa màu vàng may áo dài mặc Tết. Ngày đầu tiên trở lại trường sau dịp nghỉ Tết, tôi hơn hở, sừng sình trong cái áo màu vàng, rộng thùng thình đó, “chàng” Hà

Dương Thị Quyên đã tuyên bố giữa sân trường, Ngọc Dung là “vợ” thứ bảy của “hắn” sau sáu cô bạn thân của tôi. Bây giờ chỉ còn Ngọc Diệp, Tuyết Anh, Việt Bảo ở Hà Nội. Kim Dung ở Indonesia, Thu Hòa ở Canada. Thái Lan, Hà Dương Thị Quyên ở California và Ngọc Dung đang ngồi viết những dòng bút ký này tại

Ngọc Dung trước cửa Trường Trưng Vương cũ.

Virginia...

Tôi chụp mấy hình trước cửa trường cũ mà tôi đã qua năm đệ thất và đệ lục trước khi di cư, đất nước chia đôi năm 1954. Tôi quay máy hình qua bên kia đường chụp Trường Petit Lycé cũ mà nay đã trở thành Trường Trần Phú. Từ địa điểm này, Nhiên chở tôi qua Viện Bác Cổ rồi theo đường bờ đê bên Sông Hồng đi về hướng Yên Phụ. Khi trông thấy Cầu Long Biên, tôi mới biết sắp tới dốc Đường Chùa Hộc Nhai. Nhưng Nhiên cho xe chạy thẳng đến dốc Hàng Than mới rẽ xuống. Từ đây Nhiên đi chậm lại để tôi nhận diện các địa điểm quen thuộc cũ: Nhà bán bánh cốm Nguyễn Ninh vẫn còn đó,

bên tay trái. Cách vài nhà đến Chùa Hòe Nhai. Trước năm 1954, tuy nhà gia đình tôi ở bên cạnh chùa nhưng chỉ có một lần tôi lân la vào sân chùa với cô bạn Ngọc Diệp trong phố nhân một ngày Lễ Phật Đản...

Tôi không còn nhận ra nhà nào ngày xưa là tư gia của cựu Thủ Tướng Ngô Thúc Địch, thân sinh Thúy Ái, Bích Vân, và cũng là ông nội của Nhà Văn Ngô Tăng Giao

và chị em Giáng Tiêu, Nguyệt Hằng. Tôi học cùng Trường Tiểu Học Thanh Quan, và Trung Học Trưng Vương với hai tiểu thư họ Ngô. Đến bây giờ tôi vẫn còn hình dung được hai cô bé Giáng Tiêu và Nguyệt Hằng mặc áo bông vai nhảy dây trên vỉa hè trước cổng nhà. Có vài lần cô bé Ngọc Dung bắt gặp những “ánh nhìn trộm” từ cặp mắt sáng, mày rậm của một “cậu bé” môi đỏ, nhà gần đấy...

Nhiên ngừng lại cho tôi chụp hình chùa Hòe Nhai. Tường gạch, mái cong cổng chùa vẫn được giữ nguyên.

“Chùa rất cổ, được xây cất từ thời Lý Thái Tông, ông vua hay nằm mơ thấy Phật. Sau mỗi giấc mơ, một ngôi chùa lại được xây lên, trong số đó có chùa Hòe Nhai. Sở dĩ chùa có tên đó vì được xây trên con đường mang cùng tên. Tương truyền rằng thời nhà Lý, vua đã bắt triệu thần mỗi người phải

trồng một cây hòe trước cửa nhà từ hoàng thành ra đến Đông Bộ Đầu tức Bến Đông. Vì thế, con đường mang tên Hòe Nhai. Hòe là một loại cây lớn, tàn lá rộng, hoa màu vàng,

quả đẹp và dài, hạt làm vị thuốc. Trong chùa còn nhiều bia đá. Một bia cổ nhất đã ghi rõ vị trí chùa ở Phường Hòe Nhai tại Đông Bộ Đầu, nơi Quân Nhà Trần lần thứ nhất đã chiến thắng đánh đuổi quân Mông Cổ về Tàu, giải phóng



Chùa Hòe Nhai, Phố Hàng Than

Kinh Thành Thăng Long, 21 tháng Giêng, năm 1258...”¹

Dừng lại ngã năm Hàng Than, Hòe Nhai, Nguyễn Công Trứ, tôi hình dung thấy nhà sách Đông Phương nơi tôi vẫn mua sách vở bút mực học trò, bây giờ là tiệm tạp hóa lụp xụp tối tăm. Trái lại Nhà của gia đình Ngọc Diệp bên kia đường, bây giờ trông sáng sủa lịch sự hơn. Đối diện là nhà Báo Thời Sự cao mấy tầng đồ sộ nay là Khách Sạn Bắc Việt quét vôi trắng xóa trông cũng mát mắt. Ba địa điểm này ở ba góc đường nên tôi nhìn ra được.

Qua Khách Sạn Bắc Việt, vào Đường Hòe Nhai, tôi hồi hộp đi về hướng đường đê, vì căn nhà gia đình tôi cư ngụ từ năm

¹ Trích trong *Hồi Ký Phụng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, tái bản lần thứ ba, trang 44, của Nguyễn Thị Ngọc Dung.

1947 đến năm 1954 ở giữa phố. Con đường ngấn ngủn, nhỏ hẹp không một hàng quán cửa tiệm vậy mà ngày xưa đã có những “cậu bé” mới lớn, sơ-mi ca-rô, xanh vàng đỏ lượn xe đạp qua lại nhà chúng tôi. Có chàng hàng xóm lắng nghe tiếng học bài ê a, tiếng hát lanh lảnh của cô bé Ngọc Dung từ trên cửa sổ lầu cao. “Thủ phạm” đã thổ lộ sau này như vậy. Nếu biết có người nghe trộm, chắc cô bé đã mắc cỡ, đã tịt tiếng ngay từ hồi đó rồi, đâu còn giọng hát đến ngày nay.

Tôi vui mừng khi thấy căn nhà cũ và ba căn bên cạnh trước kia có hai tầng nay được xây lên ba, bốn tầng và được trùng tu, sơn phết lại sáng sủa sạch sẽ. Cái *balcony* cũ kỹ ngày xưa nơi ông bố chúng tôi vẫn thông dây với cái rổ xuống

đường mua lóc bẻ (bánh cuốn), hay xôi lạp xưởng nóng ban đêm, nay đã được xây cất lại xinh xắn đẹp đẽ. Căn nhà bên tay trái nơi gia đình chú thím tôi ở bây giờ là một quán cà-phê.

Trên vỉa hè ngày xưa chị em chúng tôi tôi chơi truyền, chơi lò cò, nhảy dây, không có một bóng cây nào trừ cây si trước cửa đền trên dốc, nay mọc lên cây me, cây sấu. Những người thân của chúng tôi ở trong hai ngôi nhà đó, bà nội, cha, mẹ, anh Khánh,

chị Kim, chú thím Hai Hương... đã không còn nữa. Tôi ngăn chặn một tiếng thở dài...

Với mãn nguyện đã được nhìn lại con đường, góc phố của thời tóc thề, tóc bím, tôi lại nhảy lên ngồi đằng sau xe Nhiên đi qua Hàng Đẫy đón Bích Vân. Bà bạn tôi đã về hưu dạy học, ở với con gái trên căn gác trong một chung cư. Vân đã xếp sẵn các thức nấu ăn trưa và tay xách, nách mang, đem ra một xe ôm khác đang chờ ngoài đường. Nhiên chở tôi theo sau họ về hướng Thanh Xuân. Tôi lại đi qua Làng Mọc



Căn nhà Phố Hồ Nhai gia đình Ngọc Dung cư ngụ từ 1947-1954.

Thượng Đình, nơi gia đình tôi có biệt thự và ở vài năm trước khi tản cư vì chiến tranh Pháp – Việt Minh năm 1946.

Hẻm đi vào nhà Diệp sạch sẽ và khá rộng, xe hơi nhỏ có thể đi vào được. Hai xe ôm ngừng lại

trước một cổng sắt có giàn hoa bông giấy đỏ và ti-gôn hồng.

Bích Vân cho tài xế xe ôm trở về. Nhiên muốn tôi hẹn giờ trở lại đón, nhưng Diệp đã nói sẽ có xe ôm tin cậy, quen trong xóm đưa tôi và Vân về.

Chủ nhà đơn đả ra đón khách ngay. Qua sân gạch chúng tôi đi vào phòng khách. Căn nhà giáp vách hàng xóm và có lầu. Phòng khách xinh xắn, ấm cúng. Diệp ở với vợ chồng người con trai và hai cháu nội.

Ngày thường nên con cháu đi làm, đi học cả. Diệp rót trà mời khách, ý tứ điều bộ đúng là dân Hà Nội xưa. Không ai bảo ai, ba chúng tôi cùng quàng khăn voan quanh cổ, cái *mode* Hà Nội cũ vẫn còn. Hơi lạnh một chút là các nàng đem khăn quàng ra để làm dáng như đeo nữ trang, và vì sợ cái thân liễu yếu sẽ ho hen, khổ sở lắm!

Vân ngả hết đồ nghề ra sửa soạn nấu nướng. Vân lọc cua đồng đã giã sẵn, có cả gạch cua để chưng riêng. Rau riếp, rau muống chẻ, rau thơm, rau mùi, tía tô kinh giới, đã được nhặt và rửa ở nhà, nhưng Vân vẫn muốn tôi tin tưởng nên đem đến nhà Diệp nàng mới ngâm thuốc tím cho tôi trông thấy. Bạn bè quý nhau thế đấy. Tôi rưng rưng xúc động thật sự.

Diệp đem nôi, chảo, bếp dầu ra sân cho Vân nấu riêu, chiên đậu. Máy hôm trước, Diệp nhất định tranh phần mời chúng tôi ăn chả cá. Hôm nay đến phiên Vân mời tôi ăn trưa nên nàng lo lấy đủ mọi thứ.

Cũng không muốn bạn Việt kiều e ngại, Vân bỏ mắm tôm vào nôi riêu đun sôi luôn. Riêu cua, gạch cua nổi lênh bênh. Đậu rán

nở phồng, reo sèo sèo trong chảo nóng. Mùi thơm bay khắp sân, bắt thèm, đói bụng. Tương Cự Đà thứ thiệt tự gốc được đổ ra chén. Bún tươi còn ấm nóng được đơm ra tô chiết yêu Bát Tràng. Dĩa mun khảm xà cừ cổ kính, muống đồ gổm xanh trắng thanh bạch. Chúng tôi ngồi ăn trên ba cái ghế nhựa thấp tại bàn *salon* phòng khách nhìn ra

cảnh vườn êm đềm thơ mộng, đóng khung với những cây chuối xanh tàu lá, cây đu đủ chi chít quả non, cây khế cành lá trĩu nặng trái mọng vàng ửng. Hoa thì có cây quỳnh cành dao, lan, huệ, nhài, ti-gôn, bông giấy... Một cái sân nhà thật lý tưởng đối với Việt kiều hải ngoại ở những vùng mùa đông băng tuyết giá lạnh như tôi.

Tôi ăn rau, ăn riêu bằng thích, không nề hà sợ sệt một thứ vi trùng bệnh tật nào. Hơn ba mươi năm từ khi rời Sài Gòn, tôi không được

ăn món bún riêu nào đặc biệt hương vị quê hương như thế.

Chúng tôi tâm sự đủ thứ chuyện gia đình, bạn bè xưa nay, sinh hoạt hiện tại của mỗi người. Tôi tiếc rằng Diệp và Vân không sử dụng *computer* để chúng tôi liên



Hai Bà Bạn cũ xa cách
Từ *Thuở Trời Đất Nổi Cơn Gió Bụi*, 1954.

lạc dễ dàng thường xuyên hơn. Tuy nhiên người con trai của Diệp có *computer* trong nhà. Nên thỉnh thoảng sau này tôi viết thư thăm hai bạn qua *email* con trai Diệp.

Vân cho tôi xem và gửi lại mấy tấm ảnh xa xưa, từ thời *Trời Đất Nổi Con Gió Bụi*, sau Hiệp Định Geneva ký ngày 20 tháng 7 năm 1954. Việt Nam bị chia đôi Nam Bắc thành hai phần thù nghịch.

Một hình tôi tặng Vân ngày 10 tháng 8, năm 1954, 5 ngày trước khi theo gia đình di cư vào Sài Gòn. Vài tấm hình tôi chụp tại Đà Lạt năm 1956 và gửi cho Vân qua đường bưu điện của Ủy Hội Quốc Tế. Một tấm ảnh mang hình chàng trai trẻ tuấn tú để tặng “Bích Vân, người em gái, Hà Nội ngày 12 tháng 7 năm 1954.” Người đó đã trở thành đề tài *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* của Nguyễn Thị Ngọc Dung sau này. Cho đến bây giờ Bích Vân vẫn không nhận nhận vật đó là mối tình đầu. Nàng nói, một người khác còn bô trai hơn nữa cơ! Cái thuở 15, 16 má hồng, mũi thanh, mắt to, mi dài, môi mộng, nàng đẹp mộng mị thì... “có quyền” chọn một chàng bánh bao như Robert Taylor trong phim *La Valse Dans L’Ombre*, hay Gene Kelly trong *Les Trois Mousquetaires* mà chúng tôi được xem và mê man từ thuở ấy ở Hà Nội.

Ngoài ra, Vân cũng đưa tặng tôi mấy bài thơ cũ trong đó có một bài thơ dài tâm sự lằm lẩn lấy phải người chồng đeo gông đau khổ, có cũng như không, cuối cùng phải chia tay. Một bài thơ khác Vân viết về mối tình đầu yêu tha thiết nhưng rồi phải xa nhau buồn thiết tha. Xin chép ra đây một bài thơ đó của Nàng:

HOA XUÂN

*“Đã bảo rằng em thích độc thân
Mà lòng riêng vẫn thấy băng khuâng
Ô hay lạ quá, làm sao thế!
Rõ ghét ông trời đến oái oăm...”*

*Thế rồi ngày tháng cứ trôi qua
Em vẫn ngây thơ, đẹp nhất nhà
Làm khóc bao người theo ấp mộng
Bướm kia chẳng sánh được cùng hoa.*

*Em nhớ hôm xưa lúc buổi chiều
Ngày xuân sắp đến đẹp bao nhiêu
Em lên nhà chú và em gặp
Chàng ấy! Chị ơi! Rất đáng yêu...*

*Lúng túng hai người chào hỏi nhau
Vài lời vợ vấn, mấy đôi câu
Môi cười, mắt đắm, say từng nhịp
Tuồng chẳng bao giờ dứt được đâu?*

*Chú em đi tự bao giờ đấy
Em cứ quay đi chẳng hỏi han
Cũng bởi thời gian trong lúc ấy
Là dành riêng để nói cùng chàng...*

*Trời mưa, đã muộn, em ra về
Nhưng đến vệ đường ngừng bánh xe
Chàng nói, em cười và lại hẹn
Lòng em nào nức, thật vui ghê.*

*Mông hai chàng đến nhà em
Đem theo cả những nỗi niềm ước mơ
Mông ba Tết chẳng ai ngờ
Đi xem triển lãm rồi về rong chơi
Mông bốn Tết đến nơi rồi.*

“Thiên diễm tình”² sử là nơi hẹn hò.

*Từ đây chị ơi! Hai đứa yêu
Tuồng như sấm sét chẳng làm siêu
Thế gian không biết vui hơn nữa
Giấc mộng đầu xuân thắm đẹp nhiều!*

*Song, phút êm đềm chẳng được lâu
Tự nhiên bão táp tận đâu đâu
Nổi lên phá vỡ tình yêu ấy
Hạnh phúc hôm xưa đổ gãy cầu.*

*Xa cách nhau rồi vẫn nhớ thương
Mắt sầu em đắm lệ tơ vương
Chị ơi! Em khóc bao ngày tháng
Lỡ bước chân đi lạc nẻo đường.*

*Hôm nay, em đã lớn khôn rồi
Nhưng chuyện năm xưa vẫn chẳng nguôi
Em vẫn còn yêu và vẫn nhớ
Con người năm ấy mãi không thôi!*

NGUYỄN BÍCH VÂN
(Hà Nội, 1959)

Bích Vân thích viết truyện và làm thơ từ năm lớp nhất Trường Thanh Quan. Tôi đã được nàng tặng truyện, tặng thơ rất nhiều. Thơ truyện đã ếm vào cuộc đời. Nhà nàng ở Phố Sinh Từ, gần một tiệm sách, mà nàng là con một của nơi lui tới nhiều văn nhân thi sĩ ấy. Tâm hồn đầy văn thơ lãng mạn, nhìn những quý vị đó như thần tượng. Hình ảnh nào đã lọt mắt xanh thì ở lại và ngự trị con tim nàng suốt cuộc đời.

Sau bữa ăn đầy thân thiết mà chúng tôi cố tình muốn níu thời gian chậm lại ấy, chúng tôi vẫn phải chia tay. Chắc chắn không thể có 40 năm sau gặp lại nhau nữa. Tuy nhiên chúng tôi vẫn quyến luyến hẹn tái ngộ thật gần. Cảm ơn hai bạn từ thuở bé thơ, Ngọc Diệp và Bích Vân, lại cho Ngọc Dung những kỷ niệm quý báu để bồi hồi ghi lại đây. Nếu có dịp Ngọc Dung sẽ trở về Hà Nội, chỉ để thăm bà con thân thuộc và các bạn mà thôi.

Khi Diệp đưa tôi ra ngoài cổng, hai cái xe ô-mô đã chờ sẵn. Hai tài xế trẻ bằng tuổi con cháu, mặt mũi sáng sủa, hiền lành, quần áo tươm tất. Bà bạn rỉ tai tôi: “Diệp đã trả tiền xe cho cả hai bạn rồi, cứ yên trí ngồi xe về khách sạn, không phải trả gì cả. Hai cậu này cùng ở trong xóm mình.” Tuy nhiên khi về tới khách sạn tôi vẫn đưa thêm tờ giấy 5000 ngàn đồng cho tài xế xe ô-mô. Tuổi trẻ mà chịu khó làm nghề lương thiện, kiếm tiền học hành, nuôi thân, đỡ đần cha mẹ, hay nuôi gia đình riêng, cũng đáng khen ngợi.

Về đến khách sạn tôi sang thăm phòng vợ chồng Hà-Phước. Cô em gái khoe đã đi bộ ra tận Hàng Đường, Ngõ Gạch và mua được mấy ký lô cốm Vòng khô, ô mai cam thảo, ô mai khế, mấy bịch nặng ới là nặng. Nhân viên phi trường có thể nghĩ chúng tôi mang bom trong *suitcase*. Hà cho tôi ăn một miếng bánh cốm Nguyên Ninh, nhưng có bao giờ tôi thích thứ bánh cốm sào nhân đậu xanh này đâu. Tôi chỉ thích ăn và hít hà mùi cốm tươi thôi. Chúng tôi không về

² Tên một cuốn truyện.

Hà Nội vào mùa thu để ăn cơm tươi thì phải mua cơm Vòng khô đem về.

Lần đầu tiên ở Mỹ, một người bạn quý tôi làm mới cho tôi một chén cơm Vòng khô. Bà bạn bảo tôi rẩy nước âm ỉ lên cơm và xới đều rồi bỏ vào *microway oven* vài phút sẽ có cơm thơm dẻo ăn. Tôi nghe lời bà bạn, cơm đã dính nhẹp với nhau như bánh cơm. Khi có người cho tôi một ký lô cơm khô khác và dặn tôi cách một giờ rẩy nước lên cơm và xới đều lên một lần rồi đập lại. Tôi làm như thế mấy tiếng đồng hồ, cơm vẫn khô. Tôi ủ cơm qua đêm. Cơm mềm và tới, nhưng hôi quá, không ăn nổi. Màu cơm vàng chứ không xanh. Có lẽ cơm bị để lâu. Tôi tiếc lắm nhưng phải đổ đi vì ăn cơm vào mùi cơm hôi ở trong miệng cả ngày.

Cô em Song Hà về Hà Nội lần thứ nhất đã nhờ các cô em họ đi kiếm cho bằng được thứ cơm Vòng khô, thơm ngon nhất hạng, bao nhiêu tiền cũng mua. Hà đã đem về cho tôi hai ký. Tôi thử làm một chén nhỏ, mỗi giờ một lần *phun* nước ấm có pha chút đường lên cơm và bới đều rồi ủ kín bằng khăn *plastic*.

Tôi nhắc lại chỉ một chút đường thôi vì nước lã làm nhạt chất ngọt tự nhiên của cơm. Cũng đừng cho cơm khô tẩm qua vôi nước như có quý bà đã làm. Cơm vòng là món ăn thanh cảnh, xin quý vị nường tay và kiên nhẫn. Và nếu muốn có cơm Vòng thực sự Miền Bắc thì đừng cho vị *vanilla* hay nước dừa như ý kiến của vài người quá “sành sỏi”.

VỀ THĂM CỔ HƯƠNG

Quá nửa đời người liệt cổ hương
Bao đêm thồn thức khóc trong hồn
Đào tiên thế cuộc trời quê mẹ
Ai kể ra đi chẳng đoạn trường!

Bốn tám năm nao nức trở về
Ngẩn ngơ Tì Thúc lạc đường quê
Cây đa công thượng nào đâu thấy
Thôn xóm không còn rợp bóng tre.

Chôn cũ ta tìm thuở ấu thơ
Ao lèo, ngõ trúc, mái chùa xưa...
Quần quanh chỉ những nhà san sát
Bến vắng đâu còn điệu hát xưa.

Hỏi thăm tin mấy kẻ thân quen
Ngơ ngác không người biết đến tên
Chào ôi! Nhân thế vô thường quá
Trở gót lòng nghe nặng nỗi niềm.

Thôi thế từ nay hết ngóng trông
Cổ hương kỷ niệm ở trong lòng
Cổ hương trọn kiếp còn thương mãi
Trọn kiếp ai hoài khách viễn phương.

PHẠM THỊ NHUNG

Paris

Từ 6 giờ tối đến 12 giờ đêm, cốm đã thơm lừng nhưng chưa được mềm hẳn. Tôi phun nước và bối cốm cho tới một lần nữa, rồi ủ cốm tiếp tục qua đêm, sáng ra vừa mở bát cốm, hương cốm bay lên thơm ngào ngạt không khác cốm tôi được ăn tại Hà Nội trước 1954. Cốm mềm tới, và vẫn có màu cốm xanh. Tôi nhắm mắt đưa chén cốm lên môi ôm hôn như một bảo vật đã mất từ lâu bấy giờ mới tìm lại được. Buổi sáng hôm đó tôi đã có một bữa điểm tâm tuyệt vời nhất trong đời. Nếu quý vị nào theo hướng dẫn của Ngọc Dung và làm được món cốm Vòng hải ngoại và vừa ý thì tin về Tòa Soạn Cỏ Thơm cho Ngọc Dung biết để Ngọc Dung mừng.

Chợ Tết Cộng Đồng Việt Nam năm đó, tôi đã hy sinh hương vị quý báu và làm được 20 đĩa nhỏ cốm Vòng cho Hội Cựu Nữ Sinh Trưng Vương bán chợ Tết gây quỹ. Phụ Nữ thì phải tỏ ra khéo léo, làm món đặc biệt chứ. Lúc đó Nhạc Sĩ Nhật Bằng còn tại thế. Anh mua mở hàng ngay một đĩa đầu tiên. Nửa giờ ngoảnh đi quay lại, tôi vẫn thấy Nhạc Sĩ ta vừa nhâm nhi cốm vừa gật gù như đắc ý. Tôi nghĩ thầm: “Anh này thấy cốm ít ăn dè xẻn chẳng?” Tôi đi một vòng chợ, hồi lâu trở lại bàn các bạn Trưng Vương bán hàng, tôi vẫn thấy Nhật Bằng dựa cột với đĩa cốm mỏng dính trên tay. Tôi không khỏi ngạc nhiên:

“Anh vẫn chưa ăn hết đĩa cốm hả?”

“Đĩa này là đĩa thứ ba rồi. Ngon quá! Như cốm Vòng tươi Hà Nội, ăn không biết chán!”

Tôi để dành cốm khô trong tủ lạnh nên cốm vẫn xanh thơm, không hồi vàng. Tết năm sau đó, Hội Trưng Vương Hoa Thịnh Đốn lại yêu cầu tôi ủng hộ món cốm Vòng. Tình Trưng Vương luôn luôn có trong tim nên tôi lại nhận lời làm. Món này hết bay ngay. Có người mua luôn năm đĩa mỏng teo. Của hiếm, chia nhau ăn lấy hương lấy hoa thôi mà!

Món cốm Vòng đã trở thành món cao lương mỹ vị tôi làm để mời khách quý thưởng thức. Và, cũng vì quý độc giả Cỏ Thơm, Ngọc Dung đã viết hầu quý vị cách làm cốm Vòng khô, tạm để thưởng thức hương vị cổ truyền. Bây giờ xin trở về buổi tối ngày 7 tháng 12 năm 2004 tại Hà Nội.

Phước, Hà và tôi được vợ chồng Điểm mời một bữa cơm tại một nhà hàng trên Đường Nguyễn Trãi với đông đủ anh chị em con cháu đến hơn hai chục người. Tôi không nhớ hết tên. Trong số này có vợ chồng Điểm, con rể, con gái và hai cháu ngoại, tôi đã có dịp gặp lại năm sau tại Virginia, khi họ sang thăm Hoa Kỳ.

Thưa quý vị đến đây vẫn chưa hết *Bút Ký Bước lạ Đường Quê* đâu. Tối nay về khách sạn chúng tôi lại sửa soạn cho cuộc hành trình ngày mai, 10 tháng 12, 2004 phái đoàn chúng tôi đi thăm viếng vùng Ninh Bình, Phát Diệm. Xin phép quý vị chúng tôi phải đi ngủ sớm để lấy sức xông pha đường trường ngày hôm sau.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
(Virginia)



BẰNG HỮU... GẦN XA

ĐỒ PHÚ

Buổi ra mắt sách của văn sĩ Huy Trâm tại Virginia được bạn bè, thân hữu đón nhận nồng nhiệt. Đúng xếp hàng chờ đến lượt mình nhận sách, thấy anh mập hơn xưa đôi chút, diêm đậm hơn, già đi do sự tàn phá của thời gian gồm 7 năm cải tạo. Nếu không được biết trước, tôi có lẽ không nhận ra anh. Cũng như cách đây khoảng 4,5 năm, khi một diễn giả được giới thiệu là ông Lê Hữu Mục, tôi ngạc nhiên sao mình không nhận ra anh Mục, một người bạn mà trước năm 1975, tôi thỉnh thoảng lại chơi và đã đôi lần ăn Tết với gia đình anh chị. Khi anh bước xuống bục, tôi chạy lại tự giới thiệu tên, sau một thoáng suy tư, anh ôm chầm lấy tôi và nói: trời ơi, mừng quá được gặp lại anh tại đây. Đã lâu lắm rồi nhỉ? Đúng anh ạ, gần 30 năm không gặp nhau rồi, anh em mình đều mắc bệnh lão hóa nên nhìn nhau phải hồi lâu mới nhận ra nhau. Sau đó, anh kéo tôi đến ngồi cùng bàn anh để ôn lại vài chuyện xưa. Khi đến lượt tôi nhận sách, chị Ngọc Dung, văn thi sĩ, chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ văn học nghệ thuật Cỏ Thơm, giúp anh Huy Trâm giới thiệu và ghi tên thân hữu trên sách, anh Huy Trâm chỉ cần ký tên, để các thân hữu khỏi phải xếp hàng chờ đợi quá lâu. Hơn nữa

chị Dung quen biết hầu hết các bạn hữu vùng Hoa Thịnh Đốn. Khi đến lượt tôi, anh Huy Trâm ngẩng lên nhìn, rồi như đang suy tư tìm lục trong trí nhớ xem tôi là ai, anh đã quen và gặp tôi ở đâu ngày trước. Anh ký tên tặng sách xong lại ngẩng đầu lên lần nữa nhìn tôi. Để giúp anh mau nhớ lại, tôi nói với một câu hơi thừa vì anh đã nhìn thấy tên tôi trên trang sách do chị Dung ghi, tôi Phú đây anh Tam, Tam là tên thật của anh. Ô nhớ chứ, anh đáp. Làm sao quên.

Sau khi Ls Tiến giới thiệu sách của Huy Trâm, anh có đôi lời về anh, cuộc sống của anh ở hải ngoại từ 18 năm qua, hoàn cảnh nào đã giúp anh sáng tác thêm được nhiều nhạc phẩm và tác phẩm văn học.

Mỗi giai đoạn lịch sử anh trải qua là một đoạn đường cũng quen thuộc với tôi, nhất là thời trước tháng tư năm 1975. Tôi không nhớ là đã quen anh ở đâu, vào dịp nào, nhýng chắc chắn không phải qua tư cách một đồng nghiệp, phải rồi có 1 lần anh tổ chức 1 buổi ca nhạc kiểu hát cho nhau nghe giữa các thân hữu, anh mời tôi đến dự, anh giới thiệu tôi với các bạn văn nghệ của anh như thể tôi cũng thuộc nòi nghệ sĩ dù tôi xin cải chính tôi chỉ là người đến để vỗ tay cho anh, nhưng chẳng ai nghe tôi. Có lẽ lúc đó tôi đang làm chủ bút của tờ Pháp Luật của Luật sư đoàn Sài Gòn, tờ báo nghiên cứu Luật Pháp, khô khan và chỉ có số độc giả giới hạn trong ngành Luật mà thôi. Và một vài bạn đôi lần thấy tôi đứng bên các nghệ sĩ như KC, TTH, HC ... nên đã nghĩ tôi cũng gần hay là có máu văn

nghe, nên nề tôi luôn. Một lần vui nữa là lúc anh ra mắt l CD, anh cũng mời tôi và tôi đã có mặt làm chức năng của mình là vỗ tay nồng nhiệt, mỗi khi ca sĩ hát xong một ca khúc của anh. Thời gian đã làm cho tôi quên tên những bài hát do anh viết, nhưng điều mà tôi biết chắc là anh viết nhạc khá hay, và có hẳn đã bắt đầu có nhiều người biết tên.

Đứng cạnh Ls Sinh, tôi hỏi anh, cậu có biết Tam, Tam là tên của văn sĩ Huy Trâm, từ ngày trước không? Anh Sinh trả lời, trước 75, tôi và Tam ăn nhậu với nhau thường xuyên. Chúng tôi có nhiều chuyện để nói cho nhau nghe lắm. Khi xuống cạnh chỗ chúng tôi đứng, anh Tam nói, lâu quá rồi mới gặp nhau, tôi ở gần các anh D, chi T (là anh chị họ bên nhà tôi), các anh chi ấy đã ra đi rồi. Anh nói để chúng tôi anh còn nhớ đến tôi, giọng anh khác ngày xưa, trầm buồn, và chậm rãi. Qua anh tôi nhớ đến các bạn cũ, đồng nghiệp, nhiều người hơn tôi cả Giáp nhưng vì trong ngành nên cho phép tôi coi như đồng nghiệp. Những vị niên trưởng, chánh thẩm và hội thẩm thường coi tôi là bạn là các cụ ĐVH, NVH, NHT, VTT... các Ls NHP, TVT, NVC, NNS, VVQ... các Gs BSH, NHC..., nhiều vị đã ra đi về miền vĩnh hằng. Một vài bạn trẻ vì vấn số cũng theo các cụ ra đi, các bạn tôi kể ra không hết, đi trước hạn kỳ, oan nghiệt, tức tưởi do tai họa của Cộng Sản áp đặt trên đất nước ta. Anh Tam đã gọi lại cho tôi nhiều kỷ niệm cũ, về các bậc niên trưởng, đàn anh, bạn hữu, cụ NMN, thân sinh anh Tam một lần nhờ thư ký mời tôi lên văn phòng gặp cụ. Cụ NMN là

hội thẩm thân niên của Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, hồi đó ai được quen cụ là điều hãnh diện. Cụ gọi tôi nói rằng cụ thấy tôi là một thành viên trẻ nhất trong Hội Đồng luật sư, lại được các Ls yêu mến và tín nhiệm, cụ rất vui mừng mà nhắc tôi rằng cụ và tôi không phải là xa lạ đâu đấy. Ông thân sinh ra cụ và ông nội bên chị là chỗ thân tình ở vùng Hoàng Xá, Hưng Yên, hồi đó các cụ thường qua lại thăm hỏi nhau. Nên bất cứ lúc nào tôi có dịp đi ngang văn phòng cụ thì cứ tự tiện ghé chơi, nói chuyện. Sau này ra hải ngoại được tin cụ đã mất trong trại cải tạo, tôi đã không khỏi không lặng người thương tiếc.

Tôi đã nghe nhiều chuyện đau buồn xảy đến cho các bạn tôi, từ chính các nạn nhân hay nhân chứng kể lại, và chính bản thân tôi cũng là một thuyền nhân nhiều may mắn nên thấu hiểu nhau dễ dàng, nhiều câu chuyện có vẻ riêng tư nhưng thật ra nó ảnh hưởng tới nhiều người và gần như là chuyện chung do thời cuộc gây ra. Nhiều lúc tôi muốn ghi lại ít nét về những bạn cũ, những gì mà họ đã trải qua đều là một kinh nghiệm hay bài học chung cho nhiều người nhưng trí nhớ của tôi không còn sắc bén như xưa để cho tôi thực hiện điều tôi ao ước. Tôi được may mắn là đã có rất nhiều bạn, nhờ bạn thúc đẩy tôi mới học lên cao học, nhờ bạn mà tôi luôn luôn có việc làm tốt, giàu về bạn sang vì vợ, điều này quả thật đúng với tôi. Mỗi người bạn đều mang lại cho tôi một cái gì đó, tôi học được ở họ cách cư xử, giao tế, nói chuyện, hay nói khác đi là cách ăn ở. Người xưa nói “dụng nhân như dụng mộc”, đại ý người ta như các bộ phận của một cây, ai cũng có giá trị và hữu

dụng cả nếu ta biết nó. Lá có giá trị của lá, hoa có giá trị của hoa, hoa lá có thể ăn hay dùng làm thuốc, khi lá úa rụng che mặt đất không cho cỏ mọc và rửa ra làm thành chất bón cho đất và nuôi cây, tái tục một chu kỳ mới cho đời sống của cây cỏ, cành và thân cây có giá trị của gỗ, mang lại muôn vàn lợi ích và nâng cao giá trị đời sống cho con người. Bạn tôi, như đã nói thuộc nhiều ngành nghề khác nhau, tuổi tác cũng khác nhau, vì tôi đã làm nhiều ngành nghề từ năm 15 tuổi. Với hoàn cảnh khá đặc biệt của đất nước chiến tranh, giông tố phũ phàng triền miên, chế độ này lên chế độ khác xuống đổi thay xoành xoạch nên mỗi người là một nhân chứng hay nạn nhân, đều có chuyện đáng kể lại cho nhau nghe và làm tư liệu cho những người sinh sau không có hoặc không bao giờ cảm nhận được nó.

Tác giả kể đến nỗi buồn khi mất người bạn đời, sau bao nhiêu năm làm việc vất vả nuôi con, lúc các con vừa trưởng thành là lúc vợ chồng có thể nghỉ ngơi, an vui tuổi già, thì chị ra đi. Tôi tính an ủi anh vài câu nhưng không nói ra lời. Anh đã đưa tôi trở lại một quá khứ nhiều kỷ niệm buồn hơn vui, mà nhiều bạn tôi cũng như tôi đã phải trải qua. Cách đây ít năm tôi nhận lời tổ chức một buổi ra mắt sách cho một người bạn ở xa, một việc làm bất thường vì nề bạn đã dày công viết một cuốn biên khảo hết sức công phu. Khi mãn tiệc trà, một chị đến bên tôi hỏi: anh còn nhớ em không? Phản ứng tự nhiên là tôi trả lời nhớ chứ, thật ra tôi cũng nhận được ngay chị là bạn cũ nhưng tôi phải

suy nghĩ lục tìm tên, và xem hình dáng này ở đâu đó trong trí óc. Ô chi Hà, tôi mừng rỡ trả lời. Lại thời gian quá ác đã lão hóa con người và làm teo não bộ của tôi. Chị H là vợ của Xuân, anh bạn hiền và sống hồn nhiên, lúc nào cũng như để mặc cho đời đưa đẩy. X được cha mẹ cho đi học ở Pháp, sau gần 10 năm du học trở về, anh chỉ có một tấm bằng mà anh không hề nói tới nhưng các bạn anh đều hiểu ngầm đó là bằng ăn chơi, nhây đầm và nói tiếng Pháp như Tây. Kiểu ăn chơi của X là ăn chơi sang, có chừng mực chứ không trụy lạc, trác táng. Anh được nhiều trường tư mời dạy học môn Pháp ngữ. Tiền anh kiếm không nhiều nhưng đủ để anh sống rủng rỉnh, phong lưu. Tôi gặp X khi tôi tới trường dạy thay cho bạn tôi vài giờ, từ trong phòng giáo sư, chúng tôi quen nhau, rồi thân nhau.

Tôi mời chị X về nhà dùng cơm tối và hàn huyên, vì chị và vợ chồng tôi có nhiều tâm sự để trút cho nhau nghe. Chị X kể : Sau tháng tư năm 1975, chúng tôi bị kẹt lại, sự thực anh nhà tôi cũng không sốt sắng lắm trong việc tìm đường di tản, đi được thì càng tốt, mà có ở lại cũng không sao. Anh lý luận rằng CS cũng là người mình cả, ở đâu thì mình cũng phải làm việc để sống. Khi người CS vào Sài Gòn, anh X không còn việc gì để làm, nghề dạy tiếng Pháp của anh ấy không nằm ở tiêu chuẩn nào, nó không đạt yêu cầu, không sản xuất, đó là chưa kể có thể bị kiểm điểm, đầu tó bất cứ lúc nào. May nhờ biết chơi đàn guitare, anh được làm tạm trong ban văn nghệ của cơ quan. Nhờ chút nghiệp dư mà gia đình thoát cảnh đi vùng kinh tế mới. Mấy

năm đầu sau ngày mất nước, chúng tôi còn có ít đồ dùng bán dần đi để mua gạo, mắm, mới đầu thì đồ trang hoàng nhà cửa, bàn ghế, tủ sau đến những đồ gia dụng nào còn mới hay dùng được là đưa ra chợ trời. Bố mẹ anh đã nghỉ hưu từ lâu, tháng đôi lần vẫn phải tiếp tế thức ăn. Anh X trở nên ít nói vì thấy mình bất lực không kiếm ra tiền, cái đói càng ngày càng dài ra và triền miên. Biết anh không than ngay cả với vợ con, vì nhà nước luôn hô hào cách mạng là đổi đời, và bây giờ đời đang đổi, chúng tôi phải nói theo những gì đám cán bộ nói, lúc nào cũng bị rình rập, theo dõi, sợ sệt đủ điều. Mọi người phải luôn tự kiểm và bá cáo về bọn người họ chỉ định. Cái đói, cái lo sợ bao trùm mọi nơi. (Ký giả Võ Long Triều đã tả cái đói mà CS gây ra, trong tập hồi ký của ông, cho những người mà họ nghi ngờ chống đối họ, thật ghê rợn, con vật đối xử với nhau cũng không thể nào hơn được). Nhà tôi đang từ một con người trắng trẻo, đậm đà nay đổi thành đen sạm, co ro, có rả vì thiếu ăn, mặt mày hốc hác.

Thấy nhà tôi như vậy, tôi bàn tính với anh tìm đường vượt biên, đối với anh thì tôi muốn gì cũng được, anh nể tôi nói tùy tôi. Thế là tôi âm thầm tìm mồi vượt biên. Những tin tức về những người ra đi dữ nhiều hơn lành. Tin hải tặc Thái Lan hãm hiếp phụ nữ, một số bị bắt đi làm đĩ điếm cho bọn chúng, một số bị liệng xuống biển cho phi tang. Đàn ông thì bị đánh đập vạt xuống biển sau khi lột hết vàng bạc, đồ dùng. Những chuyện hãm dâm đàn bà, con gái cướp của, chần lộn, chìm tàu thuyền của người tị nạn để phi tang

chúng, dã man không thể bút nào tả lại cho hết được. Số người chết trên đường vượt biên được dự trù lên đến trên 400.000 ngàn người. Có người đã nói phải tập trung bọn ngư dân Thái lại và dạy cho chúng biết làm người, họ sống với đầy thú tính. Vượt biên là đi vào vô định, đi vào cõi mù khơi, hai phần chết một phần sống. Nhưng ở lại thì tương lai quá mù mịt, chủ tâm của người CS là loại bỏ những người đã không theo họ và đẩy ả lớp người này cho đến chết. Chị H kể anh chị một cựu sĩ quan được gọi đi trình diện, họ loan báo chỉ cần mang theo 30 ngày lương thực, nên anh ấy và các bạn đều tin là sẽ được về sau 30 ngày học tập. Nhưng tất cả đã bị lừa, 30 ngày đã trở thành 3, 5 năm thậm chí như các bạn N, M, H, Q ... đã lê chân hết các trại tù đến 13 năm, lúc về chỉ còn bộ xương cho vợ con săn sóc. Chị H nói tiếp sau hai năm tôi tìm được mồi vượt biên. Phải bao khó khăn, vay mượn từ mọi nơi, bố mẹ, chú bác, anh em, vợ vét bán hết tất cả những gì có thể bán được luôn căn hộ mới đủ tiền đóng góp cho chủ tàu, X đã có lúc nản chí bảo tôi bỏ ý định vượt biên, nhưng vì chiều vợ nên cũng chỉ bàn vậy thôi. Nếu đi không thoát, không biết rồi ra vợ chồng con cái sẽ ra sao. Đến ngày khởi hành chúng tôi và hai cháu nhỏ, từ biệt bố mẹ trong u buồn. Cái buồn không làm sao tả ra được, lúc đó tôi và X cả hai đều không nói được, đầu óc như đã bị đóng băng, khô cằn không còn suy nghĩ gì được. Muốn nói một vài câu với cha mẹ mà chẳng biết nói gì. Đến ngày hẹn, chúng tôi xuống Cần Thơ gặp người hướng dẫn, đi một chặng lại nghỉ và ăn náu để tránh công an, đến 3, 4 ngày mới đến

điểm hẹn lên ghe máy ra khơi. Những ngày trên biển là những ngày cực kỳ lo sợ, thỉnh thoảng lại l trận mưa, sóng lớn gió to, con thuyền bị những lớp nước đổ ập lên tưởng như đưa con tàu nhỏ vào lòng biển nhưng rồi nó lại trôi lên, mọi người nằm như chết vì say sóng. Kể đến đây chị khóc, một hồi tưởng buồn thắm, chị tiếp: tại tôi, nếu tôi không thôi thúc anh ấy đi thì đâu anh ấy phải chết, tôi đã mất chồng con, mất tất cả, anh ạ. Chiếc thuyền khi nhìn thấy bờ vừa lúc bị vỡ, chìm, tôi tỉnh dậy trong nhà thương không biết đã ngất đi bao nhiêu lâu, tỉnh dậy thì được biết chồng và các con tôi đã chết cả rồi. Anh ấy biết bơi, còn bơi giỏi đặng khác mà chết đuối, còn tôi không biết bơi lội mà lại sống. Chồng con tôi đã ra đi cùng với 70 người đồng hành xấu số.

Cái đau buồn quá lớn, quá sức chịu đựng của một phụ nữ nhỏ bé, chị không còn kể tiếp và tôi cũng không muốn chị khơi lại cái kỷ niệm kinh hoàng ngoài sự tưởng tượng của con người. Chúng tôi an ủi chị mỗi người một số mệnh, định mệnh đã an bài cho mỗi người. Có một câu mà X hay nói khi gặp khó khăn hay có việc gì gấp gáp, anh vẫn thủng thỉnh “tout s’arranges”. Kệ nó, mọi sự sẽ đâu vào đó. Cuộc đời của anh chị đâu còn: như đâu sẽ vào đó. Nó đưa anh chị X vào cõi phi lý mà tôi vẫn không lý giải được. Câu nói cửa miệng như” ăn hiền ở lành” không còn đúng nữa. Không hiểu tại sao người đức hạnh, ăn ở hiền lành không bao giờ hại ai, không làm phiền lòng ai như X lại chết yểu trong lúc tôi biết có bao nhiêu lưu manh, sống thác loạn

chỉ làm gánh nặng cho cộng đồng, xã hội thì lại cứ sống dai, sống dài và nhơn nhơn, ăn trên ngồi trốc.

Bạn tôi đó đến rồi lại đi, đến đi mỗi người mỗi ngã, mỗi cách. Chị N từ Canada vừa cho hay anh nhà tôi vừa bị trượt chân ngã trong nhà, không đi lại được, không thấy thương tích trên đầu, mà đang lúc tỉnh lúc mê, Bs cho hay chắc không còn sống được bao lâu nữa . Anh là một người bạn thân mà tôi trân quý và chúng tôi có với nhau rất nhiều kỷ niệm đẹp. Tôi cầu nguyện cho anh mau bình phục. Tôi đã có nhiều bạn quý, hiền lành, đức độ, sống một cuộc đời đáng sống. Lâu lâu gặp nhau l lần, rồi lại chia tay. Có đấy rồi lại mất, tôi suy tư đọc mấy vần thơ của thầy Thích Quảng Độ:

*Bao năm nghiên ngẫm nghĩa có không
đến nay tôi thấy vẫn chưa thông
vạn pháp vốn không, không hóa có
thâm tâm dù có, có thành không
Bồ đề phiền não không rồi có
Niết bàn sanh tử có lại không
chúng được nghĩa không, không có có
ngộ xong lý có, có không không
nghĩa có không
rất khó thông*

(Trích tập thơ từ Thích Quảng Độ)

ĐỖ PHÚ

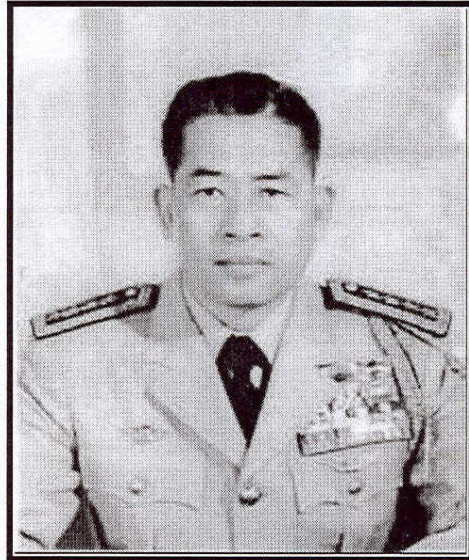
TƯỚNG NIỆM ÔNG ĐẠI TƯỚNG ĐẠI TƯỚNG CAO VĂN VIÊN (1921-2008)

NGUYỄN KỶ PHONG

mình: Người trong điện thoại mà tôi đã nói chuyện có một giọng nói rất khoẻ mạnh,

Một ngày mùa hè năm 2002 tôi nhận điện thoại. Người ở đầu giây xin nói chuyện với “anh Kỳ Phong.” Trả lời là tôi đang nghe, người bên kia tiếp tục: “Anh Kỳ Phong, tôi là Cao Văn Viên. Tôi nghe nói anh đang dịch một cuốn sách tôi viết. Nếu anh không bận, tôi xin gặp anh nói chuyện vài tiếng. Tôi đến nhà anh được không?” Rất ngạc

nhien, nhưng tôi trả lời được, và chỉ đường cho ông đến nhà. Buông điện thoại xuống, tôi chưa hiểu tại sao ông đại tướng gọi mình, và có chuyện gì để nói? Hay là ông không muốn tôi dịch quyển sách ông viết cho trung tâm Quân Sử Lục Quân Hoa Kỳ ra tiếng Việt? Ngồi suy nghĩ để dự đoán câu chuyện đối thoại sẽ là gì. ...Chừng một tiếng sau tôi thấy một chiếc xe Ford loại nhỏ chạy vào trước cửa. Từ trong nhà nhìn ra, tôi thấy một ông già yếu, lưng hơi còng xuống, một tay chống cây gậy, tay kia cố gắng đóng cửa xe lại. Thấy cảnh đó tôi giật



nếu không nói là giọng khoẻ như của một trung niên. Nếu đã biết ông yếu như vậy, tôi không thể để ông lái xe đến nhà. Tôi vội vàng chạy ra xe và nói với ông, “Thưa bác, từ đây về sau bác cần gì, cháu sẽ đến gặp bác. Bác không nên lái xe đường xa như vậy đến đây.” Và đó là bắt đầu sự quen biết của tôi đối với bác Cao Văn Viên.

Vài năm trước, trước khi tôi được gặp bác Viên, tình cờ tôi có đọc qua cuốn *The Final Collapse* do bác Viên viết và được trung tâm Quân Sử Lục Quân Hoa Kỳ xuất bản năm 1985. Cuốn *The Final Collapse* là một trong 17 quyển sách loại chuyên đề, viết về chiến tranh Việt Nam, do Center of Military, the United States Army bảo trợ và xuất bản. Vì đây là một loại sách chuyên môn — mà lại do chánh phủ xuất bản giới hạn — nên không phổ quát bên ngoài giới không chuyên môn, và ít thấy ngoài thư viện công cộng. Tôi thấy quyển sách có

nhiều điều lý thú. Đầu năm 2002 tôi bắt đầu dịch quyển *The Final Collapse* ra tiếng Việt (Hơn 10 năm trước, tôi cũng dịch một quyển cũng do Center of Military xuất bản, *Lam Son 719*, của Thiếu Tướng Nguyễn Duy Hình. Sách nói về cuộc hành quân đánh qua Lào tháng 2-1971. Nhưng *Lam Son 719* bản Việt ngữ chỉ được đăng từng kỳ trên báo địa phương chứ không được xuất bản ra thành sách.) Có lẽ trong thời gian dịch quyển *The Final Collapse*, bạn bè đến nhà chơi, thấy công việc tôi đang làm rồi nói ra ngoài; và bác Viên nghe được chuyện. Mục đích của bác Viên đến là để hỏi tôi về bản tiếng Việt của *The Final Collapse*.

Gặp nhau, bác Viên hỏi tôi quyển sách đã dịch như thế nào rồi, có khó khăn không ... rồi bác đi thẳng vào vấn đề. Bác nói là bác không đồng ý lắm về quyển *The Final Collapse*: quyển sách viết xong hơn bốn năm rồi mới được cho ra đời; bìa sách là hình một chiếc xe tăng có lá cờ cộng sản ... tất cả đều đi ngược lại ý muốn của người viết. Nhưng chỉ là một người viết *contract*, ông không có được quyết định trong ban biên tập/xuất bản. Bây giờ thấy tôi dịch bản này ra tiếng Việt, bác Viên hỏi tôi là có thể nào cho ông đọc bản thảo và thêm vào những phụ chú để giải thích khi thấy cần. Bác Viên cũng nói thêm là trong những năm qua, nhiều sách và bài báo viết về thời gian ông làm Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (TTMT QLVNCH)... những tác giả đó, hoặc với một ác ý, hoặc chưa hiểu thấu sự vụ bên trong nên viết như vậy. Bác Viên đề nghị đây là một cơ hội cho ông đặt lại vấn đề

cho đúng chỗ. Một vài phụ chú, một lời bạt là đủ để nói lên tâm sự của ông. Tôi đồng ý với đề nghị của bác Viên không do dự, với hai lý do rất đơn giản: Tôi có quyết định cuối cùng trong bản thảo; và, đây là cơ hội cho độc giả nghe tiếng nói của *Đại Tướng* Cao Văn Viên — một người ít nói về những chuyện đã xảy ra; những biến cố đưa đến sự thất thủ của Việt Nam Cộng Hòa. Trước khi về, bác Viên đề nghị chương trình làm việc: hai tuần gặp nhau ăn trưa một lần, để trao đổi và sửa bản thảo. Tôi đồng ý.

Đến đây tôi xin được nói về tư cách của bác Viên. Tôi thích ông: ông có ngôn từ, lối nói chuyện, và đùa giỡn của tánh tình người miền nam ... tôi thấy ông thật tự nhiên qua những đối thoại. Tôi để ý một điều: trừ lần đầu tiên trên điện thoại ông gọi tôi là, “anh Kỳ Phong,” từ sau đó, lúc nào ông cũng thân mật gọi tôi đơn giản là “Kỳ Phong.” Lúc nào cũng vậy. Riêng tôi, tôi ở xa và dưới ông còn hơn “kính nhi viễn chi;” tôi quá nhỏ đối với ông. Tôi chưa bao giờ gọi ông bằng chức vụ. “Bác Viên” là lối xưng hô duy nhất tôi sử dụng — khi nói với ông ở ngôi thứ nhất hay nói về ông ở ngôi thứ ba. Tôi thích sự vui tính của ông. Vì hai tuần đi ăn trưa một lần, đôi khi tôi giành trả tiền, đôi khi ông nài nỉ trả tiền... và đôi khi người chủ quán phở “biểu không” bữa ăn trưa! Sau vài lần tranh nhau trả tiền, ông đề nghị: luân phiên thay nhau trả. Dĩ nhiên tôi đồng ý. Một hôm đang ăn trưa, ông nhìn tôi, vẻ mặt tư lự, rồi buột miệng lẩm bầm “hmmm...” Tôi ngạc nhiên, hỏi có chuyện gì? Ông cười lớn lên và nói, “Hhmmm, không biết hôm nay ai trả tiền ta?” Tôi cũng

XUÂN CỦA THIỀN

Thời gian trôi không bao giờ quay lại
Chớ tưởng rằng “Xuân bất khứ lai”
Xuân của đất trời trôi đi, đi mãi
Với tâm lành, Xuân vĩnh viễn ở tương lai..

*

Hiên chùa trắng sáng bao la
Mùa Xuân của Đạo nở hoa nhiệm màu
Hương thiền hân gắn khổ đau
Ngổ tu phúc huệ, đường vào Chân như..

Hư không hòa nhịp bề mù
Sắc không, không sắc, nghìn thu phai dần
Một lòng tu niệm diệu dàng
Nghịch trần đoạn dứt, đạo tràng dùng chân!

Đài sen sắc tỏa trong ngần
Phật tâm, Phật tánh ngày xuân trở về
Giã từ sân hận u mê
Tâm thanh tịnh đã, cõi về lành an..

Trải bao phiền não võ vàn
Tự mình thấp đuối soi dàng mà đi!
Lời kinh “bất khả tư nghị”
Mùa xuân chánh niệm, diệu kỳ trần gian...

Virginia, đón Xuân Mậu Tý 2008

Nguyễn Hậu

BÙI THANH TIÊN

cười, thấy thật vui với ông đại tướng.

Mùa Thu năm 2003 bản tiếng Việt của *The Final Collapse* ra đời với tựa là *Những Ngày Cuối Của Việt Nam Cộng Hòa*. Ở *Lời Bạt* và phần *Phụ Chú*, bác Viên có thêm vào hai phần mà ông chưa bao giờ nói ra cho đến lúc đó: Vai trò của ông trong cuộc đảo chánh 1-11-1963 (ông bị bắt nhốt ở bộ tổng tham mưu vì từ chối không tham dự/ ủng hộ); và vai trò của Bộ Tổng Tham Mưu trong những năm cuối cùng của cuộc chiến (chỉ là một hộp thư liên lạc giữa Tổng Thống Thiệu và các tư lệnh Quân Đoàn). Đại Tướng Cao văn Viên vào lính rất muộn so với lứa tuổi. Sinh năm 1921, gia nhập quân đội và ra trường sĩ quan Vũng Tàu năm 1949. Mang lon thiếu úy năm hai mươi tám tuổi. Khi ông được thăng chức thiếu tướng năm 42 tuổi (3-3-1964), ông là sĩ quan được lên cấp tướng trẻ nhất so với các tướng lãnh của thời 1960-1967 — So với các ông Trần Văn Đôn, mang thiếu tướng năm 38 tuổi; Tôn Thất Đính, 35; Nguyễn Cao Kỳ, 34; Lê Nguyên Khang, 33; Nguyễn Văn Thiệu, 40. Tướng Viên cũng là sĩ quan cuối cùng được lên cấp tướng theo hệ thống quân đội Pháp: đại tá lên thiếu tướng, thay vì lên chuẩn tướng như trong hệ thống quân đội Hoa Kỳ mà QLVNCH bắt đầu áp dụng từ tháng 8-1964.

Trong thời gian gặp tướng Viên, tôi có hỏi ông nhiều chuyện và được giải thích cặn kẽ. Nhưng cũng có nhiều chuyện tôi không dám hỏi vì sự tế nhị của câu chuyện. Những chuyện tôi ngại hỏi như: Có phải tướng Viên được lên tướng vì đã đích thân chỉ huy — và bị thương — trong cuộc hành quân

Quyết Thắng đánh vào mặt khu Việt Cộng ở Giồng Bàu, Hồng Ngự, hay là ông đã có công giúp Tướng Trần Thiện Khiêm, Tướng Nguyễn Khánh “chỉnh lý” Tướng Dương Văn Minh vào đầu năm 1964? Hay là kết quả của cả hai thành tích trên? Một thắc mắc khác là, làm sao từ một sĩ quan đại tá bị bắt giữ vì không theo phe đảo chánh, tướng Viên được trả lại quyền chỉ huy trưởng lữ đoàn Nhảy Dù rồi được cho gia nhập vào trung tâm quyền lực của Hội Đồng Tướng Lãnh chỉ hơn một năm sau đó?

Suy luận từ những gì nghe được từ tướng Viên — suy luận là vì tôi chưa bao giờ hỏi thẳng hay nghe tướng Viên nói *chi tiết* về những gì được viết ra đây — tôi nghĩ ông được lên tướng một phần từ chiến công trong cuộc hành quân Quyết Thắng (3-1964); một phần đến từ cuộc chỉnh lý 1964; và phần còn lại đến từ liên hệ và vai trò của ông trong những năm xáo trộn 1964-1967. Trong cuộc chỉnh lý của Tướng Khánh năm 1967, Lữ Đoàn Nhảy Dù dưới quyền của Đại Tá Viên (lúc đó vẫn còn đại tá) đã bắt giữ những tướng liên hệ đến cuộc đảo chánh năm 1963, và những sĩ quan thuộc về phe của Tướng Minh. Ở mặt ngoài tuy Trung Tướng Khánh là người cầm đầu cuộc chỉnh lý, nhưng bên trong, quyền thế thật sự nằm trong tay Trung Tướng Khiêm và những sĩ quan trẻ có quân trong tay. Sau khi lên thiếu tướng Ông Viên nằm gần với trung tâm quyền lực hơn. Năm 1964, ông là một trong những “Young Turks” đang thật sự chỉ huy quân đội. Một tài liệu từ tòa Đại Sứ Mỹ liệt kê những “người lãnh đạo trẻ” của năm 1964 là các Ông Thiệu, Kỳ, Viên,

Lê Nguyên Khang, Phạm Xuân Chiểu, Nguyễn Bảo Trị, Tôn Thất Xứng, Nguyễn Thanh Sảng, Đặng Văn Quang, Vĩnh Lộc, Nguyễn Chánh Thi, Dư Quốc Đống, Chung Tấn Cang. (*Young Turks* là tên gọi chung một số sĩ quan, chính trị gia trẻ của đế quốc Ottoman, Thổ Nhĩ Kỳ sau này, vào cuối thế kỷ 19. Những người trẻ này có nhiều quyết định rất “cấp tiến” so với giới lãnh đạo thế hệ trước, với hy vọng cứu vớt sự suy đồi của đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn đầu thập niên 1900s.)

Trong bốn năm 1964-67 — cho đến khi bầu cử quốc hội và tổng thống đầu tiên của nền Đệ Nhị Cộng Hòa hoàn tất (3 tháng 9-1967) — giới lãnh đạo quân lực VNCH thay đổi liên tục. Trong giai đoạn này, muốn giữ được quyền chỉ huy và không bị lưu đày ra nước ngoài không phải dễ Phải có tài ngoại giao và sự dũng mãnh của mình đối với các sĩ quan đồng nghiệp. Tôi nghĩ tướng Viên có hai yếu tố đó. Tôi dựa sự phán đoán này vào vài chuyện tôi nghe và tìm hiểu được (qua tài liệu). Trong cuộc hành quân ở Kiến Phong năm 1964, Đại Tá Viên đích thân chỉ huy tại mặt trận. Trong lúc giao tranh, hỏa lực của Việt Cộng đàn áp mạnh... thấy nguy hiểm, người sĩ quan Thiết Giáp có mặt tại đó là Lý Tông Bá, nói với Đại Tá Viên nên vào bên trong xe thiết vận xa để chỉ huy và tránh đạn. Nhưng Đại Tá Viên trả lời, “Mình chỉ huy, phải ở trước mặt lính thì lính mới đánh. Lính không thấy mặt người chỉ huy thì làm sao đánh hăng được (tôi nghe Tướng Viên nói Chuẩn Tướng Bá là vai cậu hay chú gì đó của Bác Gái, và trong liên hệ gia quyến bên vợ, Tướng Bá có vai

trên Tướng Viên). Chuyện đánh nhau trong cuộc hành quân này tôi được anh Đoàn Kim Tuấn, sĩ quan tiểu đoàn 1 Nhảy Dù tham dự xác nhận (Trung Tá Tuấn, khoá 9 Thủ Đức, sau này về làm việc ở Nha Kỹ Thuật). Tháng 5-1966, khi biến động miền Trung lên tận cao điểm, chính phủ của Thiệu Kỳ có cơ nguy sụp đổ vì những biến loạn đó. Hội đồng Tướng Lãnh quyết định đem quân ra miền Trung để biểu dương uy thế của chính quyền trung ương. Tối ngày 4 tháng 4-1966, Tướng Kỳ và Viên, Đại Tá Nguyễn Ngọc Loan, hai tiểu đoàn TQLC, một số đơn vị tâm lý chiến, an ninh quân đội, và cảnh sát dã chiến bay ra Đà Nẵng. Một bộ tư lệnh dã chiến được thiết lập ở Đà Nẵng, để từ đó quân chánh phủ sẽ tiến ra Huế. Tướng Viên có nói với tôi về biến cố này. Ông nói Tướng Kỳ chỉ ra đó một ngày rồi về vì phải nói chuyện với Trung Tướng TQLC Hoa Kỳ, Lewis Walt, đang chỉ huy Quân Lực Mỹ ở Vùng I, và là người có nhiều thiện cảm và đang bảo vệ Tướng Nguyễn Chánh Thi. Khi Tướng Viên vừa bước chân xuống phi trường, Tướng Thi gọi điện thoại cho ông ngay: “Viên ra đây làm gì vậy. Trở về Sài Gòn đi.” Tướng Viên trả lời, “Anh không thể nói chuyện với một tổng tham mưu trưởng như vậy được.” (Hai Ông Viên và Thi là bạn cùng khóa ở Vũng Tàu với nhau. Tướng Thi nói chuyện như vậy chắc đang dùng ngôn từ của bạn bè đồng khóa) Tướng Viên ở lại Đà Nẵng chỉ huy cho đến khi tình hình miền Trung tạm yên ổn. Tình trạng xáo trộn ở Vùng I được coi là chấm dứt khi Hội Đồng Tướng Lãnh cho các sĩ quan liên hệ trong vụ biến động

về hưu. Tháng 10-1966, thời gian này có nhiều tranh chấp đang xảy giữa các sĩ quan gốc Nam, gốc Bắc trong hội đồng tướng lãnh. Sự tranh chấp không chỉ xảy ra trong giới quân nhân mà còn lan ra giới công chức cao cấp hàng tổng bộ trưởng. Ở hội nghị thượng đỉnh Manila, tháng 10-1966, không biết chuyện gì đã làm cho Trung Tướng Nguyễn Hữu Cồ, phó thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng, “nói đùa” trước các Ông Thiệu, Kỳ, Viên, và đại sứ kiêm phó tổng trưởng ngoại giao Bùi Diễm, là “trở về nước lần này chúng ta phải lột da Bùi Diễm.” Trong sự yên lặng ngờ ngàng của những người có mặt, Tướng Viên lên tiếng, “Ai muốn lột da Bùi Diễm thì phải đi qua lữ đoàn Nhảy Dù của tôi.” Theo lời Ông Bùi Diễm, áp lực về sự chia rẽ gốc Nam Bắc nặng nề đến độ làm ông chán nản, phải xin đi làm đại sứ để tránh tình trạng nhức đầu đó một thời gian. Tướng Viên là người sẵn sàng “làm” khi đến lúc thấy phải “làm.” Ông kể cho tôi nghe lý do tại sao ông cố gắng đi học thêm văn bằng văn chương ở đại học. Ông nói trong thời gian còn làm sĩ quan báo chí ở bộ tổng tham mưu, bài viết nào của ông cũng đều bị một sĩ quan cấp trên sửa. Ông rất bực mình... và đến gặp người sĩ quan có văn phòng ở lầu trên, yêu cầu ông ta đừng sửa bài viết nữa. Nhưng chuyện “bình bút” vẫn xảy ra sau đó. Tướng Viên nói, ông gặp người đó một lần cuối, nói rằng ông không chấp nhận chuyện sửa bài như vậy nữa. Tướng Viên kể, “... và bác chỉ chờ cho chuyện sửa bài xảy ra một lần nữa, bác sẽ chờ tên đó bước xuống cầu thang là bác “đục” nó ngay... Nhưng may

chuyện đó không xảy ra. Sau đó bác muốn đi học thêm để coi mình có học được như người khác hay không.”

Khi trả lời với Tướng Nguyễn Hữu Có như vậy, Tướng Viên chấp nhận hậu quả, hoặc là tồn tại trong hội đồng tướng lĩnh như một thế lực, hoặc là bị lưu đày ra khỏi trung tâm quyền lực — nếu không nói là ra khỏi nước như trường hợp của một số tướng lĩnh trong giai đoạn 1965-1967. Năm 1965-67, Trung Tướng Có là thế lực trong Hội Đồng Tướng Lãnh. Thế lực của Tướng Có đáng sợ đến độ hai Ông Thiệu, Kỳ phải tìm cách đưa ông ta ra khỏi Việt Nam: đầu năm 1967, trong khi Tướng Có đi kinh lý ở Đài Loan, khi máy bay đến Hồng Kông, Tướng Kỳ thay mặt hội đồng tướng lĩnh gửi một điện tín cho Tướng Có, không cho phép ông trở lại Việt Nam. Cùng lúc hội đồng tướng lĩnh bổ nhiệm Tướng Viên giữ luôn chức tổng trưởng quốc phòng. Tướng Viên kiêm nhiệm chức tổng trưởng quốc phòng và tổng tham mưu trưởng cho đến tháng 11-1967, khi Tướng Nguyễn Văn Võ lên thay.

Có người nói Tướng Viên an toàn trong hội đồng tướng lĩnh cho đến những ngày cuối cùng vì ông được sự tin tưởng của Tướng Thiệu và Tướng Khiêm (cũng như chuyện Tướng Viên trở về chỉ huy lữ đoàn Nhảy Dù là do Tướng Khiêm giúp đỡ bổ nhiệm). Chuyện này người viết không được rõ. Nhưng Tướng Viên có nói lúc còn là trung úy, ông và Đại Uy Thiệu ở chung một nhà khi cả hai đang phục vụ ở tiểu khu Hưng Yên, Bắc Việt. Ông còn nói thêm, “Hai người ở chung một nhà. Phía sau nhà là một cái ao. Tắm rửa, giặt giũ gì cũng đến

từ nước trong ao đó... bây giờ nghĩ lại còn rùng mình.” Liên hệ và được sự tin tưởng của Tổng Thống Thiệu như thế nào thì tôi không nghe Tướng Viên nói, nhưng theo những tài liệu Hoa Kỳ đọc được sau này, Tướng Viên có công hàn gắn — dù sự hàn gắn không được lâu dài — những rạn nứt giữa Ông Kỳ và Ông Thiệu, khi hai người cùng quyết định ra tranh cử tổng thống tháng 9-1967. Tướng Viên rất được sự tin tưởng của hai Đại Tướng Westmoreland và Abrams, và quan trọng hơn, của Đại Sứ Ellsworth Bunker. Trong hồi ký *A Soldier Reports*, ngoài chuyện nói về liên hệ thân tình giữa hai người, Tướng Westmoreland có kể một câu chuyện vui. Ngày Quân Lực 19 tháng 6-1967, Tướng Viên nhảy dù biểu diễn. Nhưng thay vì đáp được vào khán đài trước mặt quan khách, dân chúng ngưỡng mộ... dù của Tướng Viên bị gió cuốn và đáp xuống đường phố Sài Gòn. Gặp Tướng Viên, Tướng Westmoreland nói đùa, “Ông quá quan trọng cho quốc gia để tiếp tục chơi trò chơi nguy hiểm này.” Tướng Viên trả lời, “Nhưng phải tiếp tục nhảy *saut* để nâng cao tinh thần lính dù.” Sau đó Tướng Westmoreland đề nghị Tướng Viên đừng nhảy dù giải trí nữa, ông sẽ cho người dạy Tướng Viên lái trực thăng. Cũng từ đó MACV có chương trình huấn luyện trực thăng cho các sĩ quan cao cấp VNCH muốn theo học. Nói về chuyện nhảy dù: Đến năm 1960 Tướng Viên mới có bằng Dù. Nhưng dù sao bằng Dù của Tướng Viên vẫn “thâm niên” hơn của Tướng Thiệu. Năm 1964 Tướng Thiệu mới nhảy *saut* đầu tiên để được chứng chỉ nhảy dù! Qua sự thân mật

của liên hệ, Tướng Viên đốc thúc Tướng Westmoreland cấp tốc cung cấp súng AR-15 (M-16 sau này), đại liên M-60, và phóng lựu M-79 cho quân lực VNCH. Những thử nghiệm đầu tiên về hàng nhu yếu phẩm bán ở quân tiếp vụ, thành hình cũng nhờ sự hợp tác của MACV và BTTM. Sự liên hệ giữa Tướng Viên và người thừa nhiệm Tướng Westmoreland ở MACV cũng thân, nếu không nói là thân hơn. Tài liệu đến từ quyển *The Abrams Tapes* cho thấy sự kính trọng của Tướng Abrams — và những sĩ quan trong ban tham mưu MACV — đối với Tướng Viên. Có một lần Tướng Abrams tuyên bố trong một buổi họp về tư cách của Tướng Viên, “Tướng Viên chưa bao giờ nói dối với tôi một chuyện gì. Khi không thể nói được thì ông nói không nói được. Nhưng khi ông nói một chuyện gì rồi, thì tôi tin đó là sự thật.” Cũng trong quyển sách về hồ sơ mật của MACV nói trên, một đôi khi ta thấy được tình cảm chân thật giữa hai người sĩ quan cao cấp, kính trọng nhau, khi một tình trạng khó xử xảy ra. Chuyện xảy ra trong giai đoạn Việt Nam Hóa cuộc chiến. Hình như trong nguyên thủy của kế hoạch rút quân, Hoa Kỳ dự định sẽ để lại một số quân tác chiến để phòng thủ ở Việt Nam như trường hợp ở Đại Hàn và Tây Đức. Nhưng không hiểu tại sao kế hoạch bị thay đổi, và người Mỹ quyết định rút tất cả quân ra khỏi chiến trường. Có lẽ vì tin theo kế hoạch nguyên thủy của tổng trưởng quốc phòng Melvin Lair ... Tướng Abrams đã hứa với Tướng Viên tương tự. Nhưng khi kế hoạch thay đổi từ trên, Abrams không biết phải ăn nói ra sao, giải thích làm sao cho

Tướng Viên hiểu. Không biết sau đó Tướng Abrams có nói gì với Tướng Viên, hay giải quyết như thế nào. Nhưng trong một buổi họp đầy đủ các tướng lãnh tham mưu MACV, Tướng Abrams nói: “Tôi vẫn thường nói, ngày vui nhất của tôi là ngày Đại Tướng Cao Văn Viên gọi điện thoại và xài xể tôi. Ngày đó là ngày tôi vui nhất. Nhưng Tướng Viên sẽ không làm chuyện đó; ông ta quá lịch sự. Nhưng tôi muốn ông ta làm như vậy.” Lời nói chân tình của một đại tướng thâm niên đối với Tướng Viên như vậy, đã nói lên tất cả sự kính trọng của Tướng Abrams về Tướng Viên. Đại tướng Abrams mang lon thiếu úy năm 1936, và là đại tướng năm Đại Tá Viên được thăng cấp tướng.

Trong *The Bunker Papers* — một tường trình hàng tuần về tình hình quân sự chính trị VNCH của Đại Sứ Bunker, gửi thẳng cho Tổng Thống Lyndon Johnson (và tiếp tục gửi cho đến nhiệm kỳ thứ hai của Tổng Thống Richard Nixon) — tên của Tướng Viên được Đại Sứ Bunker nhắc đến nhiều trong năm 1967. Nhất là trong hai, ba tháng trước ngày bầu cử tổng thống. Trong thời gian này Tướng Viên là một *conduit* giữa các tướng lãnh và tòa đại sứ, thông báo cho chánh phủ Mỹ biết ý định của nhóm, hay giải quyết những khó khăn trong vấn đề chỉ huy và điều khiển giữa hai bộ tư lệnh Việt-Mỹ. Nhưng quan trọng hơn, khi hai ông Thiệu, Kỳ không nhường nhau và quyết định ra ứng cử tổng thống ở *hai liên danh* khác nhau, vai trò của Tướng Viên trở nên quan trọng. Tướng Viên có nói với người viết một vài chi tiết về chuyện này. Ông nói vì Tướng Thiệu thay đổi quyết định liên tục:

Ban đầu Ông Thiệu đồng ý đề nghị của hội đồng tướng lãnh là Ông Kỳ sẽ tranh cử tổng thống với lá phiếu của quân đội. Sau khi Ông Kỳ đắc cử, Ông Thiệu sẽ trở là tổng tham mưu trưởng *kiêm* tổng trưởng quốc phòng. Nhưng hôm sau Ông Thiệu đổi ý, tuyên bố ông sẽ từ chức và tranh cử như một thường dân! Tướng Viên, đang là tổng trưởng quốc phòng và tổng tham mưu trưởng, phải quyết định. Trước đó Tướng Viên (cùng với các tư lệnh quân đoàn) không những đệ đơn lên ủy ban kiểm soát bầu cử ở quốc hội không đồng ý cho ông Dương Văn Minh ra ứng cử, ông còn bay qua Thái Lan gặp mặt Tướng Minh (đang bị lưu đày ở Bangkok) để chuyển đạt ý kiến của hội đồng tướng lãnh — một nhóm 50-60 sĩ quan cao cấp QLVNCH đang đại diện quân đội. Trước sự đổi ý liên tục của ông Thiệu, thứ Bảy, 1 tháng 7-1967, Ông Viên đưa cho Ông Thiệu một tối hậu thư của hội đồng tướng lãnh: Ông Thiệu và Ông Kỳ sẽ ứng cử chung liên danh quân đội, Ông Thiệu tổng thống; Ông Kỳ phó tổng thống; Ông Kỳ sẽ có toàn quyền bổ nhiệm thủ tướng, hội đồng tổng bộ trưởng, và các tư lệnh cao cấp của quân đội. Đó là sự nhân nhượng cuối cùng của Ông Kỳ. Theo lời của Tướng Viên thuật lại, Trung Tướng Nguyễn Đức Thắng là người viết những cam kết đó trên một tờ giấy, và Tướng Viên là người đưa Tướng Thiệu tờ cam kết đó. Theo tường trình của Đại Sứ Bunker gửi về cho Tổng Thống Johnson, hội đồng tướng lãnh đi đến quyết định này sau “48 tiếng đồng hồ, trong một căn phòng đầy khói thuốc.” Và Ông

Thiệu chấp nhận quyết định của hội đồng tướng lãnh.

Về liên hệ của Tướng Viên và Tổng Thống Thiệu. Tướng Viên giữ chức Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH, và là đại tướng lâu nhất trong QLVNCH. Tướng Viên — qua những gì đã viết và nói ra — đệ đơn xin từ chức năm lần từ năm 1969 nhưng Tổng Thống Thiệu không chấp nhận. Theo tài liệu giải mật sau này, Tổng Thống Thiệu muốn thay Ông Viên từ năm 1969, nhưng tại sao không thực hiện ý định đó thì không hiểu được. Sau vụ bắn lằm vào trường trung tiểu học Phước Đức ở Chợ Lớn ngày 3 tháng 6-1968, gây tử thương một số sĩ quan thân cận với Tướng Kỳ, Tổng Thống Thiệu nhân dịp đó thay đổi toàn bộ những chức vụ trong quân đội. Ông Thiệu giữ Tướng Viên lại chức tổng tham mưu trưởng chỉ vì ông Viên không có tham vọng chính trị và không phải loại tướng hay làm “làm hoảng.” Hai tác giả, Thiếu Tướng Nguyễn Duy Hinh và Chuẩn Tướng Trần Đình Thọ, trong *The South Vietnamese Society* (viết cho Center of Military, The United States Army), cũng suy luận theo chiều hướng đó. Điều này cũng phù hợp với một số tài liệu giải mật về sau. Một tài liệu cho thấy Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm là một nhân chứng một lần Tướng Viên muốn từ chức: Trong một buổi họp quân sự ngày 9 tháng 3-1971 để quyết định về tình hình mặt trận Lam Sơn 719, Tướng Lãm xin Tổng Thống Thiệu cho từ chức vì sự quản trị và điều khiển hành quân của ông đối với hai Tướng Lê Nguyên Khang (tư lệnh TQLC) và Dư Quốc Đống (tư lệnh Nhảy Dù) không có hiệu

nghiệm... ông xin được từ chức trở về dân sự. Khi nghe, Tướng Viên đề nghị với Tổng Thống Thiệu cho Tướng Lâm về thay ông ở bộ tổng tham mưu, để chính ông được trở về... dân sự! Dĩ nhiên Tướng Lâm không chịu; Ông Thiệu thì không muốn thay cả hai! Kết quả buổi họp: Tướng Lâm trở lại chỉ huy hành quân Lam Sơn 719; Tướng Viên bay ra Khe Sanh để “nhắc” Tướng Đống là phải tuân theo hệ thống chỉ huy. Trong tác phẩm *The Abrams Tapes* của Tác Giả Lewis Sorley, có một đoạn nói từ đầu năm 1969 Tướng Abrams đã nghe chuyện Tổng Thống Thiệu sẽ thay thế Tướng Viên nhiều đến độ ông nói với các sĩ quan tham mưu MACV, “... khi thì nghe Tướng Lâm sẽ thay, khi thì Tướng Trí sẽ thay ... chừng nào xảy ra thì tôi mới tin...” Và đó là vào những tháng đầu của năm 1969. Tướng Viên bị giữ lại bộ tổng tham mưu, người viết nghĩ, vì Ông Thiệu không còn tin ai hơn Tướng Viên. Tin ở đây không có nghĩa là tin Tướng Viên là người trung thành với mình: Ông Thiệu tin Tướng Viên là người sẽ không dùng lính để làm ầu. Ngoài chức vụ TTMT, Tướng Viên không được mời tham dự một hội đồng nào khác của chính phủ. Một dẫn chứng: Trong Ủy Ban Điều Hợp Tình Báo Quốc Gia do Trung Tướng Đặng Văn Quang làm chủ tịch (đồng thời là Phụ Tá Đặc Biệt Quân Sự và An Ninh cho tổng thống), với những ủy viên là đặc ủy trưởng Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo; chỉ huy trưởng Cục An Ninh Quân Đội; hai (chỉ huy) Trưởng Phòng 7 và Phòng 2, BTTM; và, giám đốc Nha Kỹ Thuật. Chúng ta không thấy ông tổng tham mưu trưởng có

tên trong danh sách ủy viên. Như Tướng Viên đã viết và trả lời một vài phỏng vấn, ông đệ đơn xin từ chức từ khi biết Tổng Thống Thiệu muốn tìm một người khác thay ông từ cuối năm 1969. Khoảng cách giữa người tổng tham mưu trưởng và vị tổng tư lệnh quân đội càng xa hơn khi Tổng Thống Thiệu không còn để ý đến hệ thống quân giai, hay quân phong của quân đội, khi ông ra lệnh hay có liên hệ cá nhân với các sĩ quan dưới quyền của Tướng Viên. Hành động của Tổng Thống Thiệu đã làm chính Tướng Abrams để ý. Hai lần, cuối năm 1968 và đầu năm 1969, Tướng Abrams nói trong buổi họp... là Tướng Lâm liên lạc trực tiếp với tổng thống về vấn đề hành quân... Tướng Đỗ Cao Trí thì vào Dinh Độc Lập ăn cơm với tổng thống một tuần hai, ba lần. Liên hệ như vậy đặt Tướng Viên vào tình trạng khó xử. Đầu tháng 5-1972, khi tình hình ở Quảng Trị nguy ngập... Tổng Thống Thiệu là người trực tiếp viết quân lệnh cho bộ quốc phòng và BTTM, ra lệnh bắt Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai lập tức; và, ra lệnh Tướng Lâm xử bắn những quân nhân có hành vi vô kỷ luật ở Huế. Dĩ nhiên trên cương vị tổng tư lệnh quân đội, Tổng Thống Thiệu có toàn quyền ra lệnh như vậy. Nhưng tại sao không ra lệnh cho BTTM/ tổng tham mưu trưởng thi hành lệnh của ông? Hành động của Tổng Thống Thiệu không phải là một thí dụ tốt để duy trì kỷ luật của hệ thống quân giai. Ở đây người viết không có ý định đào sâu khoảng cách giữa Tướng Viên và Tổng Thống Thiệu. Nhưng đó là những gì đã xảy ra. ■

Bác Viên hiền và ít nói; ít phê phán lời nói hay hành động người khác. Có thể trong thời gian biến động của những năm 1964-1967, tánh yên lặng và “ít có ý kiến” của bác Viên đưa đến sự kính trọng của những tướng lãnh trong hội đồng lãnh đạo. Tôi có dịp nghe chuyện đến từ tác giả viết từ điển Nguyễn Văn Tạo (đã quá cố; tác giả từ điển Việt-Anh/ Anh-Việt; Việt-Pháp/ Pháp Việt), một người hàng xóm quen biết của bác Viên ở Vạn Tượng. Bác Tạo gái nói lúc còn trẻ bác Viên nhìn hiền, hiền như kiểu một thầy giáo... khó tưởng tượng sau này ông ta trở thành một quân nhân chỉ huy lính...

Tôi và anh Lý Thanh Tâm, một sĩ quan trung thành, gặp bác Viên lần cuối vào ngày thứ Bảy, 8 tháng 12-2007. Bác Viên ngồi trên giường nói chuyện huyền thuyên... giọng nói vẫn mạnh. Tôi hẹn anh Tâm và bác sẽ trở lại thứ Tư 12... Thứ Ba 11 Bác gọi sớm và nói không thể gặp ngày thứ Tư. Hình như thứ Bảy 15, nhà làm sinh nhật trẻ cho bác. Sáng thứ Ba 22, tám giờ sáng, tôi nhận một *mass e-mail* của anh Bùi Mạnh Hùng thông báo bác đã đi. Hơn chín giờ sáng tôi gọi đến nhà cao niên nơi bác ở để hỏi thăm... Đầu giây, bác Nguyễn Hữu Bầu nói... “Bác đang đứng trước xác bác Viên đây...” Tôi nói cảm ơn, rồi gọi cho bác Đoàn Văn Nu ở Galveston, bác Nguyễn Thu Lương ở Montreal... hai bác đã đi hành quân với bác Viên từ thời còn ở tiểu đoàn 1 Nhảy Dù.

Ngày Chủ Nhật cuối cùng của đám tang bác Viên, đại diện đông đủ quân binh chủng của quân lực VNCH đến tiễn bác lần cuối. Trung Tướng Lữ Lan và Đại Tá Hoàng Ngọc

Lung có đọc diếu văn. Trong bài diếu văn của bác Lung, ông nói ra một sự thật mà ông đã giữ kín cho đến ngày hôm đó: Khi Ông Dương Văn Minh lên làm tổng thống, dưới áp lực chính trị mới — giả định là áp lực của cộng sản Bắc Việt — Ông Minh đã có kế hoạch bắt giữ năm (5) nhân vật đầu não của BTTM. Đứng đầu danh sách năm người đó là Đại Tướng Cao Văn Viên.



Một đôi khi tôi nhớ lại những bữa ăn trưa vào mùa Hè 2002. Nhớ khi bác Viên hỏi tôi, “Hmmm, hôm nay ai trả tiền ta?” Lúc nào tôi cũng nói đến lượt tôi trả; và lúc nào ông cũng nói tôi nhớ lầm. Và nếu may mắn, người chủ quán sẽ nói, “Hôm nay nhà hàng đãi.” Hình như người chủ quán là cháu họ của bác Viên.

Nguyễn Kỳ Phong@yahoo.com



Cao Văn Viên. Đại Tướng, Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH (1967-1975). Sinh ngày 11 tháng 12-1921 tại Vạn Tượng, Lào. Tốt nghiệp trường trung học Pavie, làm huấn luyện thể thao tại một trường trung học sau khi tốt nghiệp trung học. Bị quân đội Nhật bắt giữ khi chính quyền Pháp ở Đông Dương thất thủ. Trốn về Việt Nam, theo học trường sĩ quan Vũng Tàu và ra trường năm 1949. Lần lượt giữ những chức vụ như sĩ quan phòng tuyến mộ nhập ngũ, phòng báo chí bộ quốc phòng, trước khi đi thụ huấn khóa chiến thuật để về làm tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 10, năm 1952, ở Bắc Việt. Năm 1954 làm sĩ quan Ban 2, rồi Ban 4 ở tiểu khu Hưng Yên. Sau Hiệp Định Geneve 1954, rút về miền Nam, ông được

chỉ định coi Tiểu Đoàn 56 để tiếp thu tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1955-56, về làm sĩ quan ở Phòng 4 **BTTM**, trước khi được theo học trường Command and General Staff College ở Fort Leavenworth, Tiểu Bang Kansas, Hoa Kỳ, năm 1956-57. Trở lại Việt Nam, với cấp bậc trung tá, ông được vào làm ban tham mưu biệt bộ phủ tổng thống năm 1959. Tháng 11-1960, sau cuộc đảo chánh thất bại của nhóm Trung Tá **Vương Văn Đông** và Đại Tá **Nguyễn Chánh Thi**, ông được chỉ định thay Đại Tá Thi làm tư lệnh lữ đoàn Nhảy Dù. Trong cuộc đảo chánh Tổng Thống **Ngô Đình Diệm** của các tướng lãnh vào tháng 11-1963, ông bị tạm giam tại bộ tổng tham mưu vì không ủng hộ Trung Tướng **Dương Văn Minh**, người lãnh đạo cuộc đảo chánh. Bị mất chức tư lệnh Nhảy Dù tạm thời, nhưng ngay sau đó được phục hồi. Đầu tháng 1-1964, với cương vị tư lệnh Nhảy Dù, Tướng Viên là thế lực chính phía sau cuộc chính lý hạ bệ Tướng Dương Văn Minh. Tháng 3-1964 được thăng chức thiếu tướng sau khi bị thương khi đích thân chỉ huy cuộc hành quân nhảy dù vào căn cứ cộng sản ở Giồng Bầu, Hồng Ngự. Tháng 10-1965 được **Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia** bổ nhiệm làm tổng tham mưu trưởng **QLVNCH** với chức trung tướng. Trong thời gian biến động của bốn năm 1966-67, Tướng Viên tham dự vào nhiều quyết định quân sự và chính trị trong nội bộ của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia. Tháng 3-1967 tại **Hội Nghị Thượng Đỉnh Đảo Guam**, Tướng Viên đã đề nghị với Tổng Thống **Lyndon Johnson** về một chiến lược cô lập CSBV, bằng cách lập một hàng rào phòng thủ dọc theo vĩ tuyến 17; hoặc là đánh thẳng qua các cơ sở hậu cần của CSBV ở **Hạ Lào** và

Quảng Bình-Vĩnh Linh. Phía Hoa Kỳ không chánh thức trả lời, nhưng tài liệu cho thấy trong năm 1967 Đại Tướng **William Westmoreland** đã ra lệnh cho **MACV** soạn thảo dự trù một kế hoạch tấn công qua Lào có tên là **Hành Quân El Paso**. Năm 1967 một lần nữa ông được sự tin tưởng của hội đồng các tướng lãnh là một sĩ quan không chánh trị khi được thăng chức đại tướng. Vào năm bầu cử 1967 ông là sĩ quan đại diện cho **Hội Đồng Quân Lực** giải quyết sự bế tắc giữa giữa Trung Tướng **Nguyễn Văn Thiệu** và Thiếu Tướng **Nguyễn Cao Kỳ**, khi cả hai đều muốn tranh cử chức tổng thống trong và dưới sự ủng hộ của liên danh quân đội. Từ năm 1969 trở đi, vai trò của Tướng Viên như một tổng tham mưu trưởng bị lu mờ đi khi Tổng Thống Thiệu bắt đầu trực tiếp điều khiển quân đội thẳng qua lệnh tổng thống thay vì qua hệ thống quân giai của **BTTM**. Theo những gì do Đại Tướng Viên viết, là ông đã đệ đơn từ chức năm lần nhưng đều bị Tổng Thống Thiệu bác đơn. Trong những năm cuối của **VNCH**, vai trò tổng tham mưu trưởng của Đại Tướng Viên chỉ còn là một hư vị. Ngày 28 tháng 4-1975 Tổng Thống **Trần Văn Hương** chấp thuận đơn từ chức của Tướng Viên. Ông rời chức vụ và Việt Nam một ngày sau đó.

Tài Liệu: Cao Văn Viên, *The Final Collapse* (1985); *Những Ngày Cuối Của VNCH* (2003); *Vietnam: What's Next? The Strategy for Isolation* (1972); Lewis Sorley, *Vietnam Chronicles: The Abrams Tapes, 1968-1972* (2004).

[Trích trong *Từ Điển Chiến Tranh Việt Nam* của Nguyễn Kỳ Phong]

HƯƠNG THƠM NGÀY CŨ

YŨ NAM

*Em hãy ra bờ sông nhìn nắng trải
Nhớ cho mình dáng dấp người yêu
Lỡ dòng đời tóc điểm muối tiêu
Còn giây phút chạnh lòng như mới lớn*

Mấy câu thơ này của thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên đã nhập vào đầu Giang tự lúc nào anh không biết. Trong đời, có những điều cứ chạy theo mình như nước suối nguồn. Ròng rã với ngày tháng. Miệt mài với mọi mùa trăng. Thăng trầm với sườn đồi vách núi. Và thênh thang về lòng đại dương...

Năm mười bốn tuổi, Giang cùng một người bạn học vào nhà thương để thăm cô em gái bà con của cậu ta vừa bị xe Honda đụng ở đầu và bất tỉnh. Đứng bên cô gái trong trạng thái mê man Giang lại thấy cô đẹp vô cùng. Buồn đâu chưa thấy lại phải lòng một cô gái nhỏ đang bị tai nạn. Tuổi thiếu niên, vui đó, buồn đó, nhớ thương đó, rồi quên đó, là chuyện thường tình. Do vậy sau ngày ấy Giang cũng không tìm gặp cô gái, hay hỏi thăm nhà cửa “nơi nao” để kiếm chuyện làm quen. Nhưng mãi đến hôm nay, sau gần ba mươi năm, anh vẫn còn nhớ đến cô gái nằm mê man trong nhà thương ngày ấy. Hẳn bây giờ, nếu có dịp tình cờ nào mà gặp lại cô gái này, anh kể cho cô nghe chuyện anh “phải lòng” cô trong lúc cô thập tử nhất sinh, chắc là cô ngạc nhiên và cảm động lắm.

Những ngày còn ở Việt Nam, trong một lần đi lao động “Xã Hội Chủ Nghĩa”, thủy lợi, có một hình ảnh đập vào mắt Giang, cô gái mười bảy tuổi, người cùng làng, mà anh vẫn còn giữ mãi đến ngày hôm nay. Bây giờ nghĩ lại Giang thấy tiêng tiếc một chuyện gì... đó, như lời ca:

*Ngày xưa tiếc sao mình không ngộ, để
rời chiều nay mình đâu thấy cô đơn, vẫn kia
bây giờ đóng thuyền rồi, có còn chi đâu nữa
thôi tìm gì trong mơ...*

Ngày ấy, lao động “Xã Hội Chủ Nghĩa” là điều bắt buộc, không có chuyện tự nguyện. Giàu nghèo, sang hèn, có học hay thất học đều phải đi làm công tác lao động và phải mang theo lương thực để tự túc một tuần, một tháng, tùy theo nhu cầu của nhà nước. Chỉ thương cho những gia đình nghèo, khoai bắp mỗi ngày còn không có để nuôi con, vậy nếu mất đi một ngày làm, một tuần làm thì các con lấy gì ăn. Nhưng hình như đó là chuyện của dân nghèo, chứ không phải là chuyện của cán bộ lo về thủy lợi ở địa phương, phường xã.

Toán làm thủy lợi của Giang ngày đó khoảng mười người. Tám thanh niên, hai thiếu nữ, Như và Lan. Lên khu thủy lợi phải tấp vào nhà dân xin ở đậu và phải tự túc nấu ăn. Bọn Giang phân công là tám thanh niên mỗi ngày đều phải đi làm thủy lợi. Còn hai cô gái thì thay phiên nhau ở nhà để nấu cơm cho toán. Nghĩa là, cứ đi làm một ngày thì ở nhà nấu cơm một ngày. Năng xuất lao động thủy lợi

nhieu hay ít đã có tám thanh niên lo liệu.

Hôm nào Như nấu cơm, khi chiều về thấy, Giang ít có để ý, vì Như gọn gàng nhanh lẹ, nấu mau xong. Nhưng hôm nào đến Lan nấu, nhìn cô anh thấy mà... thương. Thường bọn anh phải phụ tay vào mới mong có cơm ăn sớm. Chắc Lan không quen kiểu nấu cơm dã chiến. Chắc cô không từng là dân trong Gia đình Phật Tử, Thiếu Nhi Thánh Thể hay Hướng Đạo..., những nơi tạo cho thanh thiếu niên tự lực cánh sinh khi sinh hoạt vui chơi ngoài trời. Nấu cơm gì khói phun đầy. Mà nơi này có củi gì để gọi là củi đâu. Lan quơ quào đại ba lá chuối khô, ba cọng cỏ khô rơm khô làm mồi. Và khi đã cháy lên thì phải cần củi, tìm củi không biết “tìm mô” cô chỉ còn biết đi “tha” củi về từ trong những lều nhà dân cho mình ở đậu. May mà những gia đình này rất dễ dàng với dân lao động thủy lợi. Thấy Lan ngồi nhúm lửa, thổi lửa, thỉnh thoảng có nước mắt chảy dài, dù đói mà thấy cảnh này bọn anh cũng bắt no ngang! Lúc thì Lan ngồi chồm hổm. Lúc chông mông thổi lửa. Có lúc ngồi bẹp cả xuống đất chẳng còn sợ dơ quần là gì. Cô chỉ mong cho mau xong để tổ có cơm để ăn. May mà cô không có vết lọ nghẹ nào dính trên mặt. Nếu có chắc là dễ cười lắm.

Hình ảnh đó sau hai mươi năm, khi Giang kể lại cho Lan nghe trong một lần điện thoại viễn liên, cô cười bảo anh nhớ dai quá.

Bây giờ thì Giang biết nói gì với Lan. Ngày xưa cả hai còn nhỏ. Dù anh có lớn hơn cô vài tuổi, nhưng nghề nghiệp chưa có, đất nước sau chiến tranh đã hơn mười năm nhưng nhìn đâu cũng còn thấy khổ. Mỗi tình

trong làng, vừa chớm nở với Lan anh cũng cố gắng nén vội như người đang đi ngang qua cơn bão, chỉ trông ánh nắng về. Phải lòng nhau cũng chỉ biết nhìn nhau. Hai chục năm sau đó, từ bên này đất nước, nhìn tấm hình Lan chụp từ quê nhà gửi sang, Giang biết anh đã để vượt mắt một người tình, cuộc tình, mà những ngày làm thủy lợi và cả sau đó nữa anh không một lần dám thốt nên lời: yêu em. Để rồi Lan như hoa lan trong vườn đã có chủ.

Cũng từ nơi đây, vùng của sương mù, Giang gửi về nơi quê hương, nơi có những mùa nắng dài, và những ngày mưa, ôi mưa sao mà mưa mãi, một lọ kem Hoa Lan cho... Lan. Nghe nói ở Việt Nam phụ nữ quen sài loại kem này, nên nhân dịp có người bạn đi Mỹ, anh nhờ mua. Ngày nào những làn khói trong lúc nấu cơm không làm da mặt Lan trở nên hiu hắt, nhưng chắc là sau ngần ấy năm với những cơn nắng miền Nam hành hạ ắt hẳn bây giờ da mặt Lan đã đen, hoặc thâm, hoặc gì gì đó nữa làm nhan sắc cũng theo tháng năm mà tàn phai. Nhìn nụ cười gương gao của Lan trong hình Giang đoán vậy. Tấm hình đã làm héo úa một dung nhan. Hy vọng những làn phấn mông sẽ làm giảm sự già nua, cùng lúc làm tăng vẻ mịn màng trên làn da của người đàn bà đã bắt đầu bước gần vào tuổi bốn mươi. Lan viết thư cho Giang sau khi nhận được hộp kem: Cám ơn anh còn nhớ đến em. Em... ít... có sài kem, nhưng em cũng cám ơn anh về món quà này. Cám ơn anh đã nhắc lại những kỷ niệm. Công việc mệt nhọc, lại chắc là vì đã lớn tuổi, dễ mệt, nên em rất làm biếng viết thư. Không chỉ làm biếng viết thư cho riêng anh mà các bạn khác

cũng vậy.

Ngày xưa Giang biết Lan là cô gái ít ăn ít nói, nên nay cũng không ngạc nhiên khi cô viết cho anh chỉ đôi lời cảm ơn khi nhận được quà. Ngoài ra, anh đoán được có những trăm uất cho Lan, nếu cô cứ bị chồng chất những khó khăn trong cuộc sống. Công ăn việc làm, hoàn cảnh gia đình đều có thể giết chết mọi tư tưởng, vấn vương. Những tình cảm lãng mạn vừa nảy sinh, phút chốc bị nhát dao thô bạo của đời sống chém bỏ xuống thành những đứt đoạn, lia tan.

Giá trị của việc làm, sự sống ở Việt Nam cho đám dân nghèo hiện tại là giá trị phải tranh đấu từng tháng, từng ngày. Ai đó thì có thể nhậu nhẹt ngày đêm, trai gái ngày đêm, xe này xe kia, chớ dân đen, dân không có thân nhân nước ngoài, chắc là phải bán mặt cho đất, bán lưng cho trời. Một bịch đậu phộng chín mua từ tiệm Á Châu ở đây khoảng hai đô la, Giang không biết là đắt hay rẻ, nhưng ở Việt Nam nếu người nông dân được con buôn cho biết hàng của họ đã có “đầu ra”, dù họ phải bán rẻ, chắc họ mừng lắm. Dầu sao, cứ có “đầu ra” là sẽ có công ăn việc làm ổn định. Giang không biết chính xác Lan bây giờ làm gì ở Việt Nam, chỉ nghe nói cô làm trong một cơ quan nhà nước, lương không nhiều, nhưng cũng lo được cho bản thân, gia đình. Anh cũng mừng cho Lan.

Từ nơi xa xôi Giang ao ước có một ngày nào đó anh sẽ gặp lại Lan trên quê hương đã vàng úa, đã khập khiễng vì WTO, đã mạnh nha những mầm móng loạn lạc. Nhất là những khi trong gia đình có những xào xáo, cơm không lành canh không ngọt, anh lại

càng nhớ đến Lan nhiều hơn, vì nơi Lan lúc nào anh cũng tìm thấy sự tươi mát, nhẹ nhàng. Anh thương tưởng về những buổi chiều nắng rọi bờ đê trên con kinh thủy lợi, về hình ảnh Lan ngồi bên bếp lửa với khói cơm chiều nơi mái hiên nhà người nông dân ngày nào, về những ngày trong xóm hai đứa đứng nói chuyện bên nhau.

Và ngày gặp đó đã đến. Về Việt Nam, Giang dành một buổi xế trưa ngày chủ nhật để tạt qua thăm Lan mà không báo cho cô biết trước. Anh muốn đem đến cho cô một ngạc nhiên vui vui. Nghĩ xế trưa cuối tuần, khi những tia nắng còn rõ nét trên mặt đường, còn làm ran rát làn da, thì ít khi cô gái nào, đàn bà nào, còn muốn giữ nhan sắc mình trước những tàn phai của nắng đã dăm ra đường, chắc Lan cũng vậy.

Nhưng lúc đến nơi, Giang được người em gái của Lan nói cho biết cứ khoảng giờ này, vào ngày chủ nhật, chắc chắn một trăm phần trăm chị Lan của cô đang làm công quả trên chùa. Ngôi chùa cách nhà Lan khoảng hai cây số. Giang hơi ngạc nhiên vì chuyện Lan đến chùa. Trong những thư gửi qua, có bao giờ Lan nói cho anh biết đến việc đi chùa làm công quả vào những ngày cuối tuần. Nghe vậy, anh lại hình dung đến chuyện Lan và Điệp ngày xưa. Nhưng anh không phải là Điệp, người tình của Lan, còn ai đó là Điệp ắt chỉ mình Lan biết.

Theo người em gái Lan chỉ, Giang chạy xe đến chùa. Ngôi chùa lớn, yên tĩnh, ngày nhỏ anh đã có lần vào, chung quanh giờ có xây tường cao để “che chắn” bên trong. Trước sân chùa có những hàng cây thông

cao, chung quanh có những cội bồ đề, cành nhánh đang dao động vì cơn gió nhẹ. Từ trong chùa tiếng Đại Hồng Chung đã ngân vang từng tiếng, cách quãng, thanh thoi và vang ra xa như bất tận.

Tiếng Đại Hồng Chung vang lên làm những phiến trước ai đang có cũng tan biến đến vô thủy vô chung, tận cùng trời đất. Từ xa nhìn vào nơi Đại Hồng Chung đang ngân vang tiếng vọng, Giang thấy nét mặt của một người đàn bà, tóc được phủ kín bằng chiếc nón màu nâu, chiếc áo màu lam, ngồi quay lưng nghiêng nghiêng về phía anh, đôi cánh tay, bàn tay của người như vịn vào chiếc dùi thật lớn được treo chặt tòn ten bởi hai sợi dây lên trần nhà chùa. Cung cách của “người thỉnh chuông” xem ra như chẳng màng gì đến thế sự bên ngoài. Người đàn bà như chỉ vịn hờ vào chiếc dùi, nhưng cứ sau mỗi lần người thúc chiếc dùi vào Đại Hồng Chung là một tiếng “bong” thật lớn vang lên, rồi theo sau là muôn ngàn tiếng vọng ngân dài lan truyền ra thật xa, xa đến cả bản làng thôn xóm, những khu nghĩa địa quanh chùa.

Giang dựng xe trước cổng chùa, yên lặng đi trên con đường nhỏ vòng qua ao sen và tượng Quan Thế Âm lớn trước chùa để vào hậu liêu. Chùa vắng hoe, không một bóng người. Vùng đất này ngày xưa, còn nhỏ, Giang đã nghe kể có rất nhiều ma vì chung quanh có nhiều mã mồ. Nay nghĩ lại không phải là lời truyền từ xưa là không có lý. Thời đại ngày nay mà ngôi chùa này có sự yên tĩnh như hiện tại, thật đến rợn người. Từ chánh điện đến khu nhà phía sau, từ trong ra ngoài không thấy một bóng người, không một chú

tiểu, không một ni cô, chỉ có tiếng Đại Hồng Chung đang lên tiếng.

Bước chân Giang lần lên tam cấp, nơi có Đại Hồng Chung, chậm chạp nhẹ nhàng như người đi ăn trộm. Giang sợ như là một tiếng động từ anh gây ra sẽ làm tiếng Đại Hồng Chung ngưng lại, buổi thỉnh chuông sẽ hư hoại. Giang đến rất gần người đàn bà. Một cảnh tượng làm anh thấy thương cảm vô cùng, thấy như anh cũng không còn là mình nữa. Người đàn bà đang thân nhiên ung dung tự tại đánh dùi đều đặn vào Đại Hồng Chung không ai khác hơn là Lan. Dù nhìn nghiêng nhưng Giang vẫn nhận ra Lan, cô gái của hai mươi năm trước đã cùng anh làm thủy lợi trên vùng kinh tế mới, đã có những buổi chiều ngồi thổi lửa nấu cơm cho bọn anh ăn. Thời đó đất nước sau chiến tranh, còn khổ, còn chấp nhận được, còn hiện tại, đất nước đã hơn ba mươi năm sau chiến tranh không lẽ Lan cũng còn dính dáng với nỗi buồn như vậy sao (dưới mắt một người đời trần tục từ Giang, anh thấy đáng Lan đang ngồi đánh dùi vào Đại Hồng Chung sao mà buồn quá!). Lan cũng biết có người đến gần mình, nhưng cô không quay lại, vẫn tiếp tục công việc “thỉnh” 108 tiếng Đại Hồng Chung.

Biết làm gì bây giờ khi Lan còn đang mê “thỉnh chuông”, Giang đi đến hành lang bên hông chùa, đứng yên lặng nhìn quang cảnh chung quanh, nhìn nắng đang “thieu đốt” xóm làng bên ngoài. Mùa hè ở Việt Nam sao bây giờ có nắng kinh hoàng! Đời sống khó khăn hiện tại không đủ nóng để đốt người thôi sao, mà bây giờ ông trời còn bắt người dân chịu cái nắng đến khắc nghiệt như vậy?

Hay là cái nắng do nền công nghiệp toàn cầu gây nên và Việt Nam cũng cùng hứng chịu, như hứng chịu mưa bão cứ mỗi năm lại về. Để tránh nắng đàn ông còn tinh bột, chớ phụ nữ đàn bà bây giờ một bước ra đường là tay, mặt, đầu tóc hoàn toàn được che kín bằng bao tay, bằng nón, bằng khăn. Thậm chí có cả những cô gái mang dép còn mang cả vớ để che bàn chân cho khỏi... đen. Việt Nam bây giờ đầy những người bị mặt. Không còn biết ai đẹp ai xấu! Không biết ai oan ai ung!

Giang nhìn lên trần nhà chùa, thấy rõ được những mảng nhện bám trên những hàng kèo cột đen xì. Chùa đã trải qua những mùa nắng mưa dầu dãi, mấy độ rêu phong. Ngôi chùa này, ngày nhỏ có những lần Giang đã đi qua khi có đám ma hoặc bắt đê về đá, bắt bọ rày về cho bay với tàu thủy máy bay được làm bằng cây, bằng kẽm. Nhưng ngày ấy, vì còn nhỏ nên Giang không để ý gì đến ngôi chùa, có một vào xin thầy trụ trì chuỗi sớ để ăn, nước lạnh để uống, rồi lại ra đi chơi tiếp tục, nay đến đây cũng bắt đê dĩ vì nghe nói có Lan đang ở trong chùa, chớ lòng anh chưa bao giờ thấy thấm nhập Phật Pháp nhiều, chưa cảm được thấu đáo đời sống thiền môn.

Xong buổi thỉnh Đại Hồng Chung, Lan cất nón, thay bộ đồ màu lam ra. Lan trở thành một thiếu nữ và cô đang đi tìm người khách lạ nào viếng chùa thỉnh linh trong buổi xế trưa hôm nay. Vài phút nhìn Giang ngượng ngập rồi Lan cũng nhận ra anh. Cô lộ vẻ ngạc nhiên:

- Anh Giang đây phải không...? Ủa. Anh về hồi nào mà không báo cho em biết trước. Ai chỉ em ở chùa mà anh biết đê vô đây. Anh

đi với em xuống nhà sau để ngồi uống nước và nói chuyện.

Lan khoan thai đi trước dẫn đường xuống tam cấp ra hậu liêu. Giang đi sau, thấy dáng Lan y như ngày trước: khoan thai nhưng có nét hơi éo lá. Khi hai người đã ngồi đối diện Giang vẫn còn bồi hồi bởi hình dáng Lan vừa qua, nên nói chuyện với Lan còn rất lơ là:

- Lan không thay đổi nhiều. Nhưng hơi ốm và da mặt hơi đen hơn hồi nhỏ.

Lan vừa rót nước ra ly vừa trả lời:

- Mời anh Giang uống nước. Ai bây giờ nghèo mà không ốm và đen. Anh không nghe chữ “dân đen” sao?

Giang hỏi Lan:

- Lan cũng nghèo à?

- ...

Lan chưa kịp trả lời. Thấy câu hỏi của mình hơi kỳ kỳ khi vừa mới gặp lại Lan, nên Giang hỏi tiếp chuyện khác:

- Sao chùa vắng quá vậy? Không thấy một bóng người!

- Thầy trụ trì đi vắng, chắc cũng gần về. Chùa ở đây chỉ có hai người tu. Thầy và một sư cô.

Giang cười với Lan:

- Còn Lan nữa! Lan cũng định đi tu à? Chắc có giận người nào tên Điệp chớ gì.

Biết Giang nói giỡn nên Lan cười theo anh:

- Đâu có! Đâu có ai tên Điệp mà Lan giận. Em chỉ lên chùa làm công quả. Em thấy mỗi lần lên chùa em rất vui.

- Hồi nãy đứng nhìn Lan đánh Đại Hồng Chung sao thấy Lan có vẻ như buồn buồn!

- Không có buồn đâu anh! Tại mình phải

cố giữ sự nghiêm trang yên tĩnh, chớ không phải buồn.

- Lan đi chùa tự bao giờ? Hồi còn ở Việt Nam anh có thấy Lan đi chùa đâu?

- Lúc đó em có đi, nhưng anh đâu có biết! Nhưng lúc đó chỉ thỉnh thoảng em mới đi thôi, không thường như trong mười năm đổ lại đây.

- Còn chuyện chồng con em ra sao? Viết thư anh có hỏi nhưng sao không thấy em nói gì cả.

- Em đâu có chồng con mà kể cho anh nghe. Không có nên em giấu. Em mắc cỡ nên không kể cho anh nghe.

- Sao vậy Lan? Em đẹp, sao lại ở vậy, không chịu lập gia đình?

- Em muốn đi tu!

- Sao vậy?

- Không biết tại sao! Nhưng ngay từ những năm mười lăm mười sáu tuổi, thỉnh thoảng cuối tuần, ngày rằm, em đã đến chùa này làm công quả rồi. Không hiểu sao, nhưng rồi từ từ em không còn muốn lập gia đình, không còn muốn ở ngoài đời. Em chỉ muốn đi tu thôi! Và Lan cứ tiếp tục nói chuyện đi tu.

Thấy Lan cứ nói chuyện tu, buồn quá, nên Giang đổi đề tài:

- Thầy, em nói hồi này là ai? Sư ông hay sư bà?

- Thầy là một sư cô, ở nơi khác đến tu, không phải người làng mình. Thầy đang đi công chuyện Phật sự. Anh ngồi chơi đây một lát nữa chắc sẽ gặp thầy.

- Sao em lại phải ngồi đánh Đại Hồng Chung trong ngày hôm nay?

Mặt Lan lộ ra nét vui:

- Em xin thầy cho phép để em làm công quả đó! Ngồi thỉnh 108 tiếng Đại Hồng Chung sẽ có nhiều phước báu lắm! Em chỉ rảnh có ngày cuối tuần.

Lan cười:

- Dọn đường cho sau này em xuất gia.

- Trong tuần em cũng đi làm? - Giang nhỏ nhẹ hỏi Lan.

- Dạ. Em là cô giáo dạy ở nhà trẻ.

- Cũng sống được?

- Dạ, cũng sống được anh. Còn cuộc sống của anh ở Anh chắc là sướng rồi, phải không?

Mấy ngày sau Giang hẹn Lan vào một ngày chủ nhật, sau buổi thỉnh Đại Hồng Chung ở chùa, sẽ có một việc quan trọng mà anh muốn bàn cùng Lan trước khi anh trở lại Anh. Trên con đường mòn vào núi, buổi chiều vắng hoe, hai người vừa đi vừa trò chuyện:

- Nãy giờ anh đã nói hết hoàn cảnh và ý định của anh. Bây giờ Lan tính sao? Có chịu để anh làm giấy bảo lãnh em qua bên Anh không?

Lan không nhìn thẳng vào mắt Giang. Đôi mắt cô hướng về phía trước mặt, hướng đỉnh núi, nơi có một tảng đá khổng lồ màu trắng, nghe nói là nơi máy ông “cách mạng” trồn bom B52 thời còn chiến đấu ở trong rừng. Vùng dưới tảng đá là cây rừng với màu xanh sậm.

- Thôi anh! Đừng làm giấy bảo lãnh em làm gì. Em đã nói với anh, em không còn muốn lập gia đình!

Biết nói gì thêm với Lan đây, khi cô cứ một mực từ chối. Chuyện vợ chồng của Giang đã “rã gánh”, không còn hợp nhau nên đường ai nấy đi, không hận thù, chỉ còn xem

nhau như bạn. Kỳ này đi về Việt Nam anh định tìm một người vợ khác, không ngờ biết ra Lan chưa có gia đình, anh lại thao thức nhiều đêm để đi đến một quyết định sẽ xin cưới Lan. Dù muộn nhưng vì là chỗ quen biết trước, nên anh nghĩ tình yêu hai đứa chắc là không đến đâu nào nhạt nhẽo, còn thi vị nữa là khác.

Lan cười chọc Giang:

- Ngày xưa, sao lúc đi anh không rủ em. Lúc đó anh chưa có vợ mà. Nếu anh rủ em cùng đi vượt biên lúc đó, biết đâu bây giờ chuyện đã đổi khác.

- Lúc đó anh cũng vội vàng. Hơn nữa vì sợ công an nên anh cũng không dám rủ ai. Nhưng mà chuyện cũng đã qua lâu rồi!

-.....!

Đường vào gần chân núi sương chiều càng đậm đặc. Giang vòng tay ngang qua vai Lan để cản bớt sương lạnh cho cô, chứ không phải anh muốn dỗ trút những buồn vui trong cuộc đời mình lên đôi vai nhỏ bé của người bạn gái thuở thiếu thời. Lan để yên bàn tay Giang trên vai cô. Anh hít được mùi hương thơm, mà cũng không biết hương thơm từ Lan, hương thơm của núi rừng về chiều, hay hương thơm ngày cũ. Và khi trên đường trở lại về làng thì trời đã tối hẳn, không kìm hãm nổi cảm xúc, cộng lối sống Tây phương đã quen, Giang đã ôm Lan vào lòng và hôn trên đôi má nàng đã lấm tẩm sương. Giang đành chia tay Lan từ buổi chiều tối hôm đó.

Năm ngoài có cơn bão lớn thổi ngang qua làng Lan, nên sau đó, khi nghe nói có người trong thành phố Giang ở về Việt Nam

làm công tác từ thiện, nhân vụ bão lụt vừa qua, dịp này anh nhờ họ về ghé đến chùa của Lan để giúp đỡ dùm, nếu chùa có bị thiệt hại vì bão. Khi họ trở qua Giang được biết, đến chùa ngoài hai sư trụ trì cũ họ còn gặp một sư cô mới vào tu, Pháp danh là Thích Nữ Trí Vân, tên ngoài đời là Lan, người của làng.

Dù biết Lan đã vào chùa tu như lời thư cô đã viết, nhưng khi nghe những người vừa gặp Lan nói ra, Giang cũng thấy buồn buồn. Giang biết kể từ đây, khi gặp lại Lan anh không có quyền áp má, quàng vai như lần gặp trước, mà phải chấp tay Nam Mô A Di Đà Phật. Giờ Lan đã là sư cô. Một sư cô chưa từng vẫn đục bởi chuyện thế gian trần tục. Duyên nghiệp của Lan được sinh ra trong đời này là để đi tu. Có người bạn, khi nghe Giang kể chuyện Lan, đã nói với anh như vậy.

Một anh bạn trong toán về Việt Nam làm công tác từ thiện còn nói giỡn: Sư cô mới đi tu này chỉ khoảng tuổi trên dưới bốn mươi, rất vui vẻ và còn đẹp lắm! Mọi người đều cười ồ lên, trong khi chỉ mình Giang biết là Lan đã đi trên con đường cô đã chọn, nên cô vui khi tiếp chuyện với khách thập phương cũng là chuyện thường tình, còn chuyện đẹp xấu chắc cô không màng.

Tự dung Giang có cảm giác không vui, như ngọn gió bắc muộn, lạc loài, đang mang hơi lạnh về trên khắp thành phố anh đang cư ngụ, dù trời đang bước những bước chân chậm chạp vào xuân.

VŨ NAM
(Germany)

ÀU Ở... GIÓ ĐƯA BỤI CHUỐI SAU HÈ

TIÊU-THƯ

Trên màn ảnh T.V hiện ra một căn nhà nhỏ, giữa một khu vườn sum suê cây trái. Những tàu lá chuối xanh tươi phe phẩy trong nắng vàng. Mấy bụi tre già, một cái ao nhỏ, từng đê lục bình nở hoa tím ngắt. Có tiếng chim ríu rít trên cành cây. Một thiếu phụ mặc chiếc áo bà ba lụa tím, quần đen, tóc xõa ngang vai, từ trong nhà bước ra, tay bồng một đứa trẻ được quấn kín mít, rồi tiếng nữ ca sĩ Hương Lan cất lên sâu thẳm :

Àu ơi, gió đưa bụi chuối sau hè
Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ
Con thơ tay ấm tay bồng
Tay dắt mẹ chồng đầu đội thúng bông...

Bỗng dưng My thấy tim mình nặng trĩu . Mỗi lần nghe mấy lời ru con này là My chạnh nhớ tới cô Ba, người cô hiền lành tội nghiệp của My... Ông nội có bảy người con, cô là con gái lớn, ba My thứ năm. Cô lấy chồng năm mười bảy tuổi, dượng ba Hiếu là con cả nên cô làm dâu rất cực. Cô dượng có ba gái: chị Mai, chị Xuân, chị Liên và một trai là anh Đông. Chị Mai giống cô, người nhỏ nhắn, trắng nõn, hiền ời là hiền. Chị cũng lập gia đình sớm. Theo My chị Mai là người đàn bà sượng nhất thế giới, vì cả đời, chị không bao giờ phải chịu đựng cái

cảnh “hiến binh gác cửa” hàng tháng như tất cả những người phụ nữ khác. Và rất chi là phản khoa học: đều đều mỗi năm chị cho ra đời một nhóc tì! Hình như cũng tới năm sáu đứa. Gia đình anh Minh sống về nghề ruộng rẫy nên chị đầu tắt mặt tối, nhà ở tuốt trong đồng xa, quê rít quê rang... Chị Xuân may mắn hơn, lấy chồng về miệt chợ. Anh Khanh hiền, mồ côi cha mẹ, lúc nào cũng tươi cười nên rất được lòng mọi người. Chị Xuân to lớn, phép pháp giống hệt dượng hai Hiếu. Làm biếng vô song nhưng được cái miệng ngọt như đường cát, mát như đường phèn. Tối ngày hai bên hàng xóm cứ phải nghe cái giọng Điêu Thuyền lạnh lốt của chị: Anh ơi làm dùm em cái này... Minh ơi lấy giùm em cái kia... Thậm chí có người nghe:- Anh ơi thằng Khôi...! (My không biết có phải vì lòng ganh ghét khiến cho bà hàng xóm đâm ra... lãng tai chẳng?). Nhưng ngặt nỗi anh chàng Đồng Trác Khanh thì cứ hồ hởi: - Gì đó em? - Ủa, để đó cho anh làm cho v.v và v.v...

Mấy mù hàng xóm xấu bụng, thấy cái cảnh chị Xuân được chồng chịu chuộng, nưng như nưng trứng, hứng như hứng hoa thì rất lấy làm xốn con mắt, trề cặp môi như môi cá trên bầu, xầm xì với nhau:

- Xời ơi, thứ đàn bà hư. Tối ngày có nước ngồi đó sai chồng!

(Mà nói nào ngay chị Xuân đâu có ngồi, cả ngày chị chỉ treo tồn teng trên vông

đó chớ). Chuyện thẩu tai chị Xuân, chị chỉ cười dòn như bắp rang:

- Chèn ơi, tui sai chổng tui chớ bộ tui sai chổng mấy bả sao mà mấy bả ngứa miệng vậy cà? Rồi quay qua ném cho anh Khanh một cái nhìn ướt rượt, chị ỏn ẻn:

- Phải vậy hôn mình?

“Mình” chỉ còn nước thộn mặt ra cười.

Chỉ tiếc là anh vẫn số. Mới gần bốn mươi. Một bữa lái chiếc xe mô tô xuống chợ Cao Lãnh, dọc đường không hiểu sao cả xe lẫn người bay khỏi thành cầu gỗ, lọt tuốt xuống rạch. Nước không sâu lắm, nhưng đầu anh bị đập vô đá, hôn mê bất tỉnh, chở xuống nhà thương chỉ được hai ngày thì anh mất. Chị Xuân trở thành góa phụ với bốn đứa con, ba gái một trai.

Vài năm sau, với cặp mắt trĩu tình ướt rượt cộng với tiếng cười dòn tan, chị tái giá với một viên sĩ quan góa vợ. Và cái cảnh treo tòn teng trên võng, cái giọng Bao Tự Điều Thuyền lại lãnh lót tiếp diễn trong sự... tức tối của mấy mù hàng xóm xấu bụng!...

... Khi My ý thức được mọi sự việc xảy ra chung quanh mình thì đã thấy cô ba Bạch cùng chị Liên và anh Đông ở chung nhà với ông bà nội và chú thiếm út. Gia đình My chỉ cách nhà ông bà một cái sân. Mà cái sân đó là cả một thế giới thần tiên đối với cô nhỏ My, mới lên bảy tuổi đầu. Mỗi buổi sáng, cái cảnh mấy chú gà trống tơ giành ăn mổ nhau tụi bụi, rượt nhau chạy khắp sân, miệng la quang quác, lông lá bay tới tả. Mấy chị gà mái tục tục gọi con, đám gà con lông vàng óng như tơ, quây quần bên gà mẹ, miệng kêu chim chirp. Chị heo nái ục ịt, vừa dẫn đám heo con thiệt dễ thương ột ột

theo sau thiếm út, miệng la eng éc... cứ tái diễn. My chỉ khoái chạy theo chọc mấy chú gà lòi xòe đuôi như đuôi công, rướn cổ có cái mông đỏ chót hót lên cà rớt... cà rớt. Thiệt là nhộn nhịp vô cùng!

Má thương cô ba Bạch vì cô hiền lành, thiệt thà. Má nói là dưỡng ba Hiếu không phải là người tệ bạc lắm đâu. Cao lớn, đẹp trai như một ông tây. Tốt bụng, hay cà rờn nên dễ chiếm cảm tình của người chung quanh. Thương vợ con lắm lắm, chỉ khổ cái là dưỡng có một quả tim hết sức mềm yếu, một tâm hồn nhạy cảm tới đa. Mà cái nghề buôn bán rày đây mai đó, nay Nam Vang mai Sài Gòn, đã đem lại cho dưỡng không biết bao nhiêu là cơ hội... xấu! Một bận ghé cặp bến Nam Vang, dưỡng bị cảm nặng, phải vô nhà thương. Nơi đây dưỡng được đôi bàn tay ngà ngọc của một bà y tá người Việt Nam có cái tên rất đẹp là Minh Nguyệt, mới ngoài ba mươi cái xuân tình, săn sóc tận tâm nên dưỡng mau lành bệnh. Cô Nguyệt vừa lớn tuổi vừa không được đẹp nhưng bù lại có cách nói chuyện duyên dáng, ngọt như đường cát mát như đường phèn. Dưỡng ba hết bệnh nhưng lại đâm ra tương tư cô y tá tốt bụng! Sau khi biết được cô Minh Nguyệt vẫn còn phòng không chiếc bóng, mỗi lần lên Nam Vang dưỡng đều kiếm cơ tới thăm người ơn với rất nhiều quà cáp. Và tài ăn nói duyên dáng, thêm tướng mạo bảnh trai (giữa thế giới người Miên, dưỡng càng nổi bật bội phần!), Cô Minh Nguyệt lỡ thời này còn khuya mới chóng cự nổi. Vậy là một cái tổ uyên ương mới được thành lập trên Nam Vang. Cho đến khi cô Nguyệt sanh thằng Liệt thì sự phản bội này

cũng tới tai cô ba Bạch. Cô ba của My hiền như cục bột, chỉ biết khóc lóc, thở dài than vãn, chớ cái mực đánh ghen thì bù trất! Hơn nữa tình địch ở tuốt trên Nam Vang, phần cô, cả đời chưa bước chun ra khỏi cái quận Cao Lãnh, nói chi...?! Chợ Cái Dầu cách Cao Lãnh non hai chục cây số, nhưng thời đó chèo ghe đi cả buổi mới tới, nên hằng năm cô chỉ về thăm ông bà nội đôi ba lần. Mấy lần sau này thấy con gái mặt mày héo úa như lá mùa thu, người ngòm cứ teo tóp dần, bà nội theo tra mãi, cô mới thú thật chuyện tệt hại của dưỡng Hiếu. Bà nội lật đật đem chuyện này báo cáo khẩn với ông nội. Tất nhiên là sấm sét nổi dậy đùng đùng. Gì chớ ông nội cưng con gái số một. Ông liền khăn đóng áo dài, hét gia nhân hạ thủy ghe hầu, chèo một mạch lên Cái Dầu quyết hỏi tội thẳng rể bất nghĩa. May cho dưỡng ba Hiếu đang ở trên Nam Vang, nếu ở nhà dám được ông tía vợ tặng cho vài hèo! Ông nội My tuy người nhỏ thó, đen đũi, nhưng tiếng nói vang dội như chuông đồng. Cặp mắt sáng quắc, nhìn ai như muốn soi thấu tim gan người đó. Ông tự biết mình xấu xí nên hay kể một giai thoại về mình một cách thú vị:

- Hồi đó mới cưới bà của bây. Gia đình bà bên Mỹ Hiệp, phía bên kia bờ sông Cái, thuộc tỉnh Long Xuyên. Bữa phở bái tao đưa bà về nhà gái bằng ghe. Tới bến bà lên trước, tao còn đang rửa chun dưới sông thì có tiếng hỏi:

-Ủa chị Châu mới đi hả. Ảnh đâu?

Bà bây trả lời ảnh còn đang rửa chun dưới bến. Hai bà đứng nói chuyện lát giáp một hồi thì tao lên tới. Thấy tao bà kia kêu lên:

-Trời, bộ chồng chị đó hả?!

Nghe cái tiếng Trời hoảng hốt đó tao nghĩ chắc là mình xấu dữ lắm! Kể xong ông cười ha hả. Không một chút mặc cảm. Bởi tuy xấu xí nhưng ông rất thông minh, giỏi chữ Nho và hốt thuốc cũng khá mát tay nên rất được bạn bè cùng thời kính nể. Ông cố của My giàu nhưng sáu ông con trai không được bảnh trai gì cho lắm. May mắn đầu óc vốn sáng suốt, ông lý luận rằng phải cưới dâu thiệt đẹp, nhà nghèo cũng được, cho đám hậu sanh nhờ. Mà phải công nhận là ông có lý tuyệt đối, vì sau này My có mấy bà cô họ đẹp nổi tiếng trong tỉnh nhà. Bà nội đẹp lộng lẫy. Ông nội cũng phải thốt lên:

- Tao đứng với bà bây không khác nào phụng đứng với gà!

Sau khi trình bày tự sự với ông bà xuôi và được ông bà này hứa hẹn sẽ giải quyết mọi chuyện cho thiệt tốt đẹp, ông nội yên chí lớn, hân hoan ra về. Nhưng ở đời đâu phải chuyện gì mình muốn cũng được? Cô Minh Nguyệt cho ra đời thêm một đứa con gái là con Thanh Trúc. Đến nông nổi này thì thật là tức nước vỡ bờ. Ông nội lại khăn đóng áo dài trở lên Cái Dầu lần nữa, nhưng lần này ông cương quyết bắt con gái về, kèm thêm hai đứa cháu ngoại chưa lập gia đình là chị Liên và anh Đông. Nhà ông bà nội rộng mênh mông. Ông bà chia hẳn cho má con cô ba cánh bên trái, bên phải thuộc về gia đình chú út với đám con bốn đứa. Cô ba Bạch vốn yếu đuối lại hiền như cục đất, không quen việc buôn bán như má của My, nên đành sống nhờ vào huê lợi của ông bà nội. Vườn dừa bát ngát, gần trăm gốc soài đủ loại, cam, quít, vú sữa, mận... cùng vài

LỖ DỖ

*Ngày ấy gặp em, tôi vẫn nhớ
Em nhìn tôi đôi mắt u sầu
Lòng tôi xao xuyên, chùng hơi thở,
Đông điện tơ tình đã quện nhau.*

*Đôi mắt huyền em đầy sức sống
Gây mê qua tiềm lực thôi miên
Tôi yêu nhưng biết tình vô vọng
Hoàn cảnh người yêu đã lỡ duyên!*

*Lỡ rồi! Tiền kiếp chẳng cùng nhau
Đành để tình ta hẹn kiếp sau
Mình cứ yêu mình trong giấc mộng
Giữ nguyên hình ảnh đẹp ban đầu.*

*Giây phút thần giao thực lạc lòng
Dù xa vạn dặm vẫn như không
Tuông tui là cách truyền tâm cảm
Để giữ lời yêu trọn thủy chung.*

HÀ BÌNH TRUNG

Virginia

trăm mẫu ruộng cho tá điền mướn, ông bà nội dư sức nuôi cô con gái thiếu may mắn của mình. Về vấn đề vật chất không có gì phải lo, nhưng ở cô, My vẫn thấy có một cái gì đó không bình thường. Chẳng hạn như có bữa má sai My đem cho cô con cá lóc, gặp cô ngồi bất động, mắt dõi về một hướng xa xăm nào đó. My kêu cô, cô mấy tiếng cô mới giật mình trở về hiện tại, mà cặp mắt

đỏ hoe, như người vừa mới khóc! My thấy thương cô dễ sợ... Thân thể cô càng ngày càng gầy gò, cặp mắt thật sâu. Khi cô cười, người đối diện lại có cảm tưởng là cô mếu!

My nhớ cái Tết, vài tháng sau khi cô ba trở về ở với ông bà nội, dưỡng Hiếu có đến xin đón vợ con về Cái Dầu. Không biết hai người nói với nhau những gì, mà ông nội nổi giận dùm dùm, xách ba ton rượt chàng rể chạy có cờ! Dưỡng phóng vô phòng cô ba đóng chặt cửa, mặc kệ ông già vợ đứng bên ngoài chửi ối xả! Sau vụ đó dưỡng Hiếu trở lên Nam Vang ở luôn với cô Minh Nguyệt và sanh thêm con Thanh Hương...

Cũng từ đó cô ba sống lặng lẽ như một cái bóng, mặt lúc nào cũng buồn rười rượi! Má thương hoàn cảnh bất hạnh của cô nên giúp đỡ đủ thứ. Ông nội giận cá chém thớt, không muốn cho anh Đông đi học tiếp. Nhưng má thấy anh thông minh nên cứ theo năn nỉ và cuối cùng ông cũng bằng lòng cho anh xuống chợ Cao Lãnh, rồi sau này lên Sài Gòn tiếp tục học lên... Anh Đông thông minh, chịu khó nên học đâu đậu đó. Có điều với cái đầu óc non nớt ngày đó, My cảm thấy cái thế giới của người lớn sao mà rắc rối quá chừng chừng! Không rắc rối sao được? Có ai giải thích cho My hiểu tại sao ông nội có phòng nhì thì được, mà dưỡng ba Hiếu thì không? Ông chẳng có ba người con riêng là gì? Cô Kiều lại giống ba My như đúc nữa mới là lạ! My có hỏi má, nhưng bị nạt ngang:

-Thôi, chuyện người lớn, con nít biết gì mà hỏi. Ông nội nghe được bị đồn nứt đất!

My đành âm ức ôm cái đầu hỏi to tướng đó trong lòng! Sau cùng chịu không thấu

My đem “vấn đề” này ra hỏi thằng Lâm, con chú út. Con nhỏ nghĩ nó lớn hơn mình hai tuổi, chắc nó “rành đời” hơn. Ai ngờ, sau khi thộn mặt ra tới mấy phút, nó gãi đầu gãi tai, ấp úng:

-Thì... chắc tại... chắc tại ổng là ông nội. Ông nội lớn nhất nhà, ổng muốn làm cái gì mà không được! Mà thấy có ai dám la ổng không nè?

Nghe thì cũng có lý, nhưng con nhỏ vẫn cảm thấy dường như dưỡng ba Hiếu bị ông nội... đi!

Còn một điều cho tới bây giờ My vẫn thắc mắc, đó là trường hợp anh Đông. Suốt quãng đời thơ ấu cho đến lúc lập gia đình, anh đã từng chứng kiến cảnh cô đơn, sự đau khổ tột cùng của mẹ, mà ngay cả bản thân anh cũng bị ảnh hưởng lây. My tin chắc như bấp là sau này anh sẽ hết sức tránh, không đi theo con đường đầy gai góc của ba anh. Nên khi anh cưới chị Nga, mỗi năm đều đặn cho ra đời một nhóc tí, tổng cộng hai gái một trai, mọi người đều tưởng anh chị tràn đầy hạnh phúc. Ngờ đâu một bữa đẹp trời, chị đi taxi vô cư xá Chí Hòa kiếm My, lúc đó vừa mới lập gia đình. Vừa khóc tí tê chị vừa kể lể:

- Thiệt không ngờ em ơi! Lúc mới lấy nhau, anh đã thề với chị là sẽ không bao giờ tơ tưởng đến một người đàn bà nào khác, khi đã chứng kiến nỗi đau khổ của má ảnh hồi xưa. Vậy mà mới đây có người cho chị biết là ảnh tò tí với con Hân. My hỏi «con Hân» là ai, thì chị cho biết đó là một đồng nghiệp dạy cùng trường với anh Đông. Mà đâu phải mới mẻ gì, cả mấy năm rồi đó em... Bạn bè ảnh ai cũng biết hết trơn, chị đâu có đi với ảnh thường nên đâu có hay!

Trời đất ơi, coi cái mặt ảnh hiền khô, mà không ngờ lòng dạ lại xấu xa như vậy! Chị nấc lên thảm thiết:

- Nếu anh Đông bỏ chị chắc chị chết mất My ơi!

Trước cái tin sét đánh này, My lặng người ngồi im như bị trời trồng. Cái ông anh bề ngoài coi rất ư là đạo mạo, học trò và cả đám em út đều sợ một phép này không ngờ cũng... đa tình ra phết! Nhớ lại tình cảnh buồn hiu hắt của cô ba Bạch ngày xưa, bây giờ lại nghe chị Nga đòi chết, bỗng dưng My thấy tức giận anh Đông hết sức! Nhưng khi nhìn chị Nga khóc lóc mặt mũi tèm lem, áo quần xốc xếch. Mái tóc chắc hẳn cả năm nay chưa từng được thợ uốn tóc đụng tới, bị chị túm lại bằng sợi dây thun. Cái miệng lại méo xệch trông càng xấu tệ! Bỗng dưng My có ý nghĩ nếu là đàn ông, trước cái hình ảnh kém phẩm mỹ này chắc mình cũng phải dùng hạ sách... bỏ của chạy lấy người! Tuy chỉ là một ý nghĩ len lén trong đầu, My cũng cảm thấy mắc cỡ với bà chị dâu đang đau khổ và đang cầu cứu tới mình.

Thuở còn con gái, chị Nga cũng được liệt vào hạng trung bình. Là con gái duy nhất trong một gia đình rất tôn cổ. Chị nghỉ học sớm, hằng ngày lui thủ ở nhà lo việc nội trợ với mẹ. Chị không được có bạn. Ông già phán:

- Bạn bè nhiều chỉ tổ đưa đòi rồi sanh hư!

Anh chị lấy nhau do mối lái. Anh Đông giống dưỡng ba, cao lớn, trắng trẻo, đẹp trai. Anh yêu một người con gái cùng học Quốc gia Sư phạm dưới anh một lớp. Những tưởng ra trường sẽ làm đám cưới, nhưng vào một ngày nắng đẹp tương bình, phượng

nở đỏ rực khắp nơi, em lên xe hoa về với một anh Bác sĩ quân y lon lá đầy mình! Anh Đông ôm hận và từ đó nhìn các cô con gái đẹp bằng một cặp mắt rất ư là thiếu thiện cảm. Khi có người làm mối chị Nga, má My cũng đốc vô:

- Nghe tao đi, cái nét đánh chết cái đẹp con à. Chỉ cần nó hiền, giỏi nội trợ. Nó con một chắc chắn người ta sẽ cưng rể như con ruột.

Anh Đông nghe bùi tai nên hoan hỉ nhận lời. Mấy năm đầu My thấy anh chị cũng hạnh phúc ra rít. Nhưng có điều tai hại là chị Nga không có lấy một người bạn thân, nên thiếu quân sư trong lãnh vực thẩm mỹ. Ba đứa con lần lượt ra đời, chị bận túi bụi nên cũng lơ là việc điểm trang. Tới đứa thứ ba là con Duyên thì chị đã có khuynh hướng trở thành một bà... nái xề! Vốn thiếu chiều cao nên càng ngày chị càng giống cái hột mít lùn. Nhiều khi đến thăm anh chị, thấy chị Nga mặc những bộ quần áo trong nhà nhăn nhéo, màu sắc tối tăm, tóc tai u xù My còn thấy nản lòng chiến sĩ hướng chi... Không có thói quen đến chỗ đông người nên chị hay lấy cớ ở nhà với con, để anh Đông đi tiệc tùng một mình. My đã nhiều lần cảnh cáo, nhưng với bản chất thật thà, lại tin tuyệt đối vào lời hứa (quên bảo chứng) của ông chồng yêu... quỉ, nên chị chỉ cười tùm, không coi lời cảnh cáo của My ra gì. Bữa nay được trốn My cần nần:

- Phải chi chị chịu nghe lời em từ trước thì đâu đến nỗi này.

Chị Nga đưa đôi mắt đăm lẹ nhìn My áo não:

-Thì tại... chị đâu có dè!

Đang bực, My cũng phát tức cười khi nhớ lại cách đây đã mấy mươi năm, có lần ông nội quát um trời:

-Từ đây tao không muốn nghe đứa nào nói trước mặt tao cái câu con đâu có dè. Bậy cứ «dè» trước đi, rồi cái sự “đâu có dè” sẽ không khi nào xảy tới! Ông nội ơi, ông có lý quá chừng chừng!

Bây giờ My chỉ biết ôm vai chị Nga vỗ về:

-Tối nước này chị phải nghe em. Thay đổi toàn diện may ra còn lôi kéo được ảnh trở về. Để em đưa chị đến bà thợ may của em. Bà này cố vấn thì cứ yên chí lớn. Em thấy chị cũng rất cần tới thẩm chú Sồi, thợ uốn tóc “ruột” của em nữa đó. Chị biết thẩm mỹ viện Thanh Thảo hôn? Để em lấy hẹn cho chị đến làm mặt. Mà em nói thiệt với chị nghe, một trăm người đàn ông thì có tới chín mươi chín ông rưỡi thích cặp tay với người đàn bà đẹp. Nếu có ông nào nói ngược lại thì một: hấn là tên xạo như thế giới, hai: hấn mắc bệnh kiết lỵ!

Chị Sơn tròn mắt không hiểu:

- Tại sao lại bị kiết lỵ?

My cười ngặt nghẹo:

-Thì tại hấn không thích chi tiền cho vợ “bảo trì” dung nhan chớ sao! Rồi My làm bộ vênh váo:

- Bộ chị tưởng ai cũng được ông Trời ban cho một dung nhan nghiêng nước nghiêng... thùng như em sao chớ? Ai cũng khen em đẹp hơn bà Chung Vô Diễm hết đó nghe!

Đang rầu thú vị ruột, chị Nga cũng bật cười, đấm thùm thụp vô lưng My:

- Cô này thiệt. Phá chị không hà!

My ngưng cười, lấy giọng nghiêm trang:

- Từ nay chị làm ơn nhìn chút thì giờ đi đây đi đó với anh. Chớ tối ngày chị cứ ru rú ở nhà, anh muốn làm trời làm đất gì chị cũng đâu có biết. Mỡ cứ nhử trước miệng mèo... Có mặt chị, đố «con» nào dám chàng ràng bên anh. À mà chị đừng quên anh của em tuổi Mẹo đó nghe... Mèo vốn thích ăn vụng. Chị biết hôn, em là đàn bà mà lúc nào trang điểm, mặc quần áo đẹp, nhìn vô gương em cũng còn thấy khoái nữa là... Chị cũng đừng quên, người đời bao giờ cũng đánh giá bộ vó bề ngoài!

Nghe em chồng “lãnh đạo” tới đâu chị Nga gật đầu lia lia tới đó. Rồi sau khi đã tốn cả lít nước mắt, chị Nga ra về, lòng tràn trề hy vọng. My nhìn theo chị đầy thương cảm. Tội nghiệp những người đàn bà vừa thiệt thà lại kém nhan sắc! My tuy không phải chim sa cá lặn gì, nhưng bù lại tánh tình chỉ không... hiền như Ma Sơ thôi, nên ông xã còn chưa dám hó hé, dòm ngàng liếc dọ. Nhưng suy đi nghĩ lại, cái chuyện các ông mê gái đẹp cũng không đúng hẳn. Ngày xưa cô ba của My nhỏ nhắn, trắng trẻo, đẹp, hiền hậu, lại còn sanh cho dưỡng ba một đàn con, vậy sao dưỡng vẫn mê dấm mê duối cô Minh Nguyệt? Trong khi cô này đen thui đen thui, béo tròn béo ục. Trường hợp ông nội cũng lạ. Nếu bà không sanh con cho ông thì không nói làm chi, dẫu này bà cho ra đời bảy trụ, ông nuôi mệt nghỉ, vậy mà ông cũng còn cố “bảo trợ” thêm má cô Kiều. Bà này vốn con gái của một tá điền làm ruộng cho ông Cố. Về nhan sắc thì có thể nói chưa tới gót chùn bà nội của My. Còn chú Tăng có tiệm hàng xén ngoài chợ Vàm nữa, bỏ bà vợ lớn với

ba đứa con trai bên Mỹ Hiệp, khăn gói qua mượn theo bà nhỏ qua lập nghiệp bên này bờ sông. Mà phải chi bà nhỏ tiên sa phụng lộn gì cho cam. Mặt đã rỡ hoa mè lại con dữ như bà chẳng! Tối ngày nằm đưa đưa con gái ẹo uột trên võng, miệng sai chú làm không kịp thở. Vậy mà có ai nghe chú mở miệng than tiếng nào đâu?!

My suy nghĩ mãi cũng không thể nào hiểu nổi cái bí mật kinh khủng này! Thiệt là kỳ hết sức. Những bí mật cả mấy triệu năm của đám khủng long, những bí mật hàng mấy ngàn năm của Kim Tự Tháp Ai Cập, rồi ngay cả mấy cái hành tinh xa lắc xa lơ như Mặt trăng, Hỏa tinh, Thiên Vương Tinh... cũng từ từ bị khám phá ra hết. (Trước dư luận quốc tế, My xin phép được phản đối những khám phá này, vì cô Hằng Nga và chú Cuội thân thương của My đã bị các nhà khoa học vĩ đại này ám sát không một chút tiếc thương!). Duy chỉ còn cái bí mật của trái tim các đấng mày râu. Mặc cho các nhà tâm lý đại tài, các Bác sĩ tâm thần lừng danh tha hồ mổ xẻ, nghiên... kiu, phân tách, tìm tòi vân vân... và... vân vân. Tốn hàng triệu tấn giấy mực, hàng triệu lít nước miếng để bàn cãi... rốt cuộc cũng vẫn không bật mí nổi! My lắc đầu thở ra: Thôi nghĩ ngợi nhiều quá chỉ tổ nhức đầu. My ráng giúp chị Nga dành lại trái tim của anh Đông. Được thì tốt, còn thất bại thì My cũng đành đổ thừa cho hai chữ số mạng chớ biết sao giờ! Nhưng My cũng vái trời Phật, tổ tiên phù hộ cho chị Nga được nhiều may mắn hơn cô ba của My ngày xưa... Ôi, thân phận đàn bà!

TIỂU-THU (Canada)

Mua Vui Với Truyện KIỀU

LÊ THƯỜNG

Đoạn Trường Tân Thanh tức Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du là một áng văn chương tuyệt tác của nền văn học Việt Nam, được phổ cập sâu rộng trong mọi tầng lớp dân gian, từ trí thức cho đến bình dân. Sở dĩ được như vậy là vì ngoài giá trị độc đáo của văn chương, Truyện Kiều còn gói ghém những thực trạng xã hội với những tình tiết tâm lý éo le khiến người đọc có thể tìm thấy đâu đó trong Truyện Kiều hoàn cảnh và tâm trạng của chính mình rồi ngâm lên cho khuây khỏa nỗi lòng. Chẳng hạn như chúng ta, những kẻ đang sống nơi đất khách quê người bèn mượn hai câu Kiều để gói gắm tâm trạng nhớ nước, thương nhà:

*Đoái trông muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.*

Còn những kẻ chán ngán thể thái nhân tình, gác kiếm sống như một ẩn sĩ, xa lánh cõi trần ô trọc đầy gió tanh mưa máu rồi ngâm hai câu Kiều lấy để ký thác tâm sự mình:

*Từ nay khép cửa phòng thu,
Chẳng tu mà cũng như tu mới là.*

Hay trong thời chiến tranh, người chồng đi chinh chiến ở chiến trường xa, người chinh phụ ở lại quê nhà chẵn đơn gối chiếc, đêm đêm nhìn ánh trăng tưởng nhớ đến chồng rồi ngâm lên hai câu:

*Vàng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*

Hoặc những kẻ bị thất tình nhiều lần, yêu lần nào cũng dang dở cho nên vì tình mà tâm hồn điên đảo, vì tình mà áo nảo tâm can rồi chán đời, hận đời bèn mượn hai câu Kiều để chửi đời:

*Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!*

Cụ Nguyễn Du và nữ sĩ Hồ Xuân Hương chửi đời mà không thô tục. Cụ Tố Như thì “Chém cha cái số hoa đào. Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!”. Còn nữ sĩ Hồ Xuân Hương thì: “Chém cha cái kiếp lấy chồng chung. Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng.”.

Cái triết lý mà cụ Nguyễn Du gói gắm trong Truyện Kiều là thuyết “Tài mệnh tương đố” cho nên cụ mở đầu tập Truyện Kiều bằng hai câu:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

Đôi khi những người có tài cũng khôn
khổ lắm vì “*Chữ tài liền với chữ tai một vần*”
hay “*Tài tình chi lắm cho trời đất ghen*”.

Truyện Kiều là một áng văn chương
tuyệt tác, vì thế không những người ta đọc,
người ta ngâm những vần thơ tuyệt tác này
mà người ta còn làm thơ vịnh Kiều, đố Kiều,
lấy Kiều, bói Kiều...

Vịnh Kiều:

Nhiều nhất là thơ vịnh Kiều của tao
nhân mặc khách và nổi tiếng hơn cả là một
bài tổng vịnh và 20 bài thơ “Vịnh Kiều” của
cụ Chu Mạnh Trinh. Về vịnh Kiều có ba
phái, phái khen Kiều như Chu Mạnh Trinh.
Còn phái chỉ trích Kiều thì có Nguyễn Công
Trứ và phái trung dung như Tấn Đà v...v...

Xin trích đăng một vài bài trong “Thanh
Tâm Tài Nhân Thi Tập” của Chu tiên sinh:

*Cuốn ngó rèm xuân trải mấy sương,
Sắc tài chi lắm để làm gương!
Công cha bao quản liều thân thiếp,
Sự nước xui nên phụ nghĩa chàng.
Cung oán ni non đàn bạc mệnh,
Duyên may dun rui lưới Tiền Đường.
Hai bên vện cả tình cùng hiếu,
Dem bắc đồng cân đáng mấy vàng.
(Chu Mạnh Trinh)*

Và sau đây một bài khác cũng của cụ
Chu Mạnh Trinh:

*Thằng bán tơ kia giờ mới ra,
Làm cho bận đến cụ Viên già.
Muốn êm phải biện ba trăm lạng,
Khéo xếp nên liều một chiếc thoa.
Đón khách mượn màu sơn phấn mụ,
Bán mình chuộc lấy tội tình cha.
Có tiền việc ấy mà xong nì,
Đời trước làm quan cũng thế a?*

Trong khi Chu Mạnh Trinh hết sức bênh
vực Kiều thì Nguyễn Công Trứ lại nghiêm
khắc lên án Kiều nào là mắt nét, nửa đêm lên
sang nhà Kim Trọng rồi lấy hết Mã Giám Sinh
đến Thúc Sinh, Từ Hải..., trong vòng 15 năm
lưu lạc đã làm vợ không biết bao nhiêu người:

*Đã biết má hồng thời phận bạc,
Trách Kiều nhi chưa vẹn tám lòng vàng.
Chiếc quạt thoa đành phụ với Kim lang,
Nặng vì hiếu, nhẹ vì tình thôi cũng phải.
Từ Mã Giám Sinh cho đến Từ Hải,
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu.
Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu?
Mà bướm chán, ong chường cho đến thế!
Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa,
Đọa trường cho đáng kiếp tà dâm!
Bán mình trong bấy nhiêu năm,
Đố đem chữ hiếu mà làm được ai.
Nghĩ đời mà ngán cho đời!
(Nguyễn Công Trứ)*

Còn cụ Tam Nguyên Yên Đổ cũng mỉa mai Thúy Kiều và cười Kim Trọng cố tình nhạt cánh hoa tàn đã lấm bùn như:

*Kiều nhi giấc mộng thật nên cười,
Tình dậy xuân xanh quá nửa rồi.
Số kiếp bởi đâu mà lận đận?
Sắc tài cho lắm cũng lồi thoi.
Cành hoa vườn thúy duyên còn bén,
Ngọn nước sông Tiền nợ chẳng xuôi.
Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi,
Khăng khăng vót lấy một phần đui.
(Nguyễn Khuyến)*

Và phái trung dung:

*Giọt nước Tiền Đường chẳng rửa oan,
Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan.
Lòng tơ còn vương chàng Kim Trọng,
Gót ngọc chưa phai chốn thủy quan.
Nửa giấc đoạn trường tan gói điệp,
Một dây bạc mệnh đứt cầm loan.
Cho hay những kẻ tài tình lắm,
Trời bắt làm gương để thế gian.
(Phạm Quý Thích dịch)*

Cũng thuộc phái trung dung, Tản Đà vịnh Thúy Kiều hầu rượu Hồ Tôn Hiến:

*Tiếng súng ân tình bốn mặt ran,
Tướng quân chi tiếc cánh hoa tàn.
Đôi hàng nước mắt, đôi làn sóng,
Nửa đám ma chồng, nửa tiệc quan.
Tổng Đốc vì thương người bạc mệnh,
Tiền Đường chưa chắc mã hồng nhan.
Trơ trơ nắm đất bờ sông nợ,
Hồn có xa nghe mấy tiếng đàn.*

(Tản Đà)

Cũng về vịnh Kiều, còn có một giai thoại lý thú với quan án sát Từ Đạm ngày trước, giai thoại được truyền tụng như sau:

Một hôm lính hầu có bắt giam một thư sinh nông cuồng. Đêm đã về khuya mà chàng thư sinh cứ ngâm Kiều vang dội. Lính canh la mắng bắt im, nhưng chàng thư sinh cãi lại rằng: “Quan lớn ra lệnh tổng giam, chứ có ra lệnh cấm ngâm Kiều đâu?”. Sự cãi cộ ồn ào làm mất giấc ngủ của quan án, quan truyền giải chàng thư sinh lên hầu. Thấy nói là học trò biết chữ nghĩa lại thích ngâm Kiều, quan án bèn ra lệnh phải làm một bài thơ vịnh Kiều, nếu bài thơ hay thì sẽ được tha tội và thưởng cho ba quan tiền, còn nếu bài thơ dở sẽ bị đánh đòn ba roi, bắt trở lại nhà giam và phải ngâm miệng không được ngâm nga gì nữa.

Quan án sát ra đầu đề: “Vịnh thân thế nàng Kiều”. Chàng thư sinh suy nghĩ một lát rồi ứng khẩu đọc bài vịnh như sau:

*Khóa cửa phòng xuân để đợi chờ,
Mà em mất nét tự bao giờ.
Chàng Kim mê gái công đeo đẳng,
Viên ngoại chiều con chết ngắt ngo.
Nợ trước hẹn hò con dĩ Đạm,
Duyên sau gặp gỡ bố cu Từ.
Mười lăm năm ấy bao nhiêu sướng,
Còn trách làm chi chủ bán tơ.*

Đáng chú ý là hai câu thơ:

*Nợ trước hẹn hò con dĩ Đạm,
Duyên sau gặp gỡ bố cu Từ.*

Hai câu này thật tài tình, câu trước nói lên việc Thúy Kiều viếng mã Đạm Tiên trong tiết Thanh Minh, còn câu sau tả lúc Kiều gặp gỡ Từ Hải. Nhưng hai câu thơ ấy lại ghép tên quan án sát Từ Đạm, với danh xưng là “con đi Đạm” và “bố cu Từ”. Tuy vậy quan án Từ Đạm với tinh thần một nhà nho trọng lời hứa nên phải nuốt giận khen bài thơ hay, thưởng chàng thư sinh ba quan tiền và ra lệnh tha chàng thư sinh “ngông” thích ngâm vịnh Kiều.

Còn trong dân gian thì có cái thú “Đố Kiều”, tức là đặt ra những câu đố nhiều khi rất hiểm hóc về truyện Kiều để thử thách xem người đọc có thật thuộc, thật nhớ về Kiều hay không.

Ngày xưa, nhất là vào những ngày xuân người ta có các hội vui để hai bên nam nữ hát đố nhau về truyện Kiều thật hào hứng và trước khi đó, cả hai phe nam nữ đồng hát lên những câu hát trống quân để tăng phần trữ tình:

*Một đàn cò trắng bay chung,
Bên nam, bên nữ ta cùng hát lên.
Hát lên một tiếng linh đình,
Cho loan sánh phượng, cho mình sánh ta.*

Những câu đố Kiều trong dân gian còn truyền tụng như sau:

*NỮ ĐÓ:
Truyện Kiều anh đã thuộc lòng,
Đố anh kể được hai dòng toàn nô?*

*NAM ĐÁP:
Này chồng, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.*

*NỮ ĐÓ:
Truyện Kiều anh thuộc đã thông,
Đố anh kể được hai dòng toàn nho?*

*NAM ĐÁP:
Hồ công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên binh hậu, khắc cờ tập công.*

*NỮ ĐÓ:
Truyện Kiều anh thuộc từ lâu,
Đố anh đọc được một câu **mười người?***

*NAM ĐÁP:
Hai bên **mười vị tướng quân,**
Đặt gươm, cỡi giáp trước sân khấu đầu.
(Lúc Từ Hải sai binh sĩ rầm rộ đến đón Kiều)*

*NỮ ĐÓ:
Truyện Kiều anh thuộc đã nhiều,
Đố anh đáp được câu Kiều **ngàn năm?***

*NAM ĐÁP:
Anh hoa phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.*

*NỮ ĐÓ:
Truyện Kiều anh thuộc đã lâu,
Đố anh đọc được hai câu hết Kiều?*

NAM ĐÁP:
Lời què chấp nhật đông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

NỮ ĐÓ:
Truyện Kiều anh thuộc từng vản,
Đó anh kể được ba lần **trăm năm**?

NAM ĐÁP:
Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Rằng **trăm năm** cũng từ đây,
Của tin gọi một chút này làm ghi.
Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không.

NỮ ĐÓ:
Truyện Kiều anh thường đọc luôn,
Đó anh kể được, **bốn buồn, bốn khi**?

NAM ĐÁP:
Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt nước một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
(Tả cảnh buồn lúc Kiều ở Lầu Ngưng Bích)
Và:
Khi tựa gối, **khi** cúi đầu,
Khi vò chín khúc, **khi** chau đôi mày.

NỮ ĐÓ:
Truyện Kiều anh thuộc đã nhiều,
Đó anh kể được câu Kiều **mười cho**?

NAM ĐÁP:
Làm **cho cho** một **cho** mê,
Làm **cho** đau đớn é **chê cho** coi!
Đã **cho** lấy chữ hồng nhan,
Làm **cho cho** hại, **cho** tàn, **cho** cân!

Từ này giờ phe nữ đó phe nam và phe nam đã đối đáp trôi chảy, mạch lạc, suông sẻ. Để tiếp tục mua vui bằng trò chơi trữ tình, bây giờ đến phiên phe nam đó phe nữ:

NAM ĐÓ:
Thấy em hay đọc truyện Kiều,
Cho nên anh hỏi mấy điều xem sao.
Kiều Vân em chị thế nào?
Tuổi ai hơn kém, má đào giới giang?

NỮ ĐÁP:
Hỏi chi ngoắt ngoéo hỏi chàng?
Thúy Kiều là chị rõ ràng hẳn hoi.
Hai người cùng vẽ sinh đôi,
Chàng xem trong truyện, chàng thời hiểu ra.
Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Hai người một tuổi, một năm,
Lấy đâu hơn kém mà thăm hỏi dò?
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
Cho nên bạc mệnh ai mà chẳng hay!

NAM ĐÓ:
Thúy Kiều sao tẻ lắm thay,
Phụ lòng Kim Trọng, nước mây sao đành?
Cầu Lâm chàng đoái chút tình,
Hàm oan những để một mình chịu riêng.
Uổng công thuê Lãm, Thúy Hiên,
Uổng công thề thốt chẳng nên việc gì!

NỮ ĐÁP:
Thực chàng vụng nghề chẳng suy!
Thau đồng lẫn lộn, bắc chày chưa tinh.
Thúy Kiều là bậc bi kinh,
Chàng Kim cũng bậc trâm anh con nhà.
Có đâu ép liễu nài hoa,
Có đâu tang bọc như là ai kia.
Bời chung gia biến trăm bề,
Bán mình trăm lạng đền nghè muôn chung.
Dở dang duyên phận vợ chồng,
Đó là tại bởi tơ hồng cột trêu,
Áu là cũng tại ông xanh,
Vẽ ra cho đủ mọi vành mà chơi.
Sự tình em đã kể rồi,
Xin chàng suy nghĩ liệu lời khen chê!

Phe nữ đối đáp cũng tron tru sông sẽ không thua gì phe nam, chứng tỏ phe nữ cũng thuộc Kiều rành mạch. Để tiếp tục cuộc chơi, phe nữ đối tiếp phe nam, lần này các nàng ra quân bằng các câu đố càng hiểm hóc hơn với những lời hứa hẹn đong đưa trữ tình:

NỮ ĐÓ:
Đầu Kiều có một chữ **nhô**,
Anh mà giải được em cho làm chồng,

Giữa Kiều có một chữ **thông**,
Anh mà giảng được bé bông em đi.
Cuối Kiều có một chữ **chi**,
Anh mà đáp được em thì cho không.

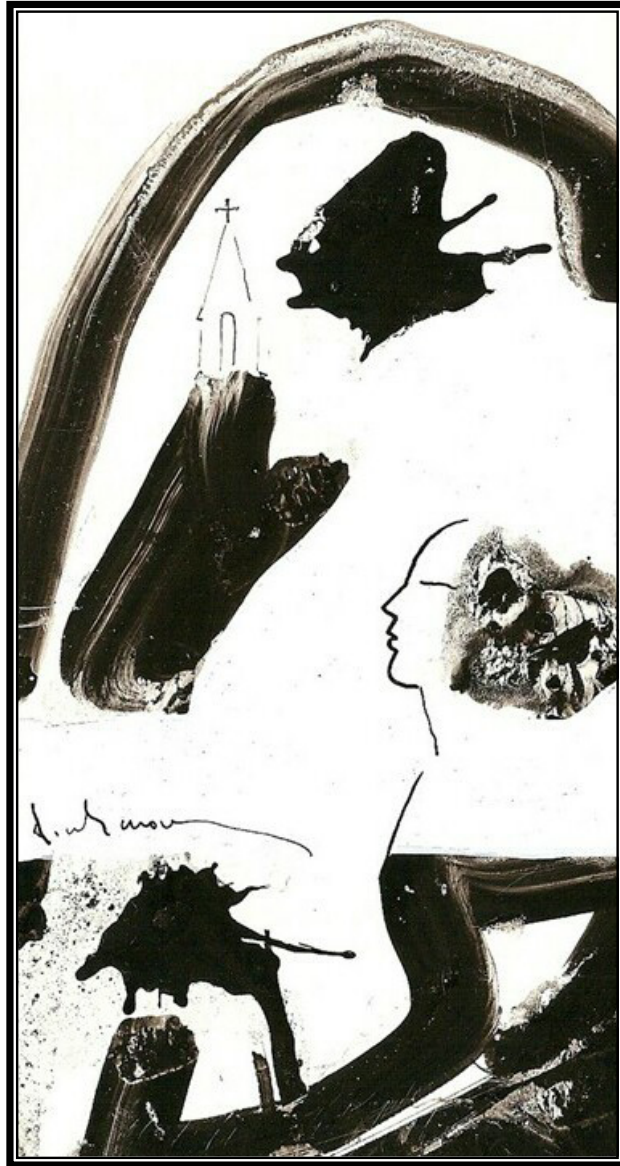
NAM ĐÁP:
Đầu Kiều nói đến nho phong,
Vương Quan là chữ nổi dòng **nhô** gia.
Giữa Kiều cũng đã nghĩ ra,
Như anh giảng được em là của anh.
Đêm ngày một mực giầu quanh,
Rày lần mai lửa như hình chưa **thông**.
Cuối Kiều cũng đã nghĩ xong,
Em đừng hối hận đổi lòng mà sai.
Có tài mà cậy **chi** tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Em ơi bước lại cho gần,
Một lời em hứa thánh thần chứng tri...

Thi hào Nguyễn Du đã để lại cho hậu thế không những một áng văn chương tuyệt tác mà còn những thú vui tao nhã nữa. Tuy thế, Tố Như tiên sinh đã viết trong hai câu kết của Đoạn Trường Tân Thanh một cách thật khiêm nhường:

Lời quê chấp nhật dồng dãi,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

Kính chúc quý độc giả Năm Mới Vui Tươi – An Khang – Thịnh Vượng

Lê Thương
Richmond - Virginia
Xuân 2008



Tranh ĐÌNH CƯỜNG

SÔNG HƯƠNG

CÓ MỘT

Sông Hương có một người con gái
tuổi thơ đã ướp bằng xa ngái
cái xa của biển dặt diu mây
ngái của con đò khoan nhật mái

Chao ôi, xa ngái nói khôn cùng
bằng lãng hoàng hôn lung linh lung
(hoàng hôn bằng lãng trên sông nước
lạnh gấp mười đêm tối mịt mùng)

Khởi tự ngàn xa, tận ngút ngàn
trở mình, con nước hóa Hương giang
dòng êm đềm ấy nghe thơm ngát
như quện hương từ dãy núi Lam

Và lau và lách nữa, trời ơi
nổi lách lau trong điệu hát Hời
sông chảy về đâu không biết nữa
đôi bờ lau lách ngó sông trôi

Cô gái sông Hương cô gái đẹp
bởi vì đôi mắt chờ khơi vơi
lớn lên trong cõi sâu xưa khép
mái tóc thề buông một ráng trời

VI KHUÊ

ONE BY THE PERFUME RIVER

By the Perfume there once was
A maiden who grew up impressed
By floating clouds marching over the wide sea
By a lone boat pedaled by a steady oar

How! We can't bound the mind's eye
Seeing scintillating brightness of a sunset
(A sunset shining on the river's surface
Ten times colder than a pitch-dark night)

From the distant mountain, far far away
Turning, the stream turned into the Perfume
This stream was peaceful, graceful and sweet
Carrying the fragrance of Mount Lam

And reeds and cattails, oh yes
That they sung of in the land of Champa
Whither it flowed I knew not
Both banks of reeds watched it flow

The maiden of the Perfume, a beauty
For her eyes carried some vast depth
Growing up with an ancient secret grief
Her shoulder-length hair in the tint of dawn
alighted

TNH

FALL OF THE EVENING STAR

Kenneth Patchen

(1911-1972)

American

Speak softly; sun going down
Out of sight. Come near me now.

Dear dying fall of wings as birds
Complain against the gathering dark...

Exaggerate the green blood in grass;
The music of leaves scraping space;

Multiply the stillness by one sound;
By one syllable of your name...

And all that is little is soon giant,
All that is rare grows in common beauty

To rest with my mouth on your mouth
As somewhere a star falls

And the earth takes it softly, in natural love...
Exactly as we take each other... and go
to sleep.

SAO HÔM RƠI RỚT

Kenneth Patchen

(1911-1972)

Hoa Kỳ

Hãy nói nhẹ thôi; mặt trời đang lặn
Và biến mất rồi. Gần với anh ngay.

Trong ánh chiều rồi chim muông hai cánh
Than van vì trời nên tôi nên nói...

Nắm thêm màu xanh trong máu của còi
Và tiếng lá cỏ nhỏ như tờ trời;

Hãy tăng tiếng yên bằng một âm sắc;
Trong nỗi yên em, cần một âm thôi...

Và rồi cái nhỏ thành vô cùng lớn,
Cái hiếm hoi thành của mọi người

Ngủ yên với miệng anh trên miệng em
Khi tờ nào nói một ánh sao rơi

Và nhất nhò nhiên tình yêu tiếp nhận...
Nùng khi mình cùng... tiếp nhận...
ngủ say.

KIM VŨ

(dịch)

XUÂN THỦY TIÊN

Một năm dài nhung nhớ
Đón em về cùng với Chúa Xuân
Thủy Tiên ơi! Trong ngọc trắng ngần
Thiếu vắng em, xuân không còn linh diệu.

Vấn nuốt nà từng cánh hoa yếu điệu
Vấn thanh tao e ấp dáng mỹ nhân
Vấn cao sang suối tóc đượm tình xuân
Vấn dấm say đôi mắt huyền u uẩn
Thủy Tiên ơi! Nhụy tim vàng vương vấn
Tấm lòng vàng... nơi Phật ngự tòa sen
Hương từ đâu... nhẹ tỏa... tự nơi em
Hương thơm ngát, ôi, mùi thơm tinh khiết
Thanh - Sắc - Tâm, Thủy Tiên em...
diễm tuyệt

Lá đoan trang ôm gọn cả trời xuân
Lá nhẹ nhàng uốn lượn sóng thanh tân
Vườn Thượng Uyển chập chờn đôi bướm trắng
Hoa - Kiều nữ - hay uyên ương tung cánh
Em thực hư, huyền ảo, Thủy Tiên ơi!
Đôi mắt nhung thu hút sắc mây trời
Tay ngà ngọc, em xoay vần vũ trụ

Em như hoa, như tờ vương... quyến rũ
Kết thành duyên cùng với ý thơ
Cho thi nhân khai bút mộng mơ
Trên hoa tiên họa hình em. . . Kiều Hạnh!

NGUYỄN LÂN

LE MAGIQUE PRINTEMPS DE THUY TIEN

Passée mon année nostalgique
Tu m'es revenue comme une déesse de Printemps
Ô Thủy Tiên! Sans tes milles éclats de perle
-Sans Toi- mon printemps ne sera plus magique.

Eclatante dans chaque pétale de fleur
Pure comme un amour éternel
Vogue dans le parfum, le ruisseau de tes cheveux
Tes yeux de velours m'ennivrent de mystères.
Ô Thủy Tiên! Ton coeur d'or de nénuphars
M'ensorcelle dans ce monde céleste
Comme tout n'appartient ... qu'à Toi
Remplis-moi ton doux ciel de feuillage
Léger et féerique jusqu'à l'horizon lointain.
Dans ton jardin secret, s'aiment les papillons
Jaloux des cigognes amoureux des vents,
Comme ce doux mirage romantique.
De tes yeux voluptés, garnis ce ciel toujours clair,
De tes doigts nacrés, crée cet univers unique.

Tu es ma narcissie si rare
Qui se marie avec mes poèmes immortels
Laisse toujours ma plume rêver
Et graver ton coeur au nom des fleurs.

Paroles: **DIỄM-HOÀ**

D'après le poème "Xuân Thủy Tiên" de
NGUYỄN LÂN

HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỎ THƠM



Tại bàn sách báo chợ Tết Mậu Tý của Tổ Hợp Xuất Bản Cảnh Nam: Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Huy Long, Trương Anh Thụy. **Hình ảnh: PHẠM BÁ VINH**

HỌP MẶT TẾT MẬU TÝ TẠI TÒA SOẠN CỎ THƠM Hình ảnh: PHẠM VĂN TUẤN



Nguyễn Lâm, Đặng Nguyên, Lê Thương, Tạ Quang Trung, Ngô Tăng Giao, Huy Lãm.

LOVE, STILL

Don't tell me you no longer Love
When the world turns
The sun rises
The sky's blue
The cloud's flowing.

Don't tell me you no longer Love
When the birds sing
The flowers spring
And the wind's blowing

Don't tell me you no longer Love
When the sun still rises
The sky's still blue
Your eyes still bright
And your smiles still on your shining face.

YEN VI YVETTE SPRINGFIELD



Nguyễn Lâm – Diễm Hoa



Phan Anh Dũng - Tâm Hảo



(Đàm Xuân Linh – Tuyết Trinh)



Diễm Hoa



Từ trái: Nhạc sĩ Huy Lãm và phu nhân, Biên khảo gia Nguyễn Văn Thành và phu nhân, Thi sĩ Bùi Thanh Tiên, Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung.



Phan Anh Dũng, Nguyễn Lân, Trương Anh Thụy, Kiều Nga, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hồng Yến, Diễm Hoa.



Tuyết Trinh, Tâm Hảo, Diễm Hoa, Hoàng Cung Fa, Đàm Xuân Linh, Bạch Mai.



Hoàng Cung Fa, Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Đàm Xuân Linh.



Kiều Nga, Ngọc Dung, Hoàng Dung, Nguyễn Lân, Diễm Hoa, Nguyễn Huy Long, Phạm Bá Vinh.



Phương Nga, Kiều Nga, Nguyễn Quốc Khải, Bé Mai, Nguyễn Thủy, Bé Thủy R., Kelly, Nguyễn Thị Ngọc Dung.

CƠ SỞ VĂN HỌC CỎ THƠM

11 623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA

Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196

Email: dsenser@yahoo.com

ĐÃ XUẤT BẢN

TAM CẢ NGUYỆT SAN CỎ THƠM (Từ năm 1996)

VÙNG CAO NƯỚC AN (1999) - Thơ LƯU NGUYỄN ĐẠT

ĐIỂM TRANG LÀM ĐÁNG CUỘC ĐỜI (1999) -

Thơ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

ÁO MÀU XANH (1999) - Thơ CAO MỸ NHÂN

TRẮNG NHỚ ĐÊM RẪM (2000) - Thơ BÙI THANH TIÊN

NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc NGÔ THY VÂN

TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của HỒ TRƯỜNG AN

VĂN LUẬN (2000) - LƯU NGUYỄN ĐẠT

VĂN KHẢO (2000) - TRẦN BÍCH SAN

MỘT THOÁNG MÁY BAY (2001) - Tập truyện NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

HỒN NƯỚC (2002) - Thơ LƯU NGUYỄN ĐẠT

BÊN DÒNG THẠCH HẦN (2002) - Thơ PHAN KHÂM

SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện NGUYỄN LÂN

HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của HỒ TRƯỜNG AN, CAO MỸ NHÂN,

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, PHAN KHÂM, VĂN NƯƠNG,

TRẦN QUỐC BẢO, VI KHUÊ, HUỆ THU, NGÔ TẮNG GIAO.

VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ HỒ TRƯỜNG AN

ĐÁ KHÔ DÒNG LỆ (2004) - Thơ ĐẶNG NGUYỄN

HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005) - Thơ VIỆT BĂNG

GIAI THOẠI VĂN CHƯỞNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Băng,

Đư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam,

Trần Bích San, Tiêu Thu.

DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - PHAN KHÂM

NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

NÃO NỨC HƠI TRẮNG RẪM (2007) - Bút khảo - HỒ TRƯỜNG AN về các tác giả

Mộng Tuyết Thất Tiên Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Trương Anh Thụy,

Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.

THƠ TÌNH HOÀNG TRUNG DƯƠNG (2007)

KHÚC VỎ THANH (2008) - 90 bài thơ - BÙI THANH TIÊN.



US\$5.00